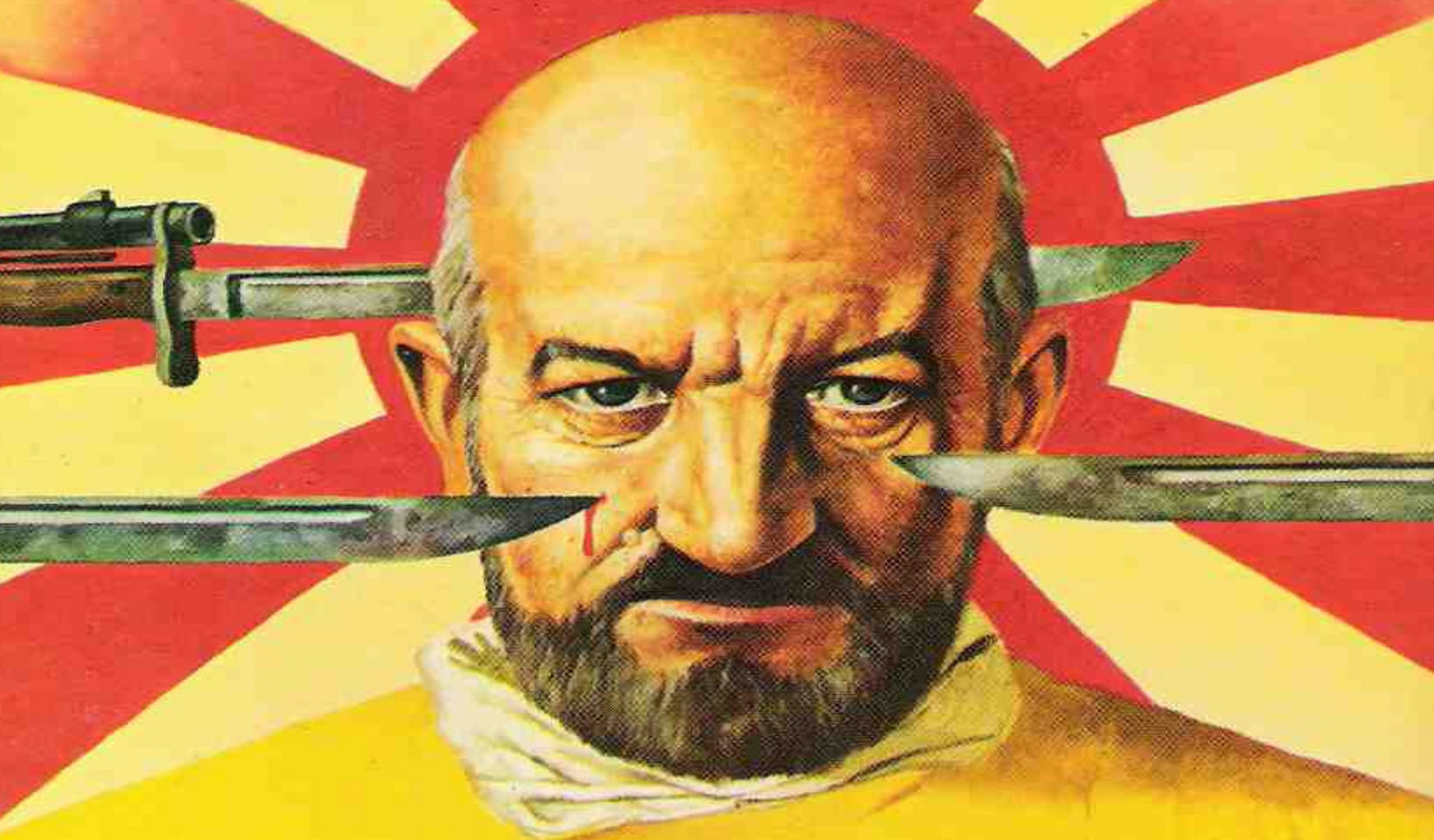


LOBSANG RAMPA
DOCTOR FROM LHASA
BÁC SỸ TỪ LHASA



Dịch giả: Emil Group
Email: Emilgroup.net@gmail.com

MỤC LỤC

VỀ TÁC GIẢ

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

CHƯƠNG I: VÀO XỨ LẠ

CHƯƠNG II: TRÙNG KHÁNH

CHƯƠNG III: HỌC Y KHOA

CHƯƠNG IV: LÁI MÁY BAY

CHƯƠNG V: BÊN KIA CỬA TỬ

CHƯƠNG VI: THÁU THỊ

CHƯƠNG VII: CHUYẾN BAY ĐAU THƯƠNG

CHƯƠNG VIII: KHI THẾ GIỚI CÒN NON TRẺ

CHƯƠNG IX: NGƯỜI TÙ BINH CỦA QUÂN NHẬT

CHƯƠNG X: PHÉP THỎ

CHƯƠNG XI: BOM

VỀ TÁC GIẢ

Tuesday Lobsang Rampa tự nhận mình là linh hồn một vị Lạt ma người Tây Tạng đã mượn tạm xác của một người Anh tên là Cyril Hoskin (8 tháng 4 năm 1910 - 25 tháng 1 năm 1981). Cái tên Tuesday (thứ Ba) liên quan đến lời ông kể rằng các quý tộc người Tây Tạng được đặt tên theo ngày mà họ sinh ra.

Vào tháng 11 năm 1956, cuốn sách đầu tiên với tựa đề *The Third Eye* (*Con mắt thứ ba* hay *Tây Tạng huyền bí*) được xuất bản ở Anh. Cuốn sách kể lại những kinh nghiệm của ông khi lớn lên trong một tu viện ở Tây Tạng từ năm lên bảy tuổi. Tựa đề cuốn sách liên quan đến một cuộc phẫu thuật trên trán để mở ra con mắt thứ ba làm tăng cường khả năng nhìn hào quang của ông.

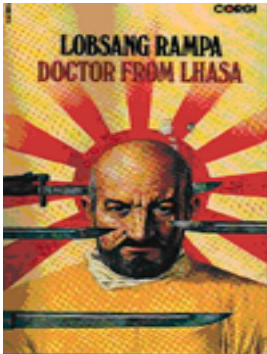
Trong cuốn *The Rampa story* (*Câu chuyện của Rampa*) và *Doctor from Lhasa* (*Bác sĩ từ Lhasa*), ông kể rằng thân xác ông đã bị hủy hoại nặng nề vì những đòn tra tấn của phát xít Nhật nên đã mượn xác của Cyril Henry Hoskin để viết ra những cuốn sách ký tên là Lobsang Rampa. Ông Cyril là một người thợ sửa ống nước, sau khi hồn của Tu sĩ Bác sĩ Rampa nhập vào mới bắt đầu viết những cuốn sách về Tây Tạng.

Các sách viết bởi tác giả T. Lobsang Rampa

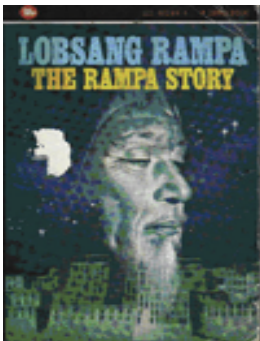


Con mắt thứ ba hay **Tây Tạng Huyền bí** - (*The Third Eye* - Lần đầu xuất bản năm 1956). Đây là cuốn sách đầu tiên, một cuốn tự truyện về cuộc hành trình của một thanh niên trẻ để trở thành một vị Lạt ma y tế và trải qua phẫu thuật để mở con mắt thứ ba. Chúng ta có được cái nhìn thoáng qua về cuộc sống trong lạt ma viện ở Tây Tạng và hiểu biết sâu sắc về kiến thức tâm linh. Cho đến thời điểm này cuộc sống trong các lạt ma viện ở Tây Tạng vẫn chưa được biết đến, ngay

cả với một số ít người đã thực sự viếng thăm Tây Tạng. Lobsang đã vào tu viện Chakpori ở Tây Tạng và được học những điều bí mật nhất của khoa học Tây Tạng bí truyền và nhiều điều hơn nữa.

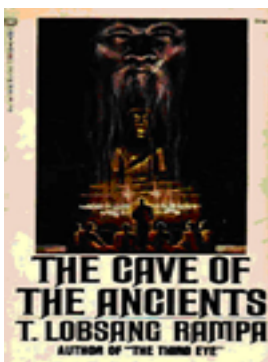


Bác sĩ từ Lhasa - (Doctor from Lhasa - Lần đầu xuất bản năm 1959) câu chuyện tiếp tục với việc Lobsang rời Lhasa và sống ở Trùng Khánh, Trung Quốc. Ở đây, ông đẩy mạnh nghiên cứu y khoa, học lái máy bay và cuối cùng bị người Nhật bắt và tra tấn. Lobsang trải qua thời gian rất dài sống trong trại tập trung, làm việc như các nhân viên y tế chính thức cho đến ngày ông trốn thoát. Lobsang là một trong số rất ít người còn sống sót khi quả bom nguyên tử đầu tiên ném xuống Hiroshima. Trong cuốn sách ông cũng hướng dẫn làm thế nào để sử dụng một quả cầu pha lê cho khoa chiêm tinh và tập thở để cải thiện sức khỏe.

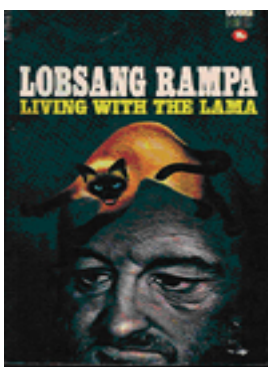


Câu chuyện của Rampa - (The Rampa Story - Lần đầu xuất bản năm 1960), hành trình của Bác sĩ Rampa tiếp tục khi ông đi từ Hàn Quốc vào Nga, qua Châu Âu, đi thuyền sang Mỹ, cuối cùng kết thúc ở Anh. Lobsang bị bắt và tiếp tục chịu đựng sự tra tấn cho đến khi một lần nữa, ông trốn thoát bằng cách lái chiếc xe ô tô sang trọng. Trong cuốn sách này, Lobsang cho biết ông đã mượn tạm thân xác của một người đàn ông người Anh tên là Cyril Henry Hoskins, người mong muốn rời khỏi thế giới này, để tiếp tục nhiệm vụ đặc biệt của mình.

Hang đá của người cổ đại - (The Cave of the



Ancients – Lần đầu xuất bản năm 1963), cuốn sách cho ta một cái nhìn thoáng vào lịch sử đã qua của Trái đất và những cư dân của nó thời đó, những người đã giấu các thiết bị kỹ thuật cao mà cho đến ngày nay vẫn còn bí ẩn. Lobsang cùng với Thầy của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup, đã đến thăm nơi mà công nghệ này được cất giấu và nhìn thấy tận mắt thiết bị tuyệt vời này. Công nghệ này vẫn đang chờ đợi những người có thể sử dụng nó cho lợi ích của nhân loại và thời gian đó đang đến gần.

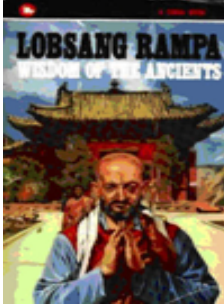


Sống với vị Lạt Ma - (Living with the Lama – Lần đầu xuất bản năm 1964), cuốn sách được một trong những con mèo của Bác sĩ Rampa, Fifi Greywhiskers, đọc cho ông viết bằng ngoại cảm,. Loài vật không cảm như nhiều người nghĩ, chúng ta mới cảm so với tất cả các loài động vật. Tất cả các loài động vật đều có thể giao tiếp thông qua thần giao cách cảm, con người cũng có khả năng này nhưng đã bị ngăn chặn do bản chất xấu xa của họ. Fifi nói về cuộc sống của mình trước khi gặp Bác sĩ Rampa và những cuộc hành trình họ đã cùng bên nhau.

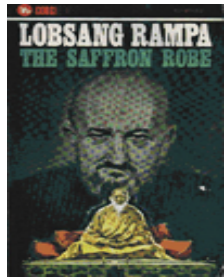


Bạn là mãi mãi - (You Forever – Lần đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách đầu tiên trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Cuối cùng, chân lý! Cuốn sách này giải thích bằng những thuật ngữ đơn giản rõ ràng làm thế nào để bắt đầu học một vài kỹ năng siêu hình và những điều có thể làm, những điều không được làm để đạt được mục tiêu đó. Các nội dung được nói tới gồm du hành bằng thể vía, thần giao cách cảm, thấu thị, hào quang và nhiều hơn nữa.

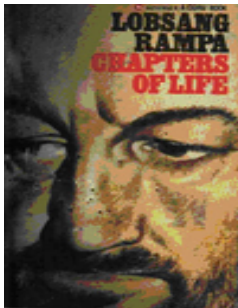
Trí tuệ người xưa - (Wisdom of the Ancients – Lần



đầu xuất bản năm 1965) là cuốn sách thứ hai trong hai cuốn sách tự luyện tập siêu hình học. Trong cuốn sách này Lobsang giải thích ý nghĩa hoặc nhiều từ huyền bí theo một dạng dễ hiểu cho người phương Tây. Nhiều bài tập về thở, về đá, về chế độ ăn kiêng và tại sao bạn không nên tập thể dục.

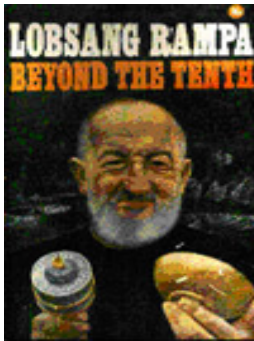


Chiếc áo cà sa - (The Saffron Robe – Lần đầu xuất bản năm 1966) cuốn sách đưa ra nhìn sâu sắc hơn nữa vào cuộc sống của Bác sĩ Rampa trong Lạt ma viện với người Thầy cao quý của ông, Đại Đức Lạt Ma Mingyar Dondup. Nguồn gốc của Phật giáo, với những câu chuyện có thực về Thái tử Gautama, và làm thế nào Ngài trở thành Đức Phật với Tứ diệu đế.

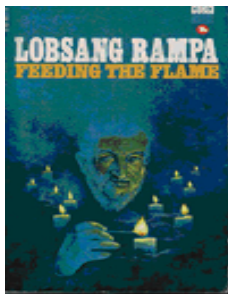


Các chương của cuộc đời - (Chapters of Life – Lần đầu xuất bản năm 1967) Bác sĩ Lobsang nói về các chiều, về các thế giới song song và những lời tiên tri, cung cấp cho người đọc một sự hiểu biết sâu sắc hơn. Tác giả cũng trả lời các câu hỏi về tôn giáo nói chung và Kitô giáo nói riêng. Tôn giáo phục vụ một mục đích mà nhiều người bỏ qua khi chúng ta có thể thấy rõ xã hội và cộng đồng đang ngày càng mục nát.

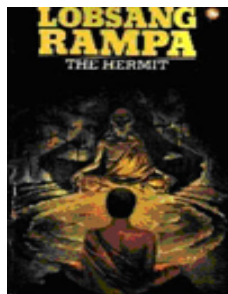
Vượt lên chiều thứ mười - (Beyond the Tenth – Lần đầu xuất bản năm 1969) Cuốn sách gồm những câu hỏi và lời giải đáp đầu tiên này. Bác sĩ Rampa đưa ra lời tư vấn, giảng dạy để chăm sóc cho cơ thể vật chất và tinh thần của bạn, mục đích của cuộc sống, cái chết, tái sinh và UFO. Một vài liệu pháp thảo dược



cho những căn bệnh thông thường. Bác sĩ Rampa cũng hướng dẫn cách bắt đầu cho những người thực sự muốn biết làm thế nào để nhìn thấy hình ảnh hào quang.

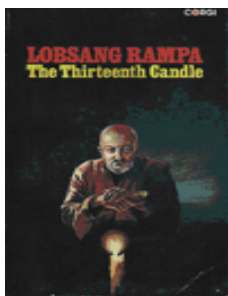


Nuôi dưỡng ngọn lửa - (Feeding the Flame – Lần đầu xuất bản năm 1971) mười cuốn sách đầu tiên đã cố gắng để thắp sáng ngọn nến, nhưng bây giờ chúng ta phải nuôi dưỡng ngọn lửa đó, ngọn lửa của cuộc đời. Nhiều câu trả lời cho những câu hỏi của người đọc. Bằng chứng xác thực về luân hồi bằng cách trích dẫn một ví dụ trong lịch sử và giải thích sự kiện đó một cách chi tiết.

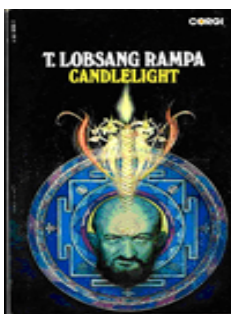


Ẩn sĩ - (The Hermit – Lần đầu xuất bản năm 1971), Bác sĩ Lobsang gặp một ẩn sĩ mù để tiếp tục việc học của mình và phát hiện về những người đầu tiên sống trên trái đất, những người này được gọi là Người Làm Vườn của Trái Đất. Chúng ta không phải là hành tinh duy nhất có người ở trong thái dương hệ này mà cả trong bất kỳ hệ mặt trời và thiên hà nào khác. Một cái nhìn chân thực sâu sắc về nhà tiên tri Moses và Đức Chúa Giêsu Kitô.

Ngọn nến thứ mười ba - (The Thirteenth Candle – Lần đầu xuất bản năm 1972), cuốn sách kể thêm về hành trình trong cuộc đời của Bác sĩ Lobsang. Ông cũng trao đổi chi tiết về vấn đề đồng tính luyến ái, và



cũng đưa vào ý kiến của một người đồng tính. Kỹ thuật thờ và Chân Ngã được giải thích chi tiết hơn và một vài quan niệm sai lầm về Thầy hướng dẫn Tâm linh. Một lần nữa, ông lại đi sâu hơn vào cách du hành bằng thể vía.

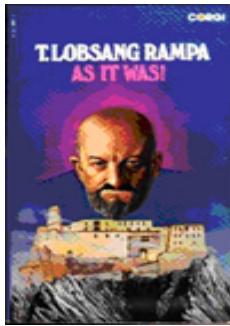


Ánh sáng ngọn nến - (Candlelight – Lần đầu xuất bản năm 1973) trong cuốn sách này Bác sĩ Lobsang cho chúng ta biết về con lắc và làm thế nào để sử dụng chúng. Những biểu đồ hoàng đạo và chiêm tinh học. Ông cũng đưa vào nội dung một cuộc họp trước đó với báo chí – được người bạn thân của ông, ông Alain Stanke, sắp xếp. Trả lời các câu hỏi của người đọc và tập trung nhiều về bí ẩn của cuộc sống.



Hoàng hôn - (Twilight – Lần đầu xuất bản năm 1975) Lobsang giải thích việc du hành bằng thể vía và các cấp độ của nó. Ông chuyển đến ở Calgary và trả lời nhiều hơn về những bí ẩn của cuộc sống và bí ẩn lớn nhất của Trái đất rộng của chúng ta một cách chi tiết hơn. Bác sĩ Rampa giải thích sử dụng con lắc một cách đúng đắn như thế nào, sức mạnh của lời cầu nguyện, hôn nhân và ly dị, phù thủy và sở hữu, và nhiều, nhiều vấn đề khác.

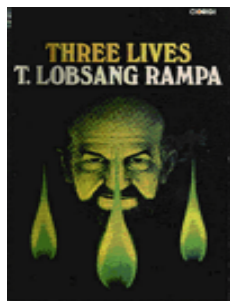
Như đã xảy ra - (As it Was – Lần đầu xuất bản năm 1976) Cuốn sách này tiếp tục câu chuyện về cuộc đời của Bác sĩ Rampa, từ khi ông sống ở Tây Tạng đến những chuyến phiêu lưu trên toàn cầu. Cũng là CÂU CHUYỆN CÓ THẬT - trực tiếp từ phía bên kia - về cuộc đời của Cyril Henry Hoskins trước khi Bác sĩ



Rampa mượn xác Cyril, để giải thích những nhận xét thô thiển rằng ông chỉ là một người thợ sửa ống nước.

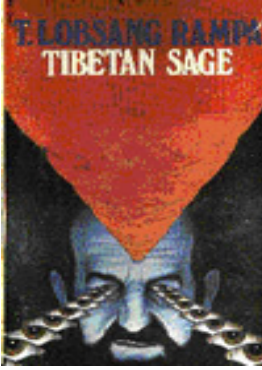


Tôi tin - (I Believe – Lần đầu xuất bản năm 1977) trong cuốn sách này Bác sĩ Rampa nói về một người tự sát, chính xác những gì sẽ xảy ra, và họ sẽ phải trả như thế nào món nợ mà nó có thể trải dài qua nhiều kiếp sống – mỗi một lần điều kiện sẽ trở nên càng khó khăn hơn nếu họ không học hỏi từ những sai lầm của họ. Bất cứ ai dự tính tự tử nên đọc điều này trước khi hành động quyết liệt như vậy. Bên cạnh đó, ông cũng đưa ra cái nhìn về Thượng Đế từ những quan điểm khác nhau, về Phong trào Giải phóng Phụ nữ, nơi phụ nữ bắt đầu đi sai đường.



Ba đời sống - (Three Lives – Lần đầu xuất bản năm 1977), cuốn sách kể về những kiếp sống của ba người rất khác nhau và những gì họ cảm nhận được khi chết tùy theo niềm tin nơi họ. Chúng ta sẽ được dẫn theo từng con đường và thấy cuộc hành trình đưa họ đến đâu, cách tất cả chấm dứt tại cùng một nơi. Trước hết là một người vô thần, thứ hai là một Người Do Thái cải sang những giáo phái khác, cuối cùng một tu sĩ Thiên chúa giáo.

Nhà thông thái Tây Tạng - (Tibetan Sage - Lần đầu xuất bản năm 1980) cuốn sách cuối cùng của Bác sĩ Rampa. Ông nhớ lại những trải nghiệm với Thầy của mình trong ngôi đền bên trong hang động của người



xưa. Thế giới được bắt đầu như thế nào bởi vụ nổ lớn và Big Bang là gì. Giải thích thêm nó diễn ra như thế nào và các tác hại của dầu khí không phải là nhiên liệu hóa thạch. Đây là những lời cuối cùng của Bác sĩ Lobsang trước khi rời trái đất này để không bao giờ quay trở lại vào tháng 1 năm 1981, ở độ tuổi khoảng từ 271 và 306 tuổi.

Tổng hợp bởi Emil Group

Email:

emilgroup.net@gmail.com

Nguồn:

<http://www.lobsangrampa.org>

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TÁC GIẢ

Tôi đã viết quyển *The Third Eye (Con Mắt Thứ Ba)*¹ khi ở nước Anh, quyển sách này được viết theo đúng sự thật, nhưng nó cũng đã gây nên nhiều tranh cãi. Nhiều bức thư được gửi đến từ khắp nơi trên thế giới, và để đáp ứng yêu cầu của các độc giả quan tâm, tôi đã viết tiếp quyển sách này, *Doctor From Lhasa (Bác Sĩ đến từ Lhasa)*.

Những kinh nghiệm của tôi, như sẽ đề cập đến trong quyển sách thứ ba, vượt xa những trải nghiệm mà hầu hết mọi người đã phải chịu đựng, và trong cuộc đời, nếu các trải nghiệm đó có xảy ra đồng thời thì cũng chỉ có một vài trường hợp mà thôi. Dầu sao thì nó cũng không phải là mục tiêu của cuốn sách này, được viết tiếp về tự truyện của tôi.

Tôi là một Lạt ma Tây Tạng đến với thế giới phương Tây để theo đuổi đến cùng vận mệnh của tôi, đến và vượt qua tất cả những khó khăn như đã được tiên tri từ thừa thiếu thời. Thật không may, người phương Tây nhìn nhận tôi như một đồ cổ, một mẫu người cần được đặt trong một cái lồng và trưng bày như một con quái vật đến từ một thế giới không ai biết đến. Điều đó làm cho tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra cho những người bạn cũ của tôi, những Người Tuyết hoang dã, nếu những người phương Tây bắt được họ, và thực tế thì họ đang cố gắng làm điều đó.

Chắc chắn là Người Tuyết sẽ bị bắn, bị nhồi, và trưng bày trong viện bảo tàng. Thậm chí sau đó người ta sẽ tranh luận và nói rằng không có những thứ như Người Tuyết! Đối với tôi rất khó để tin rằng người phương Tây có thể tin vào truyền hình và tàu vũ trụ có thể bay vòng quanh Mặt Trăng và trở về nhưng lại không công nhận Người Tuyết hoặc “Vật thể Bay Không xác định”², tóm lại là bất cứ cái gì mà họ không thể cầm trong tay và xé rách thành từng mảnh để xem nó hoạt động như thế nào.

Nhưng bây giờ công việc khó khăn của tôi là chỉ đưa vào một vài trang các chi tiết của tuổi ấu thơ của mình trước khi viết cuốn sách. Tôi được sinh ra trong một gia đình quý tộc, một trong những gia đình hàng đầu ở Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng. Cha mẹ tôi có nhiều điều để nói về việc lãnh đạo đất

nước, và vì tôi thuộc đẳng cấp cao nên tôi đã được huấn luyện khắc nghiệt phù hợp với vị trí của mình trong tương lai. Sau đó, trước khi tôi lên bảy tuổi, theo tục lệ, các nhà Chiêm tinh của Tây Tạng sẽ cho biết con đường sự nghiệp trong tương lai của tôi. Để chuẩn bị cho sự kiện đó, cha mẹ tôi chuẩn bị một bữa tiệc lớn, các quan khách bao gồm tất cả các quan chức hàng đầu, các nhà quý tộc của thủ đô Lhasa được mời tham dự để nghe các nhà Chiêm tinh quyết đoán về số phận tôi. Cuối cùng thì ngày đó cũng đã đến.

Quan khách kéo đến chật ních trong nhà tôi. Các nhà Chiêm tinh đến với lá số, những biểu đồ và tất cả những thứ cần thiết cho công việc tiên tri của họ. Khi thời điểm thích hợp đã đến, tất cả mọi người tập trung lại với sự phấn khích đặc biệt, vị Thiên Giám Quan Trưởng long trọng tuyên bố phát hiện của mình, rằng khi lên bảy tuổi, tôi cần được vào tu tập trong Lạt ma viện để được thụ huấn như một tu sĩ kiêm y sĩ giải phẫu. Những điều tiên tri về toàn bộ cuộc đời tôi đã được vạch ra, và thực tế, những nỗi đau đớn đã xảy ra đúng như lời tiên tri. Tôi nói “nỗi đau đớn” là bởi vì những thử thách đều là nỗi bất hạnh, gian nan và khổ đau, và cũng không dễ dàng hơn chút nào khi người ta biết trước rằng mình sẽ phải chịu đựng nó.

Tôi lủi thủi cô đơn một mình đi đến tu viện Chakpori khi tôi lên bảy tuổi. Ngay tại cổng vào tôi đã bị giữ lại, và phải trải qua một thử thách để xem liệu tôi có đủ cứng cỏi, mạnh mẽ để theo được những năm tháng huấn luyện tại đây hay không.

Tôi đã vượt qua thử thách và được nhận vào tu viện. Tôi đã trải qua tất cả các giai đoạn từ một tiểu sơ cơ, và cuối cùng tôi đã trở thành một Lạt ma, và Sư trưởng. Y học và giải phẫu là những điểm mạnh đặc biệt của tôi. Tôi đã nghiên cứu về lĩnh vực này với sự khao khát, và tôi đã được hưởng mọi điều kiện thuận lợi trong việc nghiên cứu xác chết. Ở phương Tây người ta tin rằng các Lạt ma Tây Tạng không bao giờ làm bất cứ điều gì với các cơ thể con người theo nghĩa mổ tử thi.

Có quan niệm cho rằng, có vẻ như y khoa Tây Tạng non kém, bởi vì các Lạt ma y tế chỉ điều trị các bệnh bên ngoài chứ không phải các bệnh bên trong cơ thể. Điều đó là hoàn toàn sai lầm. Tôi đồng ý là điều đó đúng với các Lạt ma bình thường, họ không bao giờ mổ một cơ thể, bởi vì điều đó trái ngược

với đức tin của họ. Nhưng có những người đặc biệt trong các số các vị Lạt ma, mà tôi là một trong số đó, những người được đào tạo để thực hiện những ca mổ và những hoạt động đó thậm chí có thể vượt ra ngoài phạm vi hiểu biết của khoa học phương Tây.

Thời gian trước đây, ở phương Tây người ta cho là y học Tây Tạng dạy rằng người đàn ông có trái tim của mình ở bên này, và người phụ nữ có trái tim ở phía bên kia. Không có gì vô lý hơn thế. Thông tin kiểu đó đã được truyền lại cho người phương Tây bởi những người không có kiến thức thực tế về những gì họ đang viết, bởi vì một vài vấn đề được đề cập có liên quan đến thể vía, đây lại là một điều hoàn toàn khác. Tuy nhiên, cuốn sách này không đề cập đến điều đó.

Tôi được đào tạo thực sự chu đáo, bởi vì tôi phải biết không chỉ các môn chuyên ngành về y học và phẫu thuật, mà còn phải học thật tốt tất cả Giáo lý, cũng bởi vì tôi là một Lạt ma y tế, tôi cũng đã phải trải qua các kỳ thi như một tu sĩ được đào tạo đầy đủ theo quy định của tôn giáo. Vì vậy, việc học tập cả hai ngành cùng một lúc là cần thiết, và điều đó có nghĩa là tôi phải học gian khổ gấp đôi một tu sĩ bình thường. Tôi không cho là mình đã làm điều gì đó ghê gớm!

Nhưng tất nhiên, đó chưa phải là tất cả những khó khăn mà tôi đã trải qua. Tôi đã đi tới nhiều vùng núi cao hơn nữa của Tây Tạng—Lhasa ở độ cao trên bốn ngàn thước so với mực nước biển—để thu thập các loại thảo mộc. Nền y học mà tôi được đào tạo sử dụng thảo dược để chữa trị bệnh, và tại tu viện Chakpori, chúng tôi luôn luôn có ít nhất 6,000 loại thảo dược khác nhau được bảo quản trong kho. Người Tây Tạng chúng tôi tin rằng dân tộc chúng tôi biết chữa bệnh bằng thảo dược nhiều hơn bất cứ dân tộc nào khác trên trái đất này. Đến nay, sau nhiều năm trôi qua, tôi đã đi khắp nơi trên thế giới và niềm tin ấy trong tôi càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Trong một số chuyến đi lên vùng núi cao Tây Tạng, tôi đã bay trên những chiếc điều có người lái, bay liệng phía trên những mỏm đá nhọn lờm chờm của những dải núi cao, và tìm kiếm hết dăm này đến dăm khác trên khắp vùng núi. Tôi cũng đã tham gia vào cuộc thám hiểm đáng ghi nhớ tới hầu hết các vùng mà con người hầu như không thể đến được, đến cả Cao nguyên Chang Tang³, miền đất cao nhất của Tây Tạng. Đoàn thám hiểm

chúng tôi còn tìm thấy một thung lũng hẻo lánh ẩm áp nằm giữa những khe nứt trong đá, được sưởi ấm bởi những ngọn lửa vĩnh cửu trong lòng trái đất, những ngọn lửa này làm nước sôi sùng sục trước khi chảy vào dòng sông. Chúng tôi cũng tìm thấy một thành phố rộng lớn, một nửa thành phố nằm trong vùng không khí nóng của thung lũng bị che khuất, và phần còn lại bị chôn vùi dưới dòng sông băng trong suốt. Băng trong đến mức có thể nhìn thấy thành phố như thể nhìn qua làn nước trong vắt vậy. Vùng đất của thành phố đã được tan khỏi băng tuyết gần như còn nguyên vẹn. Thời gian hầu như không làm ảnh hưởng tới các tòa nhà. Nơi đây có không khí nhưng hầu như không có gió, và chính điều đó đã cứu cho các tòa nhà thoát khỏi sự hủy hoại. Chúng tôi đi bộ dọc theo các con phố, nơi mà hàng ngàn, ngàn năm về trước, những con người đầu tiên đã bước trên đó. Chúng tôi đi lang thang, qua các ngôi nhà, mà như thể chúng đang chờ chủ nhân của mình trở về, cho tới khi chúng tôi để ý hơn và nhìn thấy những bộ xương kỳ lạ, những bộ xương đã hóa thạch, và rồi lúc đó chúng tôi mới nhận ra rằng đây là một thành phố chết. Có những thiết bị lạ lùng, điều đó cho thấy rằng thung lũng bí ẩn này đã từng là quê hương của một nền văn minh cao hơn rất nhiều so với bất kỳ nơi nào trên trái đất ngày nay. Nó chứng minh một cách thuyết phục rằng chúng ta bây giờ rất lạc hậu so với người xưa. Trong cuốn sách này, cuốn sách thứ hai của mình, tôi sẽ viết nhiều hơn về thành phố đó.

Khi còn nhỏ, tôi đã trải qua một cuộc phẫu thuật đặc biệt để mở con mắt thứ ba. Một mảnh gỗ cứng đặc biệt, sau khi đã ngâm trong dung dịch thảo dược đặc biệt, được đưa vào giữa trán của tôi để kích thích một tuyến mà nó làm cho tôi tăng khả năng nhìn thấu được cả những cái vô hình. Tôi sinh ra vốn đã có khả năng thấu thị rõ rệt, nhưng rồi sau cuộc phẫu thuật, tôi thực sự khác thường, và tôi có thể nhìn thấy mọi người với hào quang bao quanh họ như thể họ được cuộn trong những ngọn lửa màu sắc bồng bềnh. Từ hào quang của họ tôi có thể đoán được những suy nghĩ của họ, biết được họ ốm vì bệnh gì, những hy vọng và nỗi sợ hãi của họ.

Bây giờ tôi đã rời khỏi Tây Tạng, tôi đang cố gắng thuyết phục các bác sĩ phương Tây về một phương pháp mà nó có thể cho phép các bác sĩ nhìn thấy hào quang của con người. Tôi biết rằng nếu các bác sĩ có thể nhìn thấy hào quang, họ có thể thực sự nhận biết được điều gì đã ảnh hưởng đến sức

khỏe của người bệnh. Bằng cách nhìn vào màu sắc và hình dáng của những dải màu rung động của hào quang, các chuyên gia có thể xác định một cách chính xác người đó đang bị bệnh gì. Hơn nữa, phương pháp này có thể cho biết sớm khi có bất kỳ dấu hiệu nào có thể nhận biết được trong cơ thể vật lý của con người, bởi vì hào quang cho thấy bằng chứng của bệnh ung thư, lao, và những căn bệnh khác nhiều tháng trước khi nó thực sự tấn công vào cơ thể vật lý. Như vậy, bằng cách cảnh báo sớm trước khi khởi phát bệnh, bác sĩ có thể điều trị và chữa bệnh không thể sai lầm được. Tôi thực sự thất vọng và buồn sâu sắc, vì các bác sĩ phương Tây hoàn toàn không quan tâm. Họ cho rằng đó là ma thuật, chứ không phải theo ý nghĩa hoàn toàn bình thường. Bất cứ một người kỹ sư nào cũng biết rằng dây điện cao áp có vầng hào quang xung quanh. Cơ thể con người cũng vậy, nó cũng chỉ là một điều rất đổi bình thường về khía cạnh vật chất mà tôi muốn chỉ ra cho các chuyên gia, nhưng họ từ chối. Đó là một bi kịch. Sẽ có lúc họ phải nhìn nhận nó, nhưng bi kịch là ở chỗ từ giờ cho tới khi các nhà khoa học thay đổi cách suy nghĩ sẽ còn nhiều người phải chịu đau đớn và bị chết một cách không cần thiết.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba là người bảo trợ của tôi. Ngài đã ra lệnh dành cho tôi mọi sự hỗ trợ cần thiết trong đào tạo và truyền đạt kinh nghiệm. Ngài yêu cầu tôi cần phải được thụ huấn tối đa có thể, bằng cách giảng dạy trực tiếp, cũng như bằng phương pháp thôi miên và các phương pháp khác nữa mà tôi sẽ không đề cập đến trong cuốn sách này. Một số phương pháp được đề cập đến trong cuốn sách này, hoặc trong cuốn sách Con Mắt Thứ Ba. Những phương pháp khác còn mới lạ, và không thể tin được với trình độ nhận thức của khoa học hiện nay.

Nhờ có năng lực thấu thị, tôi đã trợ giúp cho Đấng Thái Tuế trong nhiều dịp. Tôi đã ẩn mình trong căn phòng để làm sáng tỏ những suy nghĩ và ý định thực sự của một người thông qua việc quan sát hào quang của họ. Điều này đã được thực hiện để xem xét lời phát biểu và suy nghĩ của một người, đặc biệt khi họ là các chính khách nước ngoài đến thăm Đức Đạt Lai Lạt ma. Tôi đã ẩn mình quan sát phái đoàn Trung Quốc khi họ được Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ Mười ba đón tiếp. Tôi cũng đã ẩn mình quan sát khi một người Anh đến gặp Ngài, nhưng lần này, tôi suýt nữa thì không hoàn thành

nhiệm vụ chỉ vì tôi hết sức ngạc nhiên khi lần đầu tiên nhìn thấy trang phục kỳ lạ của người khách Châu Âu.

Chương trình huấn luyện kéo dài đầy gian khổ. Tại tu viện, các buổi lễ và giờ học mà chúng tôi phải tham dự kéo dài suốt đêm cũng như trong suốt cả ngày, không cho chúng tôi được ngủ yên tĩnh. Chúng tôi cuộn chăn và nằm ngủ trên sàn. Các thầy giáo rất nghiêm khắc, chúng tôi học tập, nghiên cứu và ghi nhớ mọi điều trong óc. Chúng tôi không ghi chép trong sách vở, mà phải đảm bảo ghi nhớ mọi điều. Tôi được đào tạo một cách toàn hảo các môn huyền vi, nghiên cứu sâu về thần nhãn, về sự di chuyển của thể vía, về thần giao cách cảm.

Trong giai đoạn khởi đầu, tôi đã được đến thăm các hang động và đường hầm bí mật bên dưới cung điện Potala, nơi mà những người bình thường không được biết đến. Chúng là những di tích của một nền văn minh lâu đời mà hầu như đã rơi vào quên lãng, và trên các bức vách là những vết tích, nhưng hình vẽ của những vật bay trong không gian, và những vật đi dưới mặt đất. Trong khoảng thời gian khác, tôi nhìn thấy cơ thể những người khổng lồ được bảo quản cẩn thận, một người cao mười feet, người khác cao mười lăm feet⁴. Tôi cũng đã đi qua bên kia cửa tử để biết rằng không có sự chết, và khi tôi trở về dương thế tôi được công nhận là một hóa thân, được mang danh hiệu Sư trưởng. Nhưng tôi không muốn làm hòa thượng, trói buộc vào một lạt ma viện. Tôi muốn trở thành một vị lạt ma, tự do đi đây đó, giúp đỡ mọi người, như lời tiên tri mà tôi đã biết. Vì vậy, tôi được mang danh hiệu Lạt ma theo lệnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma và cũng nhờ Ngài, tôi trở nên gắn bó với cung điện Potala. Thậm chí sau đó, tôi được đào tạo tiếp, tôi được dạy về nhiều khoa học phương Tây, về quang học và những chuyên ngành liên quan khác. Nhưng rồi cũng đến lúc tôi được gọi vào nhận lệnh của đức Đạt Lai Lạt Ma.

Ngài nói với tôi rằng, tôi đã được học tất cả những gì tôi có thể học ở Tây Tạng, đã đến lúc tôi cần phải lên đường, để lại đằng sau tất cả những gì mà tôi yêu thương, tất cả những gì mà tôi quan tâm. Ngài nói rằng tôi là một sứ giả đặc biệt được gửi đến Trùng Khánh để học về y học và giải phẫu học tại thành phố này của Trung Quốc.

Con tim tôi đau đớn khi bái biệt đấng Thái Tuế, và đến gặp Thầy của tôi, Đức Lạt Ma Mingyar, để nói với Người về quyết định của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sau đó, tôi đến nhà cha mẹ tôi cũng để nói với họ về những gì đã xảy ra và tôi sẽ rời khỏi Lhasa. Những ngày cuối cùng trôi qua, và rời ngày lên đường đã đến, tôi rời khỏi tu viện Chakpori, lần cuối cùng nhìn Đại Đức Mingyar trong thân xác nơi trần thế và tôi đi theo con đường ra khỏi thành phố Lhasa, thành phố linh thiêng, trên đỉnh cao tột của truong núi. Và khi quay đầu nhìn lại phía sau, tôi nhìn thấy một cánh diều đơn chiếc đang bay lượn trên nóc điện Potala.

CHƯƠNG I: VÀO XỨ LẠ

Trước đây chưa bao giờ tôi cảm thấy lạnh lẽo, vô vọng và khốn khổ như vậy. Thậm chí khi ở trên vùng đất hoang tàn trên cao nguyên Chang Tang tôi còn thấy ấm cúng hơn bây giờ, nơi đó cao trên sáu ngàn mét so với mực nước biển, nơi mà những cơn gió mang bụi cát và đá sỏi, lạnh dưới không độ quất vào và cắt đứt bất cứ chỗ da thịt nào bị hở ra; Cái lạnh nơi đây không đau đớn như cái buốt lạnh đáng sợ tôi đang cảm thấy trong tim lúc này. Tôi đang rời xa Lhasa yêu quý của tôi. Khi tôi ngoảnh nhìn lại, vẫn còn nhìn thấy đằng sau tôi một vài nóc nhà vàng son của cung điện Potala, và phía trên chúng, một cánh diều đơn chiếc nhỏ xíu đang bay lượn theo làn gió nhẹ như muốn nói, “Tạm biệt, những ngày bay trên cánh diều của bạn đã qua rồi, đã đến lúc lên đường vì những nhiệm vụ quan trọng hơn”.

Đối với tôi, cánh diều là một biểu tượng, cánh diều sẽ luôn bay lên cao trên bầu trời xanh bao la rộng lớn, nhưng nó luôn được nối với căn nhà yêu thương bằng một sợi dây mỏng. Tôi đang đi đến thế giới bao la bên ngoài Tây Tạng, nhưng vẫn luôn được kết nối với quê hương bằng sợi dây tình yêu của tôi đối với Lhasa. Tôi đang đi đến thế giới lạ lùng và khủng khiếp bên ngoài vùng đất Tây Tạng tràn đầy bình an của tôi. Tôi thực sự đau buồn khi quay lưng lại với quê nhà và cùng với những người bạn, chúng tôi đi ngựa đến xứ sở xa lạ rộng lớn. Họ cũng chẳng vui vẻ gì, nhưng họ được an ủi vì biết rằng sau khi để tôi ở lại Trùng Khánh, cách xa quê nhà hơn một ngàn dặm⁵, họ có thể trở về nhà. Họ sẽ trở về, và trên hành trình đó họ có niềm an ủi lớn lao vì biết rằng mỗi bước đi sẽ mang họ về gần nhà hơn. Còn tôi sẽ phải tiếp tục đến với những miền đất và với những con người xa lạ, với những kinh nghiệm hoàn toàn mới.

Khi lên bảy tuổi, tôi đã được tiên tri trước rằng tôi sẽ vào một tu viện Lạt ma giáo và được đào tạo, trước tiên là để trở thành một chú tiểu, sau đó là một tu sĩ, và rồi đến lúc thích hợp tôi sẽ trải qua kỳ thi của một Lạt ma. Từ lúc đó, các nhà chiêm tinh cho biết, tôi sẽ rời khỏi Tây Tạng, rời khỏi gia đình và để lại đằng sau tất cả những gì mà tôi yêu thương để lên đường tới nơi mà chúng tôi gọi là Trung Quốc man rợ.

Tôi sẽ đến Trùng Khánh và nghiên cứu để trở thành một bác sĩ và bác sĩ phẫu thuật. Theo các nhà tiên tri, tôi sẽ bị cuốn vào cuộc chiến và trở thành một tù nhân của một dân tộc kỳ lạ, và tôi sẽ phải vượt qua mọi sự căm dỗ, mọi khổ đau để mang sự giúp đỡ đến cho những ai cần. Họ còn tiên tri rằng cuộc đời tôi sẽ rất khó khăn, rằng những khổ đau và bội bạc sẽ không ngừng đến với tôi. Sao mà đúng vậy!

Thế là với những ý nghĩ ấy trong đầu – không vui vẻ chút nào – tôi động viên mình tiếp tục tiến lên phía trước.

Để giữ gìn, ngay khi vượt ra ngoài tầm nhìn của Lhasa, chúng tôi xuống ngựa và cho chúng nghỉ ngơi, phải đảm bảo là yên ngựa không buộc quá chặt, nhưng cũng không được lỏng lẻo. Những con ngựa là những người bạn thủy chung của chúng tôi trong suốt chuyến đi, và chúng tôi cần phải chăm sóc chúng ít nhất cũng phải như chăm sóc bản thân mình. Bằng cách đó, những con ngựa đã được thoải mái, chúng tôi lại lên ngựa, hướng thẳng về phía trước và lên đường.

Đó là đầu năm 1927 khi chúng tôi rời khỏi Lhasa và đi chậm chạp đến Chotang bên bờ sông Brahmaputra. Chúng tôi đã thảo luận nhiều về tuyến đường đi phù hợp và theo con đường gần dòng sông và Kanting, như đã được hướng dẫn là con đường phù hợp nhất. Brahmaputra là con sông tôi biết rõ, tôi đã có dịp may mắn được bay trên một trong những thượng nguồn của nó nằm trong phạm vi dãy Hymalaya, trên một cánh diều do người lái. Chúng tôi, những người Tây Tạng, dành cho dòng sông lòng tôn kính, nhưng không giống với lòng tôn kính ở những nơi khác. Con sông chảy hàng ngàn cây số trước khi đổ ra vịnh Bengal, nó được coi là thiêng liêng, thiêng liêng gần như Benares vậy.

Chính dòng sông Brahmaputra, như chúng tôi được nghe nói, đã tạo ra vịnh Bengal. Trong những ngày đầu lịch sử, dòng sông chảy rất siết và sâu, và nó đổ gần như dốc thẳng đứng từ trên đỉnh núi, nó xối sạch những nền đất mềm và tạo ra một cái vịnh tuyết vùi, lừng danh.

Chúng tôi đi theo dòng sông, chảy qua núi đi vào Tây Khang. Ngày xưa, những ngày hạnh phúc khi mà tôi còn rất nhỏ, Tây Khang còn thuộc về Tây Tạng, nó là một tỉnh của Tây Tạng⁶. Sau đó, người Anh tấn công vào Lhasa. Rồi đến lượt Trung Quốc, được khích lệ bởi cuộc xâm lăng thành

công của người Anh đã chiếm đóng Tây Khang. Với âm mưu giết người, họ tấn công vào vùng đất đỏ của đất nước chúng tôi, chúng giết người, hãm hiếp và cướp bóc, và rồi chúng đã sát nhập vùng đất Tây Khang của chúng tôi vào vùng đất của Trung Quốc.

Chúng tổ chức chính quyền do người Trung Quốc cai quản, các viên chức là những người bị mất sự ủng hộ, che chở ở nơi khác đã bị đưa đến Tây Khang như một sự trừng phạt. Thật không may cho họ, chính quyền Trung Quốc đã không hỗ trợ họ, nên họ phải tự quản lý theo cách tốt nhất mà họ thể làm. Chúng tôi thấy rằng, các quan chức Trung Quốc chỉ là những con rôi, những kẻ bắt lức không nơi nương tựa, những người Tây Tạng cười vào mũi chúng. Tất nhiên, lúc đó chúng tôi giả vờ tuân theo các quan chức Trung Quốc, nhưng đó chỉ là phép xã giao. Sau lưng họ, chúng tôi làm theo cách riêng của mình.

Chúng tôi đi liên tục từ ngày này qua ngày khác. Chúng tôi tạm nghỉ giữa chừng tại một lạt ma viện, nơi chúng tôi có thể nghỉ qua đêm. Vì tôi là một Lạt ma, là một Sư trưởng, một vị Hóa thân, nên chúng tôi được các nhà sư cai quản tu viện đón tiếp trọng thị. Hơn nữa, tôi đang đi dưới sự bảo trợ của đức Đạt Lai Lạt ma, nên điều đó thực sự được quan tâm đến một cách đậm đà hơn.

Chúng tôi đang trên đường đến Kanting. Đây là thị trấn buôn bán rất nổi tiếng, nó nổi tiếng về buôn bán bò yak của Tây Tạng, nhưng đặc biệt nổi tiếng là một trung tâm xuất khẩu trà đóng bánh rất được ưa thích ở Tây Tạng. Trà này được mang đến từ Trung Quốc, nó không chỉ là những lá trà bình thường mà có ít nhiều sự pha chế hỗn hợp hóa học. Nó gồm có lá trà, những mẫu cành, soda, muối diêm tiêu, và một số thành phần khác, bởi vì ở Tây Tạng không dồi dào hàng hóa, nên một số thành phần được nhập từ các nước khác trên thế giới, và trà của chúng tôi phải là dạng súp cũng như đồ uống. Tại Kanting, trà được trộn và đóng thành khối hay là những viên gạch theo cách gọi của chúng tôi. Những viên gạch này có kích thước và trọng lượng thuận tiện để có thể chất lên ngựa, và sau đó là chất lên những con yak để có thể chở qua các dãy núi cao tới Lhasa nơi chúng sẽ được bán và chuyên chở tới khắp các nơi khác của Tây Tạng.

Những viên gạch trà phải có kích thước và hình dáng đặc biệt, nhưng chúng cũng phải được đóng gói đặc biệt sao cho nếu như con ngựa có vấp trong những khe núi và đổ trà xuống sông thì cũng không có thiệt hại gì. Những viên gạch trà này được đóng gói chặt trong những tấm da màu xanh, hoặc như đôi khi còn được gọi là da sồng, và chúng sẽ nhấn chìm nhanh trong nước. Sau đó chúng sẽ được phơi khô trên những tảng đá dưới ánh nắng mặt trời. Khi khô chúng sẽ co lại, chúng co lại một cách đáng kinh ngạc, và hoàn toàn được nén chặt. Khi khô chúng có màu nâu và rắn chắc như nhựa tổng hợp nhưng rất chắc chắn. Những bọc này khi khô có thể lăn xuống sườn núi và đất an toàn mà không gây thiệt hại gì. Nó có thể bị rơi xuống sông, và có thể ở đó vài ngày. Nhưng khi kéo lên và phơi khô mọi thứ vẫn nguyên vẹn, nước không thể ngấm qua, không gì có thể làm hỏng. Những viên gạch trà đóng gói khô của chúng tôi là một trong những cách đóng gói hợp vệ sinh nhất trên thế giới. Bằng cách này, trà thường được sử dụng như tiền tệ. Một nhà buôn khi không có tiền, có thể đập trà ra thành từng miếng nhỏ để trao đổi. Không bao giờ phải lo lắng thiếu tiền khi có trong tay những viên gạch trà.

Sự buôn bán náo động tại Kanting gây ấn tượng với chúng tôi. Trước đây chúng tôi chỉ ở Lhasa, nhưng ở Kanting có nhiều người đến từ các nước khác, từ những nơi xa xôi như Nhật Bản, Ấn Độ, Myanma, và những người dân du mục từ phía bên kia vùng núi Takla. Chúng tôi lang thang trong khu buôn bán, nơi hòa trộn tiếng của các nhà buôn và các tiếng nói lạ và những ngôn ngữ khác nhau. Chúng tôi chen vai với các tu sĩ của những tôn giáo khác, của Thiên phái, và những người khác.

Và sau đó, kinh ngạc trước những điều hoàn toàn mới lạ, chúng tôi tới một lạt ma viện nhỏ trên đường vượt qua Kanting. Đây là nơi chúng tôi đã dự kiến sẽ đến. Lúc đó, các tu sĩ chủ nhà đang lo lắng rằng chúng tôi sẽ không đến. Chúng tôi nói ngay với họ rằng chúng tôi đi xem khu buôn bán, và nghe những tin đồn ngoài chợ. Vị sư trụ trì chào đón chúng tôi nồng hậu, khao khát lắng nghe những câu chuyện của chúng tôi về Tây Tạng, về những tin tức chúng tôi kể, vì chúng tôi đến từ nơi chúng tôi được học tập là cung điện Potala, và vì chúng tôi là những người đã từng đến cao nguyên Chang Tang và nhìn thấy những điều kỳ diệu tuyệt vời. Tiếng tăm về chúng tôi quả thực đã đến trước cả chúng tôi.

Sáng sớm ngày hôm sau, sau khi tham gia buổi lễ cầu nguyện tại tu viện, chúng tôi lại lên đường trên những con ngựa, mang theo một lượng nhỏ thực phẩm, tsampa. Lối đi chỉ là một con đường mòn theo sườn đèo đi lên. Phía bên dưới có nhiều cây, nhiều cây hơn bất cứ nơi nào chúng tôi đã từng nhìn thấy trước đây. Một vài đoạn đường bị che khuất bởi làn sương mù từ thác nước đang đổ xuống. Những cây đỗ quyên khổng lồ cũng bao phủ con đèo trong khi mặt đất như được trải thảm bằng các loại hoa, những bông hoa núi nhỏ tỏa hương thơm ngát và tô điểm màu sắc cho cảnh quan.

Dẫu vậy, chúng tôi đang bị đè nặng nỗi khổ sở vì phải xa nhà và vì sự thay đổi áp suất không khí. Ngày càng chúng tôi đi xuống càng thấp hơn và chúng tôi cũng ngày càng khó thở hơn. Có một khó khăn khác làm cho chúng tôi bị khổ sở nghiêm trọng; Ở Tây Tạng, nơi không khí loãng, nước sôi ở nhiệt độ thấp hơn và ở những vùng núi cao hơn, chúng tôi có thể uống nước trà đang sôi. Chúng tôi giữ trà và nước trên ngọn lửa cho tới khi sôi sùng sục, khi đó trà đã có thể uống được. Lúc đầu, ở vùng đất thấp này, chúng tôi khổ sở vì bị bỏng môi khi chúng tôi cố gắng thử để đánh giá nhiệt độ của nước, đó là thói quen của chúng tôi, uống trà trực tiếp khi đang đun trên lửa. Chúng tôi phải làm như vậy ở Tây Tạng vì nếu không giá lạnh sẽ làm cho trà nguội ngay. Khi đó, chúng tôi không có kiến thức về không khí đậm đặc sẽ làm ảnh hưởng đến điểm sôi, cũng không nghĩ ra là chúng tôi có thể đợi để nước sôi nguội bớt mà không lo nước bị đóng băng.

Chúng tôi vô cùng khó chịu vì khó thở, vì trọng lượng không khí ép lên ngực và phổi của chúng tôi. Lúc đầu chúng tôi nghĩ rằng đó là do cảm xúc của chúng tôi khi phải rời xa Tây Tạng yêu quý, nhưng về sau chúng tôi hiểu được rằng chúng tôi đang bị ngạt thở, đang bị không khí nhấn chìm. Trước đây chưa bao giờ chúng tôi ở nơi có độ cao dưới 1000 feet⁷.

Lhasa ở độ cao gần bốn ngàn mét. Chúng tôi thường xuyên sống ở độ cao hơn thế, như khi chúng tôi đến Cao nguyên Chang Tang nơi có độ cao trên sáu ngàn mét. Chúng tôi đã từng nghe nhiều câu chuyện về những người Tây Tạng rời Lhasa ra đi tìm kiếm vận may ở những vùng đất thấp. Tin đồn nói rằng họ đã chết sau nhiều tháng đau đớn vì phổi bị vỡ. Nhiều câu chuyện được thêu dệt về những người rời khỏi Lhasa để tới miền đất thấp hơn đã đi đến cái chết đau đớn. Tôi biết rằng điều đó là không đúng sự thật bởi vì cha mẹ tôi đã đến Thượng Hải, nơi họ có nhiều tài sản, họ đã ở đó và

trở về an toàn. Tôi ít được làm cùng cha mẹ tôi bởi vì họ là những con người bận rộn và ở vị trí cao đến mức không có thời gian dành cho những đứa con của họ.

Thông tin của tôi được lượm lặt từ những gia nô. Nhưng bây giờ tôi đang thực sự lo sợ về cảm giác mà chúng tôi đang phải chịu đựng; phổi của chúng tôi cảm thấy rất bông, chúng tôi cảm thấy có những cái đai bằng kim loại bao quanh phổi giữ không cho chúng tôi thở. Mỗi hơi thở là một nỗ lực khủng khiếp, và nếu chúng tôi di chuyển quá nhanh thì nỗi đau đớn, giống như nỗi đau bị lửa đốt, sẽ bắn xuyên qua người chúng tôi.

Khi chúng tôi đi tiếp, ngày càng xuống thấp hơn, không khí trở nên dày đặc và nhiệt độ âm dần lên. Khí hậu thật khủng khiếp đối với chúng tôi. Ở Lhasa, Tây Tạng, thời tiết thực sự rất lạnh, nhưng là cái lạnh khô ráo, cái lạnh khỏe mạnh, và trong điều kiện như vậy thì nhiệt độ là chuyện nhỏ, nhưng bây giờ, trong không khí dày đặc này với độ ẩm rất cao, chúng tôi gần như không còn sáng suốt nữa để tiếp tục đi. Một lần những người khác cố gắng thuyết phục tôi xin được quay về, trở về Lhasa, nói rằng tất cả chúng tôi sẽ chết nếu chúng tôi cứ khăng khăng liều lĩnh một cách điên rồ, nhưng tôi nghĩ đến lời tiên tri không có nói về việc quay về. Và vì vậy chúng tôi tiếp tục hành trình.

Khi nhiệt độ âm lên chúng tôi bị chóng mặt, hầu như bị say, và dường như chúng tôi bị rắc rối với đôi mắt. Chúng tôi không thể nhìn xa, nhìn rõ như bình thường và sự đánh giá về khoảng cách đều bị sai. Mãi về sau tôi mới tìm được lời giải thích. Ở Tây Tạng, không khí trong sạch và tinh khiết nhất trên thế giới, có thể nhìn xa trên tám mươi cây số, và nhìn được rõ ràng như chỉ gần hai chục cây số. Còn ở đây, trong không khí dày đặc của vùng đất thấp, chúng ta không thể nhìn xa như vậy, và những gì mà chúng ta thấy đã bị méo mó vì không khí đậm đặc và nhiễm bẩn.

Trong nhiều ngày, chúng tôi đi liên tục, ngày càng xuống thấp hơn nữa, đi xuyên qua những cánh rừng nhiều cây hơn bất cứ nơi nào mà chúng tôi từng mơ ước. Ở Tây Tạng không có nhiều gỗ, không có nhiều cây xanh, có lần chúng tôi không thể cưỡng lại ham muốn được cưỡi ngựa chạy giữa những loại cây xanh, được chạm vào chúng, được hít thở hương thơm của

chúng. Những cây đỗ quyên, tất nhiên, rất quen thuộc với chúng tôi vì ở Tây Tạng có rất nhiều.

Hoa đỗ quyên, trong thực tế, là một loại thực phẩm sang trọng nếu biết chế biến đúng cách. Chúng tôi cười ngửa đi, kinh ngạc trước những gì chúng tôi nhìn thấy, kinh ngạc trước những khác biệt giữa nơi đây và quê nhà. Tôi không thể nói chúng tôi đã đi bao xa, bao nhiêu ngày hay bao nhiêu giờ, bởi vì tất cả những điều đó không làm chúng tôi quan tâm chút nào. Chúng tôi có nhiều thời gian, chúng tôi không biết gì về sự hối hả và nhộn nhịp của đời sống văn minh, nếu biết chúng tôi đã cần thận.

Chúng tôi cười ngửa tám đến mười giờ mỗi ngày và chúng tôi nghỉ đêm tại lạt ma viện phù hợp. Không phải tất cả các tu viện đều là của Phật giáo, nhưng không vấn đề gì, chúng tôi luôn được chào đón. Đối với chúng tôi, các phật tử Phật giáo chính thống, không có sự cạnh tranh, không có sự xích mích hoặc hận thù, và mọi khách hành hương đều được chào đón. Theo tập quán của tôn giáo, chúng tôi tham gia vào tất cả các buổi lễ cầu nguyện tại tu viện, khi chúng tôi ở đó. Chúng tôi có nhiều cơ hội để trò chuyện với các nhà sư, những người luôn đón tiếp chúng tôi nồng hậu. Nhiều câu chuyện lạ lùng, họ kể cho chúng tôi về những tình thế đang thay đổi ở Trung Quốc; về trật tự hòa bình cũ đang thay đổi ra sao, những người Nga- “những người gấu”- đang cố gắng như thế nào để truyền bá cho Trung Quốc những tư tưởng chính trị mà đối với chúng tôi, những tư tưởng đó dường như hoàn toàn sai lầm. Dường như đối với chúng tôi những điều người Nga đang rao giảng là “Cái gì là của bạn, cũng là của tôi; cái gì của tôi cũng vẫn là của tôi!” Những người Nhật cũng vậy, chúng tôi được nghe nói, họ đang quấy nhiễu ở nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Xuất hiện vấn đề quá đông dân. Tỷ lệ trẻ em ở Nhật bản đang tăng quá nhanh, trong khi đó sản xuất thực phẩm lại quá ít, vì thế họ đang cố gắng xâm chiếm các dân tộc hòa bình, cố gắng cướp bóc của các dân tộc khác, như vậy chỉ vì người Nhật bất ổn.

Cuối cùng, chúng tôi rời khỏi Tây Khang, và vượt qua biên giới vào Tứ Xuyên. Một vài ngày sau, chúng tôi đã đến bờ sông Dương Tử. Ở đây, vào cuối một buổi chiều chúng tôi dừng lại tại một làng nhỏ. Chúng tôi dừng lại, không phải vì chúng tôi đã đến nơi để nghỉ qua đêm, mà vì có một đám đông người đang xúm xít phía trước trong một cuộc mít tinh. Chúng tôi len

lỏi qua đám người để đi về phía trước, và tất cả chúng tôi đều khá cồng kềnh, nên chúng tôi không khó khăn gì khi rẽ lối đi qua nhóm người ở phía trước.

Một người đàn ông da trắng cao lớn ở đó, đứng trên một chiếc xe bò kéo, đang khoa chân múa tay nói về điều kỳ diệu của xã hội mới, đang cố gắng hô hào những người nông dân đứng lên và tiêu diệt chủ đất. Ông ta đang vẫy một bức ảnh của một người đàn ông râu quai nón, đường nét sắc sảo và gọi ông ta là vị cứu tinh của thế giới.

Nhưng chúng tôi không bị bức ảnh của Lê nin gây ấn tượng, và kể cả cuộc nói chuyện của người đàn ông cũng vậy. Chúng tôi ghé tởm quay đi, và đi tiếp vài dặm nữa đến một Lạt ma viện để nghỉ đêm ở đó.

Có các lạt ma viện ở những vùng khác nhau của Trung Quốc cũng như các tu viện và đền thờ Trung Quốc. Đối với một số người, đặc biệt ở Tây Khang, Tứ Xuyên, hoặc ở Thượng Hải, hướng đến Phật giáo Tây Tạng hơn, vì thế lạt ma viện được đặt tại đó để dạy cho những ai thực sự cần sự giúp đỡ của chúng tôi. Chúng tôi không bao giờ tìm cách cải đạo, không bao giờ yêu cầu mọi người nhập đạo của chúng tôi, vì chúng tôi tin rằng tất cả mọi người đều có quyền tự do lựa chọn. Chúng tôi không ưa những người truyền giáo, họ đi khắp nơi để đưa ra những lời huênh hoang rỗng tuếch rằng phải tham gia vào tôn giáo để được cứu vớt.

Chúng tôi biết rằng khi một người muốn trở thành một phật tử của Lạt Ma giáo thì họ sẽ tự đến mà không cần ai thuyết phục. Chúng tôi biết một người truyền giáo mà đến Tây Tạng, đến Trung Quốc sẽ bị chúng tôi cười nhạo như thế nào; đó là một trò đùa, người ta sẽ giả vờ cải đạo chỉ để được nhận quà và những lợi ích khác mà những người truyền giáo phân phát cho. Và thêm một điều nữa là người Tây Tạng và giai cấp cổ ở Trung Quốc là những người lịch sự, họ cố gắng khích lệ những người truyền giáo, cố gắng làm cho họ tin rằng họ đã đạt được một vài thành công, nhưng không bao giờ, dù trong một khoảnh khắc, chúng tôi tin vào những gì họ đang nói với chúng tôi. Chúng tôi biết họ có đức tin của họ, nhưng chúng tôi muốn giữ đức tin của mình.

Chúng tôi tiếp tục đi dọc theo dòng sông Trường Giang, con sông mà về sau này tôi biết rất rõ, bởi vì đó là con đường mòn thú vị hơn. Chúng tôi đã bị

cuốn hút khi nhìn những chiếc thuyền lớn trên sông. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy tàu thuyền trước đây, mặc dù một vài người trong chúng tôi đã từng xem ảnh, và tôi đã từng nhìn thấy con tàu hơi nước trong một lần luyện tập thân nhân với sư phụ tôi, đức Lạt Ma Mingyar. Nhưng điều đó sẽ được kể chi tiết sau trong cuốn sách này.

Ở Tây Tạng, những người chèo thuyền của chúng tôi sử dụng thuyền thúng. Đó là những khung nhẹ được bọc bằng da con yak, và họ có thể chở bốn hay năm hành khách cùng với người chèo thuyền. Thường thì một hành khách không trả tiền là con dê, con vật nuôi của người chèo thuyền, nhưng nó cũng đóng góp phần của mình ở trên đất, bởi vì người chèo thuyền sẽ chất tất cả những hành lý của ông ta, những gói đồ và những cái chần lên lưng con dê trong khi ông ta vác chiếc thuyền thúng trên vai và leo qua những tảng đá để tránh những thác ghềnh, nơi đó có thể sẽ phá hỏng thuyền của ông. Đôi khi một người nông dân muốn vượt qua sông sẽ sử dụng da con dê hoặc da con yak mà những chỗ thúng ở chân và những chỗ khác đã được gắn kín, ông ta sẽ dùng nó như cách người phương Tây dùng phao. Nhưng bây giờ, chúng tôi chú ý xem những chiếc thuyền thực sự với những cánh buồm, những cánh buồm hình tam giác, đang bay phần phật trong gió.

Một hôm chúng tôi dừng chân nghỉ gần chỗ nước nông. Chúng tôi rất thích thú nhìn hai người đàn ông đang đi trên sông, cầm hai đầu và cùng kéo một cái lưới dài. Phía trước họ, có hai người đàn ông khác đang dùng gậy đập lên mặt nước và la hét ầm ĩ. Lúc đầu chúng tôi nghĩ những người này bị điên, và những người khác đang dùng lưới theo sau để cố gắng bắt giữ họ lại. Và sau đó, chúng tôi thấy một trong những người đàn ông ra hiệu, tiếng ồn ào dừng lại và hai người đàn ông kéo lưới đi lại gần nhau, họ kéo căng hai đầu lưới và lôi nó lên bờ. Sau khi đã lên bờ cát một cách an toàn, họ lật nghiêng cái lưới và những con cá sáng lấp lánh đang dẫy giụa rơi xuống đất.

Chúng tôi bị sốc bởi vì không bao giờ chúng tôi giết chóc. Chúng tôi tin rằng giết chết bất cứ một sinh vật nào cũng đều rất sai trái. Trong các dòng sông ở Tây Tạng của chúng tôi, cá sẽ bơi đến chạm vào bàn tay người để dưới nước, chúng sẽ lấy thức ăn từ tay chúng ta.

Chúng không sợ con người và chúng là vật nuôi yêu quý của con người. Nhưng ở đây, ở đất nước Trung Quốc, chúng là thức ăn. Chúng tôi tự hỏi làm sao những người Trung Quốc này có thể tự xưng mình là Phật tử khi họ ngang nhiên giết chóc vì lợi ích riêng.

Chúng tôi đã mất quá nhiều thời gian; chúng tôi đã ngồi trên bờ sông một giờ, có lẽ khoảng hai giờ, và chúng tôi không kịp tìm được lạt ma viện để nghỉ đêm đó. Nhún vai cam chịu, chúng tôi chuẩn bị dựng trại bên lề đường.

Chếch sang bên trái một chút là khu rừng cây nhỏ hẻo lánh có con sông chảy qua và chúng tôi cắm trại ở đó. Chúng tôi buộc ngựa và để chúng ăn cỏ mọc um tùm quanh đó, rồi thu nhặt củi và đốt lửa, đun sôi trà và ăn tsampa. Chúng tôi cùng nhau ngồi quanh đống lửa một lúc, nói chuyện về Tây Tạng, về những gì chúng tôi nhìn thấy trên đường đi, và những suy nghĩ của chúng tôi về tương lai. Những người đồng hành cùng tôi, từng người một, ngáp dài và quay về chỗ nằm, cuộn mình vào chăn và ngủ thiếp đi.

Cuối cùng, khi những viên than hồng tàn dần, tôi cũng cuộn mình trong chăn và nằm xuống, nhưng tôi không ngủ được. Tôi nghĩ về tất cả những khó khăn đã trải qua. Tôi nhớ về ngày tôi rời khỏi nhà khi lên bảy tuổi để vào lạt ma viện, đầy những khó khăn, rồi thời kỳ được đào tạo một cách nghiêm khắc. Tôi nhớ đến những chuyến đi thám hiểm các vùng cao nguyên, và đến những vùng núi xa xôi phía Bắc của Cao Nguyên Chang Tang hung vĩ. Tôi cũng nhớ đến Đấng Thái Tuế, như cách chúng tôi gọi đức Đạt Lai Lạt Ma, và nhất là nhớ đến người Thầy yêu quý của tôi, đức Lạt Ma Mingyar. Tôi vật vã vì lo âu, buồn khổ, và rồi dường như nơi đây được thắp sáng lên như mặt trời ban trưa.

Tôi kinh ngạc nhìn thấy Thầy tôi đang đứng trước mặt, Người gọi “Lobsang, Lobsang con!”, Người kêu lên “Tại sao con lại nản lòng? Con đã quên rồi chẳng? Quặng sắt nghĩ đã tự tra tấn một cách vô nghĩa trong lò nung, nhưng khi nhìn lại sau đó, lưỡi kiếm thép cường lực tự biết mình đã tốt hơn. Con đã trải qua thời gian khó khăn, Lobsang con, nhưng tất cả những điều đó là vì mục đích cao cả. Như chúng ta đã bao lần nói đến, đây chỉ là thế giới của ảo tưởng, thế giới của những giấc mơ. Con sẽ còn phải

đổi mặt với vô vàn khó khăn, thử thách, nhưng con sẽ chiến thắng, con sẽ vượt qua chúng, và rồi cuối cùng con sẽ hoàn thành được sứ mạng mà con được sinh ra để thực hiện.”

Tôi rụi mắt, tất nhiên rồi, đức Lạt Ma Mingyar đến với tôi bằng thể vía. Tôi vẫn thường làm như thế, nhưng đây là điều không ngờ tới, điều đó chỉ cho tôi thấy rằng Thầy vẫn luôn luôn nghĩ đến tôi, giúp đỡ tôi bằng tư tưởng của Người.

Thầy trò chúng tôi cùng nói chuyện gần gũi một lúc về những kỷ niệm đã qua, dừng lại ở những yếu điểm của tôi, với ánh sáng rực rỡ âm áp của phút giây hạnh phúc, tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc những khoảnh khắc chúng tôi được ở bên nhau, giống như cha với con trai. Người chỉ cho tôi, bằng những hình ảnh qua trí óc, một số những khó khăn mà tôi sẽ phải đương đầu và hạnh phúc hơn nữa, cả những thành công mà cuối cùng tôi sẽ đạt được bất chấp mọi nỗ lực ngăn cản. Sau một thời gian, ánh sáng vàng rực rỡ nhạt dần, khi Người nhắc lại những lời nói cuối cùng về niềm hy vọng và động viên khuyến khích. Những lời của Người tràn ngập ý nghĩ của tôi, tôi trần trọc bên dưới bầu trời đêm lạnh giá với những ánh sao lấp lánh, và cuối cùng cũng ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau chúng tôi dậy sớm và chuẩn bị bữa sáng. Theo tập quán, chúng tôi làm lễ cầu nguyện buổi sáng và tôi, với vai trò thành viên cao cấp của giáo hội, chủ trì buổi lễ và sau đó chúng tôi tiếp tục hành trình dọc theo con đường mòn bên sông.

Khoảng giữa trưa, dòng sông chảy queo về bên phải, còn chúng tôi tiếp tục đi theo con đường thẳng về phía trước. Đến cuối con đường mòn, xuất hiện một con đường rất rộng. Ngày nay, tôi đã biết, trên thực tế, nó là con đường loại hai, nhưng trước đó chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy con đường do con người làm ra như con đường này. Chúng tôi cuời ngựa dọc theo con đường, lấy làm lạ về kết cấu của nó, về sự thuận tiện khi không phải để ý tránh những gốc cây hay ổ gà.

Chúng tôi đi nước kiệu chậm, dọc theo con đường vừa nghĩ rằng chỉ trong vòng hai hoặc ba ngày nữa chúng tôi sẽ có mặt tại Trùng Khánh. Sau đó, có điều gì đó trong không khí, một cái gì đó không thể giải thích được, chúng tôi nhìn nhau một cách khó hiểu. Một người trong đoàn chúng tôi ngẫu

nhiên ngược nhìn lên về phía chân trời. Sau đó ông đứng thẳng trên bàn đạp với vẻ sợ hãi, mắt mở to và vẫy tay cuống quýt. “Nhìn kia” ông kêu lên. “Một cơn bão bụi đang đến gần”. Ông chỉ về phía trước nơi chắc chắn có một đám bụi màu xám đen đang đến gần rất nhanh. Ở Tây Tạng có những đám mây bụi; những đám mây mang đầy những cát sỏi di chuyển trong không khí có lẽ đến tám mươi dặm hoặc hơn nữa trong một giờ, khi đó tất cả mọi người, trừ những con yak, đều phải tìm nơi trú ẩn.

Bộ lông dày của con yak bảo vệ được nó không bị tổn hại, nhưng tất cả những sinh vật khác, đặc biệt là con người, đều có thể bị thương, bị chảy máu do cát sỏi văng vào da mặt và tay. Chúng tôi đã rất lúng túng bởi vì đây là cơn bão bụi đầu tiên mà chúng tôi nhìn thấy kể từ khi rời khỏi Tây Tạng, và chúng tôi nhìn quanh để tìm nơi trú ẩn. Nhưng chẳng có chỗ nào phù hợp cả. Chúng tôi nhận thức được, với sự kinh hoàng, cơn bão đang đến gần kèm theo âm thanh kỳ lạ mà trước đây chưa bao giờ chúng tôi từng nghe thấy; nó là tiếng gì đó nghe giống như tiếng kèn của đền thờ do một người điếc về nhạc điệu chơi, hoặc, chúng tôi nghĩ một cách khổ sở, nó giống như tiếng ồn của một lũ ma quỷ đang tiến về phía chúng tôi.

Thrum... thrum ... thrum... nó đang đến. Rất nhanh, tiếng gầm rú tăng lên và trở nên ngày càng lạ hơn. Có những tiếng loảng xoảng và nổ lộp bộp trong đó. Chúng tôi gần như quá sợ hãi để làm bất cứ điều gì, để có thể suy nghĩ. Đám mây bụi tăng tốc về phía chúng tôi ngày càng nhanh hơn. Chúng tôi gần như tê liệt vì sợ hãi. Chúng tôi lại nghĩ đến những đám mây bụi ở Tây Tạng, nhưng chắc chắn ở đó không có những tiếng gầm như thế này. Trong hoảng loạn, chúng tôi lại cố gắng tìm kiếm chỗ trú ẩn, nơi mà chúng tôi cần được bảo vệ khỏi cơn bão khủng khiếp đang ập đến.

Những con ngựa còn nhanh hơn chúng tôi nhiều khi nghĩ cần phải đi đâu. Chúng phá vỡ các nguyên tắc, chúng lồng lên và nhảy dựng. Tôi lãnh trọn một cú đá, và dường như bị bẻ cong ở giữa, con ngựa của tôi hí lên dữ tợn. Một cú giật lạ lùng, và cảm giác có cái gì đó bị vỡ. “Ồi, cái chân tôi bị xé rách rồi!”, tôi thàn kêu đau đớn. Sau đó tôi bị văng ra khỏi con ngựa, bay trong không trung theo hình vòng cung, rồi rơi nện lưng xuống đất bên cạnh con đường, choáng váng. Đám mây bụi đến gần rất nhanh, và tôi nhìn thấy quỷ Satan bên trong nó, một con quái vật màu đen đang gầm rú, lắc lư. Nó đến rồi đi qua. Tôi nằm trên đất, lần đầu tiên nhìn thấy chiếc xe có động cơ,

một chiếc xe tải cũ của Mỹ đã bị quăng quật nhiều, đang chạy một cách ồn ào khủng khiếp, do một người Trung Quốc đang cười nhả nhả lái.

Hôi thổi kinh khủng! Hơi thở của quý dữ, sau này chúng tôi gọi nó như vậy. Hỗn hợp của xăng, dầu, và phân bón; Hàng đồng phân bón mà chiếc xe đang chở bị văng ra, một số bị lắc bật ra rơi xuống đất ngay bên cạnh tôi. Tiếng ồn ào gầm rú của chiếc xe tải vèo qua, để lại đám mây bụi nghẹt thở, và một làn khói đen khí thải. Chẳng bao lâu sau, nó chỉ còn là một chấm di chuyển ở xa, vật vĩa từ bên này sang bên kia con đường, tiếng ồn ào dịu xuống và rồi không còn âm thanh nào nữa.

Tôi nhìn quanh trong im lặng. Không nhìn thấy người đồng hành nào cả; thậm chí tệ hơn nữa là không thấy dấu vết con ngựa! Tôi vẫn đang tự cố gắng thoát khỏi cảnh rối rắm lúng túng bởi vì một phần bị vỡ của cái đai nịt yên ngựa vẫn đang quấn quanh chân tôi, khi những người khác xuất hiện, từng người một, nhìn vẻ rất xấu hổ và rất lo lắng về trường hợp những con quý huyền náo này sẽ lại xuất hiện. Chúng tôi thực sự vẫn không hiểu về những gì đã nhìn thấy. Tất cả đã diễn ra quá nhanh và đám mây bụi đã che khuất rất nhiều.

Những người khác ngượng ngùng xuống ngựa, và giúp tôi phủi bụi trên quần áo. Cuối cùng tôi cũng đã chinh tề, nhưng con ngựa của tôi đâu? Những người bạn đồng hành của tôi trở về từ các hướng, nhưng không ai trong số họ nhìn thấy con ngựa của tôi. Chúng tôi tìm quanh, và gọi nó, chúng tôi cố gắng tìm vết chân ngựa cả trong những đám bụi nơi xa. Nhưng chúng tôi đã không tìm thấy dấu vết nào cả. Dường như con vật khôn khổ đã nhảy vào chiếc xe và bị nó cán chết.

Nhưng không, chúng tôi không tìm thấy bất cứ dấu vết nào về nó và chúng tôi ngồi xuống bên vệ đường, cùng thảo luận về những việc cần làm. Một trong những bạn đồng hành của tôi đề nghị sẽ ở lại một túp lều gần đó, vì vậy tôi có thể dùng ngựa của ông ta, và ông sẽ trở về khi những người đồng hành khác trở lại, sau khi đã để tôi ở lại Trùng Khánh. Nhưng tôi biết không phải chỉ vì như vậy, tôi biết rõ ông làm thế vì ông muốn nghỉ ngơi và không phải để giải quyết bí ẩn của việc con ngựa bị mất tích.

Những con ngựa trong đoàn chúng tôi hí vang lên và từ túp lều của người nông dân Trung Quốc gần đó vang lên tiếng hí đáp lại. Nhưng nó liền bị

bóp nghẹt ngay lập tức. Tia hy vọng bùng sáng lên trong chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau và sẵn sàng hành động. Vậy đây, tại sao trong một túp lều nghèo nàn như thế kia lại có thể có được một con ngựa? Căn nhà xiêu vẹo đổ nát đó không thể là nhà của một người có khả năng sở hữu một con ngựa. Rõ ràng là con ngựa đang bị dấu đi không cho chúng tôi biết. Chúng tôi nhảy xuống ngựa và nhìn quanh tìm những cây gậy chắc chắn. Tìm không ra vũ khí phù hợp, chúng tôi cắt từ những cái cây gần đó, và sau đó bắt đầu tiến đến túp lều, kiên quyết làm rõ nghi ngờ về những điều ám muội đã xảy ra. Cửa túp lều ọp ẹp với những dây buộc thay cho bản lề.

Chúng tôi lịch sự gõ cửa, nhưng không có ai trả lời. Một sự im lặng chết chóc, không một tiếng động. Không một phản ứng nào về những yêu cầu dứt khoát của chúng tôi. Tuy nhiên, lúc trước con ngựa đã hí lên và tiếng hí của nó đã bị bóp nghẹt. Vì thế chúng tôi động cửa thật mạnh. Sau một lúc chịu đựng, các dây buộc đứt dần và cánh cửa từ từ đổ nghiêng, rồi sụp hẳn xuống. Bên trong có một người đàn ông Trung Quốc trông xác xơ, vẻ mặt ông ta méo mó vì khiếp sợ. Đó là một túp lều thảm hại, bản thủ, và chủ nhân của nó là một người đàn ông rách rưới.

Nhưng đó không phải là điều chúng tôi quan tâm. Bên trong túp lều còn có con ngựa của tôi đang bị buộc quanh mõm bằng một cái túi để giữ nó im lặng. Chúng tôi rất không hài lòng với người nông dân Trung Quốc và nói ngắn gọn về sự phản đối của chúng tôi về cách xử sự xấu của ông ta. Đáp lại những câu chất vấn của chúng tôi, ông ta thú nhận là đã cố gắng lấy trộm con ngựa của chúng tôi. Ông ta nói, chúng tôi là những nhà sư giàu có và có thể để mất một hay hai con ngựa. Ông ta chỉ là một người nông dân nghèo khổ. Nhìn dáng vẻ của ông ta, có thể thấy ông ta nghĩ chúng tôi sắp giết ông ta. Trông chúng tôi hẳn là rất dữ giằn, có lẽ vì chúng tôi đã đi tám trăm dặm, rất mệt mỏi nên trông hung dữ.

Tuy nhiên, chúng tôi không có ý định làm hại ông ta. Phối hợp những hiểu biết của chúng tôi về tiếng Trung hoàn toàn đủ để cho phép chúng tôi truyền đạt cho ông ta đánh giá của chúng tôi về hành động của ông ta, kết cục có thể xảy ra trong kiếp sống này, và những điều chắc chắn sẽ đến với ông ta trong kiếp sau. Gạt bỏ những suy nghĩ, hầu như chắc chắn về ông ta, chúng tôi đóng yên lại cho con ngựa, thắt đai ngựa thật cẩn thận và tiếp tục lên đường đến Trùng Khánh.

Đêm đó chúng tôi nghỉ lại trong một lạt ma viện nhỏ, rất nhỏ. Chỉ có sáu nhà sư ở đây, nhưng tất cả đều dành cho chúng tôi lòng mến khách. Đêm sau sẽ là đêm cuối cùng của cuộc hành trình. Chúng tôi đến một lạt ma viện mà ở đó, vì là những người đại diện của đức Thái Tuế, chúng tôi đã được chào mừng nhờ ơn riêng mà chúng tôi được hưởng như là của mình vậy. Chúng tôi lại được cung cấp thức ăn và chỗ ở; cùng tham gia vào buổi lễ cầu nguyện của họ và nói chuyện tới khuya về các sự kiện ở Tây Tạng, về những chuyến đi đến những Cao nguyên phía Bắc rộng lớn và về đức Đạt Lai Lạt Ma. Tôi rất lấy làm hài lòng khi biết rằng thậm chí ở đây Thầy của tôi, đức Lạt Ma Mingyar, rất nổi tiếng. Tôi cũng rất quan tâm đến việc gặp các nhà sư Nhật Bản những người đã đến Lhasa và nghiên cứu về Phật giáo của chúng tôi, sự khác biệt giữa Phật Giáo Tây Tạng và Phật giáo của Zen⁸.

Chúng tôi thảo luận nhiều về những thay đổi sắp xảy ra tại Trung Quốc, về cuộc cách mạng, về trật tự mới, một trật tự mà trong đó tất cả các chủ đất sẽ bị đánh đổ và những người nông dân mù chữ sẽ nắm quyền. Những nhân viên mật vụ Nga đi khắp nơi hứa hẹn những điều kỳ lạ, những điều không thể thực hiện được, hoàn toàn không mang tính xây dựng. Những người Nga này, chúng tôi nghĩ, là tay sai của quý dữ, là những kẻ phá hoại, những kẻ bại hoại về đạo đức giống như bệnh dịch hạch tàn phá cơ thể.

Hương tàn lại được thắp tiếp, cứ như vậy không biết bao nhiêu lần, khi chúng tôi nói chuyện mãi trong đêm, về những thay đổi nghiêm trọng đã được báo trước giờ đây đang diễn ra. Giá trị của con người đang bị bóp méo, hiện nay không chỉ các vấn đề về linh hồn không được coi trọng mà nó chỉ còn là sức mạnh thoáng qua. Thế giới này chỉ là một chốn bệnh hoạn, các vì sao đã cuốn cao lên bầu trời xanh. Cuộc chuyện trò của chúng tôi kéo dài mãi và cuối cùng từng người một nằm xuống ngủ. Đến sáng chúng tôi biết rằng chuyến đi đã đến hồi kết thúc. Tôi sẽ tiếp tục hành trình của mình, còn các bạn đồng hành của tôi sẽ trở về Tây Tạng để lại tôi một mình trong thế giới xấu xa lạ lẫm nơi mà lẽ phải luôn thuộc về kẻ mạnh. Tôi hầu như đã không ngủ.

Buổi sáng, sau buổi lễ cầu nguyện và bữa ăn sáng ngon lành, chúng tôi lại lên đường đi tiếp đến Trùng Khánh, những con ngựa của chúng tôi đã được nghỉ ngơi thoải mái. Xe cộ đi lại trên đường đã nhiều hơn.

Xe tải và các loại phương tiện giao thông có bánh xe đi lại nhan nhản.

Những con ngựa của chúng tôi rất bất ổn và sợ hãi, chúng không quen với tiếng ồn của xe cộ, và mùi xăng cháy khét lẹt làm chúng rất cáu kỉnh. Chúng tôi phải rất nỗ lực để có thể ngồi được trên yên ngựa.

Chúng tôi để ý nhìn những người đang làm việc trên những cánh đồng, các thửa ruộng bậc thang, được tưới bằng phân người. Mọi người đều mặc quần áo màu xanh, màu xanh đặc trưng của Trung Quốc. Họ dương như già nua và rất mệt mỏi. Họ đi lại một cách chậm chạp như thể cuộc sống quá nặng nề đang chất lên mình họ, hay cũng có vẻ như tinh thần họ đã bị suy sụp và chả có gì tồi tệ hơn là sống và cố gắng để tồn tại. Những người đàn ông, đàn bà và trẻ em làm việc cùng với nhau. Chúng tôi cưỡi ngựa đi tiếp, vẫn theo dòng sông mà chúng tôi đã gặp lại nó mấy dặm trước. Cuối cùng chúng tôi cũng nhìn thấy những vách núi cao mà thành phố cổ Trùng Khánh đã được xây dựng trên đó.

Đối với chúng tôi, đây là hình ảnh đầu tiên về một thành phố được lưu ý đến bên ngoài Tây Tạng. Chúng tôi dừng lại và chăm chú ngắm nhìn nó, nhưng cái nhìn của tôi không chứa đựng một chút sợ hãi nào về cuộc sống mới đang chờ tôi ở phía trước.

Ở Tây Tạng tôi có quyền sở hữu đất nhờ cấp bậc và những thành tích đã đạt được của tôi, đồng thời cũng do mối quan hệ thân thiết với đức Đạt Lai Lạt Ma. Giờ đây, tôi đến một thành phố ở nước ngoài với tư cách là một sinh viên. Nó nhắc tôi nhớ lại một cách sinh động những khó khăn trong những ngày thơ ấu của tôi. Vì thế, chẳng có gì là vui khi tôi nhìn chằm chằm vào khung cảnh phía trước. Điều này tôi biết rõ nhưng vẫn bước tiếp hết con đường này đến con đường khác dẫn tôi đến những khó khăn, đến những đất nước kỳ lạ, thậm chí còn kỳ lạ hơn cả đất nước Trung Quốc, tới phương Tây nơi mà người ta chỉ tôn thờ vàng.

Trước mặt chúng tôi trải dài những ruộng bậc thang bám chên vênh trên những triền núi. Phía trên đỉnh cao mọc nhiều cây xanh, đối với những người ít nhìn thấy cây như chúng tôi thì đó có thể gọi là rừng. Ở đây, cũng lại những người mặc quần áo màu xanh làm việc trên những cánh đồng xa, lê bước khó nhọc giống như ông bà tổ tiên ngày xưa của họ. Những chiếc xe một bánh được những con ngựa nhỏ kéo chắt đầy những sản phẩm trồng

trọt đã thu hoạch mang ra chợ Trùng Khánh. Những chiếc xe rất kỳ quặc, bánh xe nằm ở giữa, hai bên là những chỗ để hàng hóa. Trên một trong những chiếc xe chúng tôi nhìn thấy có một bà già giữ thăng bằng ở một bên bánh xe, và hai đứa trẻ nhỏ ngồi phía bên kia.

Trùng Khánh! Nơi cuối cùng cuộc hành trình của các bạn đồng hành của tôi, cũng là nơi bắt đầu hành trình của tôi, khởi đầu một cuộc sống khác. Tôi sẽ không có tình bạn trong hành trình mới này khi tôi nhìn lên những đèo dốc do những con sông xoáy vào tạo ra. Thành phố được xây dựng trên những vách đá cao, phủ kín những ngôi nhà. Nơi chúng tôi đứng giống như một hòn đảo, nhưng chúng tôi biết rõ. Chúng tôi biết không phải vậy, mà nó được bao bọc về ba hướng bởi hai con sông Trường Giang và Gia Lăng⁹.

Dưới chân vách đá, đã được nước rửa sạch, là một dải cát rộng, thót dần lại nơi các con sông gặp nhau. Đây là một nơi được tôi biết rõ những tháng sau này. Chúng tôi cưỡi ngựa tiến chậm rãi về phía trước. Khi đến gần hơn, chúng tôi nhìn thấy những bậc thang ở khắp mọi nơi và chúng tôi đau nhói trong tim nỗi nhớ quê hương khi trèo lên bảy trăm tám mươi bậc của con phố bậc thang. Nó gợi nhớ về cung điện Potala. Vậy là chúng tôi đã đến Trùng Khánh.

CHƯƠNG II: TRÙNG KHÁNH

Chúng tôi đi dọc phố, qua các cửa hàng có các cửa sổ thấp sáng rực rỡ, và bên trong đó có những vật liệu và hàng hóa mà trước đây chúng tôi chưa từng nhìn thấy. Một vài thứ chúng tôi đã nhìn thấy trong ảnh trên các tạp chí đã được đưa đến Lhasa qua dãy Himalaya từ Ấn Độ, và trước đó, chúng tôi được đưa đến Ấn Độ từ Mỹ, miền đất huyền thoại. Một thanh niên Trung Quốc lao nhanh về phía chúng tôi trên một vật kỳ lạ nhất mà tôi đã từng nhìn thấy, đó là một khung sắt với hai cái bánh xe, một ở phía trước, một ở phía sau. Anh ta nhìn chúng tôi không rời mắt, và vì vậy anh ta đã không kiểm soát được chiếc xe, bánh xe đằng trước lao vào đá, và rẽ ngoặt ra bên đường, người thanh niên lao thẳng lên phía trên bánh xe đằng trước và ngã đập lưng xuống đất.

Một phụ nữ lớn tuổi người Trung Quốc chạy đến bên anh ta, bà ta đi quanh và mắng nhiếc con người đáng thương đó, chắc chắn là anh ta đang rất đau đớn. Anh ta đứng dậy, trông khá ngơ ngác, nhặt lên cái khung sắt còn gắn với bánh xe trước bị vặn méo, và vác lên vai rồi buồn bã đi xuống núi, theo phố bậc thang. Chúng tôi nghĩ là mình đang đến một nơi điên rồ, bởi vì mọi người hành động rất khác thường. Chúng tôi chậm rãi đi dọc trên phố, kinh ngạc về hàng hóa trong các cửa hàng, cố gắng giải nghĩa giá cả là gì và để làm gì, bởi vì mặc dù chúng tôi đã nhìn thấy các tạp chí đến từ Mỹ, nhưng không ai trong chúng tôi hiểu những từ ngữ sơ sài nhất, mà chỉ để giải trí với những bức hình mà thôi.

Đi xa hơn nữa, chúng tôi tìm thấy trường đại học nơi tôi sẽ theo học. Chúng tôi dừng lại và tôi đi vào trong để có thể báo cáo về sự có mặt của mình. Tôi có những người bạn hiện vẫn còn trong tay của những người Trung Quốc, tôi không có ý định đưa ra bất cứ thông tin nào mà vì chúng, họ có thể bị nhận ra bởi vì tôi từng kết nối mật thiết nhất với Phong trào Thanh niên Tây Tạng Kháng chiến. Chúng tôi tích cực chống lại những người Trung Quốc ở Tây Tạng.

Tôi bước vào, chỉ ba bước, là đến nơi và vào một căn phòng. Ở đây có một cái bàn mà tại đó có một thanh niên Trung Quốc đang ngồi trên một cái bục

nhỏ kỳ dị bằng gỗ, được đỡ bằng bốn cái cột và có hai cột khác nữa cùng một thanh ngang để đỡ lưng. Thật là một kiểu ngồi lười biếng, tôi nghĩ, tôi không bao giờ có thể xoay sở được giống như vậy! Anh ta có vẻ là một chàng trai trẻ tuổi dễ chịu. Anh mặc quần áo vải lanh màu xanh như hầu hết người Trung Quốc, đeo một chiếc huy hiệu trên ve áo, nó chỉ ra rằng anh ta là nhân viên của trường này.

Ngay khi nhìn thấy tôi, mắt anh ta mở to, miệng anh ta cũng vậy. Sau đó anh ta đứng lên và chắp hai tay vào nhau trong khi cúi thấp xuống, “Tôi là sinh viên mới ở đây”, tôi nói, “Tôi đến từ Lhasa, ở Tây Tạng, với bức thư của Tu viện trưởng Tu viện Potala”. Rồi tôi đưa ra chiếc phong bì mà tôi đã trân trọng gìn giữ cẩn thận trong suốt hành trình, và bảo vệ nó khỏi mọi khó khăn gian khổ của chuyến đi.

Anh ta cầm lấy thư và cúi chào ba lần, và sau đó, “Hòa thượng tôn kính”, anh ta nói, “ngài sẽ ngồi xuống đây cho đến khi tôi trở lại được chứ?” “Được, tôi có nhiều thời gian,” tôi nói và ngồi xuống trong tư thế hoa sen. Anh ta nhìn những ngón tay của mình một cách bối rối và bồn chồn lo lắng, đôi chân liên tục và sau khi nuốt nước miếng, “Hòa thượng tôn kính”, anh ta nói, “với tất cả sự khiêm tốn và với sự tôn trọng sâu sắc nhất, tôi đề nghị ngài vui lòng làm quen với những chiếc ghế bởi vì chúng tôi sử dụng chúng trong trường đại học này.” Tôi đứng lên và thận trọng ngồi lên một trong những vật kỳ cục tồi tệ đó. Tôi nghĩ như tôi vẫn thường nghĩ -Mình sẽ cố gắng bất cứ điều gì như xưa! Dường như đối với tôi, vật này là một công cụ tra tấn.

Người thanh niên đi ra và để lại tôi ngồi đó bồn chồn và sốt ruột. Cơn đau xuất hiện ngay lúc đó, ngang qua lưng, rồi cứng cổ và tôi cảm thấy hoàn toàn vượt quá sức chịu đựng. Tại sao, tôi nghĩ, ở đất nước bất hạnh này, người ta thậm chí không thể ngồi một cách đúng đắn như chúng tôi vẫn ngồi ở Tây Tạng, nhưng ở đây chúng tôi phải được đỡ cao lên khỏi mặt đất. Tôi cố gắng nhích người sang một bên và cái ghế run rẩy kêu kè kệt, nên sau đó tôi không dám động đậy nữa vì sợ rằng cái ghế sẽ gãy sụp xuống.

Người thanh niên đã trở lại, cúi trước tôi lần nữa và nói: “Ông Hiệu trưởng muốn gặp ngài, thưa Hòa thượng tôn kính. Mời ngài đi lối này” Anh ta đưa tay ra mời tôi đi trước, “Không,” tôi nói, “anh phải dẫn đường chứ. Tôi

không biết đi lối nào cả.” Anh ta cúi đầu lần nữa và vượt lên dẫn trước. Tất cả đều có vẻ rất ngớ ngẩn đối với tôi, những người nước ngoài này nói là họ sẽ chỉ đường cho bạn nhưng rồi họ lại đợi bạn dẫn họ đi. Làm thế nào bạn có thể chỉ dẫn trong khi bạn không biết đường? Đây là quan điểm của tôi và bây giờ vẫn vậy.

Người thanh niên mặc quần áo màu xanh đưa tôi đi dọc theo hành lang và sau đó gõ cửa căn phòng gần cuối hành lang đó. Anh ta cúi đầu rồi mở cửa cho tôi và nói, “Hòa thượng tôn kính, ngài Lobsang Rampa.” Anh ta khép cửa sau lưng tôi và để tôi ở lại trong căn phòng. Có một người đàn ông có tuổi đang đứng bên cửa sổ, một ông già trông rất dễ chịu, một người đàn ông Trung Quốc, râu ngắn và hói đầu.

Kỳ lạ thay, ông ta cũng mặc bộ trang phục kinh khủng mà tôi đã từng nhìn thấy trước đây, kiểu trang phục mà người ta gọi là theo phong cách phương Tây. Ông ta mặc một chiếc áo khoác màu xanh, quần cũng màu xanh, và có một sọc màu trắng mỏng. Trên cổ áo ông ta đeo một cái cà vạt màu, và tôi nghĩ rằng bộ trang phục trông buồn thảm như vậy thế mà ông ta lại muốn dựng lên để gây ấn tượng. “Vậy anh là Lobsang Rampa,” ông ta nói, “tôi đã nghe nói rất nhiều về anh và tôi rất vinh dự nhận anh vào trường làm sinh viên của chúng tôi.”

Tôi đã có một lá thư về anh, ngoài lá thư anh đã mang đến và tôi đảm bảo với anh rằng việc đào tạo trước đây mà anh đã trải qua sẽ có ích cho anh rất nhiều. Thầy của anh, Đức Lạt Ma Mingyar Dondup, đã viết thư cho tôi. Tôi biết ông ấy rất rõ, từ vài năm trước đây ở Thượng Hải, trước khi tôi đi sang Mỹ. Tên tôi là Lee, và tôi là Hiệu trưởng của trường này.”

Tôi phải ngồi xuống và trả lời một loạt các câu hỏi để kiểm tra kiến thức của tôi về các môn học và về giải phẫu học. Những điều quan trọng, hoặc có vẻ là chỉ quan trọng đối với tôi, là Giáo lý thì ông ta đã không kiểm tra tí nào.

“Tôi rất hài lòng về trình độ của anh,” ông ta nói, “nhưng anh sẽ phải học khá vất vả bởi vì ở đây, ngoài hệ thống của Trung Quốc, chúng tôi dạy theo phương pháp của Mỹ về y học và giải phẫu, và anh sẽ phải học nhiều môn học chưa có trong chương trình học của anh trước đây. Tôi đạt được tiêu chuẩn của Hoa Kỳ, và tôi đã được ủy thác của Hội đồng quản trị về việc

đào tạo một số thanh niên theo các phương pháp mới nhất của Mỹ và kết hợp các phương pháp này phù hợp với điều kiện của Trung Quốc.”

Ông ta tiếp tục nói chuyện một lúc lâu, ông nói với tôi về những điều kỳ diệu của nền y học và giải phẫu học của Mỹ, về những phương pháp được sử dụng để chuẩn đoán bệnh. Ông nói tiếp, “Điện, Từ, Nhiệt, Ánh sáng và Âm thanh, tất cả các môn học này anh sẽ cần phải nắm vững thêm vào kiến thức rất hoàn hảo mà Thầy của anh đã dạy cho anh.” Tôi nhìn ông ta trong nỗi kinh hoàng. Hai môn học đầu tiên, Điện và Từ, không có ý nghĩa gì với tôi. Tôi không có một chút ý tưởng mơ hồ nào về những gì ông ta nói. Nhưng Nhiệt, Ánh sáng và Âm thanh, phải, tôi nghĩ, bất kỳ kẻ ngu ngốc nào cũng biết về chúng; người ta phải sử dụng nhiệt để đun trà, sử dụng ánh sáng để nhìn, và sử dụng âm thanh khi nói.

Vậy thì có gì khác để nghiên cứu về chúng? Ông nói thêm, “Tôi đề nghị rằng vì bạn đã quen làm việc vất vả, bạn nên cố tích cực học gấp hai người khác, và hãy theo hai khóa học cùng một lúc, hãy học các khóa về tiền y tế cùng lúc với khóa Đào tạo y tế. Với nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu, bạn sẽ có thể làm được điều này. Hai ngày nữa chúng tôi có một lớp y tế mới khai giảng.” Ông quay đi và lục lọi những giấy tờ của mình, rồi ông cầm lên một vật mà tôi đã từng nhìn thấy trong hình vẽ, tôi nhận ra là cái bút mực – lần đầu tiên tôi nhìn thấy – ông ta tự lảm bảm với chính mình, “Lobsang Rampa, đào tạo đặc biệt về Điện và Từ. Hãy gặp ông Wu. Lưu ý ông ta đặc biệt chú ý.”

Ông ta đặt bút xuống, cẩn thận thăm những gì đã viết, và đứng dậy. Tôi quan tâm nhất đến việc ông ta sử dụng giấy để thăm, chúng tôi sử dụng cát khô một cách cẩn thận. Nhưng ông ta đang đứng nhìn tôi. “Anh tiến bộ nhiều trong việc nghiên cứu,” ông nói, “từ cuộc thảo luận của chúng ta, tôi cần nói rằng anh thậm chí còn đi trước một số bác sĩ của chúng tôi, nhưng anh sẽ phải nghiên cứu hai môn học này, mà hiện nay, anh không có kiến thức về chúng.” Ông ta cầm cái chuông và nói, “Tôi sẽ chỉ cho anh xem xung quanh đây và đưa anh đến các phòng ban khác để anh có ấn tượng nào đó về ngày hôm nay. Nếu anh có điều gì băn khoăn, có điều gì không chắc chắn thì hãy đến gặp tôi, vì tôi đã hứa với Đức Lạt Ma Mingyar Dondup là sẽ giúp đỡ anh hết sức mình.” Ông ta cúi đầu chào tôi, và tôi đặt tay lên nơi trái tim mình cũng cúi đầu chào lại.

Người thanh niên trong trang phục màu xanh bước vào. Ông Hiệu trưởng nói chuyện với anh ta bằng tiếng phổ thông. Sau đó ông quay sang tôi và nói, “có lẽ anh sẽ đi cùng Ah Fu, anh ấy sẽ chỉ cho anh xung quanh trường của chúng ta, và trả lời các câu hỏi của anh.” Lúc này người thanh niên quay lại và dẫn đường, cẩn thận đóng cửa phòng Hiệu trưởng. Trong hành lang, anh ta nói, “Trước tiên chúng ta cần phải đi đăng ký bởi vì ngài cần phải ký tên vào sổ.” Chúng tôi đi xuống hành lang và đi ngang qua một hội trường lớn có sàn được đánh bóng.

Phía bên kia là một hành lang khác. Chúng tôi đi dọc theo đó vài bước và sau đó vào một căn phòng, trong đó đang rất nhộn nhịp. Các thư ký dường như đang rất bận rộn ghi tên vào danh sách, trong khi những người thanh niên khác đang đứng trước một cái bàn nhỏ ghi tên mình vào một cuốn sách lớn. Người thư ký đang hướng dẫn tôi nói điều gì đó với một người đàn ông khác, ông ta biến mất vào văn phòng lớn hơn kế bên.

Ngay sau đó, một người đàn ông Trung Quốc béo, lùn đi ra, với vẻ mặt tươi cười rạng rỡ. Ông ta đeo cặp kính dày cộm, và cũng ăn mặc theo phong cách phương Tây. “À”, ông nói, “Lobsang Rampa, tôi đã được nghe nhiều về anh.” ông ta giơ bàn tay cho tôi. Tôi nhìn và không biết ông ta muốn tôi đưa cái gì cho ông ta. Tôi nghĩ có vẻ ông ta muốn tôi đưa tiền. Người dẫn đường thì thầm với tôi, “anh phải bắt tay ông ấy theo phong cách phương Tây.” “À phải, anh phải bắt tay tôi theo phong cách phương Tây,” người đàn ông béo lùn nói. “Chúng ta sẽ sử dụng cách này ở đây.”

Tôi liền nắm lấy tay ông ta và siết chặt. “Ôi!” ông ta kêu lên, “anh đang bóp nát xương tôi.” Tôi nói, “Vâng, tôi không biết cần phải làm gì. Ở Tây Tạng chúng tôi đặt tay lên nơi trái tim, giống như thế này,” vừa nói tôi vừa làm cử chỉ minh họa. Ông ta nói, “Ồ, đúng rồi, nhưng bây giờ đã thay đổi rồi. Chúng ta sẽ sử dụng cách này. Bây giờ anh hãy nắm và lắc tay tôi đúng mức, tôi sẽ chỉ cho anh thấy làm như thế nào.” Và ông ta làm cử chỉ minh họa. Thế là tôi bắt tay ông ta và nghĩ, thật là ngu ngốc biết chừng nào.

Ông nói, “Bây giờ anh phải ký tên anh để thể hiện rằng anh là sinh viên của chúng tôi.” Ông ta gạt qua một bên những thanh niên đang đứng cạnh cuốn sổ, và làm ướt mấy ngón tay để lật trang cuốn sổ cái. “Đây rồi”, ông nói, “anh sẽ viết đầy đủ tên và cấp bậc của anh vào đây được không?” Tôi gật

một cây bút Trung Quốc và ghi tên của mình ở đầu trang. “Tuesday Lobsang Rampa,” tôi viết, “Lạt ma của Tây Tạng. Nhà sư y tế giải phẫu của lạt ma viện Chakpori. Được công nhận là Hóa thân. Được tấn phong Sư trưởng. Học trò của Đức Lạt ma Mingyar Dondup.” “Tốt!” người đàn ông Trung Quốc béo, lùn nói khi ông ta nhìn chăm chú vào dòng chữ tôi viết. “Tốt! Chúng ta làm xong rồi. Tôi muốn anh xem xung quanh nơi đây của chúng tôi. Tôi muốn anh có được ấn tượng về những kỳ quan của khoa học phương Tây đang có tại đây. Chúng ta sẽ gặp lại nhau sau.”

Câu cuối cùng ông ta nói với người dẫn đường của tôi, và anh bạn trẻ nói: “Anh sẽ đi cùng với tôi, chúng ta sẽ đi đến các phòng khoa học trước tiên.” Chúng tôi đi và rảo bước qua các khu nhà và đi vào một tòa nhà dài khác. Ở đây có đồ bằng thủy tinh khắp mọi nơi. Chai, ống, bình thót cổ, ... tất cả các thiết bị mà trước đây tôi mới chỉ nhìn thấy trong tranh. Người thanh niên đi về phía một vật, “Này!”, anh ta kêu lên, “Lại đây xem cái gì này.” Và anh ta cầm nghịch cái ống bằng đồng, đặt một mảnh thủy tinh dưới chân nó, rồi sau đó vịn cái núm và nhìn chăm chú vào ống đồng.

“Nhìn kìa!” anh ta kêu lên. Tôi nhìn và thấy mẻ cây của một loại vi trùng. Người thanh niên nhìn tôi băn khoăn. “Cái gì! Anh không ngạc nhiên à?” anh ta nói. “Không hề!”, tôi đáp, “chúng tôi có một cái rất tốt ở cung điện Potala do chính phủ Ấn Độ tặng Đức Đạt Lai Lạt ma. Thầy của tôi, Đức Lạt ma Mingyar, được tự do đến đó và tôi đã dùng nó thường xuyên.” “Ồ!” người thanh niên trả lời với vẻ mặt rất thất vọng. “Tôi sẽ chỉ cho anh một cái gì đó khác vậy.” Và anh ta dẫn đường rời khỏi tòa nhà đó để đi đến một tòa nhà khác.

“Anh sẽ sống tại Lạt ma viện trên núi,” anh ta nói, “nhưng tôi nghĩ anh sẽ muốn nhìn thấy các phương tiện mới nhất, nơi mà những sinh viên sẽ tận hưởng khi đến sống ở đó.” Anh ta mở một cửa phòng và tôi nhìn thấy các bức tường được sơn màu trắng trước tiên, và sau đó ánh mắt thích thú của tôi hướng đến một cái khung sắt màu đen có nhiều dây xoắn kéo dài từ bên này sang bên kia. “Cái gì vậy?” tôi kêu lên, “tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì giống như vậy trước đây.” “Đấy,” anh ta nói với vẻ đầy tự hào, “đó là cái giường. Sáu người trong số các sinh viên sẽ ở trong tòa nhà này, đó là thứ hiện đại nhất ở đây.” Tôi nhìn, chưa bao giờ tôi nhìn thấy vật gì giống như vậy.

“Một chiếc giường,” tôi nói, “họ sẽ làm gì với chúng?” “Ngủ trên đó,” anh ta trả lời, “nó thực sự rất thoải mái. Hãy nằm lên và tự nhìn mình mà xem.” Tôi nhìn anh ta, rồi nhìn chiếc giường, và tôi lại nhìn anh ta một lần nữa. Được rồi, tôi nghĩ, mình không được thể hiện tính hèn nhát trước bất cứ nhân viên Trung Quốc nào và vì vậy tôi ngồi lên chiếc giường. Nó kêu cọt kẹt và võng xuống bên dưới tôi, nó nghiêng hẳn về một bên, và tôi cảm thấy tôi sẽ ngã xuống sàn nhà.

Tôi vội vàng nhảy ra, “Ồ, tôi quá nặng đối với nó.” Tôi nói. Anh thanh niên cố gắng giấu nụ cười. “Ồ, đó là những gì nó phải làm,” anh trả lời. “Nó là một cái giường, một cái giường lò xo.” Và anh ta quăng mình nằm dài lên trên chiếc giường, và nảy người lên. Không, tôi không muốn làm điều đó, nhìn nó thật kinh khủng. Tôi luôn luôn ngủ dưới sàn nhà, và thế là đủ tốt đối với tôi. Anh thanh niên nảy lên lần nữa, và nảy bật ngay ra rồi đổ ầm xuống sàn nhà. Thật đáng đời anh ta, tôi nghĩ, khi giúp anh ta đứng dậy.

“Đó chưa phải là tất cả những gì mà tôi muốn chỉ cho anh,” anh ta nói, “Nhìn này.” Anh dẫn tôi đi ngang qua phòng tới một bức tường, ở đó có một cái chậu nhỏ có thể sử dụng để làm tsampa, có lẽ cho đến nửa tá nhà sư. “Hãy nhìn xem,” anh nói, “tuyệt vời, phải không?” Tôi nhìn cái chậu. Nó chả gây ấn tượng gì với tôi vì chỉ thấy là chả có thể làm gì trong đó. Nó có một cái lỗ ở dưới đáy, “điều đó không tốt,” tôi nói, “nó có một cái lỗ, nên không thể pha trà trong đó.” Anh ta cười, thực sự rất thích thú về điều đó.

“Đấy,” anh ta nói, “nó thậm chí còn mới hơn cả cái giường. Nhìn này!” anh ta đưa tay ra và chạm vào một cái miếng kim loại được gắn vào một bên của cái chậu trắng. Trước vẻ kinh ngạc sững sờ của tôi, một dòng nước chảy ra từ miếng kim loại. Nước! “Nó lạnh,” anh ta nói, “khá lạnh. Nhìn này.” Và anh ta hứng tay mình dưới dòng nước. “Hãy cảm nhận nó,” anh ta nói, và tôi cũng đưa tay vào nước, giống y như nước sông vậy. Có vẻ nước hơi cũ, nó có mùi cũ hơn một chút so với nước sông, nhưng ... nước từ một mảnh kim loại.

Ai mà nghe chuyện này được! Anh ta rút tay ra, nhặt lên một vật màu đen và đẩy nó vào lỗ ở dưới đáy chậu. Nước chảy róc rách, ngay sau đó ngập đầy chậu nhưng không bị tràn ra ngoài, nó đã chảy đi chỗ khác, qua một cái

lỗ ở đâu đó, nhưng nước không rơi xuống sàn nhà. Anh thanh niên chạm vào miếng kim loại lần nữa và dòng nước ngưng chảy. Anh đưa hai tay vào chậu đầy nước và khóa tay trong đó. “Hãy nhìn xem,” anh nói, “nước thích tuyệt. Bạn không cần phải đi ra ngoài và múc nước nữa.” Tôi cũng đưa tay vào khóa nước trong chậu. Cảm giác thật dễ chịu, không cần phải bò xuống sông sâu để lấy nước.

Sau đó, anh thanh niên kéo cái xích và nước chảy ào đi. Anh ta quay đi và nhặt lên một vật mà tôi nghĩ là cái áo choàng ngăn không tay của ai đó. “Đây này,” anh nói, “dùng nó đi.” Tôi nhìn anh ta và nhìn mảnh vải anh ta đưa cho tôi. “Để làm gì?” tôi nói, “tôi mặc đủ quần áo rồi.” anh ta lại cười phá lên, “ồ, không, anh lau tay vào đây,” anh nói, “như thế này,” anh lau tay cho tôi nhìn. Anh ta đưa cái khăn lại cho tôi, “anh hãy lau khô tay đi,” anh nói. Tôi cũng lau tay, nhưng tôi ngạc nhiên bởi vì lần trước tôi đã nhìn thấy những người phụ nữ nói ở Tây Tạng họ sẽ rất vui mừng có một mảnh vải như vậy để sử dụng nó làm điều gì đó có ích, còn ở đây, chúng tôi đang làm hỏng nó bằng cách lau tay vào nó. Dù thế nào thì mẹ tôi cũng sẽ nói nếu nhìn thấy tôi làm như vậy!

Lúc này tôi thực sự bị ấn tượng. Nước chảy ra từ kim loại.

Những cái chậu có lỗ ở trong có thể sử dụng được. Người thanh niên dẫn đường đang hớn hờ. Chúng tôi đi xuống vài bước và vào một căn phòng ở dưới lòng đất. “Ở đây,” anh nói, “đây là nơi chúng tôi bảo quản những tử thi, nam giới và phụ nữ.”

Anh mở tung cánh cửa, và ở đó, trên những bàn bằng đá, có những tử thi đã sẵn sàng để được mổ xẻ. Không khí đậm mùi hóa chất được sử dụng để bảo quản các tử thi không bị phân hủy. Lúc đó tôi vẫn chưa có một ý niệm nào về những thứ ở đây, bởi vì ở Tây Tạng, các tử thi có thể giữ được trong thời gian rất dài mà không bị phân hủy do không khí khô lạnh. Ở đây, trong thành phố Trùng Khánh ngọt ngọt, tử thi cần phải được tiêm thuốc gann như ngay sau khi họ chết, để có thể được bảo quản trong vài tháng mà sinh viên chúng tôi cần phải phân tích tỉ mỉ chúng. Anh ta đi đến một cái tủ và mở nó ra. “Hãy nhìn xem,” anh nói, “Các thiết bị phẫu thuật mới nhất của Mỹ. Để cắt các tử thi, các cánh tay và chân. Hãy nhìn đây!”

Tôi nhìn những vật dụng lấp lánh ánh kim loại, thủy tinh và ánh Crôm, và tôi nghĩ, phải, tôi nghi ngờ việc họ có thể làm điều gì tốt hơn chúng tôi đã làm ở Tây Tạng.

Sau khi tôi đã ở trong khu nhà của trường đại học khoảng ba giờ, tôi quay trở lại với những người bạn đồng hành của tôi đang lo lắng ngồi chờ ở sân trong của tòa nhà. Tôi kể lại với họ những gì tôi đã nhìn thấy, những gì tôi đã làm.

Sau đó tôi nói, “Chúng ta hãy đi quanh xem thành phố này, chúng ta hãy xem nó là loại gì. Đối với tôi nó có vẻ rất man rợ, mùi hôi thối và tiếng ồn rất khủng khiếp.” Vì vậy, chúng tôi lại lên ngựa, và đi trở ra, ngắm nhìn con phố bậc thang với các cửa hàng san sát. Chúng tôi xuống ngựa để có thể đi, từng người một nối tiếp nhau, và ngắm nhìn những đồ vật đặc biệt được bày bán.

Chúng tôi nhìn xuống con phố mà ở cuối đường dường như không còn đường đi xa tiếp nữa, nó dường như kết thúc đột ngột ở một vách đá. Nó làm cho chúng tôi tò mò nên chúng tôi đi xuống và nhìn thấy nó có những bậc đi tiếp dẫn xuống bên cạnh. Chúng tôi nhìn thấy những chiếc thuyền lớn chờ hàng hóa, với mũi tàu cao, những dây trảo, cánh buồm tam giác của chúng đang vỗ một cách uể oải, đập vào cột buồm trong gió vờn dưới chân vách núi.

Những người phu đang khuân vác hàng hóa, đi lại trên bong tàu theo bước đi lắc lư chậm chậm với những thanh tre dài trên vai. Tại mỗi đầu của thanh tre treo những giỏ hàng hóa. Thời tiết rất ẩm áp, và chúng tôi mệt nhoài. Trùng Khánh được ghi nhận về bầu không khí oi bức của nó. Sau đó, khi chúng tôi đi dọc phố đất theo những con ngựa, sương mù sa xuống từ những đám mây, rồi nó tràn lên từ dòng sông, và chúng tôi mò mẫm như thể đi trong bóng tối.

Trùng Khánh là một thành phố cao, cao và hơi đáng sợ một chút. Nó là thành phố bậc đá với gần hai triệu dân. Những con phố dốc đứng, dốc đến nỗi một số căn nhà cứ như những hang động trên sườn núi, trong khi những cái khác có vẻ như nhô ra, cheo leo trên vực thẳm. Nơi đây mỗi tấc đất đều được trông trọt, hết sức giữ gìn, chăm sóc. Trên mỗi dải đất hẹp hoặc

khoảnh đất nhỏ đều có lúa mọc, hoặc những luống đậu, hay ngô, không nơi nào đất để lãng phí hoặc nhàn rỗi.

Những bóng người mặc quần áo màu xanh cúi gập người ở khắp nơi, cứ như thể họ được sinh ra như vậy, nhặt cỏ dại bằng những ngón tay mệt mỏi. Những người dân tầng lớp cao hơn sống trong thung lũng Gia Linh, một vùng ngoại ô của Trùng Khánh, là nơi không khí lành mạnh, nhưng theo tiêu chuẩn của người Trung Quốc, chứ không phải của chúng tôi, các cửa hàng phong phú hơn, đất đai màu mỡ hơn, là nơi có nhiều cây cối và những dòng suối nhỏ êm đềm. Đây không phải là nơi dành cho những người làm nghề phu khuân vác, mà là nơi dành cho những thương nhân phát đạt, những người chuyên nghiệp, và những người có của cải sung túc. Các quan lại và tầng lớp được đặc quyền trong xã hội sống ở đây. Trùng Khánh là thành phố đồ sộ, và lớn nhất mà chúng tôi từng được nhìn thấy, nhưng nó cũng không ấn tượng với chúng tôi.

Đột nhiên chúng tôi chợt nhớ ra là chúng tôi đang rất đói. Chúng tôi không còn thực phẩm nên không còn cách gì khác ngoài việc đến quán ăn và ăn như người Trung Quốc. Chúng tôi đi đến một cửa hàng có biển hiệu sặc sỡ nói rằng họ có thể cung cấp thức ăn ngon nhất tại Trùng Khánh và không phải chờ đợi. Chúng tôi vào và ngồi xuống bên một cái bàn. Một nhân viên mặc bộ quần áo màu xanh đến chỗ chúng tôi và hỏi chúng tôi muốn ăn gì. “Anh có tsampa không?”, tôi nói. “Tsampa!” anh ta trả lời, “Ồ không, đó hẳn là món ăn của phương Tây. Chúng tôi không có loại đó.” “Vâng, vậy các anh có gì?” tôi hỏi. “Cơm, mì, vây cá mập, trứng.” “Được rồi, chúng tôi sẽ ăn những nắm cơm, mì, vây cá mập và măng tre. Hãy nhanh lên!”

Anh ta vội vã ra đi và ngay sau đó đã quay lại với thức ăn mà chúng tôi đã yêu cầu. Xung quanh chúng tôi, những người khác đang ăn và chúng tôi kinh hoàng khi thấy họ vừa ăn vừa nói chuyện, gây ồn ào kinh khủng. Ở Tây Tạng, tại các lạt ma viện, có một nguyên tắc **bất khả xâm phạm là khi ăn cấm nói chuyện, bởi vì điều đó là thiếu tôn trọng thực phẩm và thức ăn có thể gây ra sự đau đớn bên trong cơ thể.** Trong các lạt ma viện, trong bữa ăn luôn có một nhà sư đọc Giáo lý và mọi người phải vừa lắng nghe vừa ăn.

Những cuộc trò chuyện diễn ra xung quanh chúng tôi thật là tầm thường. Chúng tôi bị sốc và ghê tởm. Chúng tôi ăn trong khi nhìn vào đĩa thức ăn

của mình trong suốt bữa ăn theo quy định của tôn giáo chúng tôi. Một số cuộc nói chuyện là những cuộc thảo luận kín đáo về Nhật Bản và những tình trạng lộn xộn họ đã gây ra tại một vài vùng của Trung Quốc. Lúc đó, tôi chẳng biết gì về vấn đề này. Tuy nhiên, chúng tôi không bị ấn tượng về bất cứ điều gì tại nơi ăn uống cũng như về Trùng Khánh. Bữa ăn này đáng chú ý chỉ bởi vì đó là bữa ăn đầu tiên mà tôi phải trả tiền.

Sau khi ăn xong, chúng tôi đi ra ngoài và tìm thấy một nơi trong sân của một tòa nhà nào đó của thành phố, nơi chúng tôi có thể ngồi nói chuyện. Chúng tôi tháo yên cương cho ngựa để cho chúng nghỉ ngơi thoải mái nhất và tại đó chúng được ăn và uống nước, bởi vì ngày hôm sau, các bạn đồng hành của tôi sẽ lên đường trở về nhà, trở về Tây Tạng. Còn bây giờ, theo cách của những người đi du lịch ở khắp nơi trên thế giới, họ đang cân nhắc nên mua gì để mang về cho bạn bè họ ở Lhasa, và tôi cũng tự hỏi nên gửi gì về làm quà cho Thầy của tôi, đức Lạt ma Mingyar. Chúng tôi thảo luận một hồi, và sau đó giục nhau đứng lên, đi bộ trở lại các cửa hiệu một lần nữa để mua đồ.

Sau đó chúng tôi đi đến một khu vườn nhỏ nơi chúng tôi có thể ngồi và trò chuyện. Trời đã tối. Những vì sao bắt đầu tỏa sáng mập mờ xuyên qua những đám mây nhẹ đã thay thế cho làn sương mù đang tan dần. Lại một lần nữa, chúng tôi đứng lên và đi tìm thức ăn. Lần này là hải sản, loại thực phẩm mà chúng tôi chưa bao giờ ăn trước đây và nó có mùi vị hoàn toàn xa lạ với chúng tôi, rất khó chịu, nhưng cái chính nó là thức ăn mà chúng tôi lại đang đói. Ăn uống no nê, chúng tôi rời quán ăn và trở về nơi nhốt ngựa. Có vẻ như chúng đang đợi và háy lên vui vẻ khi chúng tôi đến gần. Trông chúng khỏe mạnh, và rất mừng rỡ khi thấy chúng tôi đến. Tôi chưa bao giờ là một kỵ sĩ giỏi và chắc chắn tôi thích con ngựa mệt mỏi hơn là một con đã được nghỉ ngơi. Chúng tôi cưỡi ngựa đi vào phố và theo đường đi Gia Linh.

Chúng tôi rời khỏi thành phố Trùng Khánh và đi ngang qua các vùng ngoại ô của thành phố, trên con đường dẫn tới nơi chúng tôi sẽ nghỉ lại qua đêm, tới Lạt ma viện mà nơi đó sẽ là nhà của tôi vào buổi đêm. Chúng tôi rẽ phải và đi lên phía bên một đồi cây rậm rạp. Lạt ma viện được dành cho tôi và nó là lối gần nhất để về nhà ở Tây Tạng, khi tôi bước vào chùa đúng thời gian của buổi lễ cầu nguyện. Khói hương trầm phảng phất lan tỏa thành những đám mây và giọng đọc thâm trầm của các vị sư già hòa cùng giọng

cao trong treo của các chú tiểu sơ cơ càng làm cho tôi thêm gầy vặt nỗi nhớ nhà da diết. Những người khác có lẽ cảm nhận được nỗi lòng của tôi nên họ im lặng và để tôi được ở lại một mình. Tôi ngồi nguyên tại chỗ của mình sau khi buổi lễ cầu nguyện đã kết thúc một lúc lâu.

Tôi ngồi đó và nghĩ mãi, day dứt nhớ về lần đầu tiên tôi bước chân vào Lạt Ma viện sau khi vượt qua thử thách khó khăn, khi đó tôi đã rất đói khát và khổ sở. Lúc này đây, tôi cũng đang đau buồn, có lẽ còn khổ sở hơn cả trước kia, vì lúc đó tôi còn quá nhỏ để biết nhiều về cuộc sống, nhưng giờ đây tôi cảm thấy đã biết quá nhiều về sự sống và về cái chết. Một lúc sau, vị Hòa thượng trụ trì đã nhiều tuổi của ngôi chùa nhẹ nhàng đến bên tôi. “Người anh em của tôi,” ông nói, “không tốt chút nào khi nghĩ quá nhiều về quá khứ, khi mà cả tương lai đang đợi ở phía trước. Buổi lễ cầu nguyện đã kết thúc, người anh em của tôi, sắp đến thời gian của buổi lễ cầu nguyện khác rồi. Người anh em hãy về chỗ ngủ của mình, còn nhiều việc phải làm vào sáng sớm ngày mai.”

Tôi đứng lên không nói gì và đi theo ông đến chỗ ngủ của mình. Những người bạn đồng hành của tôi đã đến lúc được trở về nhà. Tôi đi ngang qua chỗ họ nằm, vẫn hình dáng người cuộn tròn trong chăn. Ngủ ư? Có lẽ. Ai mà biết được? Có lẽ họ đang mơ về cuộc hành trình mà họ sẽ lại thực hiện một lần nữa và mơ về cuộc đoàn tụ vui vẻ mà họ sẽ có vào cuối cuộc hành trình ở Lhasa. Tôi, cũng vậy, cuộn tròn mình trong chăn, và nằm xuống. Bóng trắng đồ dài và trở nên càng dài hơn nữa trước khi tôi ngủ thiếp đi.

Tôi bị đánh thức bởi những âm thanh vang rền của tiếng kèn trumpet và tiếng cồng chiêng của nhà chùa. Đã đến giờ phải dậy và tham gia buổi lễ cầu nguyện lần nữa. Buổi lễ phải tiến hành trước bữa ăn sáng, nhưng tôi rất đói. Tuy nhiên, sau buổi lễ, thức ăn để trước mặt nhưng tôi không muốn ăn. Bữa sáng của tôi rất nhẹ, một bữa ăn nhẹ vì tôi cảm thấy rất buồn. Các bạn đồng hành của tôi đang ăn, dầu rằng rất chán, tôi nghĩ, nhưng họ đang phải cố gắng để lấy lại sức cho cuộc hành trình trở về mà họ sẽ bắt đầu từ ngày hôm nay. Bữa ăn sáng kết thúc, chúng tôi cùng đi dạo quanh một lát. Không ai trong chúng tôi nói nhiều. Mà dường như chẳng có gì nhiều để mà nói.

Sau đó, cuối cùng, tôi nói, “Hãy giúp tôi chuyển thư và gói quà này đến Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức. Nói với Thầy là tôi sẽ viết thư cho

Thầy thường xuyên. Hãy nói với Thầy các bạn đã nhìn thấy tôi nhớ Người và cảm thấy thiếu vắng sự hướng dẫn của Người biết bao.” Tôi đưa tay vào trong vạt áo, “còn cái này,” tôi nói khi rút ra một gói nhỏ, “đây là quà của tôi dành cho Đức Thái Tuế. Hãy đưa cho Thầy tôi, Thầy sẽ biết và chuyển cho Đức Đạt Lai Lạt Ma.” Họ cầm lấy và tôi quay sang một bên vì quá xúc động, mà tôi không muốn những người khác nhìn thấy, tôi không muốn họ nhìn thấy tôi, một vị Lạt ma cao cấp, lại bị xúc động như vậy.

May mắn hay là họ cũng đang rất đau khổ vì giữa chúng tôi đã nảy sinh một tình bạn chân thành, mặc dù theo chuẩn mực của Tây Tạng, thì chúng tôi khác biệt về đẳng cấp. Họ rất buồn và thông cảm vì sự chia tay, thông cảm vì tôi bị bỏ lại trong thế giới xa lạ mà họ không thích, trong khi họ sẽ trở về Lhasa yêu dấu. Chúng tôi cùng đi với nhau thêm một lát nữa, giữa những cây cối, ngắm nhìn những bông hoa nhỏ nhiều như trải thảm trên mặt đất, lắng nghe tiếng chim hót trên cành cây, ngắm nhìn những đám mây rực sáng trên bầu trời cao. Rồi cũng đến lúc phải chia tay, chúng tôi cùng nhau quay trở lại lạt ma viện cổ của Trung Quốc nép mình giữa những cây xanh trên đỉnh núi nhìn ra Trùng Khánh, nhìn xuống những dòng sông. Không còn gì nhiều để nói, để làm, chúng tôi bồn chồn và cảm thấy sâu não.

Chúng tôi đi đến chuồng ngựa. Một cách chậm rãi, các bạn đồng hành của tôi thắng yên những con ngựa của họ và cầm lấy dây cương con ngựa của tôi, mà nó vốn rất trung thành với tôi từ khi còn ở Lhasa, và bây giờ nó là một kẻ hạnh phúc, được trở về Tây Tạng. Chúng tôi trao đổi vài câu, chỉ nói rất ít, sau đó họ lên ngựa và cất bước lên đường, hướng về phía Tây Tạng, để lại tôi đứng đó một mình, nhìn chằm chằm xuống con đường dỗi theo sau họ. Họ nhỏ dần, nhỏ dần, và biến mất khỏi tầm nhìn của tôi nơi khúc quanh. Đám bụi nhỏ bị đẩy lên khi họ đi qua cũng đã lắng xuống, tiếng vó ngựa của họ xa dần rồi tắt hẳn.

Tôi đứng đó suy nghĩ về quá khứ và sợ hãi tương lai. Tôi không biết đã đứng đó bao lâu trong nỗi khổ đau lặng lẽ, nhưng tôi được lôi ra khỏi tâm trạng chán nản bằng một giọng nói dịu dàng, “Thưa Đức Lạt ma tôn kính, Ngài không nhớ rằng ở Trung Quốc cũng có những người sẽ là bạn của Ngài hay sao? Tôi sẵn sàng phục vụ Ngài, thưa Đức Lạt ma tôn kính của Tây Tạng, tôi cũng là sinh viên của Trùng Khánh.” Tôi chậm chậm quay người lại và ở đó, ngay sau lưng tôi, một nhà sư Trung Quốc trẻ tuổi để

thương. Tôi nghĩ anh ấy khá phân vân, không biết thái độ của tôi sẽ ra sao khi anh đến bên tôi, bởi vì tôi là một vị Sư trưởng, một Lạt ma cao cấp, còn anh chỉ là một nhà sư Trung Quốc. Nhưng tôi vui mừng nhìn anh.

Anh ấy là Huang, một chàng trai mà sau này tôi tự hào gọi là bạn. Chúng tôi biết về nhau ngay sau đó và tôi đặc biệt vui mừng khi biết rằng anh ấy cũng sẽ là một sinh viên y khoa, bắt đầu từ ngày mai, cũng như tôi. Anh ấy cũng sẽ nghiên cứu những môn đáng chú ý, Điện và Từ. Trên thực tế, anh cũng sẽ tham gia cả hai khóa học mà tôi sẽ nghiên cứu, và chúng tôi đã biết rõ về nhau. Chúng tôi quay lại và đi trở về phía lối vào của lạt ma viện.

Khi chúng tôi đi qua cổng, một nhà sư Trung Quốc khác tiến đến và nói, “Chúng ta cần phải báo cáo với trường đại học. Chúng ta phải ký vào sổ đăng ký.” “Ồ, tôi đã làm tất cả những việc đó rồi,” tôi nói, “tôi đã làm việc đó ngày hôm qua.” “Vâng, thưa Đức Lạt Ma tôn kính,” người kia đáp lại. “Nhưng đây không phải là đăng ký học bổng cho sinh viên mà ngài đã ký với chúng tôi, nó là đăng ký hội học sinh đại học bởi vì trong trường đại học tất cả chúng ta đều là anh em như trong trường đại học của Mỹ.” Vì vậy, chúng tôi lại cùng nhau quay xuống con đường một lần nữa, đi dọc theo con đường mòn của lạt ma viện, đi ngang qua những rừng cây, trên con đường mòn được trải thảm bằng những bông hoa nhỏ, và chúng tôi trở lại con đường chính đi từ Gia Linh đến Trùng Khánh.

Cùng đi với những người thanh niên trẻ này, hầu như cùng lứa tuổi với tôi, hành trình dường như không quá dài cũng không còn khổ sở nữa. Chẳng mấy chốc, một lần nữa, chúng tôi đi đến tòa nhà nơi sẽ là ngôi nhà vào ban ngày của chúng tôi và đi vào. Người nhân viên trẻ trong bộ quần áo màu xanh tỏ vẻ rất vui vẻ khi nhìn thấy chúng tôi. Anh ấy nói, “À, tôi đang hy vọng cậu sẽ gọi đến đây, chúng ta có một nhà báo người Mỹ ở đây, anh ấy nói được tiếng Trung Quốc. Anh ấy rất muốn gặp một Đức Lạt ma cao cấp của Tây Tạng.”

Anh lại dẫn chúng tôi đi dọc theo hành lang một lần nữa và đi vào một căn phòng khác, nơi mà trước đó tôi chưa vào đó. Nó có lẽ là loại phòng tiếp tân vì ở đó có rất nhiều nam thanh niên đang ngồi nói chuyện với những người phụ nữ trẻ, mà tôi cảm thấy khá bị sốc. Trong những ngày đó, tôi biết

rất ít về phụ nữ. Một người đàn ông trẻ cao lớn đang ngồi trong một chiếc ghế rất thấp.

Anh ấy khoảng ba mươi tuổi, tôi chắc vậy. Anh ta đứng lên khi chúng tôi bước vào và đặt tay lên nơi trái tim mình chào chúng tôi theo kiểu phương Đông.

Tất nhiên tôi cũng đáp lễ theo cách đó. Chúng tôi được giới thiệu với anh ta, và sau đó, vì lý do nào đó, anh ta đưa tay mình ra. Lúc này tôi đã được chuẩn bị nên tôi cầm lấy tay anh ta và rung nhẹ nó theo cách đã biết. Anh ấy cười, “À, tôi thấy là bạn đã thành thạo những cách của người phương Tây đang được giới thiệu với Trùng Khánh.” “Vâng,” tôi nói, “Tôi đã phải qua giai đoạn ngồi trong những chiếc ghế vô cùng kinh khủng và bắt tay.”

Anh là một chàng trai khá trẻ đẹp, và tôi cũng biết tên của anh; Anh đã qua đời tại Trùng Khánh một thời gian trước đây. Chúng tôi đi ra sân và ngồi lên một bức tường đá thấp, chuyện trò một lúc lâu. Tôi kể cho anh về Tây Tạng, về những phong tục của chúng tôi.

Tôi kể cho anh nghe nhiều về cuộc sống của tôi ở Tây Tạng, còn anh kể cho tôi nghe về nước Mỹ. Tôi hỏi anh đang làm gì ở Trùng Khánh, một người đàn ông hiểu biết như anh sống ở một nơi ngọt ngào như thế chắc hẳn phải có lý do đặc biệt. Anh nói rằng anh đang chuẩn bị một loạt các bài báo cho tạp chí rất nổi tiếng của Mỹ.

Anh hỏi liệu anh có thể đề cập đến tôi trong các bài báo đó, và tôi trả lời, “Vâng, tôi nghĩ anh không làm thế thì hơn, bởi vì tôi ở đây vì một mục đích đặc biệt, học tập để phát triển, và để sử dụng nó như một bước đột phá cho hành trình xa hơn vào phương Tây. Tôi muốn chờ tới khi tôi làm được điều gì đó đáng kể, một cái gì đó xứng đáng để đề cập đến. Và sau đó,” tôi tiếp tục, “sau đó tôi sẽ liên lạc với anh và dành cho anh cuộc phỏng vấn mà anh mong muốn.” Anh ấy là một người trẻ tuổi rất tốt và hiểu rõ quan điểm của tôi.

Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn bè thân thiện; anh ấy nói tiếng Trung Quốc khá tốt và chúng tôi không gặp phải khó khăn đặc biệt nào để hiểu biết lẫn nhau. Anh đi với chúng tôi một đoạn đường trở về lạt ma viện. Anh nói, “Tôi rất muốn đôi khi, nếu có thể sắp xếp được, đến thăm chùa và tham

gia vào một buổi lễ cầu nguyện. Tôi không theo tôn giáo của anh,” anh nói, “nhưng tôi tôn trọng nó, và tôi muốn được bày tỏ lòng kính trọng của tôi trong ngôi chùa của các bạn.”

“Đồng ý,” tôi trả lời, “anh sẽ đến ngôi chùa của chúng tôi. Anh cũng sẽ được tham gia buổi lễ cầu nguyện của chúng tôi và anh sẽ được chào đón, tôi hứa.” Đến đó chúng tôi chia tay vì chúng tôi còn nhiều việc phải chuẩn bị cho ngày hôm sau, ngày mai khi tôi bắt đầu sự nghiệp mới này làm một người sinh viên, y như thể tôi sẽ học cả đời vậy! Trở về lạt ma viện, tôi phải sắp xếp đồ đạc của mình, xem những cái áo choàng vừa được nhuộm; tôi sẽ đi giặt chúng bởi vì theo phong tục của chúng tôi, chúng tôi phải tự phục vụ quần áo, áo choàng và những vấn đề cá nhân của riêng mình, và không được sử dụng người phục vụ để làm những công việc bản thủ thay cho chúng tôi.

Sau này, tôi cũng sẽ mặc những bộ quần áo của sinh viên Trung Quốc, những bộ quần áo màu xanh, bởi vì những bộ áo choàng Lạt ma của tôi thú hút quá nhiều sự chú ý và tôi không muốn tách riêng đơn độc khỏi cộng đồng, tôi muốn được học hành yên ổn. Ngoài những việc bình thường như giặt giũ quần áo ra, chúng tôi có các buổi lễ cầu nguyện phải tham gia và vì là một Lạt ma hàng đầu, tôi phải chia sẻ việc trông nom các buổi lễ cầu nguyện này bởi vì, mặc dù trong ngày tôi là một sinh viên, nhưng trong lạt ma viện tôi vẫn là một tu sĩ cấp cao có nghĩa vụ phải thực hiện lễ nghi đó. Vì vậy, đã đến gần cuối ngày, cái ngày mà tôi tưởng chừng kéo dài vô tận không bao giờ hết, cái ngày mà lần đầu tiên trong đời, tôi hoàn toàn bị tách rời khỏi những người thân thiết của mình.

Vào buổi sáng – đó là một buổi sáng nắng ấm – Huang và tôi bắt đầu lên đường, một lần nữa, đến với cuộc đời mới, lần này là sinh viên y khoa. Chúng tôi nhanh chóng đi hết hành trình ngắn và đi vào sân trường, ở đó có đến hàng trăm người đang chen chúc xung quanh một cái bảng thông báo. Chúng tôi đọc cẩn thận tất cả các thông báo và tìm thấy tên của chúng tôi ở bên nhau, như vậy chúng tôi sẽ luôn học cùng nhau. Chúng tôi đẩy những người khác vẫn đang đọc thông báo để lấy lối ra và đến lớp học như đã được chỉ dẫn. Tại đó chúng tôi ngồi xuống, khá là ngạc nhiên, cũng có thể chỉ tôi thôi, về tất cả những điều mới lạ của các máy móc, những cái bàn, và tất cả những thứ khác nữa.

Sau đó, sau thời gian dường như là vô tận, những người khác bước vào, từng nhóm nhỏ, và ngồi xuống chỗ. Cuối cùng một tiếng chuông vang lên ở đâu đó và một người đàn ông Trung Quốc bước vào, và nói, “Chào buổi sáng, các em.” Chúng tôi đứng hết dậy, bởi vì nội quy nói rằng quy định đó đã được thống nhất để thể hiện sự tôn trọng, và chào đáp lễ ông “Chào thầy ạ”. Ông ta nói rằng sẽ phát cho chúng tôi một vài tờ giấy để viết và chúng tôi không phải lo lắng về những sự thiếu hiểu biết của mình bởi vì nhiệm vụ của ông là tìm hiểu những gì chúng tôi không biết, và không biết đến mức nào. Ông nói rằng sau khi đánh giá được trình độ của từng người, ông mới có thể trợ giúp chúng tôi được.

Các tờ giấy đề cập tất cả khía cạnh học vấn, những câu hỏi khác nhau hỗn hợp, một sự pha trộn của người Trung Quốc đề cập đến Số học, Vật lý, Giải phẫu, tất cả mọi thứ có liên quan đến y học, giải phẫu, và khoa học, và các môn học đó là cần thiết để cho phép chúng tôi nghiên cứu y học, phẫu thuật và khoa học đến cấp độ cao hơn. Ông đã làm cho chúng tôi hiểu rõ ràng rằng nếu chúng tôi không biết phải trả lời thế nào một câu hỏi thì chúng tôi sẽ bỏ nó đấy, tại thời điểm đó chúng tôi vẫn chưa học nhưng, nếu chúng tôi có thể, hãy cung cấp vài thông tin sao cho ông có thể đánh giá chính xác kiến thức chúng tôi có đến đâu.

Sau đó ông rung chuông. Cửa mở ra và hai nhân viên bước vào trên tay chất đầy những cái gì đó có vẻ là sách. Họ đi len lỏi giữa chúng tôi và phân phát những quyển sách này. Thực tế, chúng không phải là sách, mà là hàng mớ những câu hỏi trên giấy và nhiều tờ giấy khác để chúng tôi viết. Sau đó một người khác đi vào và phân phát bút chì. Chúng tôi sẽ sử dụng bút chì chứ không phải bút lông. Vì vậy, sau đó chúng tôi bắt tay vào việc, đọc các câu hỏi, từng câu một, trả lời chúng theo cách tốt nhất có thể. Chúng tôi có thể nhìn thấy hào quang của giáo viên, hoặc ít nhất là tôi có thể, thấy rằng ông là một người đàn ông chân thật và mối quan tâm duy nhất của ông là giúp đỡ chúng tôi.

Thầy tôi và cũng là thầy giáo riêng của tôi, Lạt ma Mingyar Đại Đức, đã dành cho tôi sự đào tạo rất đặc biệt. Kết quả của những tờ giấy mà chúng tôi được cung cấp trong thời gian khoảng hai ngày cho thấy trong rất nhiều môn học kiến thức tôi tốt hơn và đi trước các sinh viên cùng học khác,

nhưng kết quả cũng cho thấy tôi không có chút kiến thức gì về Điện hoặc Từ học.

Khoảng một tuần sau buổi kiểm tra đó, chúng tôi học trong một phòng thí nghiệm mà ở đó chúng tôi sẽ được cho làm bài thí nghiệm đầu tiên bởi vì, cũng giống như tôi, một vài sinh viên khác chưa có khái niệm gì về ý nghĩa của hai từ nghe có vẻ đáng sợ này. Giảng viên đã giảng cho chúng tôi nghe một bài học về điện và ông nói, “Bây giờ tôi sẽ cung cấp cho các em một bài thí nghiệm thực hành về tác động của điện, một bài thí nghiệm vô hại.” Ông đưa tôi cầm hai sợi dây và nói, “Hãy cầm lấy, cậu hãy giữ chúng thật chặt cho đến khi tôi nói, ‘buông ra’.”

Tôi nghĩ là ông đang yêu cầu tôi trợ giúp ông trong bài thí nghiệm (thì đúng vậy mà!) và vì vậy tôi cầm lấy các sợi dây, mặc dù tôi khá lo lắng bởi vì hào quang của ông ta cho thấy rằng ông đang suy tính hình thái nào đó của sự lừa lọc. Tôi nghĩ, cũng có lẽ tôi đã đánh giá sai ông ta, dù thế nào đi chăng nữa ông ta cũng không phải là một người tốt. Ông quay người và bước nhanh ra xa tôi đến bên cái bàn thí nghiệm của mình. Ở đó, ông nhấn một cái nút. Tôi nhìn thấy ánh sáng đi đến từ dây dẫn và tôi nhìn thấy hào quang của người giảng viên biểu lộ sự kinh ngạc. Ông ta tỏ ra cực kỳ ngạc nhiên.

“Giữ chúng chặt hơn đi,” ông ta nói. Thế là tôi làm đúng như ông ta bảo, siết chặt những sợi dây.

Người giảng viên nhìn tôi và dụi mắt. Ông ta rất ngạc nhiên, điều đó là hiển nhiên với tất cả mọi người, thậm chí với bất cứ ai không có khả năng nhìn thấy hào quang. Rõ ràng là giảng viên chưa bao giờ ngạc nhiên như vậy trước đây. Các sinh viên khác nhìn vào miệng há hốc của ông ngạc nhiên. Họ không thể hiểu được có chuyện gì. Họ không có một ý niệm nào về những điều được dự định. Rất nhanh, người giảng viên đi lại chỗ tôi sau khi tắt công tắc và cầm lấy hai sợi dây từ tay tôi.

Ông nói: “Phải có một cái gì đó sai, chắc hẳn là đã ngắt kết nối.” Ông cầm hai sợi dây trong tay và quay trở lại bàn. Một sợi dây ở trong tay trái của ông, sợi dây kia trong tay phải. Vẫn giữ chúng trong tay, ông ta đưa một ngón tay ra trước và bật công tắc. Sau đó, ông ta gầm lên dữ dội “Ô! Tắt, nó đang giết chết tôi!” đồng thời, cơ thể ông ta co quắp như thể tất cả các cơ

bắp của ông bị trói và tê liệt. Ông tiếp tục la hét và thét lên inh ỏi, hào quang của ông ta nhìn như mặt trời lặn. “Thú vị biết bao,” tôi nghĩ, “tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái gì đẹp như thế trong hào quang của con người!”

Những tiếng kêu la liên tục của người giảng viên đã lập tức làm cho mọi người chạy vào. Một người đàn ông liếc nhìn ông ta và vội vã chạy đến bàn và tắt công tắc. Người giảng viên khốn khổ gục xuống sàn, toát mồ hôi và run rẩy. Ông ta trông thật thiếu não; khuôn mặt ông xanh xám. Cuối cùng ông ta đứng dậy siết chặt mép bàn làm việc.

“Anh đã làm điều đó với tôi.” Tôi đáp, “Tôi ư? Tôi không làm gì cả. Ông bảo tôi cầm những sợi dây và tôi đã giữ chúng, sau đó ông cầm lấy chúng từ tay tôi và ông trông như thể sắp chết.” Ông ta nói, “Tôi không thể hiểu được. Tôi không thể hiểu được.” Tôi trả lời, “Ông không thể hiểu được cái gì? Tôi đã giữ chúng, nhưng ông đang nói về cái gì vậy?” Ông ta nhìn tôi: “Anh thực sự không cảm thấy bất cứ điều gì à? Anh không cảm thấy râm ran hay bất cứ điều gì à?”

“Vâng,” tôi nói, “tôi không cảm thấy gì hơn ngoài sự ám áp dễ chịu một chút. Tại sao, thế tôi phải cảm thấy gì?” Một giảng viên khác, người đã tắt dòng điện nói, “Anh sẽ thử lại lần nữa được không?” tôi nói, “tất nhiên tôi sẽ thử, ông muốn bao nhiêu lần cũng được.” Thế là ông ta đưa tôi những sợi dây. Ông nói, “Bây giờ tôi sẽ bật công tắc Hãy nói cho tôi biết điều gì đang xảy ra.” Ông ta ấn công tắc, và tôi nói, “Ồ, nó chỉ là một chút ám áp dễ chịu. Không có gì phải lo lắng cả. Nó cũng chỉ giống như khi tôi đưa tay lại gần ngọn lửa.” Ông ta nói, “siết chặt hơn nữa.” và tôi đã làm như vậy, tôi thực sự siết chặt chúng cho đến khi các cơ bắp nổi gò lên trên mu bàn tay tôi.

Ông ta và người giảng viên kia nhìn nhau, và dòng điện đã được ngắt. Sau đó một người cầm lấy hai sợi dây từ tay tôi và cuốn vải xung quanh chúng, và ông ta cầm nhẹ chúng trong tay mình. “Bật lên,” ông nói với người giảng viên kia. Thế là ông kia bật công tắc, và người đàn ông đang giữ trong tay những sợi dây đã được bọc trong vải liền buông rơi nó ngay lập tức. Ông nói, “Ồ, nó vẫn còn trên đó.” Trong khi buông rơi xuống, hai sợi dây tụt khỏi miếng vải và chạm vào nhau. Có một ánh sáng lóe lên màu xanh sống động, và một cục kim loại nóng chảy văng ra khỏi đầu của sợi dây. “Bây

giờ các anh đã làm nổ cầu chì rồi,” một người giảng viên nói, và ông đi ra để sửa chữa ở đâu đó.

Điện đã có trở lại, họ tiếp tục bài giảng về điện. Họ nói rằng họ đang cố gắng truyền qua tôi dòng điện hai trăm năm mươi volt như một cú sốc để chỉ ra dòng điện có thể gây ra điều gì. Tôi có một làn da khô khác thường và hai trăm năm mươi volt không làm tổn thương tôi chút nào cả. Tôi có thể đặt tay mình trên nguồn điện và không biết được liệu dòng điện đang có trên đó hay không.

Người giảng viên khôn khéo hoàn toàn không phải loại người đó, ông ấy lại còn đặc biệt nhạy cảm với dòng điện. Trong một lần thuyết trình họ nói, “Ở Mỹ nếu một người bị kết tội giết người, hoặc nếu như luật sư nói rằng ông ta phạm tội giết người thì người đó sẽ bị giết bằng điện. Hắn ta sẽ bị trói vào một chiếc ghế, và dòng điện sẽ tác động vào cơ thể và nó sẽ giết hắn ta.” Tôi nghĩ một cách thú vị khi tự hỏi liệu họ sẽ làm gì với tôi, mặc dù tôi không muốn thử nó một cách nghiêm túc.

CHƯƠNG III: HỌC Y KHOA

Làn sương mù ẩm ướt, xám xịt tràn xuống từ những ngọn đồi phía trên Trùng Khánh, che phủ kín những ngôi nhà, dòng sông, cột buồm của những chiếc thuyền thạp bên dưới, chuyển ánh đèn trong các cửa hiệu thành màu vàng da cam mờ nhạt, làm giảm cả những âm thanh, thậm chí có lẽ còn cải thiện một phần cái vẻ bề ngoài của Trùng Khánh. Tiếng những bước chân lê trên đường và một ông già lưng còng xuất hiện mờ mờ trong tầm mắt qua làn sương mù, rồi nhanh chóng biến mất, không thể nhìn thấy được nữa.

Đó là sự im lặng kỳ lạ ở nơi đây, âm thanh chỉ còn là những tiếng bị bóp nghẹt. Sương mù giống như một tấm chăn dày làm cho tất cả trở nên tẻ nhạt. Huang và tôi vừa kết thúc một ngày học, và bây giờ đã tối muộn. Chúng tôi quyết định đi ra khỏi trường đại học, ra khỏi những phòng mổ xẻ, và để hít thở không khí trong lành. Nhưng thay vào đó, chúng tôi lại gặp phải sương mù. Tôi đã cảm thấy đói. Huang cũng vậy. Sự ẩm ướt thấm vào tận trong xương và làm cho chúng tôi lạnh cóng. “Chúng ta đi ăn đã, Lobsang. Tôi biết một nơi ăn rất ngon,” Huang nói. “Đồng ý,” tôi trả lời.

“Tôi luôn sẵn sàng thưởng thức món gì đó thật thú vị. Cậu có gì đề chỉ cho tôi không?” “Ồ, tôi muốn chỉ cho cậu thấy rằng ở Trùng Khánh chúng ta có thể sống khá tốt mặc cho cậu nói gì.”

Anh quay lại và dẫn đường, hay đúng hơn, anh quay lại và sờ soạng mò mẫm cho đến khi chúng tôi lần bước đến phố và có thể xác định được các cửa hàng. Chúng tôi đi xuống một con đường nhỏ và sau đó đi qua một cái cổng, nó hiện ra một cách kỳ lạ giống như một cái hang động trên vách núi. Ở bên trong, không khí thậm chí còn dày đặc hơn cả bên ngoài. Người ta đang hút thuốc, phun ra những đám khói lớn mùi kinh tởm. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nhiều người hút thuốc như vậy, cũng khá mới lạ, tởm lợm, khi nhìn người ta với những khúc củi cháy dở trong miệng, và khói tuôn ra qua lỗ mũi họ. Một người đàn ông thu hút ánh nhìn chăm chú của tôi. Ông ta tạo ra khói không phải chỉ từ lỗ mũi mà cả từ tai của ông ta.

Tôi chỉ anh ta cho Huang “Ồ, ông ta áy hả,” anh nói, “ông ta điếc lòi ra, cậu biết đấy. Màng nhĩ của ông ta đã bị hỏng. Nó là vốn quý đối với ông ta. Không có màng nhĩ để cản trở khói, vì vậy ông ta đẩy nó ra ngoài qua mũi và cả qua tai nữa. Ông ta đến gặp những người nước ngoài và nói, "Hãy cho tôi một liều thuốc và tôi sẽ cho ông thấy điều mà ông không thể làm được." Kệ ông ta với khói thuốc. Chả can hệ gì hết. Hãy xem món ăn đã. Tôi sẽ gọi món,” Huang nói, “tôi là khách quen ở đây và chúng ta sẽ có món ăn ngon nhất với giá thấp nhất.” Điều đó thật tốt, trong mấy ngày gần đây tôi không ăn được, mọi thứ đều mới lạ, và thực phẩm cũng hoàn toàn xa lạ. Huang nói với một trong những người phục vụ đang ghi lên một tập giấy nhỏ, rồi sau đó chúng tôi ngồi xuống và nói chuyện.

Thực phẩm là một trong những khó khăn của tôi. Tôi không thể có được những loại thực phẩm mà tôi quen dùng, và tôi phải ăn thịt và cá, trong số những thứ khác. Đối với tôi, là một Lạt ma Tây Tạng, điều này thực sự ghê tởm, nhưng tôi đã được các vị Lạt Ma cao cấp ở cung điện Potala tại Lhasa dạy bảo rằng tôi sẽ phải làm cho bản thân mình quen với những thực phẩm xa lạ bên ngoài, và tôi đã được xá tội vì những loại thức ăn mà tôi sẽ phải tiêu thụ. Ở Tây Tạng, chúng tôi là những nhà sư, không ăn thịt nhưng đây không phải là Tây Tạng, và tôi phải tiếp tục sống để thực hiện nhiệm vụ đã được giao phó. Để có thể ăn được những thực phẩm mà tôi cần, tôi sẽ phải ăn món hồ lớn kinh tởm được mang đến cho tôi và làm như tôi thích ăn chúng.

Bữa ăn tối của chúng tôi đã được mang đến. Một nửa con rùa bao quanh là những con ốc biển, và theo sau là một đĩa ếch nấu cà ri với lá bắp cải xếp xung quanh. Chúng khá ngon lành nhưng tôi thích món tsampa của tôi hơn. Vì vậy, điều tốt nhất cần làm là ăn món cà ri ếch cùng với mì và cơm. Chúng tôi uống trà. Một thứ tôi nhất định không bao giờ động đến bất chấp tất cả những lời cổ vũ thúc đẩy của những người bên ngoài Tây Tạng là đồ uống gây say. Không bao giờ, không bao giờ và không bao giờ. Trong niềm tin của chúng tôi không gì tồi tệ hơn là những đồ uống gây say, không có gì xấu xa hơn là say rượu. Say rượu, theo chúng tôi đánh giá, là tội lỗi xấu xa nhất bởi vì khi cơ thể bị u mê vì đồ uống thì thể vía, phần linh hồn cao hơn cả của một người, sẽ bị đưa ra khỏi cơ thể vật lý và phải để thể xác đó nó lại như con mồi cho những kẻ đi rình mò kiếm mồi. Đây không phải là sự sống

duy nhất; cơ thể vật lý chỉ là một biểu hiện đặc biệt, sự biểu lộ thấp nhất, và người uống càng nhiều, càng gây nguy hại cho cơ thể người đó trong trong những cảnh giới khác của sự sống.

Rõ ràng là người say rượu nhìn thấy “ảo giác” và những điều kỳ lạ không tồn tại trong thế giới vật chất.

Chúng tôi tin rằng đó là những biểu hiện của kẻ tà ác nào đó, kẻ đang cố gắng chiếm đoạt cơ thể vật lý để thực hiện những điều tệ hại. Cũng cần biết rõ là những người say rượu không thể “làm chủ được ý thức của họ một cách đúng đắn.” Vì thế, Tôi không bao giờ đụng đến đồ uống gây say, thậm chí rượu ngô, ngay cả rượu gạo cũng vậy.

Vịt quay là dạng thực phẩm rất hấp dẫn đối với những người thích ăn thịt. Tôi thích ăn măng, tất nhiên nó rất khó kiếm ở phương Tây. Loại rau thay thế cho nó gần nhất là cần tây, chúng mọc ở một nước châu Âu nào đó. Cần tây Anh là hoàn toàn khác và không phù hợp lắm. Khi thảo luận về thực phẩm Trung Quốc, có thể ai đó quan tâm cho rằng không có món ăn thập cẩm như vậy; đó chỉ là một cái tên, một cái tên chung cho món ăn Trung Quốc, cho BẤT KỲ món ăn Trung Quốc nào.

Nếu ai đó muốn có một bữa ăn Trung Quốc thực sự ngon họ cần phải đi đến nhà hàng Trung Quốc chính thống hạng nhất và ăn món ra gu nấm và măng. Sau đó họ nên ăn canh cá. Tiếp theo là vịt quay. Bạn sẽ không cần đến dao lạng thịt trong nhà hàng Trung Quốc thật sự, người phục vụ sẽ đến cùng với một cái rìu nhỏ và anh ta sẽ chặt nhỏ con vịt ra thành những lát có kích thước phù hợp với bạn. Khi đã vừa ý bạn, chúng sẽ được cuốn với một lát hành non và kẹp vào trong một cái sandwich, loại bánh mì không có men. Người ta sẽ nhặt lên những cái bánh sandwich nhỏ này và ăn ngẫu nhiên từng chiếc đầy mồm.

Bữa ăn nên kết thúc với những chiếc lá sen, hoặc, nếu bạn thích thì với ngó sen. Một số người thích hạt sen hơn, nhưng cho dù với bất cứ thứ nào thì bạn cũng sẽ cần trà Trung Quốc. Đây là loại bữa ăn chúng tôi đã dùng trong nhà hàng rất quen thuộc với Huang. Giá cả hợp lý đáng ngạc nhiên và cuối cùng, khi chúng tôi đứng lên để tiếp tục hành trình, chúng tôi hoàn toàn vui vẻ, nhẹ nhàng, và khỏe khoắn nhờ thức ăn ngon, để rồi lại bước ra ngoài và đối mặt với sương giá. Chúng tôi đi lên phố, dọc theo con đường về Gia

Linh, được một đoạn chúng tôi rẽ phải đi vào con đường mòn dẫn lên ngôi chùa của chúng tôi.

Chúng tôi trở về đúng giờ của buổi lễ cầu nguyện. Những tấm bài vị treo ử rũ dựa trên những cây cột. Không có gió và những đám khói hương trầm cũng gần như treo bất động. Những tấm bài vị bằng vật liệu màu đỏ với những chữ viết Trung Quốc vàng trên đó, là những tấm bài vị của Tổ tiên và được sử dụng giống như những tấm bia mộ dùng để tưởng nhớ người đã mất ở các nước phương Tây. Chúng tôi kính cẩn cúi chào Phật Tổ và Quan Thế Âm, vị thần của sự sống lương thiện và nữ thần của lòng từ bi, rồi đi tiếp vào ánh sáng lờ mờ bên trong ngôi chùa để tham gia vào buổi lễ. Sau đó chúng tôi không thể ăn tối được nữa, mà thay vào đó là cuộn tròn trong chăn ấm và ngủ thiếp đi.

Không bao giờ bị thiếu tử thi để giải phẫu. Ở Trùng Khánh vào thời gian đó tử thi luôn có sẵn. Sau này, khi chiến tranh xảy ra, chúng tôi sẽ còn có nhiều xác chết phải xử lý hơn nữa! Nhưng những tử thi ở đây dùng để giải phẫu, chúng tôi bảo quản trong một căn phòng dưới lòng đất, được làm lạnh một cách cẩn thận. Ngay khi chúng tôi nhận được một xác người mới chết từ các đường phố, hoặc từ một bệnh viện, chúng tôi thường tiêm vào háng một chất khử trùng mạnh nhất mà nó sẽ giúp bảo vệ xác chết trong một vài tháng.

Điều đáng chú ý khi đi xuống tầng hầm sẽ nhìn thấy các tử thi được đặt trên những tấm đá mỏng, và điều không thay đổi đáng chú ý là những tử thi rất gầy gò. Chúng tôi thường tranh cãi nóng bỏng khi ai đó cần tử thi gầy nhất. Những tử thi béo rất rắc rối khi cần mổ xẻ tỉ mỉ, mất quá nhiều công sức nhưng kết quả thì lại rất ít. Một tử thi có thể sẽ được cắt ra làm nhiều phần, giải phẫu một dây thần kinh hoặc một động mạch, và phải mổ tách ra hết lớp này đến lớp khác các mô mỡ. Các tử thi được cung cấp đầy đủ. Chúng tôi thường xuyên có nhiều đến mức phải bảo quản chúng trong những bể đầy dung dịch axit, làm của để dành, như chúng tôi thường gọi.

Tất nhiên không phải luôn dễ dàng mang lên một tử thi vào bệnh viện vì một số người thân có quan điểm mạnh mẽ về những điều như vậy. Trong những ngày đó, những trẻ sơ sinh đã chết bị bỏ rơi trên những đường phố, hoặc những người trưởng thành, mà gia đình họ quá nghèo để có thể làm

một lễ tang phù hợp, đã phải để tử thi của họ lại trên những đường phố được che phủ bởi bóng đêm. Chúng tôi, những sinh viên y khoa, thường đi ra ngoài vào buổi sáng sớm để nhặt những cái xác nhìn còn tốt nhất, và tất nhiên, gầy còm nhất! Chúng tôi có thể có một tử thi hoàn chỉnh cho chính mình, thường thì cứ hai người chúng tôi làm việc với một tử thi, một người xử lý đầu, người kia xử lý chân. Điều đó làm cho dễ kết bạn hơn.

Chúng tôi thường xuyên ăn trưa trong phòng giải phẫu mỗi khi chúng tôi ôn luyện, chuẩn bị cho bài kiểm tra. Không phải là điều lạ khi nhìn thấy một sinh viên với thức ăn trải ra trên dạ dày của một tử thi trong khi sách cuốn sách anh ta đang đọc được dựng lên dựa vào bắp đùi. Thời đó, chưa bao giờ xảy ra các loại khiếu nại cần tìm hiểu về sự lây nhiễm từ xác chết.

Hiệu trưởng của chúng tôi, Tiên sĩ Lee, đã có tất cả những hiểu biết mới nhất của Mỹ; về một số phương diện, ông là người kỳ quặc trong việc sao chép của Mỹ, nhưng không vấn đề gì, ông là một người tốt, một trong những người Trung Quốc tuyệt vời nhất mà tôi đã gặp, và thật tốt khi được học với ông. Tôi đã học nhiều và trải qua nhiều bài thi; nhưng tôi vẫn cho rằng tôi đã học được xa hơn về giải phẫu bệnh từ những vị Âm Công của Tây Tạng.

Trường đại học của chúng tôi và các bệnh viện trực thuộc nằm ở phía cuối con đường cách xa vũng tàu đậu dọc theo con phố bậc thang. Khi thời tiết đẹp, chúng tôi có một tầm nhìn khá tốt ngang qua sông, ngang qua những ruộng bậc thang, bởi vì nó ở một vị trí nhô cao lên, thực tế là một mốc bờ cao hơn. Về phía bên cạnh, tập trung trong khu vực buôn bán của con phố là những cửa hiệu cũ kỹ, tồi tàn trông như thể nó đang trong giai đoạn cuối của sự suy tàn.

Đồ gỗ đã bị mối mọt, và lớp sơn đang bong ra khỏi những tấm bảng. Cánh cửa xiêu vẹo và ọp ẹp. Trên đó có một hình cắt bằng gỗ một con hổ sơn lòe loẹt. Nó được lắp vào để lưng nó uốn cong phía trên cửa ra vào. Hàm mở ngoác ra với những chiếc răng nhìn dữ tợn cùng những chiếc móng vuốt giống như thật để làm cho người ta nhìn vào phải sợ chết khiếp. Con hổ này mang ý nghĩa tượng trưng cho sự tráng dương, nó là một biểu tượng cổ của người Trung Quốc.

Cửa hàng này là một ngọn đèn báo hiệu cho những người đàn ông kiệt sức, và cho những người mong muốn mạnh mẽ hơn để đeo đuổi những trò tiêu khiển của họ. Những người phụ nữ cũng vậy, họ tới đây để kiếm một vài hợp chất, cao hổ, hoặc triết xuất của gốc cây nhân sâm khi họ muốn có con, và vì lý do nào đó. Cao hổ hoặc triết xuất của nhân sâm chứa số lượng lớn chất mà nó giúp những người đàn ông và phụ nữ tại những thời điểm khó khăn như vậy, các chất mà mới đây nó được khoa học phương Tây phát hiện, họ tung hô nó như một thành công vĩ đại về thương mại và nghiên cứu.

Người Trung Quốc và Tây Tạng đã không biết nhiều về nghiên cứu hiện đại, và họ đã có những hợp chất này trong ba hay bốn ngàn năm và không quá khoe khoang về nó. Thực tế là phương Tây có thể học hỏi nhiều từ phương Đông nếu phương Tây sẵn sàng cộng tác. Nhưng hãy trở lại với cửa hiệu cũ kỹ này với con hổ dữ tợn sơn màu, với cửa sổ đầy những bột trông kỳ lạ, những xác ướp và những cái chai chứa những dung dịch màu sắc. Đây là cửa hiệu của một thầy thuốc đang hành nghề y theo phong cách cổ, nơi có thể mua được bột cóc, sừng của con linh dương đất được tán thành bột có tác dụng như thuốc kích thích tình dục, và những thuốc pha chế kỳ lạ khác.

Trong những xóm nghèo hơn, những người bệnh thường không đi phẫu thuật theo cách hiện đại tại các bệnh viện để điều trị. Thay vào đó họ đi đến cửa hiệu cũ bản này theo cách mà cha họ đã làm, và có lẽ cũng giống như ông họ đã làm. Ông ta kể về bệnh của mình cho một thầy thuốc, người đó ngồi trông như một con cú với cặp kính dày cộm, đằng sau một hàng rào gỗ màu nâu.

Ông ta sẽ thảo luận về tình trạng và những triệu chứng của mình, và người thầy thuốc già sẽ nghiêm nghị gật đầu và dùng những đầu ngón tay sờ, ấn. Ông kê đơn thuốc một cách chậm rãi những thứ thuốc cần thiết. Một sự thỏa thuận ngầm là thuốc phải được nhuộm màu theo một quy tắc đặc biệt. Đó là một luật bất thành văn bản từ thời lịch sử xa xưa. Đối với bệnh đau da dày thuốc sẽ có màu vàng, trong khi người bị bệnh về máu hoặc bệnh tim sẽ có thuốc màu đỏ. Những người bị ảnh hưởng nghiêm trọng với bệnh gan mật hoặc thậm chí tâm trạng quá tệ sẽ có thuốc màu xanh lá cây. Bệnh nhân có rắc rối về mắt sẽ có thuốc rửa màu xanh da trời.

Bên trong cơ thể con người xuất hiện những vấn đề nghiêm trọng liên quan đến màu sắc được sử dụng. Nếu một người bị đau bên trong và được cho là có nguồn gốc từ ruột thì thuốc sẽ là màu nâu. Một phụ nữ mang thai, cô ấy được chỉ dẫn, lấy thịt rùa đã tán thành bột và em bé sẽ được sinh ra không đau đớn, dễ dàng, gần như trước khi cô ấy nhận biết được điều đó, vì vậy công việc hàng ngày của cô sẽ không bị trở ngại vì việc sinh nở. Mệnh lệnh được đưa ra là “Về nhà, đặt một cái tạp dề xung quanh cô, giữa hai chân, sao cho bé con sẽ không bị ngã và đập xuống sàn, và sau đó nuốt chỗ bột thịt rùa này!”

Người thầy thuốc Trung Quốc già cả, không đăng ký hành nghề có thể quảng cáo. Ông ta đã làm điều này một cách ngoạn mục nhất. Thường thì ông ta có một biển hiệu thật lớn, một biển hiệu sơn hoành tráng bên trên ngôi nhà của ông ta, để chỉ ra rằng ông ta là một người chữa bệnh tuyệt vời. Không chỉ có thế, trong phòng chờ và phẫu thuật của ông sẽ tìm thấy những chiếc huy chương lớn và những tấm mộc mà những người bệnh giàu có và khiếp đảm đã cho ông ta để xác nhận cách chữa bệnh kỳ diệu mà với những thứ thuốc nhuộm màu, cả thuốc bột lẫn thuốc nước, ông đã chữa khỏi những căn bệnh không được biết đến và cũng không xác định được.

Nha sĩ nghèo không may mắn như vậy, đó là nha sĩ theo phong cách cổ hơn. Hầu hết cuộc đời, ông ta không có nhà riêng để tiếp bệnh nhân, mà ông tiếp họ ở trên phố.

Nạn nhân ngồi lên trên một cái hộp và người nha sĩ tiến hành kiểm tra, chọc và dò, xem xét tổng thể để có được chuẩn đoán chính xác. Sau đó, với nhiều dẫn dắt khéo léo và hoa chân múa tay kỳ quặc khác, ông ta sẽ nhất quyết nhổ chiếc răng bị đau. “nhất quyết” là thuật ngữ phù hợp bởi vì nếu bệnh nhân khiếp sợ hoặc quá âm ỉ thì không phải luôn dễ dàng để nhổ một chiếc răng và lúc đó vị nha sĩ sẽ không ngần ngại kêu gọi những người đứng xem quanh đó giữ nạn nhân đang vật lộn chống cự. Không có chuyện dùng thuốc tê.

Người nha sĩ không quảng cáo như những thầy thuốc khác đã làm, với những biển hiệu, những tấm mộc và những huy chương, mà thay vào đó quanh cổ ông ta đeo một chuỗi những chiếc răng ông ta đã từng nhổ. Bất cứ khi nào nhổ răng, ông ta liền giữ lại và làm sạch cẩn thận chiếc răng, rồi

khoan một lỗ xuyên qua nó. Sau đó nó sẽ được xâu vào chuỗi để thêm một bằng chứng nữa cho kỹ năng của người nha sĩ để thu hút nhiều hơn nữa.

Chúng tôi thường rất phiền lòng khi người bệnh mà chúng tôi đã dành nhiều thời gian và sự chăm sóc, dành cho phép điều trị mới nhất và kê đơn những thứ thuốc đắt tiền, lại bí mật lên đến cửa sau cơ sở của bác sĩ Trung Quốc cổ để được điều trị tại đó. Chúng tôi khẳng định rằng chúng tôi đã chữa khỏi cho bệnh nhân. Các lang băm cũng tuyên bố rằng ông ta đã chữa khỏi. Nhưng người bệnh thì không nói gì hết, anh ta quá vui sướng vì đã thoát khỏi bệnh tật.

Khi chúng tôi ngày càng trở nên tiến bộ hơn trong học tập nghiên cứu và đi đến các khu dưỡng bệnh của bệnh viện, chúng tôi thường xuyên có dịp đi với một bác sĩ có đầy đủ hiểu biết chuyên môn để điều trị cho bệnh nhân tại nhà riêng của họ, để tham gia những ca phẫu thuật. Đôi khi chúng tôi phải trèo xuống những vách đá ở những nơi rất khó tiếp cận, có thể đến một số nơi mà những người nghèo khổ không may bị ngã và gãy xương hoặc thân thể bị rách toạc hầu như không thể chữa khỏi. Chúng tôi đến thăm những người sống trong những ngôi nhà nổi trên sông. Trên dòng sông Gia Linh, có những người sống trong những khoang thuyền, hoặc thậm chí những chiếc bè làm bằng tre được phủ bằng những chiếc chiếu để ghép thành những túp lều nhỏ.

Những chiếc bè lác lư và bập bênh trên sông, và nếu không cẩn thận, đặc biệt vào ban đêm, rất dễ bị sảy chân hoặc đứng vững được trên một phần lỏng lẻo của cây tre mà nó chỉ chìm bên dưới một thân tre khác. Sau đó không thể tránh được những tràng cười cổ vũ của đám đông các cậu bé mà chúng luôn luôn bu quanh, trong những tình huống bất hạnh như vậy. Những người nông dân Trung Quốc già cả mắc nhiều bệnh tật đáng kinh ngạc. Họ không bao giờ phàn nàn và luôn biết ơn với những gì mà chúng tôi có thể làm cho họ.

Chúng tôi thường đi ra ngoài để giúp đỡ những người già cả, có thể là giúp làm sạch túp lều nhỏ bé của họ, hoặc chuẩn bị thức ăn cho họ, nhưng đối với thế hệ trẻ hơn thì không dễ chịu như vậy. Họ đang trở nên ngang ngạnh, họ đang tiếp nhận những tư tưởng kỳ lạ. Những người đàn ông đến từ

Moscow đang qua lại với họ. Chúng tôi đã biết điều đó, nhưng chúng tôi không thể làm gì được ngoài việc đứng nhìn một cách bất lực.

Nhưng trước khi chúng tôi trở thành những người bác sĩ được đào tạo đầy đủ, chúng tôi có một khối lượng lớn những đề tài nghiên cứu cần phải làm, cần phải nghiên cứu đa dạng toàn bộ các môn học, đến mười bốn giờ mỗi ngày. Từ học cũng như Điện học, chỉ đơn cử hai môn này. Tôi nhớ rất rõ buổi học đầu tiên của tôi về Từ. Nó là một môn học hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Nó có vẻ thú vị theo cách mà tôi đã tham gia khóa học về Điện.

Giảng viên không phải là người thân thiện, và đây là những gì đã xảy ra.

Huang chen qua đám đông đọc thông báo trên bảng để xem nơi chúng tôi phải đến học lớp tiếp theo. Anh bắt đầu đọc, sau đó “Này, Lobsang,” anh gọi với đến tôi, “chúng ta có buổi học về Từ chiều nay đây.” Chúng tôi vui mừng khi thấy được cùng học một lớp vì chúng tôi có một tình bạn rất chân thành. Chúng tôi bước vào nhà tứ giác, đi ngang qua và vào phòng học bên cạnh lớp học Điện. Chúng tôi bước vào lớp.

Bên trong có nhiều thiết bị rất giống nhau, dường như đối với chúng tôi nó cũng giống như thiết bị điện vậy. Các cuộn dây, những mảnh kim loại kỳ lạ uốn cong như hình chiếc móng ngựa. Những thanh màu đen, những thanh bằng thủy tinh, và những hộp kính khác nhau có chứa những thứ trông giống như nước, cùng một ít gỗ và chì. Chúng tôi về chỗ của mình và giảng viên đi vào vẻ oai vệ, chậm chạp bước đến bên bàn của ông ta. Đó là một người đàn ông nặng nề, nặng nề cả về cơ thể lẫn trí tuệ.

Chắc hẳn ông có đánh giá rất tốt về khả năng của mình, đánh giá về khả năng của ông ta cao hơn nhiều những đồng nghiệp! Ông cũng đã sang Mỹ, và trong khi một vài người trợ lý hướng dẫn khác ngược lại, họ thực sự biết ít chùng nào, người này hoàn toàn bị thuyết phục rằng ông ta biết mọi điều, rằng trí não của ông ta không thể sai lầm được. Người giảng viên đến chỗ của mình và vì lẽ nào đó ông ta nhặt lên một chiếc búa gỗ và gõ dữ dội lên bàn. “Im lặng!” ông ta gầm lên, mặc dù lúc đó không có một âm thanh nào. “Chúng ta sẽ học về Từ học, bài giảng đầu tiên đối với một số em về môn học hấp dẫn này,” ông ta nói, ông nhặt lên một thanh cong hình móng ngựa. “Đây,” ông nói, “có một từ trường xung quanh nó.”

Tôi lập tức nghĩ ngay đến những con ngựa được chẵn thả. Ông nói, “Tôi sẽ chỉ cho các em hình dáng bên ngoài của từ trường đối với bụi sắt. Từ,” ông tiếp tục, “sẽ kích hoạt mỗi một hạt nguyên tử của bụi sắt này mà nó sẽ vẽ ra cho mình hình dạng chính xác của lực đã tác động đến nó.” Tôi nhận xét một cách thiếu thận trọng với Huang lúc đó đang ngồi phía sau tôi, “Nhưng mà bất cứ một kẻ ngốc nào đều có thể nhìn thấy nó lúc này, tại sao lại làm xáo trộn nó?” người giảng viên nhảy dựng lên giận dữ.

“Ồ,” ông nói “thưa Lạt ma đáng kính đến từ Tây Tạng – người không biết điều cơ bản về Từ tính hoặc Điện – có thể nhìn thấy từ trường, đúng vậy chứ?” Ông ta xĩa ngón tay một cách dữ dằn thẳng vào tôi. “Vậy thì, thưa Lạt ma vĩ đại, anh có thể nhìn thấy từ trường tuyệt vời này, có phải không? Người duy nhất ở đây có thể thấy,” ông ta nói vẻ nhạo báng. Tôi đứng lên. “Vâng, thưa thầy, tôi có thể nhìn thấy nó rất rõ ràng,” tôi nói. “Tôi cũng có thể nhìn thấy những ánh sáng xung quanh các sợi dây dẫn này.” Ông ta lại cầm lấy cái búa gỗ lên, liên tục đập ầm ỉ xuống bàn. “Anh nói dối,” ông ta nói “không ai có thể nhìn thấy nó cả. Nếu anh thông minh như vậy hãy đến đây và vẽ nó ra và sau đó chúng tôi sẽ xem xét tình trạng lộn xộn anh đã gây ra.” Tôi thở dài mệt mỏi khi đi tới chỗ ông ta, nhặt thanh nam châm cùng với một mẫu phấn đi về phía bảng đen.

Thanh nam châm tôi diển tả là mặt phẳng trên bảng sau đó tôi vẽ xung quanh nó hình dạng chính xác của ánh sáng xanh mà tôi có thể nhìn thấy rõ đi ra từ thanh nam châm. Tôi cũng vẽ những vầng sáng nhạt hơn bên trong từ trường của nó. Đây là vấn đề đơn giản đối với tôi, tôi đã có khả năng này ngay từ khi được sinh ra, và khả năng này được làm cho tăng thêm bằng phẫu thuật. Một sự im lặng chết chóc tuyệt đối khi tôi hoàn thành, và quay lại. Người giảng viên đang nhìn tôi và mắt ông ta lồi ra theo đúng nghĩa. “Anh đã học môn này trước đây,” ông nói, “đó là trò lừa bịp!” “Thưa thầy,” tôi trả lời, “cho tới ngày hôm nay, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một thanh nam châm nào.” Ông nói, “Được rồi, tôi không biết anh làm điều đó như thế nào, nhưng đó chính xác là từ trường. Tôi vẫn cho rằng đó là một trò lừa bịp. Tôi vẫn cho rằng ở Tây Tạng anh chỉ học thủ đoạn gian trá. Tôi không hiểu nó.”

Ông cầm lấy thanh nam châm từ tay tôi, gói nó bằng một tờ báo mỏng, và rắc vụn sắt lên trên tờ báo, dùng ngón tay vỗ nhẹ lên trên tờ báo và những vụn sắt dàn ra thành hình dạng chính xác hình mà tôi đã vẽ trên bảng. Ông

ta nhìn nó, rồi nhìn hình vẽ của tôi và ông nhìn lại hình dáng mà các vụn sắt tạo thành. “Tôi vẫn không tin anh, anh bạn Tây Tạng,” ông nói. “Tôi vẫn nghĩ đây là trò lừa bịp.” Ông ngồi xuống mệt mỏi và tựa đầu vào tay, đột nhiên một cách dữ dằn ông ta nhảy chồm lên và một lần nữa lại chỉ tay thẳng vào tôi. “Anh!” ông ta nói, “anh nói rằng anh có thể nhìn thấy từ trường của thanh nam châm đó. Anh cũng nói rằng, ‘Và tôi có thể nhìn thấy ánh sáng xung quanh những sợi dây đó.’” “Đúng là như vậy,” tôi trả lời, “tôi có thể. Tôi có thể nhìn thấy chúng một cách dễ dàng.”

“Phải!” ông ta hét vào mặt tôi, “bây giờ chúng tôi có thể chứng minh anh sai, chứng minh anh là một kẻ lừa gạt.” Ông ta quay trở lại, đập tay lên chiếc ghế của mình trong cơn giận dữ. Ông ta vội vã đi đến góc phòng, càu nhàu cúi xuống nhặt lên một chiếc hộp, với những sợi dây thò ra từ đỉnh hộp từ một cuộn dây. Ông ta đứng lên và đặt nó lên trên bàn trước mặt tôi. “Bây giờ,” ông nói, “bây giờ, đây là một cái hộp rất thú vị được gọi là hộp tần số cao. Anh vẽ từ trường của nó cho tôi và tôi sẽ tin vào anh; của anh đấy, anh hãy vẽ từ trường đó.” Ông ta nhìn tôi như muốn nói “tôi thách anh đấy.” Tôi nói, “Được rồi. Nó đơn giản thôi. Chúng ta sẽ đặt nó gần bảng hơn, nếu không tôi sẽ vẽ nó bằng trí nhớ.”

Ông nâng lên một đầu bàn và tôi nâng đầu bên kia rồi cùng chuyển nó đến gần bảng đen. Tôi nhặt viên phấn lên, và quay lưng lại chiếc bảng. “Ồ,” tôi nói, “biến mất hết rồi.” Tôi nhìn với vẻ ngạc nhiên bởi vì chỉ còn có những sợi dây, không có gì khác nữa cả, không có từ trường. Tôi quay về phía ông ta, tay ông đang đặt lên công tắc. Ông đã tắt dòng điện, nhưng trên khuôn mặt ông thể hiện vẻ hết sức kinh ngạc.

“Đúng vậy!” ông nói, “anh thực sự có thể nhìn thấy điều đó! Tốt, tốt lắm, đặc biệt làm sao.” Ông lại bật công tắc và nói, “Hãy quay lưng lại phía tôi và nói cho tôi biết khi nào nó bật và khi nào nó tắt.” Tôi quay đi và tôi có thể nói với ông ấy, “Tắt, bật, tắt.” Sau đó ông rời khỏi nơi đó và ngồi xuống ghế của mình với vẻ của người có đức tin vừa bị một đòn chí mạng. Sau đó, bất ngờ, ông nói, “Giải tán.” Quay sang tôi, ông nói “Anh thì không. Tôi muốn nói chuyện một mình với anh.” Những sinh viên khác càu nhàu về phật ý. Họ đến lớp để nghe giảng và họ thấy thú vị, tại sao họ lại phải ra ngoài lúc này? Ông chỉ xua họ ra, đẩy vai một, hai người thúc họ ra nhanh hơn. Lời của giảng viên là luật.

Khi lớp học không còn ai, ông nói; “Bây giờ, hãy nói cho tôi biết thêm về chuyện này. Mánh khéo là loại gì vậy?” Tôi nói, “nó không phải là trò lừa. Nó là khả năng mà ngay từ khi sinh ra tôi đã có và nó được làm mạnh lên nhờ một cuộc giải phẫu đặc biệt. Tôi có thể nhìn thấy hào quang. Tôi có thể có thể nhìn thấy hào quang của ông. Qua đó tôi biết rằng ông không muốn tin, ông không muốn tin rằng một ai đó có khả năng mà ông không có. Ông muốn chứng minh là tôi sai.” “Không,” ông nói, “tôi không muốn chứng minh anh sai. Tôi muốn chứng minh rằng những gì tôi được đào tạo, những kiến thức của tôi là đúng, và nếu anh có thể nhìn thấy hào quang này chắc chắn những gì tôi đã được dạy là sai.” “Không đâu,” tôi đáp. “Tôi nói rằng tất cả những kiến thức anh được dạy đi đến việc chứng minh về sự tồn tại của hào quang, bởi vì từ khi còn rất nhỏ tôi đã nghiên cứu về điện ở trường đại học này, nó chỉ ra cho tôi rằng con người được cung cấp năng lượng bằng điện.” “Hoàn toàn vô nghĩa!” ông nói. “Thật là dị giáo làm sao.”

Và ông ta lại chồm lên. "Hãy đi với tôi đến gặp Hiệu trưởng. Việc này sẽ được giải quyết! "

Tiến sĩ Lee đang ngồi bên bàn làm việc, bận rộn với đồng giấy tờ của trường đại học. Ông nhìn lên một cách hòa nhã khi chúng tôi bước vào. Nhìn chăm chú qua phía trên gọng kính. Sau đó ông tháo kính ra để nhìn chúng tôi được rõ ràng hơn. “Thưa ông Hiệu trưởng đáng kính,” người giảng viên nói oang oang, “người đàn ông này, chàng trai trẻ đến từ Tây Tạng nói rằng anh ta có thể nhìn thấy hào quang và tất cả chúng ta đều có hào quang. Anh ta đang cố gắng nói với tôi rằng anh ta biết nhiều hơn tôi, một giáo sư về Điện học và Từ học.”

Tiến sĩ Lee nhẹ nhàng mời chúng tôi ngồi, và sau đó ông nói, “Vâng, chính xác nó là cái gì vậy? Lobsang Rampa có thể nhìn thấy hào quang. Điều đó tôi biết. Ông đang phàn nàn về cái gì?” Người giảng viên há hốc mồm kinh ngạc. “Nhưng thưa ông Hiệu trưởng,” ông ta kêu lên, “ÔNG có tin vào điều vô lý như vậy, dị giáo như vậy, trò lừa đảo như vậy không?” “Hoàn toàn chắc chắn là tôi tin,” Tiến sĩ Lee nói, “vì anh ấy đến từ đẳng cấp cao cấp nhất ở Tây Tạng, và tôi đã được nghe về anh ấy từ người cấp cao nhất.” Po Chu trông rất ngỡ ngàng. Tiến sĩ Lee quay lại tôi và nói, “Lobsang Rampa, tôi muốn yêu cầu bạn nói cho chúng tôi biết theo cách của bạn về hào quang. Hãy nói cho chúng tôi như thể là chúng tôi không biết chút gì về đề

tài này. Hãy nói sao cho chúng tôi có thể hiểu và có lẽ chúng tôi sẽ có lợi từ kinh nghiệm chuyên môn của bạn.”

Vâng, đó là một vấn đề hoàn toàn khác. Tôi thích Tiến sĩ Lee, tôi thích cái cách ông xử lý mọi vấn đề. “Thưa Tiến sĩ Lee,” tôi nói, “khi tôi sinh ra tôi đã có khả năng nhìn mọi người đúng với con người thực của họ. Họ có xung quanh mình một vầng hào quang mà nó tiết lộ sự biến động của tư tưởng, mọi thay đổi về sức khỏe, về tinh thần hoặc về các tình trạng linh hồn. Hào quang này là ánh sáng tạo ra bởi linh hồn ở bên trong. Trong hai năm đầu tiên của cuộc đời, tôi cứ nghĩ là mọi người đều có thể nhìn thấy giống như tôi, nhưng tôi sớm nhận ra rằng không phải vậy. Sau đó, như các ngài đã biết, tôi đã vào một lạt ma viện khi tôi lên bảy tuổi và đã trải qua sự huấn luyện đặc biệt.

Trong lạt ma viện tôi đã trải qua một lần phẫu thuật đặc biệt để làm cho tôi nhìn thấy thậm chí còn rõ ràng hơn trước đó, ngoài ra điều đó cũng làm cho tôi có thêm quyền năng. Vào thời kỳ lịch sử trước đây,” tôi tiếp tục, “con người có Con mắt Thứ ba. Vì sự ngu xuẩn mà con người đã mất đi quyền năng sử dụng thị lực này và đó là mục đích của việc huấn luyện của tôi tại lạt ma viện ở Lhasa.” Tôi nhìn họ và thấy rằng họ hiểu câu chuyện của tôi rất rõ.

“Thưa Tiến sĩ Lee,” tôi tiếp tục, “cơ thể con người được bao quanh đầu tiên bởi ánh sáng xanh, ánh sáng có lẽ dày khoảng một, hai inch¹⁰. Đi theo và bao phủ toàn bộ cơ thể vật lý, chúng tôi gọi là thể phách và nó là thể thấp nhất của cơ thể. Nó là kết nối giữa thể vía và cơ thể vật lý. Cường độ của màu xanh khác nhau tùy theo sức khỏe của mỗi người. Sau đó, vượt ra ngoài thân xác, cũng vượt ra ngoài thể phách nữa, có hào quang. Nó khác nhau về kích thước, hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng tiến hoá của người có liên quan, cũng phụ thuộc vào trình độ giáo dục, vào tư tưởng của người đó. Hào quang của một người là độ dài của người bao trùm bên ngoài cơ thể.

Tôi nói với Hiệu trưởng, “hào quang của một người tiến hóa, bất kể kích thước ra sao, bao gồm những dải xoáy của màu sắc, giống như những đám mây màu sắc trôi trên bầu trời đêm. Chúng cũng thay đổi theo tư tưởng của con người. Có những vùng trên cơ thể, những vùng đặc biệt, chúng tạo ra

những dải màu sắc nằm ngang của riêng chúng. Hôm qua,” tôi nói, “khi tôi đang làm việc trong thư viện tôi nhìn thấy một số bức tranh trong một cuốn sách nào đó viết về đức tin tôn giáo của phương Tây. Ở đây có những bức tranh vẽ chân dung có hào quang xung quanh đầu họ. Điều này có nghĩa là người dân phương Tây, mà tôi vẫn nghĩ là kém phát triển hơn chúng ta, có thể thấy được hào quang, trong khi người phương Đông chúng ta lại không thể hay sao? Những hình ảnh của người dân phương Tây,” tôi tiếp tục, “có hào quang chỉ xung quanh đầu họ, nhưng tôi nhìn thấy không chỉ xung quanh đầu, mà còn xung quanh toàn bộ cơ thể và xung quanh các bàn tay, các ngón tay và chân nữa. Đó là những điều mà tôi đã luôn luôn nhìn thấy.”

Ông Hiệu trưởng quay sang Po Chu. “Đó, anh thấy đấy, đây là thông tin mà tôi đã có trước đây. Tôi biết Rampa có quyền năng này. Anh ấy đã sử dụng quyền năng này thay mặt cho những nhà lãnh đạo Tây Tạng. Đó là lý do tại sao anh ấy đang nghiên cứu với chúng ta, vì điều đang được hy vọng, là để anh ấy có thể hỗ trợ trong việc phát triển một thiết bị đặc biệt mà nó sẽ là lợi ích lớn nhất cho nhân loại cho toàn bộ vấn đề phát hiện và chữa bệnh. Điều gì đã khiến các anh tới đây hôm nay vậy?” ông hỏi.

Người giảng viên nhìn có vẻ đang rất nghĩ ngợi. Ông trả lời, “Chúng tôi chỉ mới bắt đầu bài thực hành về từ tính, và trước khi tôi có thể chỉ ra cái gì đó, ngay sau khi tôi nói về từ trường, anh sinh viên này nói rằng anh ta có thể nhìn thấy các trường xung quanh thanh nam châm điều mà tôi biết là hoàn toàn không tưởng. Vì thế tôi mời anh ta chứng minh trên bảng đen. Tôi rất ngạc nhiên,” ông tiếp tục, “anh ấy có thể vẽ từ trường trên bảng đen, và anh ấy cũng có thể vẽ điện trường của một máy biến áp tần số cao, nhưng khi nó bị tắt anh ấy không thấy gì nữa. Tôi chắc chắn đó là một thủ thuật.” Ông ta bướng bỉnh nhìn Hiệu trưởng.

“Không,” Tiến sĩ Lee nói, “thực sự không phải là chuyện lừa gạt. Hoàn toàn không lừa gạt một chút nào cả. Tôi biết điều này là sự thật. Một vài năm trước tôi đã gặp Thầy của anh ấy, Đại đức Lạt ma Mingyar, một trong những người đàn ông thông minh nhất ở Tây Tạng, và ông ấy, với trái tim nhân hậu, đã trải qua một số thử thách, cũng vì tình bạn hữu với tôi, và ông ấy đã chứng minh rằng ông có thể làm được tương tự như Lobsang Rampa đã làm. Chúng tôi, đó là một nhóm đặc biệt của chúng tôi, đã có thể làm được một số nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề này. Nhưng không may,

thành kiến, bảo thủ và ghen tị đã ngăn cản chúng tôi công bố những phát hiện của mình. Đó làm điều mà tôi đã hối tiếc suốt từ ngày đó.”

Im lặng kéo dài một lúc. Tôi nghĩ thật tốt làm sao khi Hiệu trưởng biểu lộ niềm tin đối với tôi. Người giảng viên trông thực sự rất ảm đạm, như thể ông vừa nhận được một điều không mong đợi, một sự thất bại không ngờ. Ông nói, “Nếu bạn có quyền năng này, tại sao bạn lại học ngành y khoa làm gì?” Tôi trả lời, “Tôi muốn nghiên cứu y học và tôi cũng muốn nghiên cứu khoa học để tôi có thể hỗ trợ việc chuẩn bị một thiết bị tương tự với thiết bị mà tôi đã nhìn thấy trên Cao Nguyên Chang Tang của Tây Tạng.” Ông Hiệu trưởng cắt ngang, “Vâng, tôi biết bạn là một trong những người đã đi thám hiểm trên đó. Tôi muốn biết nhiều hơn về thiết bị đó.” “Thời gian trước đây,” tôi nói, “theo gợi ý của Đức Đạt Lai Lạt Ma, một nhóm nhỏ chúng tôi đi lên những thung lũng ẩn mình trong những dãy núi cao trên Cao Nguyên Chang Tang.

Ở đây, chúng tôi tìm thấy một thành phố có niên đại đã lâu, trước cả thời gian được lịch sử loài người ghi chép lại, thành phố của một giống dân quá khứ, một thành phố bị chôn vùi một phần trong dòng sông băng, nhưng những nơi băng giá đã tan chảy trong thung lũng ẩn kín, nơi mà khí hậu ẩm áp, những tòa nhà và các thiết bị trong đó vẫn còn nguyên vẹn. Một trong những thiết bị như thế có dạng hình hộp mà người ta có thể nhìn vào và thấy được hào quang của con người, và từ hào quang đó, từ những màu sắc, từ những biểu hiện tổng thể, họ có thể suy luận được tình trạng sức khỏe của một người. Hơn nữa, họ có thể nhìn thấy một người có vẻ như bị ảnh hưởng về thể chất do một căn bệnh nào đó, bởi vì những điều có thể xảy ra được biểu hiện trong hào quang trước khi nó thể hiện trên thân xác.

Theo cùng cách như vậy, mầm mống của chứng sổ mũi hiển thị trong hào quang một thời gian dài trước khi có biểu hiện trên thân xác như là bệnh cảm lạnh thông thường. Việc điều trị cho một người sẽ trở nên dễ dàng hơn khi họ mới chỉ nhuốm bệnh. Ốm đau, bệnh tật, như thế có thể sẽ được loại trừ trước khi nó có ảnh hưởng. Ông Hiệu trưởng gật đầu và nói, “Đây là điều thú vị nhất. Bạn nói tiếp đi.” Tôi tiếp tục, “Tôi hình dung một phiên bản hiện đại của thiết bị cổ đó. Tôi muốn hỗ trợ trong việc chuẩn bị một thiết bị tương tự như vậy để ngay cả người bác sĩ hoặc bác sĩ phẫu thuật hoàn toàn không có thần nhãn cũng có thể nhìn qua chiếc hộp này và thấy được

màu sắc hào quang của một người. Anh ta cũng sẽ có một biểu đồ đối chiếu và với biểu đồ đó anh ta có thể biết thực sự điều gì đang xảy ra với người đó. Anh ta có thể chuẩn đoán một cách chính xác mà không hề khó khăn gì.” “Nhưng,” người giảng viên nói, “anh quá mất chậm rồi. Chúng tôi đã có X quang!”

“X quang,” Tiên sĩ Lee nói. “Ồ, bạn thân mến của tôi, chúng là vô ích đối với mục đích như thế này. Chúng chỉ đơn thuần cho thấy bóng tối màu xám của xương. Lobsang Rampa không muốn hiển thị xương, anh ấy muốn hiển thị sức sống của chính cơ thể. Tôi hiểu chính xác ý anh ấy là gì và tôi chắc rằng cái khó khăn lớn nhất mà anh sẽ phải đối mặt là sự thành kiến và ghen ghét trong nghề nghiệp.” Ông quay sang tôi lần nữa, “nhưng làm thế nào người ta có thể giúp đỡ những bệnh tâm thần với thiết bị như vậy?” “Thưa ông Hiệu trưởng,” tôi nói, “nếu một người có bệnh đa nhân cách, hào quang thể hiện thực sự rõ ràng bởi vì nó cho thấy một hào quang kép, và tôi cho rằng với thiết bị phù hợp, hai hào quang có thể được đẩy vào thành một có lẽ bằng điện tần số cao.”

Giờ đây, tôi đang viết điều này nơi đất phương Tây và tôi thấy rằng có rất nhiều người quan tâm đến vấn đề này. Nhiều người trong ngành y có địa vị cao trọng nhất đã bày tỏ sự quan tâm nhưng lúc nào cũng vậy, họ nói rằng tôi không được đề cập đến tên của họ vì nó sẽ làm phương hại đến danh tiếng của họ! Một vài nhận xét thêm cũng đáng quan tâm: có bao giờ bạn nhìn thấy dây cáp điện trong một đám mây mong manh? Nếu vậy, đặc biệt ở vùng núi, bạn sẽ nhìn thấy một vòng hào quang quanh sợi dây. Đó là ánh sáng mờ nhạt bao quanh sợi dây. Nếu thị lực của bạn thật tốt, bạn sẽ nhìn thấy ánh sáng nhấp nháy, suy yếu dần rồi tăng lên, suy yếu dần rồi tăng lên, đó là vì dòng điện chạy qua dây dẫn đảo chiều.

Điều đó cũng hoàn toàn tương tự như hào quang của con người. Người cổ xưa, ông bà tổ tiên rất xa xưa của chúng ta rõ ràng là có thể nhìn thấy vầng hào quang, hoặc nhìn thấy những quầng sáng, bởi vì họ đã có thể vẽ chúng trên ảnh của các vị thánh. Điều mà chắc chắn không thể quy cho trí tưởng tượng của một người nào đó, bởi vì nếu nó là chỉ là trí tưởng tượng thì tại sao lại vẽ nó trên đầu, tại sao lại vẽ nó ở đầu nơi mà thực sự có ánh sáng? Khoa học hiện đại đã đo được sóng của bộ não, đo được điện áp của cơ thể

con người. Thực tế, có một bệnh viện rất nổi tiếng, ở đó việc nghiên cứu về tia X-quang đã được thực hiện những năm trước đây.

Các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng họ đã thu được ảnh của hào quang con người, nhưng họ không những không hiểu được cái mà họ có là cái gì, mà còn không quan tâm đến nó, bởi vì họ đang cố gắng chụp ảnh xương, chứ không phải những màu sắc ở bên ngoài cơ thể, và khi nhìn vào bức ảnh hào quang họ chỉ thấy nó như mỗi phiến toái không có lợi ích gì. Bi kịch là toàn bộ vấn đề liên quan đến ảnh hào quang đã bị hoãn lại, trong khi họ xúc tiến với tia X, mà nó, theo ý kiến khiêm tốn của tôi, là phương pháp sai lầm. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng đối với những người bác sĩ không nghiên cứu chuyên sâu và các bác sĩ giải phẫu có thể được cung cấp sự trợ giúp tuyệt vời nhất đối với tất cả các hướng chữa bệnh.

Tôi hình dung, như tôi đã từng nghĩ đến từ nhiều năm trước đây, một chiếc máy đặc biệt mà bất kỳ bác sĩ nào cũng có thể mang theo trong túi áo của mình, và sau đó ông ta có thể lấy nó ra và nhìn qua nó để xem xét người bệnh theo cách tương tự như đeo kính râm để nhìn lên mặt trời. Với thiết bị này, người bác sĩ có thể nhìn thấy hào quang của bệnh nhân, và qua những tia màu sắc, hoặc qua những bất thường trong đường nét của hào quang, ông ta có thể nhìn thấy chính xác những vấn đề không ổn của người bệnh. Đó không phải là điều quan trọng nhất, bởi vì nó không chỉ đơn thuần là giúp đỡ để biết người bệnh đang mắc những bệnh gì mà người bác sĩ cần phải biết làm thế nào để chữa cho người bệnh, và ông ta có thể làm điều đó dễ dàng với thiết bị mà tôi đang hình dung ra trong tâm trí, đặc biệt trong trường hợp những người bị đau đớn về mặt tinh thần.

CHƯƠNG IV: LÁI MÁY BAY

Đó là một buổi tối nóng bức, ngột ngạt, hầu như không có gió. Những đám mây ở khoảng hơn sáu mươi mét phía trên chúng tôi, bên trên những vách đá nơi chúng tôi đang đi dạo, gợi trong tôi nỗi nhớ về Tây Tạng khi chúng cao vượt lên thành những hình dạng tuyệt đẹp như những dãy núi. Huang và tôi đã trải qua một ngày vất vả trong phòng mổ. Vất vả, bởi vì những tử thi ở đó đã được bảo quản trong một thời gian dài, và bốc mùi thật kinh khủng. Mùi của những tử thi đang bị phân hủy, mùi của thuốc khử trùng, và cả những mùi khác đã thực sự làm kiệt sức chúng tôi.

Tôi tự hỏi tại sao tôi rời khỏi Tây Tạng nơi mà không khí luôn tinh khiết, và cả suy nghĩ của con người cũng vậy, cũng thật tinh khiết. Sau khi chúng tôi làm xong việc trong phòng mổ, chúng tôi đã rửa sạch sẽ và đi đến đỉnh vách núi này. Thật là tốt, tôi nghĩ, khi đi dạo buổi tối và ngắm nhìn thiên nhiên. Chúng tôi nhìn xuống những thứ khác cũng bởi vì, khi nhìn qua vách đá, chúng tôi có thể nhìn thấy những hoạt động, đi lại tấp nập trên dòng sông phía dưới.

Chúng tôi có thể nhìn thấy những người phu khuân vác đang chất hàng lên tàu, không ngừng mang theo những kiện hàng nặng với một thanh tre dài trên vai, tại mỗi đầu của thanh tre treo những khối hàng nặng chín mươi pound¹¹, được chất trong những chiếc sọt. Mỗi chiếc sọt nặng năm pound, và như vậy người phu khuân vác phải gánh không ít hơn một trăm chín mươi pound suốt cả ngày dài. Cuộc sống của họ thật cực khổ, họ làm việc tới tận lúc chết, và họ chết khi ở độ tuổi còn khá trẻ, trông có vẻ mệt mỏi và kiệt sức, như loài ngựa, bị đối xử tồi tệ hơn cả những con vật trên cánh đồng. Và khi họ bị kiệt sức rồi gục xuống chết, đôi khi họ đã kết thúc cuộc đời trong phòng mổ của chúng tôi để tiếp tục làm việc thiện, và thời kỳ này, bằng cách cung cấp các bộ phận cơ thể cho các bác sĩ về phôi người và bác sĩ phẫu thuật, giúp họ thu được những kỹ năng nào đó để điều trị cho các cơ thể còn sống.

Chúng tôi quay lưng lại các vách đá và đưa mặt đón những làn gió nhẹ mang theo hương thơm ngọt ngào của cây cối và của những bông hoa. Có

một rừng cây nhỏ ở ngay phía trước, nên chúng tôi đổi hướng bước tới gần. Còn cách vách đá chừng vài mét chúng tôi dừng lại, nhận thức về một cảm giác lạ lùng nào đó của tai họa sắp xảy ra, cảm giác khó chịu và căng thẳng, một cái gì đó không thể giải thích được. Chúng tôi nhìn nhau dò hỏi, không thể xác định đó là cái gì. Huang nói, vẻ ngờ vực, “Đó không phải là sấm.” “Tất nhiên là không phải,” tôi đáp, “Nó là cái gì đó rất lạ, cái gì đó mà chúng ta chưa biết về nó.” Chúng tôi đứng bần khoăn, ngoảnh đầu về cùng một phía, lắng nghe. Chúng tôi nhìn quanh chỗ chúng tôi đứng, nhìn xuống đất, nhìn lên cây, và rồi chúng tôi nhìn lên những đám mây.

Từ đằng kia nơi tiếng ồn đang đến, vang lên đều đều "brum-brum-brum" mỗi lúc một to hơn, gay gắt hơn. Khi chăm chú nhìn lên phía trên qua một lỗ hổng trên đám mây thấp, chúng tôi nhìn thấy một bóng mờ ảo tối tăm bay vụt qua. Nó biến mất vào đám mây đối diện gần như trước khi chúng tôi nhận thức được sự hiện diện của nó. “Ôi chao ôi!” tôi hét lên, “Một trong các vị thần của Thượng Đế đến để đưa chúng tôi đi.” Chẳng có gì để chúng tôi có thể làm. Chúng tôi chỉ đứng tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tiếng ồn vang như sấm, một loại tiếng ồn mà cả hai chúng tôi chưa từng nghe thấy trước đây.

Sau đó, chúng tôi quan sát, một hình dạng rất lớn xuất hiện, gạt những dải mây ra khỏi nó như thể nóng lòng thoát ra khỏi những trói buộc của những đám mây. Nó lóe sáng trên bầu trời, lướt thẳng phía trên đầu chúng tôi, bên trên các vách đá với tiếng rú kinh người, với sự va đập mạnh của không khí bị tra tấn. Tiếng ồn chấm dứt và im lặng trở lại. Chúng tôi đứng đó nhìn nhau vô cùng kinh hoàng, ớn lạnh sợ hãi. Sau đó, cùng hồi hải, chúng tôi quay lại và chạy về phía vách đá để nhìn xem điều gì đã xảy ra với cái vật đến từ bầu trời, cái vật vừa kỳ lạ vừa ồn ào. Bên gờ đá, chúng tôi nép mình và chăm chú nhìn một cách cẩn thận xuống dòng sông lấp lánh.

Nơi đó, trên doi cát là quái vật biết bay kỳ lạ, lúc này đang nghỉ ngơi. Khi chúng tôi nhìn, nó nhả ra những cụm lửa và khói đen. Nó làm cho chúng tôi giật bắn người lên và sợ tái mặt, nhưng đó chưa phải là điều kỳ quái nhất. Trước sự sững sốt hoài nghi và khiếp sợ của chúng tôi, một mảng cửa mở vào bên trong và hai người đàn ông bước ra. Lúc đó tôi nghĩ đây là điều tuyệt vời nhất mà tôi từng nhìn thấy, nhưng chúng tôi đang lãng phí thời gian ở đó. Chúng tôi như bay trên chân và chạy đua trên con đường dẫn

xuống phía dưới. Xuống dưới, chúng tôi lao nhanh dọc theo con phố bậc thang, phớt lờ xe cộ đi lại, bỏ qua cả phép lịch sự, vội vàng đến điên rồ để lao tới mép nước.

Xuống đến bờ sông, chúng tôi đứng sững lại trong sự tức giận đến tuyệt vọng. Không có một chiếc thuyền nào để đi, không có một người lái đò nào, không có ai hết. Họ đang lũ lượt kéo đến nơi mà chúng tôi cũng đang muốn đến. Nhưng mà, có rồi! Có một chiếc thuyền sau một tảng đá. Chúng tôi quay về nó với ý định kéo nó xuống nước và đi ngang qua bên kia sông, nhưng khi chúng tôi vừa đến đó thì chúng tôi nhìn thấy một ông già đang đi xuống dốc với cái lưới trên tay. “Này, cha ơi,” Huang hét lên, “đưa chúng cháu qua sông với.” “Thế đấy,” ông già nói, “tôi không muốn đi. Nó đáng giá bao nhiêu với các cậu?” ông ném cái lưới vào trong thuyền và ngã người ào cạnh thuyền, với chiếc tẩu méo mó cũ kỹ trong miệng.

Ông ngồi vắt chéo chân và nhìn như thể ông sẽ ở đó cả đêm, chỉ cần trò chuyện. Chúng tôi giận điên lên mất cả bình tĩnh. “Thôi nào, ông ơi, ông tính bao nhiêu tiền?” Ông già ấn định số tiền vô cùng lớn, một số tiền có thể mua được cả chiếc thuyền mục nát cũ kỹ của ông ta, chúng tôi nghĩ. Nhưng chúng tôi đang rất nôn nóng, chúng tôi sẽ cho đi tất cả mọi thứ để chúng tôi sang được bờ bên kia. Huang trả giá. Tôi nói, “Ôi, đừng để lãng phí thời gian nữa. Hãy đưa cho ông ấy một nửa số tiền mà ông ấy đòi.” Ông già nhảy vồ lấy nó. Số tiền gấp khoảng hơn mười lần so với ông ấy mong đợi. Ông vồ lấy nó, vì vậy chúng tôi vội vã đẩy thuyền đi. “Đừng có vội vã, các quý ông trẻ, cẩn thận đây. Các cậu làm hỏng thuyền của tôi mất thôi,” ông già nói. “Ôi, thôi nào, ông nội,” Huang nói, “Nhanh lên, sắp hết ngày rồi.” Ông già ung dung lên thuyền, cọt kẹt vì căn bệnh thấp khớp, vừa cầu nhàu. Một cách chậm rãi, ông ta nhặt mái chèo lên và đưa chúng tôi vào dòng chảy. Chúng tôi đang sốt ruột, cố gắng thăm thục di chuyển thuyền đi nhanh hơn, nhưng không gì có thể làm cho ông già vội vàng cả.

Ở giữa dòng chảy một vài xoáy nước đã chặn đứng và xoay tròn con thuyền chở chúng tôi, sau đó ông đưa con thuyền về đúng hướng lần nữa, và chúng tôi đi ngang qua sông tới dải đất dài dọc bên bờ sông. Để tiết kiệm thời gian, khi gần đến nơi, tôi đếm tiền và dúi vào ông. Chắc chắn là ông ta đã nhanh chóng cầm lấy. Sau đó, không cần đợi thuyền vào tới bờ, chúng tôi cùng nhảy xuống nước ngấp tới đầu gối và chạy vội vào bờ.

Trước mặt chúng tôi là cỗ máy tuyệt vời, một cái máy không thể tin được, nó đến từ bầu trời, và mang theo mình những người đàn ông. Chúng tôi nhìn nó sợ hãi, và ngạc nhiên trước sự táo bạo của mình khi dám tiếp cận như thế này. Những người khác cũng đã ở đó, nhưng họ đứng khá xa. Chúng tôi di chuyển về phía trước, đến gần nó, phía dưới nó, sờ mó lớp cao su trên những chiếc bánh xe, thử lấy tay đâm chúng. Chúng tôi di chuyển đến phần sau của nó và thấy rằng ở đây không có bánh xe, nhưng có một thanh bằng kim loại đàn hồi cùng với một vật giống như chiếc giày ở một đầu. “À,” tôi nói, “đó chắc là cái má phanh để làm nó chậm dần khi hạ cánh. Chúng tôi có một cái giống như vậy trên những chiếc điều.”

Rón rén, vừa sợ hãi, chúng tôi chạm ngón tay lên phía bên thân của cỗ máy, chúng tôi nhìn ngò vục vì thấy rằng nó là một loại vải, được sơn theo cách nào đó và căng trên khung gỗ. Bây giờ, điều này mới thực sự là vấn đề! Vào khoảng giữa cánh và đuôi cỗ máy, chúng tôi chạm vào một cái ô vải, và chúng tôi suýt ngất vì sốc khi nó bật mở ra, và một người đàn ông nhẹ nhàng nhảy xuống đất. “Hay đấy,” anh ấy nói, “các bạn có vẻ rất quan tâm đến nó.” “Chúng tôi thực sự rất quan tâm,” tôi trả lời. “Tôi đã bay trên một cái giống như cái máy của anh, nhưng nó không kêu, ở Tây Tạng.”” Anh ta nhìn tôi và mắt mở to. “Bạn nói là ở Tây Tạng à?” anh hỏi. “Vâng, tôi đã ở đó,” tôi trả lời.

Huang cắt ngang, “Bạn tôi là một vị Phật sống, một vị Lạt Ma, đang học ở Trùng Khánh. Anh ấy thường bay trên những chiếc điều có người lái,” anh nói. Người đàn ông đến từ chiếc máy bay nhìn vẻ quan tâm, “Điều đó thật tuyệt vời,” anh nói, “Chúng ta vào bên trong ngồi nói chuyện nhé?” anh quay đi và dẫn đường đi vào. Vâng, tôi nghĩ, tôi đã có nhiều kinh nghiệm. Nếu người đàn ông này có thể tự tin vào bên trong máy bay thì tôi cũng vậy. Vì vậy, tôi cũng bước vào, Huang cũng vào theo tôi. Tôi đã nhìn thấy một vật lớn hơn cái máy này ở trên Cao nguyên của Tây Tạng mà trong đó các vị Thần của Bầu Trời đã bay thẳng ra khỏi thế giới. Nhưng cái đó hoàn toàn khác với cái ở đây, nó không đáng sợ, bởi vì cái máy mà họ đã sử dụng ở đó hoàn toàn im lặng, còn cái ở đây thì gầm rú, xé rách cả không khí, và lại còn rung lắc nữa.

Bên trong có những chỗ để ngồi, cũng khá thoải mái. Chúng tôi ngồi xuống. Người đàn ông đó, không ngừng hỏi tôi về Tây Tạng, những câu hỏi mà tôi

nghĩ là hoàn toàn ngu ngốc. Tây Tạng là chuyện cũ rích, hoàn toàn bình thường, và anh ta đang ở đây, trong một cái máy tuyệt vời nhất, lại đang nói về Tây Tạng. Cuối cùng, sau khoảng thời gian dài và vô cùng sốt ruột, chúng tôi cũng có được một vài thông tin của anh ta. Đây là một cái máy mà người ta gọi là máy bay, một thiết bị được gắn động cơ để đưa nó lên bầu trời. Chính động cơ đã gây ra tiếng ồn, anh ấy nói. Cái máy đặc biệt này do người Mỹ làm ra và nó đang được một công ty của Trung Quốc ở Thượng Hải mua, công ty này đang tính việc mở một tuyến hàng không từ Thượng Hải đến Trùng Khánh. Ba người đàn ông mà chúng tôi đã nhìn thấy là phi công, hoa tiêu, và kỹ sư đang trong một chuyến bay thử nghiệm. Phi công là người đàn ông mà chúng tôi đang ngồi nói chuyện cùng, “chúng tôi quan tâm đến những người quan trọng và cho họ cơ hội bay để họ có thể chấp nhận liên doanh của chúng tôi.” Chúng tôi gật đầu, nghĩ điều đó thật tuyệt vời biết bao và mong ước biết mấy chúng tôi là những người nổi tiếng và quan trọng và sẽ có cơ hội được bay.

Anh tiếp tục, “Bạn đến từ Tây Tạng, bạn thực sự là người quan trọng. Bạn có muốn thử chiếc máy này cùng chúng tôi không?” Tôi đáp, “May mắn quá, tôi sẽ bay ngay như anh muốn!” Anh ta chỉ Huang, và yêu cầu cậu ta bước ra ngoài, khi nói rằng cậu ấy không thể ... “Ồ không,” tôi nói, “Ồ, không. Nếu người này bay, người kia cũng sẽ bay .”

Vì vậy Huang được phép ở lại (Sau này cậu ta còn không buồn cảm ơn tôi!). Hai người đàn ông đã đi ra ngoài trước đó, di chuyển về phía trước máy bay và làm nhiều tín hiệu bằng tay. Họ làm cái gì đó ở phía trước, sau đó là một tiếng “bùm” và họ đã làm cái gì đó thêm nữa. Đột nhiên có một tiếng ồn đột ngột, và rung khùng khiếp. Chúng tôi bám chặt, nghĩ rằng đã có một vụ tai nạn nào đó, và chúng tôi đang bị rung, rã ra từng mảnh. “Bám chặt vào,” người đàn ông nói. Chúng tôi không thể bám chặt hơn được nữa, vì vậy yêu cầu đó của anh ta là hoàn toàn vô dụng. “Chúng ta sắp cất cánh,” anh nói.

Tiếng ồn thật kinh hoàng, những cú xóc nảy người, những cú va mạnh, và những tiếng rơi, tòi tẹt hơn cả lần đầu tiên tôi đi trên chiếc điều có người lái. Lần này tẹt hơn bởi vì ngoài các chấn động, còn có tiếng ồn, tiếng ồn tòi tẹt. Có một tiếng rơi cuối cùng, mà nó gần như xô mạnh vào đầu tôi giữa hai

vai, và sau đó có cảm giác như có ai đó ấn tôi chặt xuống dưới và đẩy ra phía sau.

Tôi cố gắng ngẩng đầu lên và nhìn ra ngoài cửa sổ bên cạnh. Chúng tôi đã ở trên không trung, đang lên cao. Chúng tôi nhìn thấy dòng sông kéo dài thành một sợi chỉ bạc, hai con sông gặp nhau, chập lại làm một. Chúng tôi nhìn thấy những con thuyền tam bản và các thuyền buồm, chúng trông như những đồ chơi bé nhỏ, những chiếc vỏ bào gỗ đang nổi trên sông.

Sau đó chúng tôi nhìn xuống Trùng Khánh, nhìn những con phố, những con phố bậc thang mà trên đó chúng tôi đã cặm cụi làm việc siêng năng. Từ trên cao này chúng nhìn có vẻ không dốc, nhưng nhìn sang phía bên kia của vách núi là những mảnh ruộng bậc thang bám chên vênh với những bậc thang đầy bùn tuyết nhão nhoét kinh khủng. Chúng tôi nhìn thấy những người nông dân đang làm việc cực nhọc phía xa, không biết gì đến chúng tôi. Đột nhiên có một màu trắng toát, hoàn toàn mờ mịt, thậm chí tiếng ồn của động cơ dường như cũng bị bóp nghẹt. Chúng tôi đang ở trong những đám mây. Vài phút trôi qua những dải mây trượt khỏi cửa sổ, và ánh sáng trở nên mạnh mẽ hơn. Chúng tôi thoát ra để bay vào vùng trời màu xanh nhạt, tràn ngập ánh sáng mặt trời vàng rực rỡ.

Khi chúng tôi nhìn xuống, giống như nhìn xuống biển tuyết băng giá, ánh sáng trắng gay gắt, rực rỡ, làm đau mắt vì cường độ ánh sáng quá mạnh. Chúng tôi tiếp tục bay lên cao hơn, và tôi trở lại nhận thức được là người đàn ông phụ trách chiếc máy bay đang nói với tôi. “Bây giờ đã cao hơn bạn đã từng bay trước đây,” anh nói, “cao hơn nhiều so với độ cao bạn đã đạt tới trước đây.” “Không hề,” tôi trả lời, “bởi vì khi tôi bắt đầu bay trên chiếc điều có người lái tôi đã ở trên độ cao mười bảy nghìn feet rồi.” Điều đó làm anh ta ngạc nhiên. Anh quay lại nhìn ra cửa sổ bên cạnh, hạ dần độ cao, chúng tôi lướt nghiêng sang một bên trong một cú bổ nhào làm chúng tôi cười thét lên.

Mặt Huang đã trở nên xanh nhợt, khuôn khiếp, và những điều không nên nhắc đến đã xảy ra với anh. Anh lão đảo rời khỏi chỗ ngồi, và nằm úp mặt xuống sàn máy bay. Anh trông không dễ chịu chút nào, mà chẳng có gì thú vị với anh cả. Còn tôi, tôi luôn luôn miễn dịch với bệnh say độ cao, và tôi không cảm thấy có vấn đề gì ngoại trừ sự dễ chịu nhẹ nhàng của chuyến

bay thử. Nhưng Huang thì không, anh đã hoàn toàn bị ngã gục. Vào thời điểm chúng tôi hạ cánh anh chỉ còn là một khối run rẩy, thỉnh thoảng lại phát ra tiếng rên đau đớn. Huang không phải là một phi công giỏi!

Trước khi chúng tôi hạ cánh, viên phi công tắt động cơ và chúng tôi lướt trên bầu trời, xuống thấp dần, thấp dần. Chỉ còn có tiếng “vù vù” của gió đập lên cánh máy bay, và chỉ có tiếng trống của vải ở bên thân của máy bay cho chúng tôi biết rằng chúng tôi đang ở trong một cái máy do con người tạo ra. Đột nhiên, khi chúng tôi đã xuống gần mặt đất, người phi công bật lại động cơ và chúng tôi lại bị điếc tai một lần nữa vì tiếng gầm rú mạnh hàng trăm sức ngựa. Lượn một vòng tròn, chúng tôi trở lại mặt đất. Một tiếng kêu dữ dội, một tiếng rít từ cái nạng đuôi, và có tiếng loảng xoảng rồi dừng lại. Động cơ được tắt một lần nữa, người phi công và tôi đứng lên để đi ra ngoài. Huang tội nghiệp, anh không đứng dậy nổi. Chúng tôi phải đưa anh ra và đặt nằm xuống cát để hồi phục.

Tôi sợ là tôi là người có lòng dạ sắt đá; Huang đang nằm úp mặt xuống cát vàng của mũi đất mà trên đó chúng tôi đã hạ cánh giữa dòng sông rộng hàng dặm. Anh đang nằm úp mặt xuống, tạo ra những âm thanh và cử động kỳ dị, và tôi lấy làm mừng là anh không thể đứng lên. Mừng vì nó cho tôi một lý do hợp lý để dừng lại và nói chuyện với người đàn ông vừa bay cùng. Nói chuyện về những việc chúng tôi đã làm. Thật không may là anh ta cứ muốn nói chuyện về Tây Tạng. Quốc gia muốn gì đối với việc bay? Máy bay có thể hạ cánh được không? Có thể nhảy dù ở vùng đất quân sự được không? Phải, tôi không có khái niệm mơ hồ gì về dù cả, nhưng tôi vẫn nói “Không,” để được an toàn! Chúng tôi đi đến một thỏa thuận. Tôi sẽ nói cho anh ta nghe về Tây Tạng và anh ta sẽ nói cho tôi về máy bay. Sau đó, anh ta nói “Tôi thực sự lấy làm hân hạnh nếu bạn có thể gặp một vài người bạn của tôi những người cũng rất quan tâm đến những điều bí ẩn của người Tây Tạng.” Sao nào, tôi muốn gặp những người bạn của anh ta để làm gì chứ? Tôi chỉ là một sinh viên tại trường đại học, và tôi muốn trở thành một sinh viên hàng không, và tất cả những điều người đàn ông này đang nghĩ đến là khía cạnh xã hội của sự việc.

Ở Tây Tạng, tôi là một trong số rất ít người từng được bay. Tôi đã bay cao bên trên những ngọn núi trên chiếc điều có người lái, nhưng mặc dù cảm giác thật tuyệt vời, và sự im lặng nhẹ nhàng, nhưng chiếc điều vẫn bị buộc

vào trái đất. Nó chỉ đơn thuần bay lên trên không trung, nó không thể bay trên khắp xứ sở, bất cứ nơi nào mà người phi công muốn bay. Nó bị buộc như con yak ở ngoài đồng cỏ. Tôi muốn biết nhiều hơn về cỗ máy gầm rú này mà nó bay như tôi đã từng mơ được bay, nó có thể bay bất cứ nơi đâu, tới mọi miền trên thế giới mà người phi công đã kể cho tôi, thế mà tất cả những gì anh ta quan tâm là nói về Tây Tạng.

Trong một lúc câu chuyện có vẻ như bế tắc. Chúng tôi ngồi trên cát đối diện nhau cùng với Huang tội nghiệp đang rên rỉ bên cạnh, mà không nhận được một chút cảm thông nào từ chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi đi đến một thỏa thuận. Tôi đồng ý gặp bạn bè anh ta và nói với họ một vài điều về Tây Tạng và về những điều bí ẩn của Tây Tạng. Tôi đồng ý đưa ra một vài bài nói chuyện về vấn đề đó. Còn anh ta, ngược lại, sẽ đưa tôi vào máy bay một lần nữa và giải thích nó làm việc như thế nào. Trước tiên, chúng tôi đi quanh máy bay, anh ta chỉ ra những bộ phận khác nhau. Những cánh thẳng bằng, bánh lái, bánh lái độ cao – tất cả các bộ phận của máy bay.

Sau đó chúng tôi vào trong máy bay và ngồi xuống cạnh nhau ngay phía đằng trước. Phía trước mỗi người có một loại cây gậy có một nửa bánh xe gắn vào nó. Bánh xe có thể xoay, sang trái hoặc sang phải, trong khi cây gậy có thể kéo được trở về sau hoặc đẩy về phía trước. Anh ta giải thích cho tôi việc kéo trở về sau có thể làm máy bay bay lên như thế nào, và đẩy về phía trước sẽ làm cho nó trúc xuống, và việc xoay nó cũng sẽ làm chuyển hướng máy bay. Anh cũng chỉ những nút bấm và công tắc khác nhau. Sau đó động cơ khởi động và sau lớp kính đồng hồ tôi nhìn thấy các cây kim run rẩy thay đổi vị trí khi tốc độ của động cơ thay đổi. Chúng tôi đã làm việc cùng nhau một khoảng thời gian dài, anh ấy đã làm tốt phần việc của mình, anh giải thích tất cả mọi điều. Sau đó, động cơ đã ngừng lại, chúng tôi ra ngoài và anh tháo những nắp đậy kiểm tra và lưu ý những chi tiết khác nhau. Bộ chế hòa khí, bu-gi, và nhiều bộ phận khác nữa.

Tối hôm đó tôi đã gặp những người bạn anh ta như đã hứa. Tất nhiên họ là những người Trung Quốc. Tất cả bọn họ đều có liên kết với quân đội. Một người trong số họ nói với tôi rằng ông biết Tưởng Giới Thạch rất rõ, và, ông ta nói, Ngài Tổng tư lệnh đang cố gắng khai thác hạt nhân của kỹ thuật quân sự. Đang cố gắng nâng cao trình độ chung của các quân chủng trong quân đội Trung Quốc. Ông ta nói rằng trong thời gian một vài ngày nữa một

hoặc hai máy bay, những máy bay nhỏ hơn, sẽ đến Trùng Khánh. Ông ta nói với tôi, chúng là những chiếc máy bay vốn được mua từ Mỹ. Sau đó tôi nghĩ một chút trong đầu, ngoài lề của việc bay. Tôi có thể làm thế nào để có được một trong những chiếc máy bay này? Tôi sẽ làm thế nào để đưa nó lên không trung? Tôi có thể học bay như thế nào?

Huang và tôi rời khỏi bệnh viện một vài ngày sau đó, khi ra khỏi những đám mây nặng trĩu kéo dài phía trên đầu chúng tôi, hai bóng sáng bạc lao đến, hai chiếc máy bay chiến đấu loại một chỗ ngồi đến từ Thượng Hải như đã hứa. Chúng bay vòng phía trên Trùng Khánh, và bay vòng một lần nữa. Sau đó, có vẻ như họ đã nhận ra chính xác chỗ để hạ cánh, họ lao xuống theo đội hình rất gần. Chúng tôi không lãng phí thời gian, vội vã đi xuống con phố bậc thang, và chạy ngang qua con đường đến bờ cát. Có hai phi công người Trung Quốc đang đứng bên cạnh những chiếc máy bay của họ, bận rộn lau chùi những vết do bay qua những đám mây bản. Huang và tôi tiến lại gần, và người chỉ huy của họ đã nhận ra sự có mặt của chúng tôi, đại úy Po Ku.

Huang đã làm rõ với tôi rằng không một điều gì có thể bắt anh bay lên trời một lần nữa. Anh nghĩ rằng: anh đã suýt chết sau chuyến bay đầu tiên và cũng là chuyến bay cuối cùng của anh.

Đại úy Po Ku nói: “À, vâng, tôi đã nghe nói về bạn. Tôi đang thực sự băn khoăn tự hỏi làm thế nào để liên lạc với bạn.” Và tôi đã bị tâng bốc nhiều theo cách đó. Chúng tôi nói chuyện trong một lúc, anh chỉ ra sự khác nhau giữa máy bay này với máy bay chở khách mà chúng tôi đã nhìn thấy hôm trước. Đây là, anh chỉ, chiếc máy bay có một chỗ ngồi duy nhất, có một động cơ, còn máy bay kia là loại ba động cơ. Sau đó, chúng tôi có ít thời gian để ở lại, vì chúng tôi phải giải quyết những công việc của mình, và chúng tôi thực sự miễn cưỡng khi phải rời đi.

Ngày hôm sau chúng tôi có nửa ngày nghỉ và chúng tôi đến chỗ hai chiếc máy bay một lần nữa, sớm nhất có thể. Tôi yêu cầu viên Đại úy dạy tôi lái máy bay như đã hứa. Anh ta nói, “Ồ, tôi không thể làm điều đó. Tôi chỉ ở đây theo lệnh của Tướng Giới Thạch. Chúng tôi đang phô diễn những chiếc máy bay này.” Tôi vẫn cứ kiên trì bám theo anh trong suốt ngày hôm đó, và khi tôi gặp anh ngày hôm sau, anh nói, “Cậu có thể ngồi vào trong máy bay,

nếu cậu thích. Cậu sẽ thấy khá thỏa mãn. Ngồi trong đó và thử điều khiển. Đây là cách chúng làm việc, hãy nhìn đây.”

Và anh đứng lên chỗ cánh máy bay, chỉ cho tôi cách điều khiển, chỉ cho tôi biết chúng làm việc thế nào. Cũng cùng một cách như máy bay ba động cơ, nhưng tất nhiên đơn giản hơn nhiều. Tối hôm đó chúng tôi đưa anh và người bạn đồng hành của anh về chùa và cũng là nhà của chúng tôi, họ để lại một cảnh sát để trông nom chiếc máy bay, và mặc dầu tôi đã làm hết cách, tôi vẫn không nhận được bất kỳ sự thỏa thuận nào về việc họ sẽ dạy tôi bay. Anh ấy nói, “Ồ, bạn có thể phải đợi một thời gian dài, phải mất hàng tháng huấn luyện. Bay không chỉ đơn giản là thảng một mạch như bạn muốn. Bạn sẽ phải học tại trường dưới mặt đất, bạn sẽ phải học bay trên máy bay có ghế phụ, và bạn sẽ phải thực hành nhiều giờ trước khi bạn được phép lái chiếc máy bay giống như chiếc này.”

Vào cuối buổi chiều ngày hôm sau, chúng tôi lại đến đó một lần nữa. Huang và tôi vượt qua sông và lên bờ cát. Hai người đàn ông đang ở một mình với những chiếc máy bay của họ. Hai chiếc máy bay nằm cách nhau một quãng xa. Hình như có chuyện gì đó không ổn với người bạn của Po Ku, bởi vì anh ta đã mở nắp động cơ, và các dụng cụ bày la liệt. Po Ku đang khởi động chiếc máy bay của mình. Anh đang điều chỉnh nó. Anh tắt máy, điều chỉnh và khởi động lại. Nó chạy “phụt, phụt, phụt” không đều chút nào cả.

Anh ta quên cả chúng tôi, khi anh đứng trên cánh máy bay, và làm gì đó cái động cơ. Sau đó, khi động cơ nổ đều, trơn tru, giống như con mèo đang rất hài lòng, anh đứng thẳng lên, lau tay vào mảnh vải lấm dầu. Nhìn anh thật hạnh phúc. Anh đang quay lại để nói với chúng tôi thì người bạn anh gọi gáp gáp từ chiếc máy bay kia. Po Ku chạy tới để tắt động cơ nhưng người phi công kia vẫy tay cuống cuống, vì thế từ trên cánh máy bay, anh nhảy ngay xuống cát, rồi chạy đi vội vã.

Tôi nhìn Huang và nói, “A ha, anh ấy đã nói là tôi có thể ngồi vào trong, đúng không? Được thôi, tôi sẽ ngồi vào trong.” “Lobsang,” Huang nói, “Cậu không định làm liều đấy chứ?” “Hoàn toàn không,” tôi trả lời. “tôi có thể bay trên chiếc máy bay này, tôi biết tất cả về nó rồi.” “Nhưng, ông bạn,” Huang nói, “cậu sẽ tự giết mình thôi.” “Nhảm nào!” tôi nói. “Tôi chưa từng bay trên điều hay sao? Tôi chưa từng bay lên không trung hay sao, và tôi

đâu có bị say?” Huang tội nghiệp nhìn hơi tiu nghỉu khi tôi nói vậy, bởi vì khả năng đi máy bay của anh không tốt chút nào cả.

Tôi nhìn về phía chiếc máy bay kia, nhưng hai người phi công đang ở xa, quá bận rộn để bận tâm về tôi. Họ đang quỳ trên cát làm cái gì đó cho phần động cơ, rõ ràng là họ đang rất mải mê làm việc. Không có ai khác ngoài Huang, vì vậy tôi tiến đến chiếc máy bay. Như tôi đã nhìn thấy những người khác làm, tôi đá văng các vật chèn trước các bánh xe và vội vàng nhảy vào trong khi máy bay bắt đầu lăn bánh. Tôi đã được nghe giải thích vài lần về cách điều khiển, và tôi biết đó là bộ điều chỉnh, tôi biết phải làm gì.

Tôi đẩy nó về phía trước một cách khó khăn, khó khăn để di chuyển, cứng đến nỗi cổ tay trái tôi gần như bị bong gân. Động cơ gầm lên hết sức mạnh mẽ như thể nó đang tự xé mình để được tự do. Sau đó, chúng tôi tăng tốc tối đa lao xuống dải cát vàng. Tôi nhìn thấy ánh sáng lấp lánh nơi nước và dải cát gặp nhau. Trong một khoảnh khắc tôi cảm thấy sợ, sau đó tôi nhớ ra: kéo cần ngược trở lại. Tôi kéo cần điều khiển ra phía sau một cách khó khăn, mũi máy bay ngóc lên, các bánh xe lướt nhẹ trên sóng, làm tóe lên những tia nước, chúng tôi đã bay lên. Cảm giác mê mông, một bàn tay mạnh mẽ đẩy phía dưới tôi, đang đẩy tôi lên.

Động cơ gầm lên và tôi nghĩ rằng, “Không được để nó bay quá nhanh, phải giảm ga nếu không nó sẽ rơi ra từng mảnh.” Vì vậy tôi kéo cần điều khiển van tiết lưu xuống một phần tư và động cơ giảm xuống. Tôi nhìn qua phía bên của máy bay, và giật mình. Một chặng đường dài phía dưới là những vách đá trắng của Trùng Khánh. Tôi đang ở trên cao, rất cao, cao đến nỗi tôi khó có thể nhận ra mình đang ở đâu. Tôi vẫn đang bay lên cao hơn. Vách đá trắng của Trùng Khánh ư? Ở đâu vậy? Trời ơi! Nếu tôi bay cao hơn nữa tôi sẽ bay luôn ra khỏi thế giới này, tôi nghĩ.

Ngay sau đó là một cú rung khủng khiếp, và tôi cảm thấy có lẽ tôi đang rơi ra từng mảnh. Cần điều khiển trong tay tôi đang bị giật mạnh ra khỏi bàn tay ghì chặt của tôi. Tôi bị ném vào thành chiếc máy bay đang bị lật nghiêng, tròn thành dĩa, và nó đang bỏ nhào quay tròn, lao xuống đất. Trong một khoảnh khắc tôi vô cùng sợ hãi. Tôi tự nói với mình, “Bạn phải làm điều đó lúc này, Lobsang, cậu bé của tôi. Bạn tự cho mình là quá thông minh. Chỉ giây lát nữa thôi, người ta sẽ phải cạo cậu ra khỏi tảng đá.Ồ, tại

sao tôi lại rời khỏi Tây Tạng chứ?” Sau đó suy diễn từ những gì tôi đã được nghe và từ kinh nghiệm bay trên điều của mình:Trạng thái vừa lao xuống vừa xoáy tròn; cần điều khiển không hoạt động, tôi phải mở hết ga để cố gắng lấy lại hướng. Ngay khi nghĩ vậy, tôi đẩy ngay cần điều khiển van tiết lưu về phía trước một lần nữa, và động cơ lại gầm lên.

Tôi vô lý cần điều khiển đang đập loạn xạ và dốc hết sức mình dựa lưng vào ghế, dùng tay và đầu gối tôi đẩy mạnh cần điều khiển về phía trước. Mũi máy bay chúc xuống đáng kể, như thể đuôi máy bay đã bị rơi ra ngoài. Tôi không có đai an toàn và nếu tôi không bám thật chặt vào cần điều khiển tôi có thể đã bị bắn ra ngoài. Huyết quản tôi như bị đóng băng lại, như thể ai đó đang đẩy tuyết xuống lưng tôi. Đầu gối tôi trở nên yếu một cách kỳ lạ, động cơ gầm lên, tiếng rền rĩ trở nên ngày càng to lên. Tôi có cảm giác bị hói, mặc dù tôi biết chắc là không phải vậy, tóc tôi chắc hẳn đang rụng đứng hết lên bắt chắp luồng không khí.

“Ôi, đủ nhanh rồi,” tôi tự nhủ, và một cách nhẹ nhàng, ồ, thật nhẹ nhàng, để không bị tắt động cơ, tôi nói nhẹ trở lại cần điều khiển. Từ từ, chậm một cách đáng sợ, mũi máy bay ngóc lên, ngóc lên nữa, nhưng đang con phần khích tôi quên mất cách cho bay thẳng lại. Mũi máy bay tiếp tục ngóc lên cho tới khi cảm giác kỳ lạ khiến tôi nhìn xuống, hay là nhìn lên nhỉ? Tôi nhận thấy mặt đất đang ở bên trên đầu tôi! Trong khoảnh khắc tôi hoàn toàn không còn nhận biết được điều gì đang xảy ra. Sau đó, chiếc máy bay lắc lư và lộn ngược bỏ nhào một lần nữa, kết quả là trái đất, cái thế giới đau khổ ở bên dưới, ngay thẳng trước cánh quạt. Tôi đã quay lộn nhào. Tôi đã bay lộn ngược, dồn sức lên cánh tay và đầu gối trong buồng lái, bị treo ngược mà không có đai an toàn, và rõ ràng là không có nhiều hy vọng.

Tôi thừa nhận là đã rất sợ nhưng tôi nghĩ, “Được thôi, nếu tôi có thể cưỡi trên lưng một con ngựa, thì tôi cũng có thể lái một chiếc máy bay.” Vì thế tôi để mũi máy bay chúc xuống hơn một chút và sau đó nhẹ nhàng kéo ngược cần điều khiển. Một lần nữa tôi cảm thấy một bàn tay mạnh mẽ đang đẩy tôi; lúc này, tuy nhiên, tôi kéo cần điều khiển một cách từ từ, cẩn thận, luôn luôn quan sát mặt đất, và tôi có thể giữ máy bay thẳng bằng trong suốt quá trình bay. Trong một lúc tôi chỉ ngồi đó, lau mồ hôi trên trán, nghĩ chuyện này thật là kinh khủng; đầu tiên lao cắm xuống, sau đó lại lao thẳng lên, rồi bay lộn ngược, và bây giờ tôi không biết mình đang ở đâu.

Tôi nhìn qua bên cạnh, chăm chú quan sát mặt đất, quay nhìn xung quanh, và tôi hoàn toàn mơ hồ về vùng đất tôi đang bay trên đó. Tôi có thể đang ở trên sa mạc Gobi cũng nên. Cuối cùng, khi tôi từ bỏ hy vọng, thì một ý nghĩ chợt đến với tôi – chỉ ở trong buồng lái mới có được mà thôi! – dòng sông, nó ở đâu? Rõ ràng, tôi nghĩ, nếu tôi có thể tìm được dòng sông thì tôi có thể đi sang trái hay sang phải, cuối cùng tôi sẽ đi đến được đâu đó.

Vì vậy tôi lượn một vòng nhẹ nhàng, chăm chú quan sát phía xa. Cuối cùng tôi nhìn thấy một sợi bạc mờ nhạt nơi đường chân trời.

Tôi đổi hướng máy bay, và bay thẳng về phía đó. Tôi đẩy cần điều khiển về phía trước để tới đó nhanh hơn, và sau đó tôi kéo cần ngược trở lại khi có một cái gì đó đổ vỡ. Tôi cảm thấy không ổn lắm lúc đó. Tôi nhận thấy rằng tôi đang làm mọi thao tác đều quá mạnh. Tôi đẩy cần điều khiển về phía trước, tiếng ồn tăng lên với cảnh báo quá nhanh, hay khi tôi kéo cần điều khiển ra sau, mũi máy bay sẽ chúc xuống cũng với mức báo động đột ngột. Vì vậy, bây giờ tôi sẽ làm mọi việc thật nhẹ nhàng; đó là một thái độ mới mà tôi đã áp dụng cho dịp này.

Khi tôi bay đến ngay phía trên dòng sông, tôi vòng lại và bay dọc theo con sông, tìm kiếm những vách đá của Trùng Khánh. Nó thật là khó hiểu. Tôi không thể xác định được vị trí. Sau đó tôi quyết định xuống thấp hơn. Tôi bay vòng vòng ngày càng thấp hơn, nhìn chăm chú tìm kiếm những vách đá trắng với những vết rạch dài mà chúng là những bờ dốc bậc thang, tìm kiếm những mảnh ruộng bậc thang. Chúng rất khó tìm. Cuối cùng điều rõ ràng hơn đối với tôi là tất cả những đốm nhỏ trên sông là những chiếc thuyền đều đang hướng về Trùng Khánh. Chiếc tàu hơi nước nhỏ, những con thuyền tam bản, những chiếc thuyền mảng. Vì vậy tôi vẫn tiếp tục xuống thấp hơn. Sau đó tôi chỉ nhìn sợi chỉ bạc của dải cát. Tôi bay xuống hình xoắn ốc giống như con chim lao xuống hình xoắn ốc để bắt con mồi. Mũi cát trở nên lớn dần, lớn dần.

Ba người đàn ông đang nhìn lên, sững sờ khiếp sợ, ba người đàn ông, đó là Po Ku và viên phi công đồng nghiệp, cùng với Huang, đang cảm thấy chắc chắn, như họ nói với tôi sau này, là họ đã bị mất chiếc máy bay. Nhưng bây giờ tôi đang khá tự tin, rất tự tin. Tôi đã bay lên không trung, tôi đã bay lộn ngược, tôi đã tìm thấy Trùng Khánh. Bây giờ, tôi nghĩ tôi là người phi công

giỏi nhất thế giới. Ngay sau đó, tôi bị ngửa trên chân trái nơi có một cái sẹo xấu xí từ lần tôi bị bỏng ở lạt ma viện. Một cách vô thức, tôi cho là mình đã giật cái chân; chiếc máy bay rung chuyển mạnh, cơn gió xoáy đập mạnh má bên trái của tôi, mũi máy bay dốc xuống khi cánh lật nghiêng, và ngay lúc đó tôi hét thất thanh khi bay lượn. Một lần nữa tôi đẩy van tiết lưu về phía trước và cẩn thận kéo cần điều khiển về phía sau.

Chiếc máy bay rùng mình và cánh thì rung lên. Tôi nghĩ chúng sắp sửa tung rời ra! Chúng giữ lại được chỉ bằng phép màu. Chiếc máy bay lồng lên như con ngựa bất kham, rồi sau đó bay là là. Tim tôi đập dữ dội do những cố gắng tột cùng và cũng vì sợ hãi nữa. Tôi bay vòng tròn một lần nữa trên doi cát nhỏ. “Được rồi, bây giờ,” tôi tự nghĩ, “mình phải hạ cánh thôi. Mình sẽ làm thế nào đây?” con sông ở đây rộng một dặm. Đối với tôi, nó trông như chỉ vài inch và doi cát mà tôi sẽ hạ cánh trên đó thì vô cùng nhỏ bé. Tôi lượn vòng trong khi tự hỏi phải làm gì. Sau đó tôi nhớ ra họ đã nói với tôi những gì, họ đã giải thích bay như thế nào. Vì thế tôi tìm đám khói nào đó để xem chiều của gió, bởi vì họ bảo tôi cần phải hạ cánh theo chiều gió. Khói đang tỏa trên sông, từ một đồng lửa được đốt lên bên bờ con sông.

Tôi vòng lại và bay ngược dòng, trong nhiều dặm, và sau đó lặp lại theo bài học của mình, để tôi lại xuôi theo dòng sông và bay theo chiều gió. Khi bay về hướng Trùng Khánh tôi từ từ nới lỏng van tiết lưu để máy bay chậm dần, chậm dần, và hạ xuống thấp dần. Ngay khi tôi nới lỏng quá nhiều, động cơ chết máy và rung mạnh, và rơi xuống như một hòn đá, tim và dạ dày tôi lộn tùng phèo, cảm thấy như đang treo trên một đám mây. Rất nhanh tôi đẩy van tiết lưu về phía trước và kéo cần điều khiển về phía sau, nhưng tôi lại phải quay vòng lại và bay ngược dòng sông một lần nữa, rồi bắt đầu tất cả lại từ đầu. Tôi trở nên mệt mỏi vì chuyến bay này, và ước là mình chưa bao giờ bắt đầu chuyến bay. Tôi nghĩ, đưa nó lên trên không trung là một việc, nhưng rất khác với việc đưa nó xuống còn nguyên vẹn.

Tiếng gầm của động cơ trở nên đơn điệu. Tôi rất biết ơn khi nhìn thấy Trùng Khánh xuất hiện trong tầm nhìn một lần nữa. Tôi đang bay thấp, một cách chậm rãi, ngay phía trên dòng sông, giữa các giữa những núi đá khổng lồ mà thường nhìn là màu trắng, nhưng bây giờ, qua những tia khúc xạ của mặt trời, là một màu xanh đen. Khi tôi đến gần dải cát ở giữa hai dòng sông rất hẹp – tôi có thể thực hiện được với chiều rộng vài dặm! - Tôi nhìn thấy

ba bóng người đang hy vọng bòn chòn đi tới đi lui. Tôi mãi nhìn họ đến nỗi quên cả hạ cánh. Đúng lúc đó, chợt lóe lên trong tôi rằng đây là nơi tôi phải hạ cánh. Nó lướt qua bên dưới bánh xe của tôi, bên dưới cái nạng đuôi. Vì vậy, với một tiếng thở dài cam chịu, tôi đẩy van tiết lưu về phía trước để tăng tốc một lần nữa. Tôi kéo cần điều khiển về phía sau để đạt được độ cao, và bay qua trong một cái nhún về bên trái đột ngột. Lúc này tôi đang đối mặt ngược dòng sông một lần nữa, chán cả phong cảnh, chán cả Trùng Khánh, chán tất cả mọi thứ.

Tôi vòng lại một lần nữa bay xuống phía dòng sông, và theo chiều gió. Qua bên phải, tôi nhìn thấy một cảnh rất đẹp. Mặt trời đang lặn, đỏ rực rỡ, đỏ và rất lớn. Đang đi xuống. Nó nhắc nhở tôi rằng tôi cũng phải đi xuống, và tôi nghĩ tôi sẽ đi xuống, vỡ tan và chết, và tôi tự cảm thấy rằng tôi vẫn chưa sẵn sàng đến với các vị Thần, còn quá nhiều việc phải làm. Điều này nhắc tôi nhớ lại lời Tiên tri, và tôi biết rằng tôi không có gì phải lo lắng nhiều về điều đó. Lời Tiên tri! Tất nhiên tôi sẽ hạ cánh an toàn và tất cả đều sẽ tốt đẹp.

Suy nghĩ về điều đó làm cho tôi hầu như quên mất Trùng Khánh. Ở đây, nó đang ở ngay bên dưới cánh trái. Tôi nhẹ nhàng nới lỏng bánh lái để đảm bảo rằng doi cát vàng hoàn toàn ở ngay trước động cơ. Tôi xuống chậm dần, chậm dần. Máy bay nhẹ nhàng hạ xuống. Tôi kéo van tiết lưu về phía sau sao cho tôi sẽ ở khoảng ba mét phía trên mặt nước khi ngừng động cơ. Để đảm bảo rằng không có lửa nếu tôi đâm sầm xuống tôi tắt động cơ. Sau đó, rất, rất nhẹ nhàng, tôi đẩy cần điều khiển về phía trước để giảm độ cao. Thẳng phía trước động cơ tôi nhìn thấy cát và nước cứ như là tôi đang lao thẳng vào nó vậy. Vì vậy, rất nhẹ nhàng tôi kéo cần điều khiển lại phía sau.

Có một cú kéo giật, một tiếng kêu chói tai và sau đó giật nảy lên. Lại một lần nữa một tiếng cào, một cú kéo giật, và một tiếng kêu chói tai, và sau đó là một tiếng cọt kẹt âm ỉ như thể mọi thứ đang rơi ra từng mảnh. Tôi đã ở trên mặt đất. chiếc máy bay vừa tự hạ cánh. Trong một lúc tôi vẫn ngồi yên, thật khó tin rằng tất cả đã qua, rằng tiếng ồn của động cơ không thực sự ở đó, mà nó chỉ là điều tưởng tượng trong tai tôi. Sau đó tôi nhìn xung quanh. Po Ku và người bạn đồng nghiệp của anh và Huang đang đua nhau chạy tới, mặt đỏ tía vì cố gắng, thở gấp. Họ trượt tới để dừng lại ngay bên dưới tôi. Po Ku nhìn tôi, nhìn chiếc máy bay, lại nhìn tôi lần nữa. Mặt anh tái nhợt vì

sốc và cũng vì hoàn toàn nhẹ nhõm. Anh nhẹ nhõm đến nỗi anh không thể tức giận được nữa. Sau một lúc lâu, Po Ku nói, “Thế là giải quyết xong. Bạn sẽ phải tham gia vào Không quân hoặc tôi sẽ gặp rắc rối nghiêm trọng.” “Đồng ý,” tôi nói, “rất phù hợp với tôi. Không có vấn đề gì trong việc bay này cả. Nhưng tôi muốn học theo phương pháp bài bản!”

Po Ku lại đỏ mặt một lần nữa, sau đó anh phá lên cười. “Bạn sinh ra đã là một phi công rồi, Lobsang Rampa,” anh nói. “Bạn sẽ có cơ hội để học bay.” Vì vậy, đây là bước đầu tiên hướng đến việc rời khỏi Trùng Khánh. Vì vừa là bác sĩ phẫu thuật và vừa là phi công, công việc phụng sự của tôi sẽ hữu ích ở những nơi khác nữa.

Cuối ngày hôm đó, khi chúng tôi nói chuyện về toàn bộ vấn đề, tôi hỏi Po Ku, nếu anh lo lắng như vậy, tại sao anh lại không bay lên trên một chiếc máy bay khác để chỉ cho tôi cách bay về. Anh nói, “tôi muốn lắm chứ, nhưng anh đã từng bay thử và làm tất cả, vì thế tôi không thể.”

Huang, tất nhiên rồi, truyền đi câu chuyện, cũng như Po Ku và người bạn đồng hành của anh nữa, và trong vài ngày tôi là chủ đề chính của những cuộc trò chuyện ở trường đại học và bệnh viện, nhiều đến mức chán ngán. Tiến sĩ Lee đã gửi cho tôi thông báo chính thức lời khiển trách nghiêm khắc, nhưng cũng để chính thức chúc mừng tôi. Ông nói rằng ông rất thích được tự mình làm như vậy trong những năm tuổi trẻ của mình, nhưng “Không có máy bay thời tôi còn trẻ, Rampa. Chúng tôi phải đi ngựa hoặc đi bộ.” Ông nói rằng giờ đây nó rơi vào số phận của một người Tây Tạng hoang dã để anh ta có sự chiêm nghiệm tuyệt vời nhất mà anh ta có được trong nhiều năm. Ông nói thêm, “Rampa, hào quang của họ trông thế nào khi cậu bay phía trên họ và họ nghĩ rằng cậu sắp sửa rơi xuống và vỡ tan tành trên người họ?” Ông phá lên cười khi tôi nói rằng họ nhìn vô cùng sợ hãi và hào quang của họ co rút lại yếu ớt xanh lợt, bắn ra những tia màu đỏ nâu. Tôi nói, “Tôi rất mừng là không có ai ở đó để nhìn thấy hào quang của tôi như thế nào. Nó phải rất khủng khiếp. Chắc hẳn nó phải là như vậy.”

Không lâu sau đó, tôi được tiếp cận với vị đại diện của Tổng tư lệnh Tưởng Giới Thạch và được đề nghị cơ hội học bay, đồng thời được chính thức bổ nhiệm vào lực lượng không quân Trung Quốc. Viên sĩ quan đến gặp tôi đã nói, “Nếu chúng tôi có thời gian trước khi Nhật Bản xâm lược nghiêm

trọng, chúng tôi muốn thành lập một đội ngũ đặc biệt để những người bị thương và không thể di chuyển được có thể nhận được sự giúp đỡ từ những người đến từ đường hàng không mà họ đồng thời cũng là bác sĩ phẫu thuật.”

Thế là tôi có những điều khác để học bên cạnh việc nghiên cứu cơ thể con người. Tôi phải học sự lưu thông của dầu cũng như sự lưu thông của máu. Tôi phải nghiên cứu cấu trúc của máy bay cũng như của bộ xương con người. Chúng thú vị như nhau và cũng có nhiều điểm chung.

Vậy là đã nhiều năm trôi qua, và tôi đã trở thành người bác sĩ có đủ trình độ chuyên môn và cũng là một phi công có đủ khả năng, được đào tạo trong cả hai chuyên ngành, làm việc trong bệnh viện và bay vào những thời gian rảnh rỗi. Huang đã từ bỏ nó. Anh không quan tâm đến bay và chỉ cần nghĩ đến máy bay đã khiến anh phát ốm. Po Ku, thay vào đó, ở bên tôi bởi vì có thể thấy tốt đẹp như thế nào khi chúng tôi làm việc cùng nhau và chúng tôi thực sự là một đội ăn ý.

Bay là một cảm xúc tuyệt vời. Hết sức thú vị khi lên trên cao trong chiếc máy bay, và tắt động cơ để lướt đi và bay lượn giống như những con chim. Điều đó cũng rất giống với sự di chuyển của thể vía mà tôi đã làm và bất cứ ai khác cũng có thể làm được nếu trái tim họ khỏe mạnh và họ có tính nhẫn nại bền bỉ.

BẠN có biết di chuyển bằng thể vía là gì không? BẠN có thể nhớ lại niềm vui của việc bay vút lên cao, của việc trôi phía trên các nóc nhà, băng qua đại dương, hoặc có lẽ, tới miền đất xa xôi nào đó? Tất cả chúng ta đều có thể làm được điều đó. Nó chỉ là phần tâm linh cao hơn của cơ thể thoát ra khỏi cơ thể vật lý bao bọc bên ngoài của nó, và bay vào những chiều không gian khác và đi thăm những vùng khác của thế giới tới tận nơi cuối cùng của “sợi chỉ bạc” của nó. Không có gì là phép thần thông cả, cũng không có gì sai trái. Nó hoàn toàn tự nhiên và lành mạnh, và tất cả mọi người đều có thể du hành bằng thể vía mà không có sự cản trở nào và hoàn toàn tự do.

Các bậc Đại Sư của Tây Tạng và nhiều người của Ấn độ đi lại bằng thể vía từ nơi này đến nơi khác, và không có gì là lạ về điều đó. Trong những quyển sách tín ngưỡng ở khắp nơi trên thế giới, các Kinh Thánh của tất cả các tôn giáo đều đề cập đến những điều như là “sợi chỉ bạc” và “chiếc bát

vàng”. Cái được gọi là sợi chỉ bạc chỉ đơn thuần là tia sáng năng lượng, năng lượng tỏa sáng, mà nó có thể mở rộng vô tận. Nó không phải là sợi dây vật chất giống như cơ bắp, hoặc huyết mạch, hay một đoạn dây, mà chính nó là sự sống, là năng lượng kết nối cơ thể vật lý với thể vía.

Con người có nhiều thể. Hiện tại chúng ta chỉ quan tâm đến cơ thể vật lý và tầng tiếp theo là thể vía. Chúng ta có thể nghĩ rằng khi chúng ta ở trong trạng thái khác chúng ta có thể đi xuyên qua những bức tường, hoặc rơi xuyên qua sàn. Chúng ta có thể, nhưng chúng ta chỉ có thể đi hoặc rơi xuyên qua sàn của chất đậm đặc khác. Trong tầng thể vía, những đồ vật của thế giới hàng ngày này không còn là rào chắn đối với sự di chuyển của chúng ta. Các cửa ra vào ngôi nhà không còn có thể giữ người ở bên trong hay bên ngoài. Nhưng trong thế giới của thể vía cũng có các cửa ra vào và những bức tường mà đối với chúng ta trong thể vía nó là chất rắn, cũng giới hạn như các cửa ra vào hoặc các bức tường của trái đất này đối với cơ thể vật lý.

BẠN đã bao giờ nhìn thấy ma chưa? Nếu đã từng nhìn thấy thì nó có thể là một thể vía, có lẽ là một sự hiện hình thể vía của một người nào đó mà bạn biết, hoặc một người nào đó tới thăm bạn từ một nơi khác trên thế giới. Bạn có thể, lúc nào đó, có một giấc mơ đặc biệt sống động. Bạn có thể mơ là bạn đang bay lên như một quả bóng, lên trên bầu trời, được giữ bởi một sợi dây, một sợi chỉ. Bạn cũng có thể nhìn xuống từ trên trời, từ đầu bên kia của sợi chỉ này, và phát hiện ra cơ thể của bạn nằm đó cứng đờ, xanh xao, bất động. Nếu bạn kiên trì trải nghiệm gây bối rối này bạn có thể thấy ra mình đang lơ lửng, đang trôi dạt, đang cuốn đi giống như sợi bông trong làn gió nhẹ. Một lúc sau, bạn có thể thấy mình đang ở vùng đất xa xôi nào đó, hoặc một miền xa nào đó mà bạn đã biết đến. Nếu bạn nhớ được bất cứ điều gì về nó vào buổi sáng bạn có thể cho nó là một giấc mơ. Đó chính là du hành bằng thể vía.

Hãy thử điều này: khi bạn đi ngủ vào ban đêm, hãy nghĩ một cách sống động rằng bạn sẽ đến thăm một người mà bạn biết rõ. Hãy suy nghĩ bạn sẽ đến thăm người đó như thế nào. Đó có thể là một người sống trong cùng một thành phố. Đúng vậy, khi bạn nằm xuống hãy giữ yên tĩnh, thư giãn, thoải mái. Nhắm mắt lại và tưởng tượng mình trôi ra khỏi giường, ra ngoài qua cửa sổ, và trôi đi phía trên các đường phố và biết rằng không điều gì có

thể làm tổn thương bạn, biết rằng bạn không thể rơi. Trong trí tưởng tượng của mình, bạn hãy theo chính xác con đường mà bạn sẽ đi, lần lượt đi qua các con phố, cho tới khi đến được ngôi nhà mà bạn muốn đến. Sau đó hình dung bạn đang đi vào nhà như thế nào. Lúc này cửa không làm phiền bạn, hãy nhớ, bạn cũng không cần phải gõ cửa đâu. Bạn sẽ có thể nhìn thấy người bạn của mình, người mà bạn đến thăm.

Điều đó có nghĩa là bạn có thể làm được nếu động cơ của bạn trong sáng. Không có khó khăn nào cả, cũng không có gì nguy hiểm, không có hại gì.

Chỉ có một nguyên tắc: động cơ của bạn phải trong sáng.

Một lần nữa ở đây, lặp lại nếu như bạn quan tâm, nhưng sẽ là tốt hơn nhiều khi tiếp cận nó từ một hoặc hai quan điểm để bạn có thể thấy việc này hoàn toàn đơn giản ra sao. Khi bạn nằm trên giường, chỉ một mình bạn mà không có ai làm phiền, trong phòng ngủ của bạn đã khóa cửa để không ai có thể đi vào, hãy duy trì sự thanh thản. Hãy tưởng tượng rằng bạn đang nhẹ nhàng tách rời khỏi cơ thể của bạn. Không có hại gì cả, không gì có thể làm tổn thương bạn. Hãy tưởng tượng là bạn nghe thấy những tiếng cọt kẹt nhỏ khác nhau và có rất nhiều chấn động, những chấn động nhỏ, vì sức mạnh tâm linh của bạn rời khỏi thể vật lý và những thể đậm đặc ở trên.

Hãy tưởng tượng rằng bạn đang hình thành một cơ thể đối ứng chính xác với cơ thể vật lý của bạn, và nó đang trôi phía trên cơ thể vật lý, không trọng lượng. Bạn sẽ cảm thấy lắc lư nhẹ nhàng, một phút nổi lên và hạ xuống. Không có gì phải sợ, không có gì phải lo lắng. Điều này là tự nhiên, vô hại. Khi bạn giữ được sự thanh thản bạn sẽ thấy dần dần linh hồn bây giờ được tự do, sẽ buông trôi cho đến khi bạn trôi lên khỏi cơ thể bạn vài feet¹². Sau đó bạn có thể nhìn xuống chính mình, nhìn vào cơ thể vật lý của mình. Bạn sẽ thấy rằng cơ thể vật lý của bạn và thể vía của bạn được kết nối với nhau bằng một sợi dây bạc sáng ngời, một sợi dây bạc hơi xanh mà nó rung động với sự sống, với những tư tưởng đi từ cơ thể vật lý tới thể vía và từ thể vía đến cơ thể vật lý. Không gì có thể làm tổn thương bạn miễn là tư tưởng của bạn trong sáng.

Gần như tất cả mọi người đều có kinh nghiệm về du hành bằng thể vía. Hãy hỏi tường lại ký ức của bạn và hãy nghĩ liệu bạn có thể nhớ lại điều này: có bao giờ bạn từng ngủ thiếp đi và có ấn tượng rằng bạn đang lắc lư, rơi

xuống, rơi mãi và rồi đột nhiên bạn giật mình thức giấc ngay trước khi bạn đâm sầm xuống đất? Đó là vì thể vía di chuyển theo cách không đúng, cách khó chịu. Không cần thiết phải chịu đựng sự bất tiện và khó chịu như thế. Đó là bởi vì sự khác nhau về sự rung động giữa cơ thể vật lý và thể vía. Đó cũng có thể do khi bạn đang trôi xuống đi vào cơ thể vật lý sau chuyến du hành, một tiếng động nào đó, một chút gió lùa, hoặc một sự ngắt quãng, gây ra sự khác biệt nhỏ về vị trí và thể vía đi xuống cơ thể vật lý không chính xác với vị trí của nó, vì thế gây ra giật mình, một sự rung động mạnh.

Bạn có thể ví với việc bước ra khỏi chiếc xe buýt đang chạy. Chiếc xe buýt, ví như là thể vía, đang chuyển động gần hai mươi cây số một giờ. Mặt đất, ví như là cơ thể vật lý, không di chuyển. Trong khoảng cách ngắn giữa việc rời khỏi bậc lên xuống xe buýt và bước xuống đất bạn phải chậm lại hoặc giật mạnh thành lình. Vì vậy, nếu bạn có cảm giác rơi xuống này; khi đó bạn di chuyển bằng thể vía thậm chí nếu như bạn còn không biết về việc đó, bởi vì cú giật mình khi trở lại với thể xác, được gọi là “hạ cánh tồi”, sẽ xóa trí nhớ về những gì bạn đã làm, về những gì bạn đã nhìn thấy.

Trong mọi trường hợp, không được đào tạo, bạn có thể ngủ trong khi đi lại bằng thể vía. Vì thế bạn có thể chỉ đơn thuần nghĩ là mình đã mơ, “Đêm qua tôi mơ ngủ đã đi thăm một nơi như thế này thế nọ, và thấy cái này cái nọ.” Đã bao nhiêu lần bạn nói như vậy? Tất cả là giấc mơ! Nhưng nó là gì vậy? Với một chút luyện tập bạn có thể làm cho thể vía đi lại trong khi bạn hoàn toàn thức tỉnh và bạn có thể giữ lại được trong trí nhớ về những gì bạn đã nhìn thấy và những gì bạn đã làm. Bất lợi lớn của việc đi lại bằng thể vía chỉ là thế này: khi bạn di chuyển trong thể vía bạn không thể mang gì theo bạn, cũng không thể mang bất cứ thứ gì trở lại, vì thế thật phí thời gian để nghĩ rằng bạn sẽ mang gì đi đâu đó bằng cách di chuyển thể vía, bởi vì bạn không thể mang theo tiền bạc, thậm chí ngay cả một chiếc khăn tay, chỉ có linh hồn của bạn mà thôi.

Những người yếu tim không nên thực hành di chuyển bằng thể vía. Đối với họ điều đó có thể là nguy hiểm. Nhưng không có bất cứ điều gì là nguy hiểm đối với những ai có trái tim khỏe mạnh, bởi vì chừng nào mà động cơ của chúng ta trong sáng, chừng nào mà bạn không suy tính những điều xấu xa hoặc muốn thu được lợi ích cho mình, thì không có bất cứ điều gì nguy hại có thể xảy ra.

Bạn có muốn du hành bằng thẻ vía không? Đây là cách dễ nhất để thực hiện nó. Trước hết hãy nhớ điều này: nó là nguyên tắc đầu tiên của tâm lý, và nó quy định rằng trong bất kỳ trận chiến nào giữa ý chí và tư tưởng, thì tư tưởng luôn luôn chiến thắng. Vì thế hãy luôn hình dung rằng bạn có thể làm một việc; và nếu bạn tin tưởng điều đó đủ mạnh thì bạn có thể làm được. Bạn có thể làm được bất cứ điều gì. Đây là một ví dụ để làm rõ điều đó.

Bất cứ điều gì bạn thực sự cho rằng bạn có thể làm, và có thể làm được, thì không có vấn đề gì là khó khăn hay không thể cả. Bất cứ điều gì mà tư tưởng của bạn nói với bạn rằng bạn không thể làm được, thì điều đó sẽ là không thể đối với bạn, cho dù bạn có cố gắng bao nhiêu đi chăng nữa để làm điều đó. Hãy nghĩ về nó theo cách này; có hai ngôi nhà cao hơn mười mét, và cách xa nhau ba mét. Một tấm ván có độ rộng vừa hai bàn chân bắc ngang giữa hai mái nhà. Nếu bạn muốn đi qua tấm ván đó để sang bên kia, trí tưởng tượng của bạn sẽ cho bạn hình ảnh về các mối nguy hiểm, gió làm cho bạn đu đưa, hoặc có lẽ một cái gì đó trong tấm gỗ sẽ làm bạn vấp chân. Tư tưởng của bạn nói rằng bạn có thể bị chóng mặt, nhưng kết cục, cho dù trí tưởng tượng của bạn nói với bạn rằng hành trình là có thể đối với bạn, bạn cũng sẽ rơi và bị chết.

Thế đây, cho dù bạn có cố gắng thế nào đi chăng nữa, nếu bạn từng tin rằng bạn không thể làm điều đó, thì bạn sẽ không thể làm được, và rằng việc đi một quãng nhỏ sang bên kia qua tấm ván dù rất đơn giản sẽ là một quãng đường không thể đối với bạn. Không một ý chí quyền lực nào có thể làm cho bạn vượt qua một cách an toàn. Tuy nhiên, nếu tấm ván đó đặt trên mặt đất bạn có thể vượt qua hết chiều dài của nó không một chút lưỡng lự. Điều gì chiến thắng trong trường hợp như thế này? Quyền năng ư? Hay một lần nữa vẫn là tư tưởng, nếu như bạn tin rằng bạn có thể đi qua tấm ván giữa hai tòa nhà, thì bạn có thể làm được điều đó một cách dễ dàng, cũng chẳng có vấn đề gì nếu có gió thổi hay thậm chí tấm ván rung rinh, miễn là bạn tin rằng mình có thể vượt qua nó an toàn. Nhiều người đi trên sợi dây thừng kéo căng, thậm chí họ đi qua bằng xe đạp, mà không có quyền năng nào giúp họ làm được điều đó. Đó vẫn chỉ là niềm tin.

Không may là chúng ta phải gọi nó là “tư tưởng”, bởi vì, đặc biệt ở phương Tây, nó ngụ ý điều gì đó không có thật, một cái gì đó không thể tin được, tuy nhiên tư tưởng có một sức mạnh kỳ lạ nhất trên trái đất này. Tư tưởng

có thể làm cho một người nghĩ rằng mình đang yêu, và như vậy tình yêu cũng trở thành sức mạnh mạnh nhất. Chúng ta nên gọi nó là tư tưởng được kiểm soát. Bất cứ điều gì chúng ta gọi nó là tư tưởng chúng ta phải luôn nhớ rằng: trong bất kỳ trận chiến nào giữa ý chí và tư tưởng, thì tư tưởng LUÔN CHIẾN THẮNG. Ở phương Đông chúng tôi không bận tâm về quyền năng, bởi vì chúng là sự cám dỗ, là một cái bẫy, nó sẽ trói buộc con người vào vật chất. Chúng ta dựa vào tư tưởng có kiểm soát, và chúng ta thu được kết quả.

Nếu bạn phải đến nha sĩ để nhổ răng, bạn hình dung về nỗi kinh hoàng đang chờ đợi bạn ở đó, vô cùng đau đớn, bạn hình dung từng bước của quá trình nhổ răng. Có lẽ có một mũi tiêm, một cái giạt bắn người khi thuốc tê được tiêm vào, và sau đó là sự thăm dò của nha sĩ. Bạn hình dung thấy mình ngất xỉu, hoặc la hét, hoặc chảy máu đến chết, hoặc là điều gì đó nữa. Tất cả những điều đó thật vô nghĩa, tất nhiên rồi, nhưng vô cùng thực tế với bạn, và khi bạn vào ghế ngồi, bạn phải chịu đựng rất nhiều đau đớn hoàn toàn không cần thiết. Đây là một ví dụ về tư tưởng được sử dụng một cách sai lầm. Đó là loại tư tưởng không được kiểm soát, loại tư tưởng có xu hướng hoang dã, và không nên cho phép nó tồn tại.

Phụ nữ hay nghe những câu chuyện bịa đặt kinh khủng về nỗi đau đớn, nguy hiểm, của việc sinh con. Tại thời điểm sinh nở, khi nghĩ về những cơn đau sẽ đến, người mẹ đã tự làm cho mình bị căng thẳng, làm cho mình bị căng cứng, vì thế mà sản phụ trở nên nhức nhối đau đớn. Điều đó thuyết phục cô ấy rằng điều mà cô tin sẽ trở thành sự thật hoàn toàn, rằng sinh con là rất đau đớn, vì thế cô ấy càng trở nên căng thẳng hơn, và sẽ bị thêm nỗi đau khác nữa, và cuối cùng cô ấy sẽ trải qua một thời gian hoàn toàn khủng khiếp. Ở phương Đông thì không như vậy.

Người ta tin rằng có em bé là việc dễ dàng, và không đau đớn, và vì vậy điều đó đúng như thế. Phụ nữ ở phương Đông sinh những đứa con của mình, và vẫn tiếp tục công việc trong nhà của họ sau đó vài giờ, bởi vì họ biết làm thế nào để kiểm soát tư tưởng.

Bạn đã bao giờ nghe nói về “tẩy não” do người Nhật và người Nga thực hiện chưa? Đó là quá trình giày vò tư tưởng một người, và làm cho người đó tin những điều mà họ muốn người đó phải tin. Đây là phương pháp cai ngục kiểm soát tư tưởng của tù nhân, để người tù thừa nhận bất cứ điều gì,

thậm chí như vậy người tù sẽ phải trả giá cả mạng sống của mình. Tư tưởng được kiểm soát sẽ tránh được tất cả những điều này bởi vì nạn nhân, những người sẽ bị tẩy não, hoặc thậm chí bị tra tấn, có thể hình dung về những điều gì đó khác, và khi đó thử thách có thể sẽ không quá nặng nề, nếu không chắc chắn nạn nhân không chịu nổi.

Bạn có biết về quá trình của cảm giác đau không? Chúng ta hãy chọc một cây kim vào ngón tay. Vâng, chúng ta chọc đầu kim vào thịt, và chúng ta chờ đợi với nỗi lo âu sâu sắc thời điểm khi đầu mũi kim xuyên qua da, và máu sẽ trào ra. Chúng ta tập trung toàn bộ năng lượng của mình để xem xét kỹ càng vết đâm. Nếu như chúng ta có chỗ đau ở chân, chúng ta cũng sẽ quên hết, tất cả chỉ tập trung vào quá trình chọc kim vào ngón tay. Chúng ta tập trung toàn bộ tư tưởng của mình vào ngón tay đó, vào mũi kim đó. Chúng ta tin là sẽ bị đau, nó là nguyên nhân để loại trừ tất cả các vấn đề khác.

Người phương Đông đã được rèn luyện thì không như vậy. Anh ta sẽ không chăm chú vào ngón tay hay lỗ thủng sẽ xảy đến, anh ta làm tản mạn tư tưởng của mình, tư tưởng được kiểm soát, lên khắp cơ thể, để nỗi đau đón thực sự bị gây ra nơi ngón tay được trải rộng trên toàn bộ cơ thể, và như vậy vật nhỏ như chiếc kim đâm hoàn toàn không còn cảm thấy được nữa. Đó là tư tưởng được kiểm soát. Tôi đã nhìn thấy những người bị lưỡi lê mắc trong thân mình. Họ không bị ngắt hay la hét, bởi vì họ biết lực đẩy lưỡi lê đến, và họ nghĩ đến điều gì đó khác – lại là kiểm soát tư tưởng – và cơn đau đã lan rộng khắp toàn bộ bề mặt cơ thể, thay vì giới hạn vào một chỗ, vì vậy nạn nhân có thể vượt qua được sự đau đón bị lưỡi lê đâm.

Thôi miên là một ví dụ tốt nữa về tư tưởng. Với cách này, người đang bị thôi miên để tư tưởng của mình cho người thôi miên chi phối. Người đang bị thôi miên tin rằng anh ta đang bị sa vào trong ảnh hưởng của người khác. Anh ta tin rằng mình đang trở nên buồn ngủ, rằng mình đang rơi vào ảnh hưởng của người thôi miên. Vì vậy, nếu người thôi miên có khả năng thuyết phục, và khuyên nhủ tư tưởng của người bệnh, người bệnh sẽ không chống đối, và trở nên dễ bảo theo lệnh của nhà thôi miên, và đó là tất cả để thực hiện thôi miên. Cùng một cách như vậy, nếu một người đi vào trạng thái thôi miên tự động, anh ta chỉ đơn thuần tin rằng mình đang rơi vào sự ảnh hưởng của CHÍNH MÌNH! Và vì vậy anh ta đang trở nên được kiểm soát

bởi Chân Ngã. Niềm tin này, tất nhiên, là cơ sở của phương pháp chữa bệnh bằng đức tin; người ta xây dựng dần dần lên, và tin rằng nếu họ đến thăm một nơi nào đó, hay được một người nào đó điều trị, họ sẽ được chữa khỏi bệnh ngay lập tức. Niềm tin của họ, trong trường hợp như vậy, thực sự ra lệnh cho cơ thể, và vì vậy việc chữa bệnh có hiệu quả, và việc khỏi bệnh là vĩnh viễn miễn là tư tưởng vẫn duy trì mệnh lệnh, miễn là niềm tin luôn bền vững.

Chỉ cần thêm một ví dụ nhỏ giản dị, bởi vì vấn đề này về tư tưởng được kiểm soát là điều quan trọng nhất mà bạn có thể hiểu được. Tư tưởng được kiểm soát có thể có ý nghĩa khác biệt giữa thành công và thất bại, sức khỏe và bệnh tật.

Nhưng đây là ví dụ; có bao giờ bạn đi xe đạp trên con đường rộng mở, thẳng tắp, và rồi bạn nhìn thấy phía trước một hòn đá lớn, có lẽ chỉ cách bánh xe trước của bạn một vài mét? Bạn có thể sẽ nghĩ, “Ôi, tôi không thể tránh được!” và thế là đủ chắc chắn bạn không thể tránh được. Bánh xe trước của bạn sẽ bị nghiêng ngã, và cho dù bạn có cố gắng như thế nào chẳng nữa thì chắc chắn bạn sẽ chạy thẳng vào hòn đá giống như một mẫu sắt bị hút mạnh vào nam châm. Không quyền lực ý chí nào có thể làm cho bạn tránh được hòn đá đó. Tuy nhiên, nếu bạn tin rằng bạn có thể tránh được nó, thì bạn sẽ tránh được nó. Không quyền lực ý chí nào có thể làm cho bạn tránh được hòn đá đó.

Hãy nhớ quy tắc quan trọng nhất đó, bởi vì nó có ý nghĩa tất cả những sự khác biệt trên thế giới đối với bạn. Nếu bạn tiếp tục muốn làm điều ngược lại với niềm tin, bạn sẽ gây ra chứng suy nhược thần kinh. Điều đó thực sự là nguyên nhân của nhiều căn bệnh tâm thần. Điều kiện ngày nay khá khó khăn, và người ta cố gắng gạt đi tư tưởng của mình (thay vì kiểm soát nó) bằng cách rèn luyện quyền năng ý chí. Xung đột nội tâm, bên trong tâm trí, và cuối cùng sẽ xảy ra chứng suy nhược thần kinh. Người ta có thể bị bệnh thần kinh, hoặc thậm chí bị điên.

Các viện tâm thần chất đầy bệnh nhân, những người tự mình muốn làm điều mà tư tưởng của họ nghĩ khác. Và chưa hết, việc kiểm soát tư tưởng là vấn đề thực sự đơn giản, và hãy làm điều đó. Đó là tư tưởng – tư tưởng được kiểm soát – nó cho phép một người trèo lên một ngọn núi cao, hoặc lái máy

bay rất nhanh và phá vỡ kỷ lục, và làm bất cứ kỳ tích nào mà chúng ta từng đọc về chúng. Tư tưởng được kiểm soát. Người nào tin rằng mình có thể làm điều này, hoặc làm điều khác, và vì thế anh ta có thể làm được. Anh ta có niềm tin nói với anh ta rằng anh ta có thể làm được, và anh ta có mong muốn “quyết tâm” làm điều đó. Điều đó có nghĩa là thành công hoàn toàn. Vì vậy, nếu bạn muốn làm cho con đường của bạn trở nên dễ dàng và cuộc sống của bạn dễ chịu như cách người phương Đông làm, thì hãy quên đi quyền năng, nó chỉ là cạm bẫy, và ảo tưởng. Hãy chỉ nhớ kiểm soát tư tưởng. Những gì bạn tin, bạn có thể làm được. Tư tưởng, niềm tin, có phải là một hay không?

CHƯƠNG V: BÊN KIA CỬA TỬ

Ông già Tsong-tai đã chết, nằm cuộn tròn như thể ông đang ngủ. Tất cả chúng tôi đều đau buồn. Phòng bệnh bao trùm sự thương cảm. Chúng ta đều biết về cái chết, chúng ta đang phải đối mặt với cái chết và đau khổ cả ngày dài, đôi khi cả đêm dài nữa. Nhưng ông già Tsong-tai đã chết.

Tôi nhìn xuống khuôn mặt màu nâu sạm, nhăn nheo của ông, nhìn xuống lớp da co rúm bất động giống như giấy da căng trên khuôn, như sợi gân rút chặt trên chiếc điều khi nó ngân nga trong gió. Ông Tsong-tai là một quý ông hào hiệp. Tôi nhìn xuống khuôn mặt gầy gò, cái đầu quý phái của ông, và những sợi râu trắng thưa thớt.

Những năm trước ông từng là một quan chức cao cấp tại Cung điện của Hoàng đế tại Bắc kinh. Sau đó cách mạng đến và ông già đã bị đuổi đi do hậu quả khủng khiếp của chiến tranh và cuộc nội chiến. Ông đã đến Trùng Khánh, và gây dựng lại từ một người trồng rau để bán, bắt đầu lại từ dưới đáy, tần tiện chỉ vừa đủ tồn tại từ lớp đất cứng nơi đây. Ông là một người có học, một người mà nói chuyện với ông là một niềm vui. Giờ đây giọng nói của ông đã lặng im mãi mãi. Chúng tôi đã cố gắng hết sức để cứu ông.

Cuộc sống khó khăn mà ông đã trải qua, đã thử thách ông quá nhiều. Rồi tới một ngày ông đã ngã gục xuống trong khi đang làm việc trên cánh đồng. Ông đã nằm đó trong nhiều giờ, quá yếu để có thể tự di chuyển, quá yếu để có thể kêu gọi sự trợ giúp. Cuối cùng, khi người ta đưa ông đến cho chúng tôi, thì đã quá muộn. Chúng tôi đưa ông già tới bệnh viện và tôi đã chăm sóc ông, người bạn của tôi. Bây giờ không thể làm gì hơn được nữa, ngoài việc nhìn ông được chôn cất theo kiểu mà ông muốn, và cũng nhìn thấy người vợ già của ông giờ đây đang lâm vào cảnh túng thiếu.

Tôi âu yếm vuốt mắt cho ông, đôi mắt không còn nhìn chăm chăm vào tôi vẻ giễu cợt khi tôi hỏi ông dồn dập. Tôi chắc chắn đã băng chặt chẽ xung quanh hàm răng của ông để miệng của ông không bị chảy xệ, ông đã cho tôi rất nhiều lời động viên, giảng giải cho tôi rất nhiều về lịch sử và đất nước Trung Quốc, tôi có thói quen gọi ông vào buổi tối, mang cho ông những thứ

nhỏ nhất, và nói chuyện với ông như hai người đàn ông với nhau. Tôi kéo tấm vải phủ lên ông và đứng thẳng lên. Ngày đã qua lâu rồi. Đã nhiều giờ trôi qua tôi cần phải rời khỏi nơi đây, vì tôi đã làm việc hơn mười bảy giờ, cố gắng để giúp đỡ, cố gắng để chữa bệnh.

Tôi đi theo con đường lên trên đồi, đi qua các cửa hàng thấp sáng rực rỡ, vì trời đã tối. Tôi đi qua ngôi nhà cuối cùng. Bầu trời nhiều mây. Phía dưới bên cảng, nước đang vỗ vào bờ đê và những con tàu đang lắc lư, va vào phao neo giữ chúng.

Gió rên rỉ và thổi dài xuyên qua rừng thông khi tôi đi dọc theo con đường về phía lạt ma viện. Tôi rùng mình vì lý do nào đó. Tôi bị đè nặng bởi nỗi sợ hãi kinh khủng. Tôi không thể gạt bỏ suy nghĩ về cái chết ra khỏi tâm trí. Tại sao người ta phải chết đau đớn như vậy? Những đám mây trên đầu hồi hải bay nhanh, giống như những người mải mê làm công việc của mình, che khuất mặt trăng, cuốn đi hết, giúp cho ánh trăng chiếu sáng những cây linh sam đen. Sau đó những đám mây lại cùng nhau kéo đến lần nữa, ánh sáng lại tắt, và tất cả lại ảm đạm, và tăm tối, báo trước đêm gở. Tôi rùng mình.

Khi tôi đi dọc theo con đường, những bước chân của tôi vang vọng trống rỗng trong tĩnh lặng, vang vọng như có ai đó đang theo ngay phía sau tôi. Tôi cảm thấy không thoải mái, rồi tôi lại rùng mình lần nữa và cuốn cái áo choàng quanh người chặt hơn. “Phát ốm vì điều gì đó,” tôi tự nhủ. “Tôi thực sự cảm thấy rất khó chịu. Không thể nghĩ ra đó có thể là chuyện gì.” Ngay sau đó tôi đi đến lối vào con đường mòn nhỏ đi qua rừng cây, con đường nhỏ dẫn lên đồi tới lạt ma viện. Tôi rẽ phải, rời khỏi con đường chính.

Tôi đi dọc theo con đường, trong một lúc, cho tới khi đến một khoảng trống nhỏ bên vệ đường nơi có một cái cây đổ làm cho những cây khác đổ rạp xuống. Lúc này, cái cây nằm sòng soài trên mặt đất còn những cây khác nằm ngả nghiêng. Tôi nghĩ “Minh sẽ ngồi xuống một lát. Không biết có chuyện gì đã xảy ra với mình.” Tôi tự nhủ. Nghĩ thế, tôi liền rẽ vào chỗ đất trống và tìm một chỗ sạch trên thân cây. Tôi ngồi xuống và kéo áo choàng xung quanh chân để che mình khỏi cơn gió lạnh. Thật là kỳ lạ. Tất cả những âm thanh nho nhỏ của màn đêm ủa đến trùm lên tôi, run rẩy khó chịu, những tiếng rít, tiếng xào xạc. Ngay sau đó những đám mây trên đầu tan

tác, và ánh trắng sáng rực rỡ tràn ngập khoảng rừng trống, chiếu sáng như thể ban ngày.

Dường như thật lạ lùng với tôi, ánh sáng, ánh trắng sáng rạng rỡ, sáng như ánh nắng mặt trời. Tôi rùng mình, sau đó vụt đứng lên hốt hoảng. Một người đàn ông đang đi xuyên qua rừng cây đến gần, tới bên kia khoảng trống. Tôi nhìn chăm chăm đầy ngờ vực. Đó là một vị Lạt Ma Tây Tạng. Vị Lạt Ma đang tiến về phía tôi, máu đang tuôn chảy từ ngực ông, vấy đầy áo choàng của ông, tay ông cũng bị dính đầy máu, nhỏ giọt màu đỏ. Ông đi về phía tôi, tôi loạng choạng lùi lại và vấp chân vào một thân cây. Tôi sụp xuống và ngồi nhìn khiếp sợ. “Lobsang, Lobsang con, con sợ THẦY hay sao?” một giọng nói thân thiết vang lên, tôi vùng đứng dậy, dụi mắt nhìn, và sau đó vội vã lao về phía người đó.

“Dừng lại!” Người nói. “Con không thể chạm vào ta. Thầy đến để nói lời tạm biệt với con, cho đến ngày này ta đã hoàn thành quãng đời của mình trên trái đất, và đã tới lúc ta lên đường. Chúng ta sẽ ngồi và nói chuyện chứ?” tôi quay lại, lễ phép, đau đớn, choáng váng, và lại ngồi vào chỗ mình trên thân cây đỏ. Trên cao những đám mây quay cuồng, lá trên cây xào xạc, một con chim đêm lướt bay phía trên đầu đi săn mồi, tìm thức ăn, không biết gì về chúng tôi, về những việc của chúng tôi. Ở đâu đó phía cuối khúc cây mà chúng tôi đang ngồi trên, một sinh vật nhỏ xào xạc và kêu cọt kẹt khi nó đục khoét thân cây để tìm thức ăn. Nơi đây, trên khoảng đất trống hoang vắng, lộng gió, và ảm đạm này, tôi ngồi và nói chuyện với một hồn ma, hồn ma của Thầy tôi, Đại Đức Lạt Ma Mingyar, người đã trở về từ bên ngoài Cuộc Sống để nói chuyện với tôi.

Người ngồi bên cạnh tôi giống như Người đã từng ngồi bên cạnh tôi rất nhiều lần ở Lhasa, trước khi tôi đi xa. Người ngồi không chạm vào tôi, cách xa tôi khoảng ba yard¹³. “Trước khi con rời Lhasa, Lobsang, con đã hỏi thầy khi nào quãng đời của thầy trên trái đất này kết thúc. Bây giờ đã đến lúc kết thúc. Đã đến rồi đây.”

Tôi nhìn Người, người mà tôi biết rõ hơn ai hết. Tôi nhìn Người và thật khó tin – thậm chí với tất cả những kinh nghiệm của tôi về vấn đề này – rằng người đàn ông này không còn là thân xác nữa, mà là linh hồn, rằng sợi chỉ bạc của Người đã bị cắt đứt, và bát vàng đã vỡ tan tành. Với tôi, Người

trông vững vàng, bình tĩnh, như tôi vẫn biết về Người. Người mặc áo choàng, chiếc áo thầy tu màu đỏ gạch cùng với áo choàng màu vàng. Người có vẻ mệt mỏi như thể vừa đi một chuyến xa và đau đớn. Tôi có thể thấy rõ rằng trong một thời gian dài đã qua Người đã lãng quên hạnh phúc riêng của mình trong việc phụng sự nhân loại. “Người mệt mỏi biết bao,” tôi nghĩ. Người xoay mình, theo một thói quen mà tôi nhớ rất rõ, và khi Người làm như vậy tôi đã nhìn thấy một con dao cắm trên lưng Người.

Người khẽ nhún vai và ngả người, đối diện với tôi. Tôi đông cứng người vì kinh hoàng khi nhìn thấy đầu lưỡi dao găm nhô ra từ ngực của Người, và máu trào ra từ vết thương, chảy xuống thấm đẫm chiếc áo choàng màu vàng.

Lúc trước nó chỉ mờ mờ không rõ nét, tôi không nhận ra được rõ rệt, tôi chỉ nhìn thấy một vị Lạt ma bị chảy máu trên ngực, trên tay, nhưng bây giờ tôi nhìn chăm chăm không dứt.

Đôi bàn tay tôi nhìn thấy bị nhuốm máu nơi Người đã nắm chặt khi con dao găm đi xuyên qua lồng ngực. Tôi rùng mình và máu chảy lạnh toát bên trong tôi. Người đã nhìn thấy ánh mắt của tôi, Người nhìn thấy nỗi kinh hoàng trên khuôn mặt tôi, và Người nói, “Thầy đến như thế này là cố ý, Lobsang, để con có thể biết được những gì đã xảy ra. Còn bây giờ con sẽ thấy ta như thế nào, hãy nhìn và thấy thầy thực sự là ai.”

Hình ảnh nhuốm máu biến mất trong nháy mắt, một tia chớp vàng, và sau đó nó được thay thế bằng một vẻ đẹp và tinh khiết phi thường. Đó là một Đấng Cao Cả đã tiến xa trên con đường tiến hóa. Người đã đạt được quả vị Phật.

Sau đó, trong như tiếng chuông chùa, giọng nói của Người vọng tới tôi, không phải tới đôi tai của thể vật lý mà tới tâm thức bên trong tôi. Một giọng nói của vẻ đẹp, âm vang, đầy sức mạnh, tràn đầy sức sống, Sự sống Cao quý. “Thời gian của ta rất ngắn, Lobsang con, ta phải tiếp tục lên đường ngay, nhiều người đang chờ đợi ta. Nhưng con, bạn của ta, người bạn đồng hành của ta trong biết bao cuộc phiêu lưu, ta phải đến thăm con trước tiên, để động viên con, để an ủi con, và để nói “Tạm biệt” trong một lát. Lobsang con, trước đây chúng ta đã cùng nói chuyện với nhau rất lâu về những vấn đề này. Ta nói với con một lần nữa, con đường của con sẽ rất

dài, rất khó khăn và nguy hiểm, nhưng con sẽ thành công bất chấp tất cả, bất chấp sự phản đối và ghen tị của những người phương Tây.”

Chúng tôi nói chuyện với nhau trong một lúc lâu; nói về những điều rất riêng tư không thể nói ra ở đây. Tôi thật sự ấm áp và thoải mái, khoảng rừng trông quanh chúng tôi tràn ngập ánh sáng vàng, sáng rực rỡ hơn cả ánh sáng mặt trời, và ấm áp như giữa buổi trưa hè. Tôi được đắm mình trong tình yêu thương. Sau đó, đột nhiên, Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức yêu quý của tôi, đứng dậy, nhưng chân của Người không chạm đất.

Người đưa tay lên trên đầu tôi và ban ân huệ cho tôi, và Người nói, “Ta sẽ đi theo con, Lobsang, để giúp đỡ con nhiều hết mức ta có thể làm, nhưng con đừng còn khó khăn, tai họa sẽ còn nhiều và thậm chí trước khi ngày hôm nay kết thúc con sẽ nhận được một điều đau đớn nữa. Hãy chịu đựng, Lobsang con, hãy chịu đựng như con đã từng chịu đựng trong quá khứ. Ân huệ của ta sẽ luôn ở cùng con.” Tôi ngược mắt nhìn, và trước cái nhìn chăm chú của tôi Người mờ dần và biến mất, ánh sáng vàng đã tắt và không còn nữa, và bóng tối tràn về và gió lại lạnh. Phía trên đầu những đám mây bay hỗn loạn. Những sinh vật nhỏ trong đêm kêu xào xạc. Có một tiếng kêu rít kinh hoàng của nạn nhân nào đó của một sinh vật lớn hơn khi trút hơi thở cuối cùng.

Tôi đứng sững sờ trong một lát. Sau đó tôi ngã quỵ xuống đất bên cạnh thân cây, và cào vào rêu, và trong một lúc tôi không còn là người đàn ông bất chấp tất cả những gì tôi đã được đào tạo, bất chấp tất cả những gì tôi đã biết. Sau đó dường như tôi nghe thấy bên trong tôi giọng nói thân yêu đó một lần nữa. “Hãy vững lòng, Lobsang con của ta, hãy vững lòng vì đây chưa phải đã hết, vì tất cả những gì mà chúng ta cố gắng là quan trọng và sẽ đạt được. Đây không phải là kết thúc.” Vì vậy, tôi run rẩy đứng lên, kiểm chế những ý nghĩ của mình, và tôi chùi sạch chiếc áo choàng, lau sạch bùn đất trên tay.

Một cách chậm rãi tôi tiếp tục hành trình của mình đi lên con đường mòn, lên đồi, tới lạt ma viện. “Cái chết,” tôi nghĩ, “tôi đã từng ở phía bên kia của cái chết, nhưng tôi đã trở về. Sự phụ tôi đã không thể sống lại, đã vượt quá tầm tay của tôi. Sự phụ đã ra đi và tôi ở lại một mình, trơ trọi.” Tâm trí suy nghĩ miên man như vậy, tôi về đến lạt ma viện. Tại lối vào có một số nhà sư

cũng vừa trở về từ những con đường khác. Tôi mò mẫm gạt họ ra và đi tiếp vào bóng tối của ngôi chùa nơi những hình ảnh linh thiêng đang chăm chú nhìn tôi và dường như có sự thấu hiểu và lòng trắc ẩn trên gương mặt của các Ngài. Tôi nhìn lên những tấm bài vị của Tổ tiên, những băng đỏ với chữ vàng, hương trầm đang cháy, tỏa khói thơm lơ lửng bên trên như một đám mây lững lờ ở cao phía trên đầu.

Tôi đến một góc xa, nơi thực sự bất khả xâm phạm, và tôi lại nghe thấy lần nữa, “Hãy vững lòng, Lobsang con, hãy vững lòng, vì đây không phải là kết thúc và vì những điều chúng đã cố gắng là quan trọng và sẽ thành công. Hãy vững lòng.” Tôi ngồi xuống trong tư thế hoa sen, và tôi đắm chìm lúc trong quá khứ, khi quay về hiện tại. Tôi ngồi như vậy bao lâu cũng không biết. Thế giới đã sụp đổ xung quanh tôi. Những khó khăn đè nặng lên tôi. Người Thầy yêu quý của tôi đã rời khỏi thế giới này, nhưng Người đã dặn tôi, “Đây không phải là kết thúc, tất cả đều là vô giá.” Xung quanh tôi các nhà sư đã đi làm những công việc của họ: lau bụi, dọn dẹp, thắp những nén hương mới, tụng kinh, nhưng không ai đến làm phiền khi tôi ngồi đau buồn một mình.

Màn đêm bao trùm, các nhà sư chuẩn bị cho buổi lễ cầu nguyện. Các nhà sư Trung Quốc trong áo choàng đen, đầu cạo trọc với những đốm hương đốt trên hộp sọ của họ, trông giống như những bóng ma trong ánh sáng của những ngọn đèn bơ nhấp nháy. Các tu sĩ của ngôi chùa đội mũ năm mặt Phật đến tụng kinh khi tiếng kèn của ngôi chùa vang lên và chiếc chuông bạc rung lên. Tôi chậm rãi đứng lên và miễn cưỡng tới gặp vị Hòa thượng trụ trì.

Tôi trao đổi với ông về những gì đã xảy ra, và yêu cầu được miễn buổi lễ cầu nguyện nửa đêm, khi nói rằng tôi đã quá đau buồn, không muốn để mọi người trong lạt ma viện nhìn thấy nỗi buồn của tôi. Ông nói, “Không, người anh em của tôi. Bạn có lý do để vui mừng. Bạn đã từng vượt qua cái chết và trở về, và ngày hôm nay bạn đã nghe thấy từ Người Thầy của bạn, và bạn đã nhìn thấy bằng chứng về quả vị Phật của Người. Người anh em của tôi không nên đau buồn vì sự chia ly chỉ là tạm thời. Hãy làm lễ cầu nguyện nửa đêm, người anh em của tôi, và hãy vui mừng vì bạn thấy rằng điều đó bị từ chối.”

“Đào tạo thật sự rất tốt,” tôi nghĩ. “Tôi cũng biết bất kỳ cái chết nào trên trái đất cũng có nghĩa là sự sinh ra trong Sự sống Cao quý. Tôi biết rằng không có cái chết, rằng đây là thế giới của ảo tưởng, và rằng sự sống thật sự sẽ đến khi mà chúng ta rời khỏi giai đoạn khủng khiếp này, rời khỏi trái đất này, mà đó là trường học nơi chúng ta đến để học những bài học của mình. Cái chết ư? Không có cái gì như vậy cả. Vậy tại sao tôi lại chán nản?” Câu trả lời đến với tôi gần như ngay trước khi tôi tự hỏi mình câu hỏi này.

Tôi chán nản bởi vì tôi ích kỷ, bởi vì tôi đã mất đi điều mà tôi yêu quý, bởi vì người mà tôi yêu quý bây giờ đã vượt quá tầm tay của tôi. Tôi thực sự ích kỷ, vì Người đã đi đến cuộc sống vinh quang, trong khi tôi vẫn còn bị mắc trong cuộc sống cực nhọc trên trái đất, bị bỏ lại để tiếp tục khổ đau, tiếp tục phấn đấu, để thực hiện nhiệm vụ mà vì nó tôi đã đến theo cùng cách như một người sinh viên đến trường cần phải phấn đấu cho tới khi vượt qua kỳ thi tốt nghiệp của mình. Sau đó, với trình độ mới, ta lại có thể lên đường đến thế gian để lại học hỏi tất cả lần nữa. Tôi ích kỷ, vì tôi muốn giữ người Thầy yêu quý của mình lại nơi đây, trên trái đất khủng khiếp này vì lợi ích ích kỷ của riêng mình.

Cái chết ư? Không có gì phải sợ chết cả. Chính cuộc sống mới là điều chúng ta nên sợ hãi, cuộc sống làm cho chúng ta phạm rất nhiều sai lầm.

Không cần phải sợ cái chết. Không cần phải lo sợ việc kết thúc cuộc đời này để đi tới Sự sống Cao quý. Không cần phải sợ địa ngục, vì không có nơi nào như vậy cả, không có cái gọi là Ngày Phán Xét. Mỗi người chúng ta tự phán xét chính mình, và không có sự phán xét nào nghiêm khắc nào hơn chính bản thân anh ta về sự nhu nhược, yếu đuối của mình khi anh ta trải qua cuộc sống trên trái đất và khi mà những giá trị sai lầm được loại bỏ qua con mắt của anh ta và khi anh ta có thể nhìn thấy Sự thật: Vì vậy, tất cả những ai sợ chết hãy biết điều này từ người đã từng vượt qua cái chết và quay trở lại.

Sợ hãi chỉ vô ích. Không có Ngày Phán Xét ngoại trừ việc chính bạn tự phán xét mình. Không có địa ngục.

Tất cả mọi người, bất kể họ là ai, cũng như bất kể họ đã làm gì, đều được trao cho cơ hội. Không một ai, không bao giờ bị hủy bỏ. Không có ai quá xấu xa để không có được một cơ hội khác. Chúng ta sợ cái chết của những

người khác bởi vì nó tước đi những người thân yêu của chúng ta, bởi vì chúng ta ích kỷ, và chúng ta sợ cái chết đến với mình bởi vì đó là một hành trình đi vào nơi xa lạ, và đó chính là cái mà chúng ta không hiểu, là cái mà chúng ta không biết, nên chúng ta sợ.

Nhưng không có cái chết, mà chỉ có sự sinh ra trong Sự sống Cao quý. Trong thừa số khai của tất cả các tôn giáo đó là lời dạy; không có cái chết, chỉ có sự sinh ra trong Sự sống Cao quý. Trải qua thế hệ này đến thế hệ khác của các nhà tu hành, lời dạy đích thực đã bị thay đổi, đã bị sai lạc, cho đến lúc họ đe dọa bằng sự sợ hãi, lưu huỳnh và độc tố, và những câu chuyện về địa ngục. Họ làm tất cả những điều này để đẩy mạnh quyền lực cá nhân của họ, để nói rằng, “Chúng ta là những tu sĩ, chúng ta có chìa khóa vào thiên đường. Hãy tuân theo chúng ta nếu không người sẽ đi xuống địa ngục.” Nhưng tôi đã ở phía bên kia của cái chết và đã quay trở lại, cũng như nhiều vị Lạt Ma khác đã từng như vậy.

Chúng tôi biết sự thật. Chúng tôi biết rằng luôn luôn có hy vọng, bất kể những gì người ta đã làm, cho dù cảm giác tội lỗi như thế nào người ta cũng cần phải tiếp tục phấn đấu để luôn luôn có hy vọng.

Vị Hòa thượng trụ trì của ngôi chùa đã nói với tôi, “Hãy làm lễ cầu nguyện nửa đêm, người anh em của tôi, và nói về những gì bạn đã nhìn thấy ngày hôm nay.” Tôi sợ điều này. Đây thực sự là một thử thách đối với tôi, tôi cảm thấy vô cùng đau đớn. Nỗi niềm nặng trĩu đè nặng lên tôi, và tôi trở về một góc hẻo lánh của ngôi chùa để thiền định. Buổi đêm khủng khiếp đó tiếp tục trùm lên tôi, trong cảm giác mỗi phút mà như hàng giờ, mỗi giờ trôi qua như những ngày dài, và tôi nghĩ rằng tôi không bao giờ sống qua nổi. Các nhà sư đến rồi lại đi. Các hoạt động bên trong ngôi chùa vẫn diễn ra xung quanh tôi, nhưng tôi chỉ có một mình với những suy nghĩ miên man, nghĩ về quá khứ, hãi hùng với tương lai.

Nhưng điều đó đã không xảy ra. Tôi đã không làm lễ nửa đêm nữa. Vì Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại đức đã cảnh báo tôi trước đó, vào buổi tối là sẽ còn một đòan nữa giáng xuống trước khi hết ngày, một đòan khủng khiếp. Tôi đang ngồi thiền trong góc yên tĩnh của mình, nghĩ về quá khứ và tương lai. Vào khoảng mười một giờ đêm, khi tất cả đã trở nên yên tĩnh xung quanh tôi, tôi nhìn thấy một bóng người đang tiến lại gần. Đó là một vị Lạt Ma rất

già, một người thuộc tầng lớp tinh hoa của đền thờ ở Lhasa, một vị Phật sống cổ xưa đã không còn sống trên trái đất này từ lâu lắm rồi. Ngài đến từ bóng tối sâu xa nơi ánh sáng của những ngọn đèn bơ nhấp nháy không lọt qua được. Ngài đến gần, và xung quanh Ngài là ánh sáng xanh rực rỡ. Xung quanh đầu Ngài rực rỡ ánh sáng vàng. Ngài đến bên tôi, đưa bàn tay ra, để ngửa lên, và nói, “Con của ta, con trai ta, ta có tin quan trọng cho con. Đấng Thái Tuế, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba, đã đến cuối con đường của Ngài, đang chuẩn bị rời khỏi thế giới này.”

Cụ già, vị Lạt Ma đã đến gặp tôi, nói với tôi rằng sự kết thúc của một chu kỳ đã đến gần, và rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma cần phải ra đi. Ngài nói với tôi rằng tôi cần phải thật nhanh và trở về Lhasa để kịp gặp Người trước khi quá muộn. Sau đó Ngài nói, “Con cần phải nhanh hết sức. Hãy sử dụng bất kỳ phương tiện nào mà con có thể để trở về. Con cần phải lên đường ngay đêm nay.” Ngài nhìn tôi, và tôi đứng lên, khi đó Ngài mờ dần, rồi trở lại vào bóng tối và không còn thấy nữa. Linh hồn Ngài đã trở về với cơ thể của mình mà có lẽ là ở tận Jo Kang tại Lhasa. Các sự việc xảy ra quá nhanh với tôi. Bi kịch tiếp nối bi kịch, sự kiện nối tiếp sự kiện. Tôi cảm thấy choáng váng. Sự huấn luyện của tôi thực sự rất khó khăn. Tôi đã được dạy về sự sống và về cái chết, và không biểu lộ cảm xúc, nhưng người ta có thể làm gì khi những người bạn thân yêu của mình đang liên tiếp chết đi? Người ta phải duy trì được trái tim rắn như đá, vẻ mặt lạnh như băng, và xa cách, hay là người có cảm xúc âm áp chằng? Tôi yêu quý những người đàn ông này.

Ông già Tsong – tai, Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức, và Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba, bây giờ đây, trong cùng một ngày, trong vòng có vài giờ tôi nghe tin người này tiếp theo người kia lần lượt ra đi.

Hai người đã chết, và người thứ ba ... còn bao lâu nữa trước khi Ngài cũng đi nốt? Một vài ngày. Tôi phải gấp rút, tôi nghĩ, và tôi quay lại, theo lối đi từ bên trong đi vào khu vực chính của lạt ma viện. Tôi đi dọc theo hành lang lát đá về phía căn phòng nhỏ của vị Hòa Thượng. Khi tôi đến gần chỗ rẽ vào phòng của ông, tôi nghe thấy tiếng náo động bất ngờ và một tiếng ngã ục. Tôi vội vã chạy đến.

Một vị Lạt Ma khác, Jersi, cũng đến từ Tây Tạng, nhưng không phải từ Lhasa mà là từ Chambo, cũng nhận được một thông điệp bằng thần giao

cách cảm, từ một vị Lạt ma khác. Anh cũng đang được thúc giục rời khỏi Trùng Khánh và trở về cùng với tôi như một người hộ tống. Anh đã học lái xe ô tô, và những dạng phương tiện đi lại tương tự. Anh đã rất nhanh; khởi hành ngay lập tức khi nhận được thông điệp, nhảy khỏi xe và lao xuống hành lang đá về phía căn phòng của Hòa Thượng. Anh không qua được góc quanh mà trượt chân trên bơ bị đổ từ một ngọn đèn của một nhà sư bất cẩn.

Anh bị trượt chân và ngã xuống nặng nề. Anh bị gãy một chân và tay, và khi tôi rẽ nơi góc hành lang thấy anh nằm đó, thở hổn hển, với một trục xương nhô ra.

Vị Hòa Thượng cũng ra khỏi phòng khi nghe thấy tiếng ồn. Chúng tôi cùng quỳ xuống bên người anh em bị ngã. Hòa Thượng giữ vai trong khi tôi kéo cổ tay của anh để ổn định lại chỗ xương bị gãy.

Sau đó, tôi gọi lấy nẹp và băng, Jersi nhanh chóng được nẹp và băng bó cánh tay và chân. Cái chân là vấn đề khác vì nó bị gãy chồi xương và chúng tôi phải đưa anh tới căn phòng nhỏ và kéo chân. Sau đó tôi để anh lại đó cho người khác chăm sóc.

Hòa Thượng và tôi đi đến căn phòng của ông, ở đó tôi nói với ông về thông điệp mà tôi mới nhận được. Tôi mô tả cho ông về điều mình nhìn thấy, và ông cũng có ấn tượng tương tự như tôi. Vì vậy, chúng tôi cùng thấy rằng tôi nên rời khỏi lạt ma viện ngay. Hòa Thượng nhanh chóng giao cho một người đưa tin ra ngoài lấy một con ngựa, và phi nước đại vào Trùng Khánh cho nhiệm vụ này. Tôi chỉ dừng lại để lấy thực phẩm đã được đóng gói cho tôi. Tôi lấy chăn và áo choàng để thay, sau đó tôi đi bộ xuống con đường mòn, đi qua khoảng rừng trống nơi mà tối hôm đó tôi đã có một kỷ niệm đáng nhớ, nơi tôi đã gặp lần cuối Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức. Tôi bước đi, cảm thấy nhói đau, cố gắng kiểm soát cảm xúc của mình, cố gắng duy trì vẻ mặt điềm tĩnh của một Lạt Ma. Rồi tôi đi đến cuối con đường mòn nơi gặp con đường lớn. Tôi đứng và chờ đợi.

Đằng sau tôi, tôi nghĩ, trong ngôi chùa những tiếng cồng chiêng đồng thâm trầm đang gọi các nhà sư đến dự lễ cầu nguyện. Tiếng kêu leng keng của những chiếc chuông bạc ngân nga xen lẫn vào hòa điệu với tiếng kèn trompet đang ngân vang. Chẳng mấy chốc, không khí màn đêm trở nên rộn ràng với tiếng động cơ mạnh mẽ, và từ phía xa rọi đến các chùm tia sáng

bạc của đèn pha. Một chiếc xe ô tô đang lao nhanh về phía tôi và dừng lại với tiếng kêu rít của lốp xe miết trên đường. Một người đàn ông nhảy ra khỏi xe. “Xe của Ngài, thưa Ngài Lobsang Rampa Cao quý. Trước hết, tôi sẽ quay nó lại phải không ạ?” “Không,” tôi trả lời. “Đi xuống đồi, về phía bên trái.” Tôi nhảy vào chỗ bên cạnh người lái xe. Nhà sư được Hòa Thượng giao nhiệm vụ đã gấp rút đến Trùng Khánh để có một người lái xe và chiếc xe có động cơ khỏe.

Đây thực sự là một chiếc xe khỏe, một con quái vật Mỹ màu đen rất tốt. Tôi ngồi bên cạnh tài xế và chúng tôi tăng tốc suốt đêm trên con đường đến Chengtu, cách Trùng Khánh gần ba trăm năm chục cây số. Phía trước chúng tôi là những hố lớn dưới ánh sáng được chiếu ra từ chiếc đèn pha, cho thấy con đường rất gập ghềnh, chiếu sáng những hàng cây bên đường, và tạo ra những bóng hình kỳ quặc như thể để chúng tôi can đảm bắt chúng, như thể thúc giục chúng tôi nhanh hơn và nhanh hơn nữa. Người lái xe, Ejen, là một người lái xe giỏi, được đào tạo tốt, lái xe tốt và an toàn. Chúng tôi lao nhanh không ngừng trên con đường mờ mờ không rõ nét. Tôi ngồi dựa lưng, và miên man suy nghĩ.

Trong đầu tôi tràn ngập ý nghĩ về người Thầy thân yêu của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức, về cách mà Thầy đã dạy tôi, về tất cả những gì Thầy đã làm cho tôi. Thầy đối với tôi còn hơn cả cha mẹ đẻ của tôi. Trong suy nghĩ của tôi, còn có cả vị lãnh đạo yêu quý của tôi, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba, đã tới cuối kiếp sống này, vì lời tiên tri trước đây đã xảy ra, và với sự ra đi của Ngài, một trật tự mới sẽ đến với Tây Tạng. Năm 1950 Trung Quốc bắt đầu cuộc xâm lược Tây Tạng, nhưng trước đó họ đã đến Lhasa. Tôi nghĩ về tất cả những điều này mà tôi biết nó sẽ xảy ra, và vào năm 1933, tôi biết về nó trước năm 1933, bởi vì tất cả những sự kiện này xảy ra chính xác với lời tiên tri.

Vậy là chúng tôi đã liên tục chạy suốt đêm hai trăm dặm¹⁴ đường để đến Chengtu. Tại đó chúng tôi duỗi đôi chân trong mười phút trong lúc lấy thêm xăng và thực phẩm. Sau đó chúng tôi lại tiếp tục lên đường, lái xe điên rồ qua đêm, xuyên qua bóng tối từ Chengtu đến Ya-an, hơn một trăm dặm đường nữa, và đến đó, khi bình minh hừng sáng, khi những vệt nắng đầu tiên chiếu sáng trên bầu trời, con đường kết thúc ở đây, chiếc xe không thể

đi xa hơn nữa. Tôi đi đến một lạt ma viện mà ở đó, bằng thần giao cách cảm, đã nhận được thông điệp về việc tôi đang trên đường đến.

Một con ngựa đã sẵn sàng ở đó, một con ngựa sôi nổi, nó hay đá và chồm lên, nhưng trong tình trạng khẩn cấp này tôi không có thời gian để chiều theo nó. Tôi nhảy lên lưng, và ngồi trên đó, và con ngựa vâng lệnh tôi như thể nó biết về nhiệm vụ cấp bách của chúng tôi. Người giữ ngựa thả dây cương và đứng tránh ra, chúng tôi lao vọt lên trên con đường, hướng về phía Tây Tạng. Chiếc xe trở về Trùng Khánh, người lái xe hài lòng về chuyến đi nhanh chóng nhẹ nhàng, trong khi tôi phải ngồi trên yên ngựa gỗ cao, cuời nó và lướt đi, thay đổi ngựa sau khi kết thúc mỗi chặng đường, luôn thay đổi những con ngựa nhiệt huyết, tràn đầy sức mạnh vì tôi đang rất vội.

Không cần phải nói về thử thách của hành trình này, những khó khăn gian khổ của một kỵ sĩ đơn độc. Không cần nói về nơi giao nhau của dòng sông Trường Giang, và tiếp đến vùng Thượng sông Salween. Tôi cuời ngựa liên tục. Cuời ngựa như thế này là một công việc làm kiệt sức, nhưng tôi đã làm điều đó đúng lúc. Tôi rẽ đi xuyên qua chuông núi, và một lần nữa nhìn chăm chú vào những mái vàng của cung điện Potala. Tôi chăm chú nhìn những mái vòm mà nó đang che dấu những thi hài mạ vàng khác của Đức Đạt Lai Lạt Ma khỏi những con mắt của thế gian, và tôi nghĩ giờ sẽ lại sớm có một mái vòm nữa che dấu một thi hài khác.

Tôi tiếp tục cuời ngựa, và vượt qua dòng sông Happy một lần nữa. Nó không còn là hạnh phúc đối với tôi lúc này. Tôi vượt qua và đi dọc theo con sông, và tôi đã về đúng lúc. Hành trình khó khăn, gấp gáp đã không vô ích. Tôi đã ở đó, trong tất cả các nghi lễ và tham gia rất tích cực trong đó. Đối với tôi còn có một điều khó chịu nữa. Người nước ngoài đã ở đó, hẳn ta muốn tất cả mọi người phải quan tâm đến mình. Hẳn nghĩ rằng chúng tôi chỉ là những người bản xứ, còn hẳn là ông hoàng của tất cả mọi người mà hẳn đang kiểm tra giám sát. Hẳn muốn ở phía trước tất cả mọi thứ, được tất cả chú ý, và bởi vì tôi không giúp cho mục đích ích kỷ của hẳn ta – hẳn đã cố gắng hối lộ một người bạn và tôi những chiếc đồng hồ đeo tay! – hẳn ta coi tôi là kẻ thù từ đó, và hẳn thực sự phải bỏ cuộc sau khi đã làm những điều quá khích để làm tổn hại tôi và người bạn. Tuy nhiên, điều đó chẳng là

gì cả, ngoại trừ việc nó chỉ ra rằng các Thầy đã đúng biết bao khi cảnh báo tôi về tính ghen tị.

Đây là những ngày thực sự đau buồn đối với chúng tôi, và tôi không có ý định viết về những nghi lễ cũng như về việc xử lý thi hài của Đức Đạt Lai Lạt ma. Chỉ cần nói rằng thi hài của Ngài đã được bảo quản theo phương pháp cổ xưa của chúng tôi, và được đặt ở vị trí nhìn về phía Nam theo phong tục. Không biết bao nhiêu lần đầu quay về hướng Đông. Nhiều người coi đây là lời gợi ý từ bên kia cái chết, nói rằng chúng ta phải nhìn về hướng Đông. Thế đấy, những tên xâm lược Trung Quốc đã đến từ phía Đông để tàn phá Tây Tạng. Quay sang phía Đông thực sự là một dấu hiệu, một lời cảnh báo. Lẽ nào chúng ta lại không chú ý đến nó!

Tôi lại đến nhà của cha mẹ tôi một lần nữa. Ông Tzu đã chết. Nhiều người trong số những người tôi biết đã thay đổi.

Ở đây mọi cái đều xa lạ. Nó không còn là nhà với tôi. Tôi chỉ là một người đến thăm, một người lạ, một Lạt ma cao cấp, một quan chức cao cấp của ngôi chùa, tạm thời trở về từ Trung Quốc. Tôi đã phải chờ đợi để gặp cha mẹ tôi. Cuối cùng thì tôi cũng được dẫn đường đến gặp họ. Câu chuyện gượng gạo, miễn cưỡng. Tôi không còn là con trai của gia đình này nữa, mà là một người lạ. Nhưng không hẳn là một người lạ theo ý nghĩa thông thường, vì cha tôi dẫn tôi vào phòng riêng của ông, và ở đó ông lấy ra từ hộp an toàn Gia phả của dòng họ chúng tôi, và cẩn thận lấy nó ra khỏi hộp mạ vàng.

Không nói một lời, tôi ký tên mình vào mục cuối cùng. Tôi đã ký tên, cấp bậc và trình độ mới của tôi là một bác sĩ và nhà phẫu thuật. Sau đó, Cuốn Gia phả được bọc lại cẩn thận và đặt vào chỗ kín đáo bên dưới sàn nhà. Chúng tôi cùng nhau quay lại căn phòng nơi mẹ và chị gái tôi đang ngồi. Tôi nói lời chào từ biệt và đi ra. Trên sân, những người trông ngựa đang giữ con ngựa của tôi. Tôi trèo lên lưng ngựa và đi qua cái cổng lớn lần cuối cùng. Trái tim tôi nặng trĩu khi tôi trở ra con đường Lingkhor và đi đến Menzekang, bệnh viện chính của Tây Tạng.

Tôi đã từng làm việc ở đây và bây giờ tôi đang đến thăm vị sư già tiên bói người đứng đầu ở đây, Ngài Chinrobnobo, tôi biết rõ về ông, một người rất tốt bụng. Ngài đã dạy tôi nhiều sau khi tôi rời khỏi trường y khoa Iron Hill.

Ngài đưa tôi vào phòng và hỏi tôi về y học Trung Quốc. Tôi nói, “Họ cho rằng ở Trung Quốc họ là những người đầu tiên sử dụng phương pháp châm cứu và đắp thuốc, nhưng con biết rõ hơn. Con đã nhìn thấy trong các tài liệu cổ nói về hai phương pháp chữa bệnh này được mang từ Tây Tạng sang sử dụng tại Trung Quốc từ rất, rất nhiều năm về trước.” Ngài quan tâm nhất khi tôi nói với Ngài rằng các chính quyền Trung Quốc và phương Tây cũng đang nghiên cứu tỉ mỉ tại sao hai phương pháp này lại có kết quả, bởi vì chắc chắn chúng rất hiệu quả.

Châm cứu là một phương pháp đặc biệt khi dùng kim thật tốt châm vào những bộ phận khác nhau của cơ thể. Chúng sắc đến mức không cảm thấy đau. Các mũi kim này được châm vào và chúng kích thích các phản ứng chữa bệnh khác nhau. Họ sử dụng những chiếc kim bằng kim loại radium, và tuyên bố nó là phương pháp chữa trị tuyệt vời, nhưng những người phương Đông chúng tôi đã sử dụng châm cứu trong nhiều thế kỷ thành công như vậy. Chúng tôi cũng đã sử dụng phương pháp đắp thuốc. Đây là một phương pháp điều chế các loại thảo dược khác nhau trong một cái ống và đốt cháy một đầu để nó nóng rực màu đỏ. Đầu ống thuốc đã được nung nóng được đưa đến gần vùng da và mô mắc bệnh vì thảo dược sẽ tác động trực tiếp đến các mô tế bào để chữa bệnh rất hiệu quả. Hai phương pháp này đã được chứng tỏ hết lần này đến lần khác, nhưng chúng có hiệu quả chính xác ra sao đã không được xác định.

Tôi nhìn vào nhà kho lớn lẫm lẫm trong đó có chứa vô cùng nhiều loại thảo dược, hơn sáu ngàn loại khác nhau. Hầu hết trong số đó không được biết đến ở Trung Quốc, không được biết đến ở phần còn lại của thế giới. Tatura chẳng hạn, là một loại rễ cây, là một chất gây mê mạnh nhất, và nó có thể gây mê hoàn toàn một người trong vòng mười hai giờ liên tục, và, trong tay một thầy thuốc giỏi, sẽ không có bất cứ tác dụng không mong muốn nào. Tôi nhìn quanh, và không thể tìm được điều gì để mà phê phán bất chấp những tiến bộ hiện đại của Trung Quốc và Mỹ. Các phương pháp chữa trị cổ xưa của Tây Tạng vẫn thật tuyệt vời.

Đêm đó tôi ngủ ở chỗ cũ của tôi, và như trong những ngày khi tôi còn là một học trò nhỏ, tôi tham dự các buổi lễ cầu nguyện. Tất cả những điều này đã đưa tôi trở về ngày xưa. Nhớ biết bao những kỷ niệm nơi đó đã in dấu trong từng viên đá! Buổi sáng, khi mặt trời chiếu sáng, tôi leo lên nơi cao

nhất của Núi Sắt, và ngắm nhìn cung điện Potala, công viên Serpent, thành phố Lhasa, và những ngọn núi phủ tuyết bao quanh. Tôi ngắm nhìn thật lâu, sau đó tôi trở lại trường Y và nói lời tạm biệt rồi cầm lấy túi đựng tsampa. Sau đó cuốn chân quanh người và đặt cái áo choàng để thay đổi ở đằng trước, tôi lại leo lên lưng ngựa và đi theo con đường xuống đồi.

Mặt trời ẩn mình phía sau đám mây đen khi tôi đi xuống đến thung lũng cuối con đường và đi ngang qua làng Sô. Khách hành hương ở khắp mọi nơi, đến từ các vùng đất của Tây Tạng, và đến từ những vùng xa xôi, họ đến để thăm viếng cung điện Potala. Những người bán lá số tử vi ở đó đang rao bán các sản phẩm của họ, và những người có thuốc độc và bùa mê phép thuật đang buôn bán náo nhiệt. Những nghi lễ gần đây đã thu hút các thương nhân, nhà buôn, người bán hàng rong và ăn xin đủ các hạng người đổ về Con đường linh thiêng. Gần đó, một đàn bò yak, chất đầy hàng hóa, đang đi vào qua Cổng phía Tây, về các chợ của Lhasa. Tôi dừng lại ngắm nhìn, khi nghĩ rằng có thể tôi sẽ không bao giờ còn nhìn thấy cảnh tượng thân thuộc này nữa, và đau buồn khi nghĩ về việc ra đi.

Có tiếng sột soạt phía sau tôi. “Thưa Ngài Lạt ma y tế tôn kính,” một giọng nói cất lên, và tôi quay lại nhìn thấy một trong những âm công, một trong những người đàn ông đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu và phẫu thuật cơ thể con người theo lệnh của Đức Đạt Lai Lạt ma thứ mười ba. Khi tôi có thể vượt qua truyền thống lâu đời không được mô xẻ các tử thi, nhưng tôi, với nhiệm vụ đặc biệt, đã được cung cấp mọi điều kiện thuận lợi để mô xẻ các tử thi, và đây là một trong những người đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong công việc đó. Tôi cầu chúc ân huệ cho ông, thực sự cảm thấy vui mừng khi có người từ trong quá khứ đã nhận ra tôi. “Những chỉ dẫn của ông rất tuyệt vời,” tôi nói, “Ông đã dạy tôi nhiều hơn cả trường Đại học y Trùng Khánh.”

Ông có vẻ hài lòng, và thề lưỡi ra chào tôi theo cách của người bậc dưới. Ông ta quay đi theo cách truyền thống, và đi vào đám đông tại cổng.

Trong một lúc lâu tôi đứng bên con ngựa của mình lặng ngắm cung điện Potala, ngắm Núi Sắt, và sau đó tôi lên đường, băng qua sông Kyi, và đi qua nhiều công viên tươi đẹp. Mặt đất ở đây bằng phẳng và xanh mướt với màu xanh của cỏ được tưới đủ nước, một thiên đường bốn ngàn mét cao

hơn mực nước biển, bao quanh là những dãy núi cao sáu ngàn mét, lóm đóm rất nhiều các lạt ma viện cả lớn và nhỏ, và những am thất biệt lập được xây dựng chênh vênh trên những mỏm núi đá không thể tới gần được. Độ dốc của con đường tăng dần lên, khi trèo lên đèo.

Con ngựa của tôi khỏe khoắn, được chăm sóc cẩn thận và ăn uống đầy đủ. Nó sốt sắng lên đường, còn tôi vẫn nản nã. Các nhà sư và lái buôn đi qua, một vài người trong số họ nhìn tôi tò mò bởi vì tôi đã không giữ truyền thống và cưỡi ngựa một mình để đi được nhanh hơn. Cha tôi không bao giờ cưỡi ngựa mà không có một đoàn tùy tùng đông đúc phù hợp với chức vị của ông, nhưng tôi là người của thời hiện đại. Vì vậy những người lạ nhìn tôi một cách tò mò, nhưng những người mà tôi biết đều chào thân thiện. Cuối cùng con ngựa và tôi đã lên đến đỉnh núi, và chúng tôi đã đến chỗ biểu tượng lớn bằng những viên đá nơi cuối cùng còn có thể nhìn thấy thành phố Lhasa. Tôi xuống ngựa và buộc con ngựa lại, sau đó ngồi lên một mỏm đá thuận tiện để nhìn xa vào thung lũng.

Bầu trời xanh thẳm, màu xanh mà chỉ nhìn thấy được ở độ cao như vậy. Những đám mây trắng như tuyết trôi uể oải phía trên đầu. Một con quạ đỗ phịch xuống bên cạnh tôi và tò mò mổ vào áo choàng của tôi. Một cách vô thức, tôi thêm một viên đá vào đồng đá lớn bên cạnh tôi theo phong tục, đồng đá được đắp dần lên qua nhiều thế kỷ bởi những người hành hương, vì đây là vị trí mà từ đó khách hành hương có thể bắt đầu nhìn thấy hoặc nhìn lần cuối Thành phố Linh thiêng.

Phía trước tôi là cung điện Potala, với những bức tường nghiêng vào bên trong từ chân tường. Các cửa sổ, cũng vậy, nghiêng từ dưới lên trên, để thêm vững chãi. Cung điện trông giống như tòa nhà được các vị thần chạm khắc từ đá thiên nhiên. Lạt ma viện Chakpori của tôi đứng cao hơn cả cung điện Potala mà không lấn át nó. Xa hơn, tôi nhìn thấy những mái nhà vàng của ngôi đền Jo Kang một nghìn ba trăm năm tuổi, bao quanh là các tòa nhà hành chính. Tôi nhìn thấy con đường chính xuyên thẳng qua, những lùm cây liễu, các đầm lầy, đền thờ Rấn, và khu vực đất rất đẹp đó là con đường Norbu Linga và khu vườn của Latma dọc theo bờ sông Kyi Chu.

Những mái nhà vàng của cung điện Potala rực sáng dưới ánh nắng mặt trời, phản chiếu những tia màu đỏ của vàng, với tất cả những màu sắc của quang

phổ. Nơi đây, bên dưới những mái vòm là nơi an nghỉ của các thi hài của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tượng đài bảo quản thi hài của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba ở nơi cao nhất, khoảng hơn hai mươi mét – cao ba tầng nhà – và được bao phủ bởi một tấn vàng nguyên chất tinh khiết nhất. Và bên trong lăng mộ đó có những đồ trang sức quý, đá quý, vàng và bạc, tài sản còn lại đó bên cạnh vỏ ngoài rỗng của chủ nhân trước đây của nó. Và Tây Tạng bây giờ không có Đạt Lai Lạt Ma, vị cuối cùng đã ra đi, và một người khác sẽ đến, theo lời tiên tri, sẽ là một người phục vụ cho chủ ngoại bang, một người sẽ bị bắt làm nô lệ cho những xấu.

Bên sườn thung lũng là các lạt ma viện rộng lớn Drepung, Sera và Ganden. Một nửa bị che khuất trong một bụi cây lấp lánh màu trắng và vàng của Nechung nơi ở của các Thiên Giám Quan của Lhasa, Thiên Giám Quan của Tây Tạng. Drepung thực sự trông giống một núi gạo trắng trải dài xuống sườn núi.

Tôi nhìn xuống Sera, còn được biết với tên Trại hoa hồng, và Ganden, và nhớ về những lần tôi đã ở đó, bên trong những bức tường, bên trong những thị trấn nhỏ có tường bao quanh. Tôi cũng nhìn vào vô số những lạt ma viện nhỏ hơn, xây dựng trên cao ở khắp mọi nơi, trên những sườn núi, trong những khu rừng nhỏ; và tôi cũng nhìn vào các am thất rải rác ở những nơi khó vào nhất, và ý nghĩ của tôi đến với những người bên trong đó, sống đơn độc, có lẽ là cuộc sống trong bóng tối không một chút ánh sáng nào cả, mỗi ngày chỉ ăn một lần, trong bóng tối, không bao giờ trở ra bên ngoài trong thân xác vật lý, nhưng bằng phương pháp tu luyện đặc biệt họ có khả năng di chuyển bằng thể vía, có thể nhìn thấy thế giới bên ngoài khi hồn lìa khỏi xác.

Ánh mắt tôi tha thẩn ngắm nhìn; dòng sông Happy uốn khúc chảy qua các chỗ giao nhau và vùng đầm lầy, ẩn đằng sau rìa những rừng cây, và xuất hiện trở lại vươn mình rộng mở. Tôi ngắm nhìn và thấy ngôi nhà của cha mẹ tôi, một bất động sản lớn mà nó chưa bao giờ là nhà của tôi. Tôi nhìn những người hành hương kéo đến chật ních những con đường, tạo thành những vòng tròn rộng. Sau đó, từ một vài lạt ma viện ở phía xa, tôi nghe trong gió thoảng vang lên tiếng cồng chiêng đền thờ, và cả những tiếng kèn, tôi cảm thấy cổ họng tôi nghẹn lại và cảm giác cay cay nơi sống mũi. Điều

đó là quá nhiều đối với tôi. Tôi quay lại và leo lên ngựa, rồi tiếp tục lên đường, đến những vùng đất xa lạ.

Tôi tiếp tục đi qua những vùng đất đang trở nên hoang vu hơn. Tôi đi qua từ những công viên tươi đẹp và những vùng đất phủ cát, và những ngôi nhà với mảnh vườn nhỏ, những vùng đồi lùn nhón đá, và những đèo núi hoang dã nước đổ qua không ngừng, làm không khí tràn đầy những âm thanh vang dội, văng ra những tia nước làm tôi ướt sũng. Tôi tiếp tục cưỡi ngựa đi, nghỉ qua đêm tại các lạt ma viện như trước đây. Lần này tôi là vị khách được đón chào gấp đôi vì tôi là người đầu tiên có thể cung cấp thông tin về tang lễ đau buồn mới đây tại Lhasa, vì tôi là người của giai đoạn kết thúc kỷ nguyên, một thời kỳ buồn đau sẽ đến trên đất nước chúng tôi. Tôi được cung cấp thực phẩm đầy đủ và những con ngựa mạnh khỏe, và sau vài ngày đi đường tôi lại đến Yan, tôi vui mừng vì ở đó chiếc ô tô to, do Jersi lái, đang đợi tôi. Các báo cáo về việc tôi đang trên đường đã được đưa đến, và vị Hòa thượng già ở Trùng Khánh đã ân cần gửi xe đến đón tôi

Tôi thực sự vui mừng vì người tôi bị đau nhức do cưỡi ngựa, và đầy bụi đất vì đi đường, mệt lử. Vui thích thực sự khi thấy rằng chiếc xe to lớn sáng bóng, sản phẩm của một nền khoa học khác, sản phẩm mà nó sẽ đưa tôi đi nhanh chóng, làm trong vài giờ cái việc mà bình thường tôi phải mất vài ngày để hoàn thành. Vì vậy, tôi vào xe với lòng biết ơn cụ Hòa thượng của ngôi chùa ở Trùng Khánh, cụ như người bạn của tôi và đã dành nhiều quan tâm chăm sóc để tôi được thuận tiện và dễ chịu hơn sau chuyến đi gian khổ, rời xa quê nhà Lhasa của tôi. Ngay sau đó, chúng tôi tăng tốc dọc theo con đường đến Changtu. Chúng tôi đã nghỉ đêm ở đó. Không cần phải vội vã trở về Trùng Khánh trông vòng vài giờ, nên chúng tôi đã nghỉ lại qua đêm, và sáng hôm sau chúng tôi đi loanh quanh và mua sắm ở đó. Sau đó chúng tôi lại lên xe đi dọc theo con đường đến Trùng Khánh

Cậu bé mặt đỏ vẫn ở bên cái cây của mình, chỉ mặc mỗi chiếc quần ngắn màu xanh. Chiếc cây do những con trâu kéo một cách vụng về. Chúng đằm mình trong bùn cố gắng lật đất lên để trồng lúa. Chúng tôi tiếp tục tăng tốc nhanh hơn nữa, những con chim phía trên đầu đang gọi nhau, và đột ngột sà xuống hoặc đâm bổ xuống như thể cuộc sống hoàn toàn là những niềm vui. Chẳng bao lâu chúng tôi đã đến vùng ngoại ô của Trùng Khánh. Chúng tôi đi dọc theo con đường, hai bên là những hàng cây bạch đàn màu trắng bạc,

những bụi cây xanh có gai, và những cây thông xanh. Chẳng mấy chốc chúng tôi tới con đường nhỏ, tôi xuống xe ở đó và đi bộ theo con đường mòn dẫn tới lạt ma viện. Lại một lần nữa tôi đi qua khoảnh rừng trống có cây đổ nằm ở đó cùng những cây khác nằm nghiêng ngả tôi nhớ biết bao lần mà tôi đã ngồi trên thân cây và nói chuyện với Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức. Tôi dừng lại một lát để thiền, sau đó tôi lại nhặt gói đồ và tiếp tục đi theo con đường lên lạt ma viện.

Vào buổi sáng tôi đến Trùng Khánh, tiết trời nóng nực, oi bức và ngột ngạt. Ngay cả những phu kéo xe lẫn khách ngồi trên đó đều trông vẻ tiều tụy và mệt mỏi, trong cái nóng không thể chịu đựng được. Tôi là người đến từ nơi không khí trong lành ở Tây Tạng, cảm thấy kiệt sức, nhưng vì tôi là một Lạt Ma phải giữ gìn tư thế để làm gương cho những người khác. Trên phố Bảy Ngôi Sao tôi đi ngang qua chỗ Huang đang bận rộn mua sắm, và tôi chào anh. “Huang,” tôi nói, “tất cả những người này đang làm gì ở đây vậy?” “Sao vậy, Lobsang,” anh trả lời, “họ đến từ Thượng Hải. Tình trạng rối loạn do người Nhật gây ra ở đó làm cho các thương nhân phải đóng cửa hiệu của họ và đến Trùng Khánh đây. Tôi hiểu là một vài trường đại học cũng đang nghỉ vậy, và tiện đây,” anh nói tiếp, “tôi có một tin nhắn cho cậu, Tướng quân (nay là Nguyên Soái) Feng Yuhsiang muốn gặp cậu. Ông ấy yêu cầu tôi chuyển cho cậu tin nhắn. Hãy đến gặp ông ấy ngay khi cậu trở lại đây.” “Được rồi,” tôi nói, “cậu có thể đi cùng mình được không?” anh trả lời là anh sẽ đi cùng với tôi.

Chúng tôi thong thả mua sắm, không quá vội vàng, và sau đó chúng tôi đi trở về lạt ma viện. Khoảng một hay hai giờ sau đó chúng tôi đi lên ngôi chùa, mà gần đó có ngôi nhà của Tướng quân, và tôi đã gặp ông tại đó. Ông nói nhiều với tôi về người Nhật, và những rối loạn họ đang gây ra ở Thượng Hải.

Ông nói với tôi ở Tô giới đã tuyển dụng lực lượng cảnh sát như thế nào, gồm toàn những kẻ tội phạm và lừa đảo, những người không thực sự cố gắng khôi phục lại trật tự. Ông nói, “Chiến tranh đang đến, Rampa, chiến tranh đang đến rồi. Chúng tôi cần tất cả những người bác sĩ đồng thời cũng là phi công. Chúng tôi cần có họ.” Ông đề nghị tôi một nhiệm vụ trong quân đội Trung Quốc, và cho tôi hiểu rằng tôi có thể bay bao nhiêu cũng được tùy ý muốn.

Tướng quân là một người đàn ông cao lớn, phải hơn một mét tám, có bờ vai rộng và một cái đầu rất lớn. Ông đã tham gia nhiều chiến dịch, và cho đến khi những khó khăn do Nhật Bản gây ra, bây giờ ông đã từng nghĩ rằng những ngày làm lính của ông đã qua. Ông còn là một nhà thơ, và ông sống gần đền thờ Ngắm Trăng. Tôi thích ông, ông cũng là một người mà tôi có thể làm việc ăn ý, một người thông minh. Vì vậy, ông nói với tôi, nhìn bên ngoài, có một việc rắc rối, đặc biệt do người Nhật bảo trợ, đã cho họ cái cơ để xâm lược Trung Quốc. Một nhà sư nào đó người Nhật Bản đã bị giết do tai nạn, và các nhà chức trách Nhật Bản đã đòi hỏi thị trưởng thành phố Thượng Hải phải cấm việc tẩy chay hàng hóa Nhật Bản, giải thể Hiệp hội Giải cứu Quốc gia, bắt giữ những nhà lãnh đạo của phong trào tẩy chay, và đảm bảo bồi thường về việc giết chết nhà sư. Ông Thị trưởng, để gìn giữ hòa bình và nghĩ về lực lượng quá mạnh của người Nhật, đã chấp nhận nguyên tắc cơ bản vào ngày 28 tháng Một năm 1932. Nhưng ngay 10:30 đêm hôm đó, sau khi ông Thị trưởng chính thức chấp nhận nguyên tắc cơ bản, thì hải quân Nhật bắt đầu chiếm đóng một số lớn các đường phố trong Tô giới, và như vậy, cũng mở đường cho cuộc chiến tranh thế giới tiếp theo. Đây là toàn bộ tin tức cho tôi. Tôi không biết gì về những điều này bởi vì tôi đang có chuyến đi đến một nơi khác.

Trong khi chúng tôi đang nói chuyện thì có một nhà sư đến, mặc áo choàng màu xám đen, để nói với chúng tôi rằng vị Sư trưởng cao cấp nhất T'ai Shu đang ở đây, và chúng tôi cũng cần phải gặp ông ấy. Tôi phải nói với ông về những sự kiện ở Tây Tạng, về lễ tang cuối cùng của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ mười ba thân yêu của tôi. Về phần mình, ông nói với tôi về nỗi sợ hãi nghiêm trọng của ông và những người khác về sự an toàn của Trung Quốc. “Không phải chúng tôi sợ hãi về kết quả cuối cùng,” ông nói, “mà là sự hủy diệt, sự chết chóc và đau khổ sẽ đến trước tiên.”

Vì vậy, một lần nữa, họ thúc ép tôi chấp nhận nhiệm vụ trong quân đội Trung Quốc, để cho họ tùy ý sử dụng việc đào tạo của tôi. Và sau đó đến sự hồi thúc. “Anh phải đến Thượng Hải,” Tướng quân nói. “Sự giúp đỡ của anh thực sự rất cần thiết ở đó, và tôi đề nghị là bạn anh, Po Ku, sẽ đi cùng với anh. Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng, để anh, và anh ấy, nhận lời.” “Thượng Hải ư?” tôi nói. “Đó là một nơi khủng khiếp. Tôi thực sự không nghĩ nhiều về nó. Tuy nhiên, tôi biết rằng tôi phải đến đó, và vì vậy tôi sẽ nhận lời.”

Chúng tôi tiếp tục nói chuyện mãi, và bóng tối len lõi dần dần bao trùm lên chúng tôi, và ngày đã mờ tối, cuối cùng chúng tôi phải chia tay. Tôi đứng lên, và đi ra ngoài sân, nơi cây cọ đơn độc đang héo tàn trong cái nóng, với những chiếc lá đang rũ xuống, và ngả màu nâu. Huang đang ngồi kiên nhẫn chờ tôi, ngồi bất động, tự hỏi sao cuộc nói chuyện dài vậy. Anh cũng đứng lên, chúng tôi lặng lẽ đi xuống con đường mòn, vượt qua hẻm núi dốc, và băng qua cây cầu đá nhỏ, đi xuống về phía lạt ma viện của chúng tôi.

Có một tảng đá lớn ngay trước lối vào con đường mòn của chúng tôi và chúng tôi leo lên nó, ở đây chúng tôi có thể nhìn ra khắp con sông. Lúc này đang có nhiều hoạt động. Những con tàu nhỏ chạy bằng hơi nước đang di chuyển thật chậm theo tiếng bình bịch của động cơ dọc theo con sông. Những cuộn khói bốc lên từ ống khói bay đi trong gió thành những dải khói đen. Phải rồi, bây giờ có nhiều tàu chạy hơn trước đây, khi tôi mới rời khỏi Tây Tạng đến đây. Những người tị nạn đang đến mỗi ngày càng nhiều hơn, sự đi lại nhiều hơn, những người có thể nhìn vào tương lai, và thấy được cuộc xâm lược của Trung Quốc thực sự có ý nghĩa gì. Giao thông tắc nghẽn nhiều hơn trong thành phố vốn đã hay bị ách tắc.

Khi nhìn lên bầu trời đêm, chúng tôi có thể nhìn thấy những đám mây bão lớn đang tụ lại, và chúng tôi biết rằng lát nữa, trong đêm nay, sẽ có một cơn bão trút xuống từ trên núi, nước tràn ngập những nơi mưa xối xả và làm điếc tai chúng tôi với tiếng vang và tiếng sấm âm âm. Phải chăng, chúng tôi nghĩ, đây là dấu hiệu những khó khăn đang đến trên đất nước Trung Quốc? Dường như chắc chắn là như vậy, không khí rất căng thẳng, náo động. Tôi nghĩ là cả hai chúng tôi cùng thờ dài khi nghĩ về tương lai của mảnh đất này, nơi mà cả hai chúng tôi cùng yêu mến. Nhưng màn đêm đã bao trùm lên chúng tôi. Những giọt mưa nặng hạt đầu tiên đang rơi xuống và làm ướt chúng tôi. Chúng tôi cùng nhau quay lại và đi về ngôi chùa, nơi đó vị Hòa thượng đang đợi chúng tôi, nóng lòng để được nghe tất cả những điều đã xảy ra. Tôi thực sự vui mừng được gặp lại ông, và được trao đổi về các vấn đề, và được ông khen ngợi về hướng hành động mà tôi đã đồng ý đảm nhận.

Chúng tôi nói chuyện mãi, rất khuya, thỉnh thoảng lại bị ù tai vì tiếng sấm rền, và tiếng mưa đổ sầm sập trên mái chùa. Cuối cùng, chúng tôi lần về chỗ ngủ trên những tấm đệm trên sàn và chìm vào giấc ngủ. Sáng ra, sau buổi lễ cầu nguyện đầu tiên trong ngày, chúng tôi chuẩn bị để bắt đầu lên

đường, khởi đầu giai đoạn khác của cuộc đời, một giai đoạn thậm chí còn xấu hơn nữa.

CHƯƠNG VI: THẤU THỊ

THƯỢNG HẢI! Tôi chẳng có ảo tưởng gì về nơi này cả. Tôi biết rằng Thượng Hải thực sự là một nơi khó để sống. Nhưng số phận đã buộc tôi phải đến đó, và chúng tôi phải chuẩn bị cho hành trình của mình, tôi và Po Ku, và buổi sáng hôm sau, chúng tôi cùng nhau xuống phố, ra bến cảng và lên một con tàu để theo đường sông đến Thượng Hải.

Trong cabin chúng tôi ở chung, tôi nằm trên giường và nghĩ về quá khứ. Tôi nhớ đến lần đầu tiên khi tôi chưa biết gì về Thượng Hải. Đó là khi Thầy tôi, Đức Lạt ma Mingyar đang dạy tôi về những lợi ích của khả năng thấu thị, và kiến thức đặc thù này có lẽ khá bổ ích và nhiều người quan tâm nên tôi sẽ nói kỹ ở đây.

Đó là vài năm trước đây, khi ấy tôi còn là một sinh viên của một trong số các Lạt ma viện hàng đầu tại Lhasa. Tôi và các bạn học đang ngồi trong lớp nhưng tất cả chỉ mong cho buổi học chóng qua để được thoát ra ngoài. Buổi học ấy chán ngắt hơn bao giờ hết bởi giáo viên là một người mà theo chúng tôi là rất tệ nhạt và dở ẹc. Chúng tôi thật khó để theo được những lời ông dạy và chỉ có cảm giác đối phó. Đó là một ngày mặt trời chiếu ánh nắng ấm áp, những đám mây sáng dường như bay lên rất cao. Tất cả như mời gọi chúng tôi được hoà mình vào sự ấm áp và những tia sáng ấy, được rời khỏi cái phòng học âm默默 với giọng nói nhảm chán của một ông thầy tệ nhạt.

Rồi đột nhiên có tiếng động. Ai đó vừa đi vào phòng. Trong lớp, chúng tôi phải ngồi quay lưng vào giáo viên nên không thể nhìn thấy đó là ai, và cũng chẳng dám quay lại bởi người đó có thể đang nhìn mình. Có tiếng giấy sột soạt. Một tiếng “crack” sắc nhọn vang lên như tiếng giáo viên gõ thước xuống bàn khiến tất cả chúng tôi giật bắn người vì sợ.

“Lobsang Rampa, con lên đây”. Tôi đứng lên và quay lại đầy lo lắng. Không hiểu mình đã làm gì? Liệu có phải Tu viện trưởng đã nhìn thấy tôi ném sỏi vào các vị Lạt ma đến viếng thăm? Hay tôi đã bị phát hiện “ném thử” quả óc chó ngậm? Liệu tôi... – bỗng tiếng thầy giáo cắt ngang suy nghĩ của tôi: “Lobsang Rampa, Đức Lạt Ma cấp cao, Thầy của con, Ngài

Mingyar yêu cầu con đến. Hãy đi và học thật tập trung với Ngài hơn là con đã làm với ta ở đây”. Tôi vội vã đi ngay.

Men theo hành lang, lên cầu thang, rẽ sang bên phải và tới khu vực dành riêng cho các vị Lạt ma. “Hãy bước nhẹ ở đây”, tôi nghĩ “chỗ này có vài người già lắm cảm khó tính. Cửa thứ bảy bên trái, đây rồi.” Ngay khi tôi đưa tay định gõ cửa, một giọng nói cất lên: “Con vào đi”, tôi đi vào. “Khả năng thấu thị của con chưa bao giờ sai, nhất là về đồ ăn. Ta có trà và quả óc chó ngâm đây. Con đến đúng lúc lắm”.

Đức Mingyar không ngờ tôi tới sớm như vậy, nhưng Thầy chắc chắn chào đón tôi. Khi chúng tôi đang ăn, Thầy nói: “Ta muốn con học quan sát qua tinh thể, sử dụng nhiều loại thiết bị khác nhau. Con cần phải làm quen với chúng”.

Sau khi dùng trà, Thầy dẫn tôi xuống nhà kho. Nơi đây cất giữ tất cả các loại thiết bị, từ những cái bảng, lá bài, gương đen đến vô số những thiết bị hoàn hảo một cách kinh ngạc. Chúng tôi đi quanh một lượt, Thầy chỉ một loạt thiết bị và cách dùng của chúng. Rồi Thầy quay sang tôi và nói: “Con hãy chọn một viên pha lê mà con cho là phù hợp với mình. Con hãy quan sát tất cả rồi quyết định”. Mắt tôi dán vào một quả cầu bằng tinh thể đá vô cùng hoàn hảo không hề có một tí vết, và với kích thước của nó tôi phải bê bằng cả hai tay mới giữ được. Tôi cầm lên và nói: “Đây là cái con muốn ạ”. Thầy cười to và bảo: “Con vừa chọn cái cổ nhất và giá trị nhất đấy. Nếu con có thể dùng nó thì con hãy giữ lấy”. Quả cầu tinh thể đá ấy tôi vẫn còn giữ mãi về sau, nó được tìm thấy ở một trong những đường hầm sâu bên dưới cung điện Potala. Trong những ngày xa xưa chưa được khai sáng, nó được gọi là “Quả cầu phép thuật” và được trao cho các Lạt ma y tế ở Núi Sắt và được coi như một phần liên quan đến thuốc men.

Phần sau chương này, tôi sẽ nói về quả cầu thủy tinh, gương đen và quả cầu nước; nhưng giờ có lẽ nên tập trung mô tả chúng tôi chuẩn bị thế nào để sử dụng quả cầu tinh thể đá, chúng tôi luyện tập thế nào để hoà làm một với nó.

Rõ ràng là nếu một người khoẻ mạnh cả về thể chất và tinh thần, khả năng thị giác sẽ tốt nhất. Điều đó cũng đúng với thị giác của Con Mắt Thứ Ba. Một người cần phải có thể chất phù hợp, và cuối cùng vẫn là phải chuẩn bị

trước khi sử dụng bất kỳ thiết bị nào. Tôi đã chọn quả cầu tinh thể đá của mình và giờ tôi đang nhìn vào nó. Khi giữ nó trên hai tay, có cảm giác như đang nâng toàn thể sức nặng của cả thế giới ngoài cửa sổ trong hình ảnh phản chiếu bị lộn ngược trên nó, cùng với một con chim đậu trên gờ tường bên ngoài. Nhìn kỹ hơn tôi có thể lờ mờ thấy hình ảnh phản chiếu của thầy Mingyar và cả của chính mình. “Con đang nhìn vào quả cầu, Lobsang, và đó không phải là cách dùng nó. Hãy gói nó lại và đợi đến khi con được chỉ cách dùng.”

Sáng hôm sau, tôi dùng bữa đầu tiên với thảo dược, một loại để thanh lọc máu và làm sạch não, nhìn chung nó giúp tinh lọc thể chất. Cần phải uống loại thảo dược này hàng sáng và tối trong vòng hai tuần. Mỗi tối tôi phải thư giãn khoảng một tiếng rưỡi bằng cách quấn một tấm vải đen che toàn bộ phần mắt và nửa trên đầu. Trong suốt thời gian này, tôi phải tập thở theo một nhịp đặc biệt và luôn giữ tư tưởng trong sạch.

Sau hai tuần luyện tập, tôi lại đến gặp thầy Mingyar. “Chúng ta hãy lên căn phòng yên tĩnh trên áp mái”, Ngài nói. “Từ nay cho đến khi con quen với nó, con cần một nơi hoàn toàn yên tĩnh”. Chúng tôi trèo lên những bậc thang và đến trước một căn phòng áp mái. Căn phòng này được dùng làm nơi Đức Đạt Lai Lạt Ma giảng đạo khi Ngài đến Chakpori để làm lễ Ban Phước hàng năm cho các sư sãi. Giờ chúng tôi chuẩn bị dùng nó. Tôi sắp dung nó, đó thực sự là một ân huệ lớn lao bởi không ai ngoài Tu viện Trưởng và Đức Mingyar được dùng nó. Chúng tôi ngồi xuống tấm nệm dưới sàn. Phía sau chúng tôi là một cửa sổ mà qua đó người ta có thể nhìn thấy những ngọn núi xa xa như người lính gác cho sự bình yên của thung lũng. Từ đây cũng có thể nhìn thấy Potala, nhưng nó đã quá quen thuộc để phải bận tâm.

Tôi rất nóng lòng muốn xem có cái gì trong quả cầu. “Hãy xoay thế này, Lobsang. Nhìn vào quả cầu và nói với ta khi tất cả những hình ảnh phản chiếu biến mất hết. Ta phải loại bỏ tất cả các góc mà ánh sáng lọt vào. CHÚNG không phải là cái ta muốn nhìn”. Đó là một trong những điểm chính cần phải nhớ. Loại bỏ tất cả ánh sáng có thể gây ra hình ảnh phản chiếu. Hình ảnh phản chiếu sẽ làm ta mất tập trung. Chúng tôi ngồi theo cách quay lưng vào cửa sổ phía bắc, và che cửa sổ bằng một tấm rèm dày vừa phải để tạo ra ánh sáng tựa như lúc hoàng hôn. Giờ đây, khi rèm cửa

được kéo xuống, quả cầu trên tay tôi lơ lơ như một vật vô tri. Không một hình ảnh phản chiếu nào làm hoen ố bề mặt của nó.

Thầy ngồi xuống cạnh tôi. “Hãy lau quả cầu bằng tấm vải ẩm này, rồi làm khô và nhắc nó lên bằng tấm vải đen kia. Đừng chạm tay con vào nó nữa”. Tôi làm theo chỉ dẫn, cẩn thận chùi sạch quả cầu bằng miếng vải ẩm, làm khô rồi nhắc nó lên bằng tấm vải đen đã được gấp vuông vắn. Tôi đan hai tay, lòng bàn tay ngửa lên và luồn xuống dưới quả cầu mà theo đó nó được đỡ bằng lòng bàn tay trái. “Giờ, con hãy nhìn vào TRONG khối cầu, không phải nhìn vào BỀ MẶT mà nhìn vào BÊN TRONG. Hãy cố gắng nhìn tới tận tâm của nó và để cho trí con thật trống rỗng. Đừng cố để thấy gì, hãy để trí con trống không”. Điều này không khó khăn gì với tôi vì nhiều thầy giáo của tôi thường nghĩ rằng sự trống không luôn thường trực trong trí tôi.

Tôi nhìn vào quả cầu. Tâm thức tôi bành trướng dần. Rồi bỗng nhiên quả cầu trong tay tôi trở nên to lớn đến nỗi tôi cảm thấy dường như mình lọt vào trong nó. Tôi giật mình nhẩy ra và các ấn tượng biến mất. Một lần nữa tôi lại phải cố giữ quả cầu trong tay. “Lobsang, TẠI SAO con quên những gì ta đã dạy con? Con đã chuẩn bị thấy nhưng lại bất ngờ làm ngắt quãng. Con sẽ không thấy gì ngày hôm nay”.

Ta phải nhìn vào trong quả cầu và tập trung toàn bộ tinh thần vào một điểm bên trong của nó. Khi đó, một cảm giác đặc biệt sẽ đến giống như ta bước vào một thế giới khác vậy. Sự ngạc nhiên hay sợ hãi, giật mình sẽ làm hỏng tất cả. Điều duy nhất được phép làm tiếp theo đó, như được học, tất nhiên là dẹp quả cầu qua một bên và không cố gắng để “nhìn” cho đến khi ta ngủ qua một đêm.

Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục thử. Tôi ngồi, cũng giống như hôm trước, quay lưng về phía cửa sổ và kiểm tra để loại trừ mọi nguồn sáng chiếu đến quả cầu. Thông thường, tôi hay ngồi trong tư thế thiền định hoa sen, nhưng vì một chân bị đau nên tư thế này không thoải mái cho tôi lắm. Sự thoải mái rất quan trọng. Người ta cần phải ngồi thoải mái. Thà ngồi một cách không bài bản nhưng THẤY còn hơn ngồi đúng cách mà chẳng thấy gì. Nguyên tắc của chúng tôi là ngồi theo bất cứ cách nào để thấy thoải mái được lâu nhất, vì sự khó chịu sẽ làm ta mất tập trung.

Tôi nhìn chăm chú vào quả cầu. Thầy Mingyar ngồi bên cạnh, bất động, lưng thẳng như thể một pho tượng đá. Liệu tôi sẽ thấy gì? Tôi nghĩ thế. Liệu nó có giống như lần đầu tiên tôi nhìn thấy hào quang không nhỉ? Quả cầu trông vẫn trở ra một cách vô tri. “Tôi sẽ chẳng thấy gì trong cái vật này cả”. Tôi nghĩ. Trời đã nhá nheo tối, không một tia sáng mặt trời nào có thể gây ra những cái bóng thay đổi trên bề mặt của nó, những đám mây cũng không thể tạm che khuất ánh sáng để rồi sau đó lại chiếu lên quả cầu. Không có cái bóng nào, cũng chẳng có một điểm sáng nào hết. Hoàng hôn tràn ngập căn phòng và với tấm vải đen trên tay để giữ quả cầu, tôi không nhìn thấy bất cứ sự phản chiếu nào trên bề mặt của nó. Thế nhưng tôi phải nhìn được vào bên trong nó.

Bỗng nhiên quả cầu như thể trở nên sống động. Một đốm trắng xuất hiện tại trung tâm và lan ra như một xoáy khói trắng. Nó giống như một cơn lốc xoáy hoành hành bên trong, một cơn lốc xoáy im lặng. Làn khói lúc dày lúc mỏng, dày lại mỏng, rồi sau đó lan rộng bao trùm toàn bộ. Nó giống như một bức màn được làm ra để ngăn không cho tôi nhìn thấy. Tôi tập trung hết tinh thần để cố gắng vượt qua rào cản ấy.

Toàn bộ quả cầu dường như bành trướng lên và tôi có một ấn tượng kinh khủng giống như đang rơi cắm đầu xuống vào một khoảng trống không đáy. Rồi đột nhiên một tiếng kèn vang lên chói tai và bức màn trắng rùng mình biến thành một cơn bão tuyết đang tan chảy dưới cái nóng của buổi trưa hè.

“Con gần tới đích rồi đó, Lobsang, rất gần”. “Vâng, con có thể nhìn thấy cái gì đó nếu không có cái tiếng kèn chói tai ấy. Nó đẩy con trở ra”. “Tiếng kèn ư? Ồ con đã đi xa đến tận đó rồi sao? Đó là một dấu hiệu nhận biết cho thấy rằng khả năng thấu thị và dùng quả cầu pha lê của con là rất hiếm thấy. Ngày mai chúng ta sẽ đi xa hơn”.

Tối ngày thứ ba, Thầy và tôi lại cùng ngồi với nhau như trước. Một lần nữa Người nhắc tôi nhớ đến các quy tắc. Buổi học này thành công hơn trước. Tôi ngồi giữ quả cầu trong tay và tập trung vào một điểm vô hình mờ ảo phía bên trong nó. Làn sương xoáy gần như ngay lập tức xuất hiện và tạo thành một bức màn chắn. Tôi tập trung tâm trí và thầm nghĩ “Minh sắp vượt qua nó rồi, mình đang vượt qua nó NGAY BÂY GIỜ!”. Một lần nữa cảm giác rơi vào nơi vô định kinh khủng lại xuất hiện. Lần này tôi đã được

chuẩn bị. Khi cảm giác ngã từ trên cao xuống giảm thì tôi gần như ngay lập tức lọt vào một thế giới bao phủ bởi một lớp sương khói mù mịt. Sự đào tạo nghiêm khắc đã giúp tôi không hét lên khi chạm bề mặt màu trắng với một tốc độ kinh hoàng – Tôi đã vượt qua và không hề hấn gì.

Ở thế giới bên trong, mặt trời chiếu ánh nắng rực rỡ. Tôi nhìn thấy mình trong một thực tại vô cùng khác biệt. Tôi đã chết ở một nơi nào đó mà chắc chắn là tôi chưa từng biết đến. Một nơi hoàn toàn xa lạ! Nước, làn nước đen sì trải rộng hết cả tầm mắt. Tôi chưa bao giờ hình dung lại có một nơi nhiều nước đến như thế. Phía xa là một con quái vật to lớn hình dáng như con cá nổi trên mặt nước. Ở giữa là một cái ống đen nhả ra những cột khói như người hút thuốc, bị gió tạt trở lại. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy những con người nhỏ bé đang đi lại trên “lung con cá”.

Thế là quá nhiều với tôi. Tôi quay mình bỏ chạy và dừng lại trước một rãnh đá. Thế là quá nhiều. Những ngôi nhà đá đồ sộ với nhiều câu chuyện lớn lao đã diễn ra. Ngay trước mắt tôi một người đàn ông Trung Quốc đang kéo một thiết bị trên hai bánh xe. Rõ ràng là ông ấy đã kéo một lúc vì trên thiết bị ấy có một người phụ nữ ngồi. “Cô ta chắc hẳn bị liệt”, tôi nghĩ “cho nên cần phải có người kéo trên những cái bánh xe”. Rồi một người đàn ông đang đi về phía tôi, một Lạt Ma Tây Tạng. Tôi thấy như ngừng thở khi nhận ra đó chính là Thầy Mingyar ở nhiều năm trước đây khi Thầy còn trẻ. Thầy bước thẳng đến chỗ tôi, xuyên qua tôi khiến tôi nhảy lên sợ hãi. “Ôi!”, tôi than thở “Mình mù mất rồi.” Mọi thứ tối thui và tôi chẳng nhìn thấy gì hết. “Nhu thế là đủ rồi, Lobsang, con làm tốt lắm. Để Thầy cuốn rèm lên”. Rồi Thầy kéo tấm rèm, ánh sáng chập choạng của buổi hoàng hôn tràn vào căn phòng.

“Con chắc chắn có khả năng thấu thị vô cùng mạnh mẽ, Lobsang; chỉ cần hướng dẫn đôi chút là chúng được khai mở. Ta chỉ tình cờ chạm nhẹ vào quả cầu mà con đã nhìn thấy được hình ảnh của ta nhiều năm về trước khi ta tới Thượng Hải và cảm giác kinh ngạc của ta khi lần đầu tiên thấy cái nồi hấp và xe kéo. Con làm tốt lắm.”

Tôi vẫn đang ngây người, vẫn chưa thoát khỏi những hình ảnh vừa trải qua. Bên ngoài Tây Tạng thật nhiều điều lạ lùng và khủng khiếp. Nào là những con cá đã được thuần hoá nhả khói qua mấy cái ống và người ta có thể cười

trên chúng, rồi người đàn ông kéo người phụ nữ trên những cái bánh xe, tôi thấy sợ khi nghĩ đến những điều đó, sợ đối mặt với thực tế rằng một ngày kia tôi phải đi tới cái thế giới kỳ lạ ấy.

“Bây giờ con phải nhúng quả cầu vào nước để xoá đi những hình ảnh mà con vừa thấy. Hãy làm ngay bây giờ, hãy để nó nghỉ ngơi trên tấm vải lót dưới cái bát kia, rồi nhấc nó ra và đặt lên một tấm vải khác. Đừng để tay con chạm vào nó”.

Đó là một điểm quan trọng cần nhớ khi sử dụng một quả cầu pha lê. Ta cần phải khử từ cho nó sau mỗi lần sử dụng. Tinh thể sẽ nhiễm từ tính của người cầm nó giống như một miếng sắt bị nhiễm từ nếu nó tiếp xúc với một thỏi nam châm. Với sắt thì có thể gõ nó để làm cho mất từ tính, còn với pha lê thì cần phải nhúng vào nước. Nếu ta không khử từ sau mỗi lần dùng, kết quả những lần đọc sau sẽ ngày càng trở nên rối loạn và ta sẽ thấy được những thông tin không chính xác.

Không ai khác được phép động vào quả cầu pha lê trừ chủ nhân của nó bởi sự từ tính hoá ảnh hưởng đến kết quả đọc được. Càng nhiều người chạm tay vào quả cầu thì khả năng đáp ứng của nó càng kém. Chúng tôi được dạy rằng khi đã đọc được một số thông tin trong một ngày, ta nên mang quả cầu đi ngủ cùng, như vậy sẽ làm cho nó ngày càng nhiễm từ tính của riêng mình và nó trở nên thân thiết với mình hơn. Kết quả tương tự cũng có thể đạt được khi mang nó bên mình nhưng nên để một chỗ và trông nom nó hơn là mang nó đi khắp nơi mà chả dùng đến.

Khi không sử dụng, quả cầu pha lê nên được gói trong một tấm vải đen. KHÔNG BAO GIỜ được để cho ánh sáng mạnh chiếu vào nó bởi sẽ làm suy yếu khả năng sử dụng vào mục đích bí truyền. Cũng không bao giờ được để cho quả cầu rơi vào tay một kẻ tọc mạch. Điều này có lý do của nó. Một kẻ tọc mạch không quan tâm tới những giá trị mà chỉ muốn trò giải trí rẻ tiền, sẽ làm hỏng hào quang của quả cầu. Điều đó cũng giống như đưa cho đứa trẻ một chiếc máy ảnh hay một chiếc đồng hồ đắt tiền chỉ để thoả mãn sự tò mò của nó.

Hầu hết mọi người đều có thể sử dụng một tinh thể nào đó nếu chịu khó tìm kiếm loại phù hợp với mình. Ta phải chắc chắn rằng khả năng nhìn vào nó là phù hợp. Loại tinh thể cũng quan trọng không kém. Một vài người nhìn

rất tốt khi sử dụng tinh thể pha lê, một số khác lại chọn kính. Các tinh thể pha lê là loại có sức mạnh nhất. Tôi sẽ tóm tắt ngắn gọn về nguồn gốc quả cầu pha lê của tôi được ghi lại ở Chakpori.

Hàng triệu năm trước đây khi núi lửa còn hoạt động, nó phun trào lửa và nham thạch. Phía sâu dưới lòng đất vô số những loại cát được trộn lẫn với nhau bởi động đất và kết lại thành một loại thủy tinh nhờ sức nóng của núi lửa. Rồi những mảnh thủy tinh này lại bị nghiền thành những mẩu nhỏ bởi động đất và phun trào ra triền núi. Nham thạch đông cứng lại và che phủ phần lớn chúng.

Theo thời gian, những phiến đá rơi xuống để lộ ra những viên thủy tinh tự nhiên này, hay còn gọi là “pha lê”. Một số thầy tu của các bộ lạc người nguyên thủy đã nhìn thấy những mẩu đá này. Ở thời kỳ xa xưa, thầy tu là những người đầy quyền năng, họ có thể dự báo tương lai, nhìn thấy quá khứ của một vật nhờ khả năng thấu thị. Một trong số họ đã chạm vào mảnh pha lê và bị ấn tượng đến nỗi đã mang nó về nhà. Ông chắc chắn đã biết tường tận về việc có thể dùng viên pha lê để đạt được những ấn tượng thấu thị. Ông và những người khác khéo léo mài dũa để nó trở thành một viên pha lê vừa vặn, thuận tiện sử dụng và cất giữ. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, qua nhiều thế kỷ, nó đã được truyền từ thầy tu này đến thầy tu khác, mỗi người lại có trách nhiệm đánh bóng nó thêm một chút. Dần dần viên pha lê trở nên tròn trịa và trong suốt. Có một thời nó được tôn thờ như Con mắt của Thượng Đế. Trong kỷ nguyên khai sáng, nó trở thành công cụ cho người sở hữu hiểu được ý thức vũ trụ. Bây giờ, nó có đường kính khoảng 4 inch¹⁵ và trong suốt như nước, được bọc kỹ và cất giấu trong một chiếc quan tài đá ở một đường hầm sâu bên dưới cung điện Potala.

Nhiều thế kỷ sau đó, nó được khám phá bởi những nhà sư thám hiểm và dòng chữ trên chiếc quan tài đã được giải mã. Nó viết rằng “Đây là Cửa sổ của Tương lai. Người phù hợp với quả cầu pha lê sẽ nhìn thấy quá khứ và biết trước tương lai. Nó nằm dưới sự giám sát của các tu sĩ cấp cao của Tu viện Y học”. Do đó, quả cầu pha lê được đem đến Chakpori, tu viện Y học ngày nay, và được cất giữ cho người có thể dùng nó.

Tôi chính là người đó, với tôi nó sống động.

Một viên pha lê với kích thước lớn như vậy quả thực rất hiếm, và hiếm gặp đôi khi nó không có một vết xước nào. Không phải ai cũng có thể sử dụng được một quả cầu pha lê như vậy. Nó có thể là quá mạnh và có xu hướng thống trị người ta. Có thể chỉ cần sử dụng những quả cầu thủy tinh là đủ để thu được những trải nghiệm sơ bộ cần thiết. Kích thước phù hợp là từ ba đến bốn inch, kích thước KHÔNG QUAN TRỌNG. Một số nhà sư có thể chỉ sử dụng một viên kim cương nhỏ gắn trên chiếc nhẫn đeo trên ngón tay đeo nhẫn lớn. Điểm quan trọng là cần chắc chắn rằng nó không bị xước hay có bất kỳ khiếm khuyết nào có thể thấy được trong ánh sáng yếu. Những quả cầu tinh thể nhỏ, bằng pha lê hay thủy tinh đều có ưu điểm là trọng lượng nhẹ, điều đó rất đáng lưu ý khi ta cần cầm nó.

Nếu ai đó muốn mua một quả cầu tinh thể bất kỳ loại nào thì nên quảng cáo trên các trang báo chuyên về “tâm linh”. Những quả cầu được bán ở một số cửa hàng nhất định thường hợp với các thầy phù thủy hơn. Thường là khó nhận ra các khiếm khuyết cho đến khi người ta đem nó về nhà! Với quả cầu có thể chấp nhận được, bạn hãy mở ra và rửa ngay nó dưới vòi nước. Sau đó cẩn thận làm khô, kiểm tra kỹ lưỡng rồi đặt nó trên một miếng vải tối màu. Lý do ư? Rửa sạch để loại bỏ mọi dầu vân tay và giữ như thế để dầu vân tay CỦA BẠN không đánh lừa bạn.

Bạn đừng hy vọng rằng cứ ngồi xuống và nhìn vào quả cầu tinh thể là có thể “thấy những hình ảnh”. Cũng không công bằng khi đổ lỗi cho quả cầu bởi sự thất bại của bạn. Nó chỉ đơn thuần là một công cụ, và bạn không nên đổ lỗi cho một chiếc kính thiên văn nếu bạn nhìn qua nó không đúng cách nên chỉ thấy một bức hình bé nhỏ.

Một số người không thể sử dụng quả cầu tinh thể. Trước khi từ bỏ ý định họ nên thử dùng một cái “gương đen”. Thiết bị này có thể tự làm rất rẻ tiền bằng cách mua một cái kính đèn lớn ở một cửa hàng phụ kiện động cơ nào đó. Mặt gương phải lõm và trơn mượt, như vậy kiểu kính của đèn pha có gọn là không phù hợp. Khi đã chọn được một cái kính thích hợp, hãy ho mặt ngoài của nó trên một ngọn nến, di chuyển để bờ hóng của ngọn lửa bám đều trên mặt kính. Sau đó có thể dùng sơn xen-lu-lô để giữ màu giống như người ta sơn chống gỉ để bảo vệ đồng khỏi bị ăn mòn.

Khi chiếc gương đen đã sẵn sàng, hãy xử lý nó như làm với các quả cầu tinh thể. Cuối chương này tôi sẽ đưa ra những khuyến nghị phù hợp cho mọi loại tinh thể. Với gương đen, ta cần nhìn vào TRONG bề mặt, hãy cẩn thận loại bỏ tất cả các phản xạ ngẫu nhiên.

Có một loại gương đen khác được chúng tôi gọi là “trống rỗng”. Nó cũng giống như gương đen thông thường nhưng bề hóng ở bên trong mặt cong. Một điểm bất lợi lớn là ta không thể sửa lỗi do bề hóng để tạo ra một bề mặt nhẵn bóng. Loại gương này thích hợp với những người dễ bị phân tâm bởi sự phản xạ.

Một số người lại sử dụng bát nước và nhìn vào nó. Bát phải sạch và một màu. Đặt một miếng vải tối màu vào trong bát, nó sẽ trở thành một tinh thể thủy tinh không bị phản xạ. Ở Tây Tạng có một cái hồ rất thích hợp để thấu thị, hầu như rất khó nhìn thấy nước trong đó. Đó là một cái hồ nổi tiếng và nó được các Thiên Giám Quan sử dụng để đưa ra những lời tiên tri quan trọng nhất của họ. Chúng tôi gọi nó là hồ Cho-kor Gyal-ki Nam-tso, nghĩa là Hồ Thiên đường của Bánh xe Chiến thắng Tôn giáo. Nó nằm ở một nơi gọi là Tak-po, cách Lhasa vài trăm cây số. Hồ nằm lọt giữa những ngọn núi chót vót và bao quanh đó là cả một vùng đồi núi. Nước hồ thường xanh biếc, nhưng khi người thấu thị nhìn vào, màu xanh biến thành làn xoáy khói trắng như thể tôi voi. Nước xoáy và sủi bọt, rồi đột nhiên một cái hố đen xuất hiện giữa lòng hồ trong khi phía trên nó những đám mây trắng dày đặc định hình. Ở khoảng không giữa cái hố đen và những đám mây trắng có thể thấy hình ảnh về những sự kiện tương lai.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đến đây ít nhất một lần. Ngài đứng ở một nơi gần đó và nhìn xuống hồ. Ngài đã nhìn thấy những sự kiện quan trọng cũng như không quan trọng trong cuộc đời mình, ngày và cách Ngài từ bỏ đời sống này. Cái hồ chưa bao giờ đem đến dự báo sai.

Dĩ nhiên không phải tất cả chúng ta đều có thể đến chỗ cái hồ, nhưng hầu hết chúng ta đều có thể dùng một thiết bị tinh thể với một chút kiên nhẫn và niềm tin. Đó là phương pháp khuyến nghị dành cho các độc giả phương Tây. Từ “thiết bị tinh thể” ở đây được hiểu bao gồm cả quả cầu pha lê, quả cầu thủy tinh, gương đen và quả cầu nước.

Hãy chăm sóc sức khỏe một cách đặc biệt trong một tuần. Trong tuần ấy đặc biệt tránh (càng xa cái thế giới rắc rối này càng tốt) lo lắng và giận dữ. Ăn ít và không dùng nước sốt hay thực phẩm chiên. Giữ thiết bị tinh thể bên mình càng nhiều càng tốt nhưng đừng nỗ lực thử khả năng thấu thị. Thiết bị sẽ được từ tính hoá theo cá tính của bạn, giúp bạn trở nên quen thuộc khi cảm nhận nó. Nhớ bọc thiết bị lại khi bạn không mang nó bên mình. Nếu có thể hãy bỏ vào một cái hộp và khoá lại để tránh ai đó nghịch ngợm khi bạn vắng mặt. Phải tránh hoàn toàn ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp vào nó, như bạn đã biết.

Sau bảy ngày, hãy mang thiết bị tinh thể vào một căn phòng yên tĩnh với một chút ánh sáng từ phía bắc nếu có thể. Hoàng hôn là thời điểm thích hợp nhất bởi sẽ không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp gây bóng hay bị suy yếu khi những đám mây bay qua.

Hãy ngồi theo cách bạn cảm thấy thoải mái nhất, quay lưng về phía ánh sáng. Cầm thiết bị tinh thể lên hai tay và kiểm tra để loại bỏ toàn bộ hình ảnh phản chiếu trên bề mặt nó bằng cách kéo rèm che hoặc thay đổi vị trí ngồi.

Khi đã cảm thấy hài lòng, hãy giữ tinh thể chạm vào điểm giữa trán của bạn¹⁶ trong vài giây rồi dần dần đưa nó ra xa. Giờ hãy giữ nó trong lòng hai bàn tay khum lại, rồi thu tay vào lòng. Hãy nhìn một cách vô thức vào bề mặt của tinh thể, sau đó di chuyển cái nhìn vào tâm của nó, nơi mà bạn phải hình dung như một vùng hư vô. Hãy để cho tâm trí trở nên trống rỗng. Đừng cố nhìn thấy bất cứ điều gì. Tránh mọi cảm xúc mạnh.

Mười phút là đủ cho buổi đầu tiên, sau đó tăng thời gian dần lên cho đến khi vào cuối tuần, bạn có thể làm điều đó trong nửa giờ.

Tuần tiếp theo bạn hãy để cho tâm trí trở nên trống rỗng sớm nhất có thể. Tập trung nhìn vào điểm hư vô bên trong tinh thể. Bạn sẽ thấy hình bóng rung động của nó. Cũng có thể xuất hiện cảm giác như thể quả cầu đang phình ra, hoặc thấy mình đang rơi vào đó. Đó là điều phải xảy ra. KHÔNG ngạc nhiên hay giật mình vì nó sẽ ngăn bạn “nhìn” trong suốt phần còn lại của tối hôm ấy. Những người có thể “nhìn” thường lần đầu tiên sẽ giật mình theo cùng một cách giống như ta giật mình khi đang chìm dần vào giấc ngủ.

Khi đã thực hành một thời gian, bạn sẽ thấy quả cầu như thể to ra và to ra mãi. Đến một lúc bạn sẽ thấy như bạn đang nhìn vào một điểm sáng và đầy khói trắng. Nó sẽ rõ dần và đừng giật mình – bạn sẽ thấy những hình ảnh đầu tiên mà thông thường là quá khứ. Có thể là điều gì đó liên quan đến bạn bởi bạn là người đang giữ tinh thể. Hãy tiếp tục như thế, chỉ nhìn những gì liên quan đến thế giới riêng của bạn. Khi bạn có thể nhìn thấy theo ý muốn, hãy chỉ dẫn nó hiện lên những gì bạn muốn biết. Cách tốt nhất là tự nhủ một cách đầy tin tưởng, thành tiếng rằng “Tôi sẽ nhìn thấy cái đó tối nay”.

Nếu bạn tin vào điều đó, bạn sẽ thấy những gì mong muốn. Đơn giản vậy thôi.

Để biết tương lai, bạn phải sắp xếp các sự kiện của bạn. Thu thập tất cả các dữ liệu có sẵn, và nói những điều đó với chính mình. Sau đó, "yêu cầu" tinh thể, và tự nói với mình rằng bạn sẽ thấy điều mà bạn muốn biết.

Có một cảnh báo. Người ta không thể sử dụng tinh thể vì lợi ích cá nhân, để dự báo kết quả cuộc đua, cũng không làm tổn thương người khác. Có một luật huyền bí mạnh mẽ sẽ làm cho tất cả những điều đó dội trở lại đầu của bạn nếu như bạn cố gắng khai thác tinh thể. Luật này là tự nó không thể thay đổi được.

Đến bây giờ bạn đã có thể thực hành nhiều cho chính bạn. Bạn có muốn thử với người khác không? Hãy nhúng tinh thể vào trong nước và cẩn thận lau khô mà không chạm vào bề mặt của nó. Sau đó đưa nó cho người khác. Nói rằng “Hãy cầm nó trong hai tay bạn và NGHĨ đến điều bạn muốn biết. Rồi chuyển nó lại cho tôi.”

Tất nhiên bạn sẽ yêu cầu không nói chuyện hay làm phiền bạn. Nên thử với người mà bạn đã biết rõ trước tiên, vì những người lạ thường sẽ bối rối khi học.

Khi tinh thể được chuyển trả về cho bạn, bạn sẽ đỡ nó trên hai bàn tay, để trần hay bọc trong vải đen không quan trọng, mà bạn cần phải “cá nhân hóa” tinh thể ngay lúc này. Bạn hãy ngồi trong tư thế thoải mái nhất, nâng tinh thể lên giữa trán của bạn trong một giây, sau đó thu tay vào lòng, hai bàn tay nâng tinh thể theo cách mà bạn không cảm thấy căng thẳng. Hãy nhìn VÀO TRONG nó và để tâm trí của bạn trống rỗng, trống rỗng hết mức

mà bạn có thể, nhưng nỗ lực đầu tiên này có thể khó khăn một chút nếu bạn có vẻ bồn chồn.

Khi bạn đã trấn tĩnh lại, nếu bạn tự tập luyện theo chỉ dẫn, bạn sẽ quan sát một trong ba điều. Chúng là những bức tranh, biểu tượng, và ấn tượng chân thực ... Bức tranh chân thực phải là mục tiêu của bạn. Ở đây những đám mây tinh thể, và sau đó những đám mây tản ra để xuất hiện bức tranh có thật, bức tranh sống động mà bạn muốn biết. Không có gì khó khăn trong việc hiểu được chúng.

Một số người không nhìn thấy hình ảnh thực, họ nhìn thấy những biểu tượng. Họ có thể nhìn thấy, chẳng hạn, một hàng các chữ X, hoặc một bàn tay. Nó có thể là một cái cối xay gió, hay một dấu chữ thập. Bất cứ nó là gì thì bạn cũng sẽ sớm tìm hiểu để giải nghĩa chúng một cách chính xác.

Điều thứ ba là ấn tượng. Ở đây không có cái gì được hình thành ngoại trừ những đám mây xoáy và sự phát quang nhỏ, nhưng vì tinh thể đang được cảm, ấn tượng nhất định được cảm thấy hoặc nghe thấy. Cần phải tránh thành kiến cá nhân, cần phải tránh áp đặt cho tinh thể những cảm xúc cá nhân của riêng mình về trường hợp nào đó.

Nhà tiên tri thực thụ không bao giờ nói cho một người về ngày hoặc thậm chí là khả năng có thể xảy ra cái chết. Bạn sẽ biết, nhưng bạn **KHÔNG BAO GIỜ** được nói. Cũng không được cảnh báo cho người nào đó về bệnh tật sắp xảy ra. Thay vì thế mà hãy nói: “Nên cẩn thận hơn một chút vào ngày này ngày nọ.” Và không bao giờ được nói với một người: “Phải, chồng bạn đang ở bên ngoài với một cô gái mà cô ta ... vv, và vv.” Nếu bạn đang sử dụng tinh thể đúng cách, bạn sẽ **BIẾT** là anh ta đang ra ngoài, nhưng có phải anh ta ra ngoài vì công việc không? Cô ấy có quan hệ họ hàng không? Không bao giờ, **KHÔNG BAO GIỜ** nói bất cứ điều gì có xu hướng phá vỡ một gia đình, hoặc gây ra điều bất hạnh. Đây là sự lạm dụng tinh thể. Chỉ sử dụng nó vì mục đích tốt lành, và ngược lại điều tốt lành sẽ đến với bạn. Nếu bạn không thấy gì, hãy nói như vậy, và người hỏi sẽ tôn trọng bạn. Bạn có thể “sáng tác” điều mà bạn nói là bạn nhìn thấy, và có thể bạn nói điều gì đó mà người hỏi **BIẾT** là không đúng. Rồi thì uy tín và danh tiếng của bạn sẽ không còn nữa, và bạn cũng sẽ mang lại tiếng xấu cho khoa học huyền bí.

Sau khi đọc cho người hỏi những điều bạn thấy, hãy bọc tinh thể và đặt nó xuống nhẹ nhàng. Khi người đó đã rời đi, bạn nên nhúng tinh thể vào nước, lau khô, và sau đó xử lý để nó cá nhân hóa bằng từ tính của riêng bạn. Xử lý càng tốt thì tinh thể sẽ tốt hơn. Tránh làm trầy xước nó, và khi bạn đã làm xong, hãy đặt nó vào trong miếng vải đen. Nếu có thể, hãy cất nó trong một cái hộp và khóa lại. Mèo là những kẻ phạm tội lớn, một số con sẽ ngồi “nhìn chăm chăm” trong một thời gian rất lâu. Và khi bạn sử dụng tinh thể lần tới, bạn sẽ hoàn toàn không muốn xem cuộc đời và tham vọng của con mèo. Điều đó CÓ THỂ xảy ra. Ở Tây Tạng, trong một số lạt ma viện “huyền bí”, một con mèo sẽ bị thẩm vấn bằng tinh thể khi nó hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ đá quý. Sau đó các nhà sư sẽ biết được liệu có âm mưu đánh cắp nào không.

Cần nhấn mạnh rằng trước khi bắt tay vào bất kỳ hình thức tập luyện sử dụng tinh thể nào, bạn cần phải tìm hiểu kỹ lưỡng nhất động cơ thực sự của bạn. Huyền bí học là con dao hai lưỡi, và những người “chơi” vì tò mò vô ích đôi khi bị trừng phạt bằng những căn bệnh mất trí hoặc rối loạn thần kinh. Thông qua việc sử dụng tinh thể bạn có thể biết được niềm vui trong việc giúp đỡ người khác, nhưng bạn cũng có thể biết nhiều điều khủng khiếp và không thể quên được. An toàn hơn cả là bạn chỉ đọc chương này, trừ khi bạn rất, rất chắc chắn về động cơ của bạn.

Một khi đã quyết định về tinh thể thì đừng thay đổi nó. Hãy tạo một thói quen nhất định để chạm vào nó hàng ngày. Những người Saracen thời xưa không bao giờ cho xem một thanh kiếm, ngay cả bạn bè, trừ khi để trích máu. Nếu vì một lý do nào đó mà họ PHẢI cho xem vũ khí, thì sau đó họ sẽ chọc vào ngón tay để “trích máu”. Vì thế đối với tinh thể, nếu bạn đưa nó cho tất cả mọi người xem, ĐỌC nó ngay cả khi nó chỉ là chuyện riêng của bạn. Đọc nó, mặc dù bạn không cần phải nói cho bất cứ ai biết điều bạn đang làm hoặc nhìn thấy. Đây không phải là mê tín dị đoan, mà là phương pháp đáng tin cậy của việc tự luyện tập để khi tinh thể được mở ra bạn có thể “nhìn thấy” một cách tự động, không cần chuẩn bị, không cần nghĩ về nó.

CHƯƠNG VII: CHUYỂN BAY ĐAU THƯƠNG

Con thuyền nhẹ nhàng trượt tới bến đỗ trên sông Tô Châu.

Những người phu khuân vác Trung Quốc vây quanh con tàu, khua chân múa tay la hét điên cuồng. Hành lí của chúng tôi nhanh chóng được chuyển lên bờ, và chúng tôi lên một chiếc xe kéo, được chở đi dọc theo bờ đê vào thành phố Trung Quốc tới một ngôi chùa mà tôi sẽ ở đó trong thời gian tới. Po Ku và tôi lặng yên giữa không gian ồn ào bát nháo. Thượng Hải là một nơi thực sự ồn ào, và náo nhiệt quá mức. Náo nhiệt hơn bình thường vì người Nhật đang cố gắng biến nơi đây thành căn cứ cho một cuộc tấn công khốc liệt, và trong thời gian qua họ săn lùng những cư dân người nước ngoài muốn vượt qua cầu Lư Cầu¹⁷. Họ đang gây ra tình trạng vô cùng bối rối bằng việc lục soát triệt để của họ. Người phương Tây không thể hiểu được rằng người Nhật cũng như người Trung Quốc có thể không thấy hổ thẹn về cơ thể con người, mà chỉ những suy nghĩ của con người về cơ thể mới đáng hổ thẹn, và khi người phương Tây bị người Nhật khám xét họ nghĩ điều đó có nghĩa là một sự sỉ nhục có chủ tâm, mà thực ra không phải vậy.

Trong một thời gian ngắn, tôi đã có một phòng mạch riêng ở Thượng Hải, nhưng với người phương Đông “thời gian” không bị giới hạn. Chúng tôi không nói rõ lúc nào đó trong năm, lúc nào cũng như nhau. Tôi có một phòng mạch riêng, làm các công việc chữa bệnh và tâm lý. Có những người bệnh đến khám ở phòng mạch của tôi, và đến các bệnh viện. Không có thời gian rỗi rãi. Bất cứ lúc nào không phải chữa bệnh, tôi đều bận với việc nghiên cứu chuyên sâu; với lý thuyết bay.

Sau khi màn đêm buông xuống, tôi bay nhiều giờ phía trên thành phố lấp lánh ánh đèn, và trên những vùng quê chỉ có những tia sáng yếu ớt từ trong những ngôi nhà tranh của người nông dân dẫn đường. Những năm tháng trôi qua không ai biết đến, tôi quá bận rộn để bận tâm về tháng ngày. Hội Đồng thành phố Thượng Hải biết rõ về tôi và tận dụng sự giúp đỡ chuyên ngành của tôi.

Tôi có một người bạn tốt là người Nga da trắng. Bogomoloff là một người đã thoát khỏi Moscow trong thời kỳ cách mạng. Ông đã mất tất cả trong thời gian bị thảm đó, và bây giờ ông đang làm việc cho Hội Đồng thành phố. Ông là người da trắng đầu tiên mà tôi biết và tôi biết về ông rất rõ, ông là một người đàn ông đích thực.

Ông có thể thấy rõ rằng Thượng Hải không có sự phòng thủ chống lại sự xâm lược. Cũng như chúng tôi, ông có thể thấy trước những điều khủng khiếp đang đến.

Vào ngày 7 tháng 7 năm 1937, đã xảy ra một sự kiện tại cầu Lư Câu. Vụ việc đã được viết quá nhiều, và tôi sẽ không tiếp tục lặp lại nữa. Vụ việc chỉ đáng chú ý vì thực tế nó là xuất phát điểm của cuộc chiến tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Bây giờ mọi thứ đều dựa trên cơ sở thời chiến. Thời kỳ khó khăn bao trùm lên chúng tôi. Người Nhật hung hăng, tàn bạo.

Nhiều người trong số các thương nhân nước ngoài, và người Trung Quốc nói riêng, đã nhìn thấy trước những khó khăn đang tới, và họ đã chuyển gia đình và tài sản tới những vùng khác nhau của Trung Quốc, tới những vùng đất ở sâu trong lãnh thổ quốc gia như Trùng Khánh. Nhưng những người nông dân ở các vùng ngoại ô Thượng Hải lại đổ xô vào thành phố, khi nghĩ rằng, vì lý do nào đó, họ sẽ an toàn, hình như rất nhiều người tin là đồng người thì không sợ gì cả.

Trên khắp các đường phố trong thành phố, ngày cũng như đêm, tràn ngập các xe tải của Lữ đoàn Quốc tế, chở đầy lính đánh thuê của nhiều quốc gia khác nhau, có nhiệm vụ giữ gìn hòa bình ngay trong thành phố. Tất cả bọn họ đều là những kẻ giết người đã được tuyển dụng vì tính hung ác của chúng. Nếu có bất kỳ sự cố nào mà chúng không thích, chúng sẽ dùng bạo lực mà không có bất cứ cảnh báo nào, không cần bất cứ sự khiêu khích hoặc nguyên nhân nào, chúng cũng sẽ lấy ngay súng máy, súng trường, và súng lục giết chết những người dân thường vô tội, và chúng không làm gì để ngăn chặn bọn tội phạm. Chúng tôi thường nói rằng ở Thượng Hải giải quyết với người Nhật dễ hơn nhiều là với những kẻ dã man mặt đỏ, như cách chúng tôi gọi một số thành viên của Lực lượng Cảnh sát Quốc tế.

Trong một thời gian tôi đã trở thành chuyên gia chữa bệnh cho phụ nữ, điều trị cho họ như một bác sĩ điều trị và nhà phẫu thuật, và tôi đã có hoạt động

thực sự thỏa đáng ở Thượng Hải. Những kinh nghiệm tôi đã có được trong những ngày bận rộn trước chiến tranh đó sẽ có ích cho tôi về sau này. Các sự kiện xảy ra ngày càng trở nên thường xuyên hơn.

Các báo cáo viết về những nỗi kinh hoàng của cuộc xâm lược của Nhật Bản. Binh lính và hàng hóa Nhật Bản trút vô điều kiện vào đất nước Trung Quốc. Họ ngược đãi những người nông dân, cướp giết, hãm hiếp như họ vẫn thường xuyên làm.

Vào cuối năm 1938, kẻ thù đã ở vùng ngoại ô của thành phố; lực lượng vũ trang yếu ớt của Trung Quốc đã chiến đấu thực sự dũng cảm. Họ đã chiến đấu cho đến chết, vì bị lũ xâm lược Nhật Bản đẩy lùi. Chỉ những người chiến đấu để bảo vệ quê hương mới có thể chiến đấu được như người Trung Quốc đang làm, nhưng họ bị áp đảo bởi lực lượng đông hơn hẳn.

Thượng Hải tuyên bố là một thành phố mở với hy vọng rằng người Nhật sẽ tôn trọng các công ước và không ném bom các địa điểm lịch sử. Thành phố hoàn toàn không được bảo vệ, không có súng, không có bất cứ loại vũ khí nào. Các lực lượng quân sự đã được rút đi. Thành phố tràn đầy người tị nạn. Người dân cũ nơi đây hầu như đã rời đi. Các trường đại học, các trung tâm học tập và văn hóa, các công ty lớn, các ngân hàng, và những tổ chức khác nữa, họ được chuyển đến những nơi như Trùng Khánh và những vùng đất xa xôi khác. Nhưng ở chỗ của họ giờ đây là những người tị nạn, người dân của tất cả các dân tộc và các tầng lớp, đang chạy trốn khỏi quân Nhật, khi nghĩ rằng đông người thì không sợ gì cả.

Các cuộc không kích đang trở nên ngày càng thường xuyên hơn, nhưng những người dân cũng đang trở nên cứng rắn hơn, quen thuộc hơn với điều đó. Rồi một đêm người Nhật thực sự ném bom thành phố. Bất cứ chiếc máy bay nào có thể bay lên trên không đều cất cánh, thậm chí những chiếc máy bay chiến đấu cũng mang theo bom, và các phi công cũng có lựu đạn trong buồng lái để quăng qua cửa bên xuống thành phố. Bầu trời đêm dày đặc những chiếc máy bay, bay theo đội hình ngang qua thành phố không được bảo vệ, bay như một đàn châu chấu, xóa bỏ hết tất cả mọi thứ trên con đường chúng đi qua. Bom thả khắp mọi nơi, một cách bừa bãi. Thành phố chìm trong biển lửa, và không có bất cứ sự phòng vệ nào; chúng tôi không có gì để bảo vệ chính mình.

Khoảng nửa đêm tôi đang đi xuống con đường vô cùng náo loạn. Tôi đã chăm sóc một trường hợp, một người phụ nữ đang hấp hối. Lúc này kim loại đang rơi xuống như mưa, và tôi tự hỏi liệu có nơi nào để trú ẩn. Đột nhiên có một tiếng rít mong manh, lớn dần thành tiếng rên rĩ, và sau đó là tiếng rít nghe lạnh người của quả bom đang rơi. Cảm giác như mọi âm thanh, như thể toàn bộ cuộc sống đã dừng lại. Cảm giác của hư vô, trống rỗng hoàn toàn. Tôi như được một bàn tay khổng lồ nhấc lên, xoắn lại trong không trung, tung lên trong không khí, và quăng đi một cách dữ dội. Trong vài phút tôi nằm choáng váng, thở một cách khó nhọc, tự hỏi có phải mình đã chết và chờ đợi để tiếp tục cuộc hành trình vào thế giới khác. Run rẩy tôi gượng đứng lên, nhìn chăm chăm xung quanh, sững sờ tột cùng.

Tôi đang đi bộ xuống con đường giữa hai dãy nhà cao tầng; còn lúc này, tôi đang đứng trên mảnh đất hoang vắng không có bất kỳ ngôi nhà nào ở cả hai bên, chỉ còn là đồng gạch vụn tan hoang, những đồng bụi mỏng tung tóe máu và những mẩu của cơ thể con người. Những ngôi nhà san sát, và những trái bom nặng đổ xuống. Nó gần tôi đến nỗi tôi như trong một nơi tách biệt, và vì lý do khác thường nào đó mà tôi đã không nghe thấy âm thanh, không bị tổn hại. Cuộc tàn sát đơn giản là rất khủng khiếp.

Vào buổi sáng chúng tôi chặt các thân người thành đồng cao như mái nhà và đốt chúng, đốt để ngăn ngừa sự lây lan bệnh dịch, bởi vì dưới mặt trời nắng nóng, các xác chết sẽ bị phân hủy, trương phình. Trong nhiều ngày chúng tôi đào bới đồng đổ nát, cố gắng cứu chữa những người có thể còn sống sót, đào để lấy ra những xác chết, và đốt chúng ngay tại chỗ nhằm cứu vãn thành phố khỏi dịch bệnh.

Một buổi chiều muộn, tôi đang ở trong một khu phố cổ của Thượng Hải. Tôi vừa đi ngang qua một cây cầu bắc nghiêng qua con kênh. Bên phải tôi, dưới một gian hàng trên phố, có những nhà chiêm tinh và thầy bói cùng là người Trung Quốc, đang ngồi trong quây của mình, xem tương lai cho những người khách hàng đang khao khát nóng lòng muốn biết liệu họ có sống sót qua chiến tranh không, và tình hình có khá lên hay không. Tôi nhìn họ, thú vị nghĩ rằng họ thực sự đang tin vào những điều mà những cái máy kiểm tiền này đang nói với họ.

Các thầy bói đang đọc thuộc lòng từ đầu đến cuối những đặc điểm bao quanh tên khách hàng trên một tấm bảng, khi nói với họ về kết quả của cuộc chiến tranh, khi nói với những người phụ nữ về sự an toàn của những người đàn ông của họ. Xa hơn một chút là những nhà chiêm tinh khác—có lẽ đang dừng công việc chuyên môn của họ!—mà hoạt động như một người viết thuê công cộng; họ đang viết những bức thư cho người khác để gửi tới những vùng khác nhau của Trung Quốc, kể về những tin tức, có thể cả những công việc của gia đình. Họ sống một cuộc sống không ổn định bằng cách viết thuê cho những người không biết viết, và họ làm điều đó ngay nơi công cộng; bất cứ ai muốn ngăn cản đều có thể nghe và biết về công việc kinh doanh riêng của gia đình. Ở Trung Quốc không có sự riêng tư. Người viết thuê trên phố thường hét lên bằng cái giọng rất to về những gì họ đang viết, để các khách hàng tương lai nên hiểu ông ta đã trình bày những bức thư của ông ta hay như thế nào.

Tôi tiếp tục đi bộ tới bệnh viện nơi tôi đang chuẩn bị thực hiện một số ca mổ. Tôi đi qua gian hàng của những người bán hương trầm, qua các cửa hiệu bán sách cũ, mà họ dường như luôn luôn tụ họp bên bờ sông, và, như tại hầu hết các thành phố, họ bày ra các sản phẩm của họ tại bờ sông. Xa hơn nữa là những người bán hương và các lễ vật cho đền thờ, chẳng hạn như 120 bức tượng của Đức Phật và Phật Bà Quan Thế Âm, vị đầu tiên là vị Thần của sự Sống Lương thiện và vị thứ hai là Thần của Lòng Từ Bi.

Tôi tiếp tục đi đến bệnh viện và làm những công việc của mình. Sau đó, tôi trở về trên cùng con đường. Người Nhật đã dội bom xuống thành phố. Không còn nữa những gian hàng và cửa hiệu. Ở đó không còn nữa những người bán hàng với đồ lễ, hay hương trầm, vì họ cùng với hàng hóa của mình đã trở thành cát bụi. Lửa đã thiêu rụi, các tòa nhà đổ nát, thế là tro bụi lại hoàn tro bụi.

Nhưng Po Ku và tôi còn có nhiều việc khác để làm bên cạnh đó. Chúng tôi đang nghiên cứu khả năng bắt đầu một dịch vụ cứu thương hàng không theo lệnh trực tiếp từ Tổng tư lệnh Tưởng Giới Thạch. Tôi nhớ rõ một chuyến bay đặc biệt trong số các chuyến bay này. Hôm đó trời giá lạnh, những đám mây trắng xốp lững thững phía trên đầu. Từ một nơi nào đó trên bầu trời vắng đến tiếng bom Nhật CRUMP – CRUMP – CRUMP đơ đệ. Thình

thoảng có tiếng vo ve xa tít của động cơ máy bay, giống như âm thanh của đàn ong trong ngày hè nóng nực.

Con đường gồ ghề thô ráp, bên cạnh nơi chúng tôi ngồi, đã chịu đựng sức nặng nhiều bước chân ngày hôm đó, cũng như trong bao ngày đã qua khác. Những người nông dân lê bước cố gắng thoát ra khỏi cảm giác hận thù quân Nhật tàn ác đến điên rồ. Những người nông dân già hầu như đã đến cuối cuộc đời, đang đẩy những chiếc xe cút kít một bánh với tất cả tài sản của họ trên đó.

Những người nông dân cúi gầm mặt sát đất, mang theo trên lưng họ gân như tất cả những gì họ có. Đội quân vũ trang ốm yếu đi theo cách khác, với vật dụng ít ỏi chất trên chiếc bò kéo. Họ là những người đàn ông đang mù quáng đi tới cái chết, cố gắng ngăn chặn sự tiến công tàn bạo, cố gắng bảo vệ đất nước, nhà cửa của họ. Tiếp tục đi một cách mù quáng mà không biết tại sao họ phải đi tiếp, không biết điều gì đã gây ra cuộc chiến.

Chúng tôi luôn xuống bên dưới cánh của một chiếc máy bay ba động cơ cũ kỹ, một chiếc máy bay cũ tàn tạ trước khi được những bàn tay háo hức và nhiệt tình của chúng tôi động tới. Dầu bôi trơn đang tróc ra từng mảng từ những chiếc cánh căng bằng vải bạt. Càng má đã được sửa chữa và được gia cố bằng những thanh tre tách ra, và cái nạng đuôi được bọc lại bằng một mảnh thừa của một cái lò xo ô tô bị gãy. Abie Già, như cách chúng tôi gọi cô, chưa bao giờ làm chúng tôi thất vọng. Động cơ của cô đôi khi bị dừng lại, đó là sự thật, nhưng mỗi lúc chỉ một lần. Cô ấy là máy bay có một lớp cánh cao khá nổi tiếng do Mỹ sản xuất. Cô ấy có phần thân kết cấu khung bằng gỗ phủ vải bạt, và dạng khí động học là một thuật ngữ xa lạ khi cô ấy được chế tạo. Tốc độ khiêm tốn gần hai trăm cây số một giờ, có cảm giác nhanh hơn ít nhất hai lần. Vải gỗ như đánh trống, xà dọc kêu cọt kẹt và căng lên, ống xả mở rộng làm tăng thêm tiếng ồn ào.

Một thời gian dài trước đây cô được sơn pha màu trắng với chữ thập đỏ khổng lồ bên thân và đôi cánh của mình. Giờ đây cô ấy bị làm xây xước và có những vết sọc buồn bã. Dầu động cơ bổ sung thêm những vết gỉ ngả vàng làm cho cô trông như một pho tượng đá khắc cổ xưa của Trung Quốc.

Xăng dầu tràn bị tạt ngược góp phần tạo nên những màu sắc khác, trong khi những đốm lớn khác nhau được thêm vào theo thời gian đã tạo nên một

diện mạo kỳ lạ cho chiếc máy bay già nua.

Lúc này tiếng ồn ào của bom đạn đã lắng xuống. Một cuộc tấn công nữa của quân Nhật đã qua và công việc của chúng tôi chỉ mới bắt đầu.

Chúng tôi kiểm tra lại một lần nữa những thiết bị ít ỏi của mình; cưa, hai chiếc, một lớn, một nhỏ và nhọn; dao, bốn con đủ loại. Một trong số đó là dao lạng thịt của một người trước đây làm nghề bán thịt, một con là dao để sửa ảnh. Hai con khác là dao mổ đích thực.

Kẹp, một vài cái. Hai ống tiêm dưới da với những chiếc kim cùn ghê gớm. Một ống tiêm dùng để hút chất lỏng hay khí cùng với ống cao su, và chiếc đèn pin cỡ trung bình. Những chiếc dây đai, phải, chắc chắn chúng tôi cần phải có chúng. Không có thuốc gây tê chúng tôi thường phải buộc chặt bệnh nhân xuống.

Đến lượt Po Ku bay ngày hôm nay, còn chỗ của tôi là ngồi phía sau và theo dõi máy bay chiến đấu của quân Nhật. Phương tiện liên lạc xa xỉ không dành cho chúng tôi. Chúng tôi có một sợi dây dài, một đầu buộc vào phi công, người quan sát giữ đầu dây còn lại và giật theo một quy ước thô thiển.

Thận trọng đu đưa qua lại cánh quạt để khởi động Abie. Lần lượt từng động cơ nổ máy như những tiếng ho, nhỏ ra một bùm khói đen của dầu, và đánh thức cuộc sống với tiếng ồn inh tai. Chẳng mấy chốc chúng sôi nổi hẳn lên và ổn định với tiếng gầm khá nhịp nhàng. Tôi trèo vào trong máy bay, và đi tới phần sau máy bay nơi chúng tôi đã làm một cái cửa sổ trong vải bạt để quan sát: Sợi dây giật mạnh hai cú và Po Ku được thông báo rằng tôi đã vào vị trí an toàn, ngồi xôm trên sàn, bị ép, nhồi nhét giữa các thanh chống. Tiếng gầm của động cơ tăng lên, và toàn bộ máy bay rung chuyển, rồi di chuyển ra ngoài, đi xuống cánh đồng. Có một tiếng răng rắc âm âm của bộ phận hạ cánh, và tiếng cọt kẹt của các đồ vật làm bằng gỗ đang bị xoắn lại. Đuôi máy bay nhấp nhô dập dềnh, và nhún xuống khi chúng tôi va vào những luống đất.

Tôi bị sóc, nảy lên tới trần máy bay. Tôi siết đai chặt hơn nữa vì cảm thấy mình giống như hạt đậu trong một cái hũ. Với tiếng ục ục và tiếng loảng xoảng cuối cùng, chiếc máy bay già nua nhảy chồm lên không trung, và tiếng ồn giảm bớt khi động cơ được giảm van tiết lưu. Một cú chúi xuống

và chệch hướng bay dữ dội vì chúng tôi va phải luồng không khí vừa thoát ra khỏi những cái cây, và mặt tôi gần như bị ấn qua cái cửa sổ quan sát. Những cái giạt dây thật mạnh từ Po Ku nghĩa là “Được rồi, chúng ta làm lại lần nữa. Cậu có còn ở đó không?” Những cái giạt dây trả lời của tôi biểu cảm hết mức tôi có thể làm được, cho thấy tôi nghĩ gì về cú cắt cánh của anh.

Po Ku có thể nhìn thấy nơi chúng tôi đang đi, còn tôi có thể thấy những gì chúng tôi vừa bỏ lại. Lúc này chúng tôi đang đi tới một ngôi làng ở huyện Wuhu nơi vừa bị tấn công nặng nề, và nhiều, rất nhiều thương vong, và không có sự hỗ trợ nào ngay tại chỗ. Chúng tôi luôn thay phiên nhau lái máy bay, và làm công việc quan sát. Abie có nhiều điểm mù, và các máy bay chiến đấu của quân Nhật lại rất nhanh. Tốc độ của chúng thường cứu chúng tôi. Chúng tôi có thể bay chậm xuống tới mức chỉ hơn tám mươi cây số một giờ khi chúng tôi không chở nặng, và người phi công Nhật trung bình không đủ kỹ năng để bắn. Chúng tôi thường nói rằng chúng tôi an toàn hơn khi ở ngay trước mắt chúng, bởi vì chúng luôn bỏ qua những gì chồm hồm ngay trước mũi mình!

Tôi duy trì sự canh phòng cẩn thận, cảnh giác với “chậu máu” đáng ghét, đây là từ mà chúng tôi thấy rất thích hợp để gọi những chiếc máy bay Nhật. Dòng sông Hoàng Hà chảy qua bên dưới đuôi máy bay của chúng tôi. Sợi dây giạt ba lần. “Chúng ta đang hạ cánh,” Po Ku báo hiệu. Cái đuôi máy bay ngóc lên, tiếng gầm của động cơ đã ngừng và được thay thế bằng tiếng “bác bác, bác bác” dễ chịu như tiếng cánh quạt đang lật một cách lười nhác. Chúng tôi lướt xuống với động cơ đã mở van tiết lưu trở lại. Những tiếng cọt kẹt từ bánh lái khi chúng tôi rẽ sang một chút để điều chỉnh hướng bay. Tiếng đập đen đét và rung động từ vải bạt phủ bên ngoài khi nó rung lên trong gió lộng. Một tiếng nổ ngắn đột ngột từ động cơ, những tiếng âm âm và tiếng loảng xoảng chói tai khi chúng tôi hạ cánh, và gầm lên âm âm một lần nữa từ luồng đất này sang luồng khác.

Sau đó là thời điểm đáng ghét nhất của người quan sát bất hạnh tù túng ở đuôi máy bay; thời điểm khi mà đuôi hạ xuống và má phanh kim loại cày xuyên qua lớp đất khô nẻ, dấy lên những đám mây bụi đến nghẹt thở, bụi đất chất đầy những mẫu nhỏ phân người mà người Trung Quốc sử dụng để làm cho đất đai màu mỡ.

Thân hình công kênh của tôi được giải thoát khỏi không gian chật hẹp ở đuôi máy bay, và tôi đứng lên rên rỉ vì đau khi cơ thể được lưu thông, làm việc trở lại. Tôi leo lên thân máy bay đang nghiêng về phía cửa. Po Ku đã mở nó, và chúng tôi nhảy xuống đất. Những bóng người đang vội vã chạy về phía chúng tôi. “Đến nhanh lên, chúng tôi có nhiều người bị thương. Tướng Tien bị một thanh kim loại văng vào, xuyên qua và ló ra khỏi người ông ấy cả đằng trước lẫn phía sau.”

Trong một căn nhà bản thủ tôi tậ được sử dụng làm bệnh viện dã chiến, viên tướng ngồi thẳng đứng, làn da vốn màu vàng của ông giờ trở nên xanh xám vì đau và mệt mỏi. Ngay phía trên bên trái một thanh thép sáng nhô ra. Nó trông giống như thanh kim loại được dùng làm tay đòn để khởi động ô tô.

Cho dù nó có là cái gì, nó đã bị thổi văng qua người ông do hơi của một quả bom rơi gần trúng đích. Chắc chắn tôi phải bỏ nó ra nhanh nhất có thể. Đầu thanh kim loại lòi ra ở phía sau tron tru và thẳng đứng, ngay phía trên bên trái xương sống chỗ khớp nối giữa xương cùng và xương chậu, và tôi cho rằng nó bị trượt và bị đẩy sang một bên, đại tràng đang bị sa xuống.

Sau khi kiểm tra người bệnh cẩn thận, tôi đã cho Po Ku ra ngoài, anh không cần phải nghe những điều xảy ra ở trong này, và giao cho anh một việc gì đấy khác thường ở chỗ máy bay. Trong khi anh đi ra, tôi cẩn thận làm sạch vết thương của Tướng quân, và thanh kim loại. Ông nhỏ người và đã già, nhưng có sức khỏe bình thường. Chúng tôi không có thuốc tê, tôi nói với ông, nhẹ nhàng nhất có thể, “Tôi sẽ làm ông đau, cho dù tôi có cẩn thận như thế nào đi chăng nữa,” tôi nói, “Nhưng tôi sẽ làm tốt nhất trong khả năng của mình.” Ông không hề lo lắng. “Cứ làm đi,” ông nói. “Nếu không làm gì thì dù sao đi chăng nữa tôi cũng sẽ chết, vì vậy tôi không có gì để mất, nhưng dứt khoát sẽ thành công.”

Từ nắp của hộp tiếp tế, tôi gỡ ra một mẫu gỗ, khoảng mười tám inche vuông¹⁸, và khoét một cái lỗ ở giữa vừa khít với thanh kim loại. Vào lúc này, Po Ku đã trở lại với bộ dụng cụ của máy bay, tất cả những gì mà chúng tôi có.

Chúng tôi cẩn thận luồn tấm gỗ vào thanh kim loại, và Po Ku giữ chặt nó khỏi cơ thể bệnh nhân. Tôi siết chặt thanh kim loại bằng cái cờ lê Stilton cỡ

lớn của chúng tôi, và kéo nhẹ nhàng. Không có điều gì xảy ra, ngoại trừ người bệnh bất hạnh trở nên trắng bệch.

“Thôi được,” tôi nghĩ, “chúng ta không thể để lại điều tồi tệ này, vậy thì được ăn cả, ngã về không.” Tôi tì đầu gối mình vào Po Ku, người đang giữ tấm gỗ cho đúng vị trí, tóm chặt cái kẹp giữ thanh sắt, và kéo mạnh, vừa xoay nhẹ nhàng. Một âm thanh rít kinh khủng khi thanh sắt được tự do, và tôi, bị mất thăng bằng, bật ngửa và ngã đập đầu xuống. Rất nhanh, tôi vùng dậy, và chúng tôi hối hả đến bên vị Tướng và cầm máu lại. Nhìn chăm chú vào vết thương dưới ánh đèn pin, tôi đi đến kết luận là không có thiệt hại lớn, vì thế chúng tôi khâu và làm sạch vết thương.

Cho tới lúc này, sau khi uống chất kích thích, vị Tướng trông đã có màu sắc khá hơn nhiều, và như ông nói, cảm thấy hạnh phúc hơn rất nhiều. Ông đã có thể nằm nghiêng về một bên, vì rằng lúc trước ông phải ngồi thẳng đứng, trong khi phải mang một thanh kim loại nặng. Tôi để Po Ku hoàn tất việc mặc quần áo cho ông, và đi tới ca bệnh tiếp theo, một người phụ nữ có chân phải bị thổi bay ngay phía trên đầu gối. Chân cô đã bị buộc ga rô quá chặt và quá lâu. Chỉ còn một việc có thể làm cho cô; chúng tôi phải phẫu thuật cắt bỏ phần còn lại của chân.

Chúng tôi phải phá một cánh cửa, và buộc chặt người phụ nữ lên đó. Rất nhanh, tôi cắt phần thịt xung quanh hình “chữ V”, với đầu nhọn hướng về phía cơ thể. Tôi khoét vào trong và để lại phần xương cao nhất có thể. Sau đó, khi cẩn thận gắp hai miếng da với nhau tôi khâu chúng để tạo thành miếng đệm sát vào xương. Công việc mất hơn một tiếng rưỡi, một tiếng rưỡi đau đớn cực độ, và trong suốt thời gian đó người phụ nữ im lặng, không kêu một tiếng, không một tiếng rên nhỏ, cũng không run rẩy. Cô biết rằng cô đang ở trong tay những người bạn. Cô biết rằng những gì chúng tôi làm, là để làm điều tốt cho cô.

Có những trường hợp khác nữa. Những vết thương nhẹ, và cả những vết thương nghiêm trọng, đến lúc được xử lý chúng đều đã trở nên sẫm màu. Ngày hôm nay đến lượt Po Ku bay, ở vị trí của người phi công, nhưng anh không thể nhìn thấy trong ánh sáng đang mờ dần, vì thế rất khó thực hiện chuyên bay.

Chúng tôi vội vã trở về máy bay, đóng gói thiết bị của chúng tôi một cách nâng niu trù mền, lại một lần nữa chúng đã giúp ích chúng tôi rất tốt. Sau đó Po Ku đu đưa cái cánh quạt và bắt đầu khởi động động cơ. Lóe lên những ánh lửa xanh đỏ phụt ra từ ống xả, chúng tôi nhìn chắc phải giống con rồng phun lửa đối với những người chưa bao giờ nhìn thấy máy bay trước đó. Tôi leo lên khoang, rồi thả mình vào chỗ ngồi của phi công, mệt đến mức tôi rất khó giữ cho mắt mình mở. Po Ku lao đảo theo sau, đóng cửa lại và ngã lăn ra ngủ thiếp ngay trên sàn. Tôi vẫy tay ra hiệu cho những người bên ngoài kéo đi những tảng đá lớn dùng để chặn các bánh xe.

Trời đã tối hơn và cây cối cản trở tầm nhìn, tôi vẫn nhớ thuộc lòng thế đất nơi đây, và khởi động động cơ bên phải để quay ngang. Trời không có gió. Sau đó, khi đã đối diện đúng hướng, hy vọng như vậy, tôi mở cả ba van tiết lưu rộng hết cỡ có thể. Động cơ gầm lên, và máy bay rung lên, kêu loảng xoảng khi chúng tôi di chuyển ra ngoài, lắc lư với tốc độ ngày càng tăng. Các thiết bị đều không thể nhìn thấy được. Chúng tôi không có đèn chiếu sáng, tôi biết rằng đầu phía bên kia của cánh đồng không nhìn thấy được, nhưng gần đến đáng sợ. Tôi kéo ngược cần điều khiển. Máy bay bay lên, loạng choạng và nhào xuống, rồi lại bay lên. Chúng tôi đang ở trên không trung. Tôi lượn nghiêng và chúng tôi lượn một vòng lười biếng, khi bay lên cao. Ngay dưới những đám mây đêm lạnh lẽo, tôi bay là là, tìm kiếm mốc đơn giản của chúng tôi, con sông Hoàng Hà. Nó ở kia, phía bên trái, hiện ra một ánh mờ nhạt ngược với mặt đất tối sẫm. Tôi cũng quan sát xem có bất cứ máy bay nào khác trên bầu trời, bởi vì tôi không có sự bảo vệ, Po Ku đang ngủ trên sàn phía sau tôi, tôi không có ai quan sát từ phía sau.

Khi đã xác định được đường bay, tôi ngả người, nghĩ về những chuyến đi khẩn cấp này mệt mỏi đáng kinh ngạc biết bao, cần phải ứng biến, cần phải suy nghĩ, và điều trị những cơ thể mất máu đáng thương với bất cứ cái gì có trong tay. Tôi nghĩ về những câu chuyện tuyệt vời tôi từng được nghe về các bệnh viện ở Anh và Mỹ, và các nguồn cung cấp không lồ những vật liệu và dụng cụ họ cho là phải có. Nhưng chúng tôi đang ở Trung Quốc, chúng tôi cần phải dùng tạm, cần phải xử lý, và tiếp tục cứu chữa với bằng những vật dụng của mình.

Hạ cánh là vấn đề thực sự khó khăn trong đêm hầu như tối sẫm. Chỉ có tia sáng le lói yếu ớt của ngọn đèn dầu trong ngôi nhà của những người nông

dân, và bóng tối sẫm hơn nữa của cây cối. Nhưng chiếc máy bay già nua đã xuống bằng cách nào đó, và tôi đã đặt cô ấy xuống với tiếng ầm ầm của càn má và tiếng rít của nạng đuôi. Điều đó không hề làm phiền Po Ku chút nào; anh đang ngủ say. Tôi tắt các động cơ, ra ngoài, đặt chèn phía sau và trước các bánh xe, sau đó trở lại máy bay, đóng cửa, và lăn ra ngủ trên sàn.

Sáng sớm, cả hai chúng tôi bị đánh thức bởi những tiếng la hét ở bên ngoài. Vì vậy, chúng tôi mở cửa, và có một người lính liên lạc nói với chúng tôi rằng thay vì có một ngày nghỉ, như chúng tôi nghĩ, chúng tôi cần phải đưa một viên Tướng tới một huyện khác nơi ông ta sẽ có một cuộc nói chuyện với Tổng tư lệnh Tướng Giới Thạch về cuộc chiến ở khu vực Nam Kinh. Vị Tướng này là một người khôn khéo. Ông đã bị thương, và ông ta, về lý thuyết, đang hồi phục. Chúng tôi nghĩ rằng ông đang giả vờ ốm để không phải làm việc. Ông ra vẻ mình là người rất quan trọng, và tất cả các nhân viên thực lòng không ưa ông ta. Chúng tôi cần phải chỉnh tề hơn một chút, vì thế chúng tôi phải đến túp lều tạm của mình, lau rửa, thay quân phục bởi vì vị Tướng là người khắt khe về trang phục.

Trong khi chúng tôi đang ở trong túp lều, mưa đổ xuống, và nỗi phiền muộn của chúng tôi tăng lên khi thời tiết ngày càng trở nên u ám hơn. Mưa! Chúng tôi ghét mưa cũng nhiều như bất cứ người dân Trung Quốc nào. Một trong những vẻ đẹp của Trung Quốc là những người lính, tất cả họ đều là những con người dũng cảm và mạnh mẽ, có lẽ là trong số những người lính dũng cảm nhất thế giới, nhưng họ ghét mưa. Ở Trung Quốc, mưa xuống trong tiếng ầm ầm vang dội, trút xuống không ngừng. Nó đập xuống tất cả mọi thứ, thấm đẫm mọi vật, làm ướt đẫm bất cứ ai tình cờ ra ngoài dưới mưa. Khi chúng tôi quay trở lại máy bay của mình bên dưới những chiếc ô, chúng tôi nhìn thấy một đội quân Trung Quốc. Họ diễu hành dọc theo con đường bên rìa của sân bay, con đường sũng nước và lép nhép bùn.

Những người đàn ông trông chán nản vì trời mưa. Họ đã có đủ khó khăn thử thách, đủ đau khổ, và mưa càng làm nặng nề hơn nữa. Họ diễu hành một cách chán nản, súng của họ được bọc trong túi vải đeo trên vai. Trên lưng họ là những chiếc bao đựng, được giữ bằng sợi dây buộc chéo. Trong đó họ cất giữ tất cả những gì thuộc về họ, tất cả vật dụng của họ trong chiến tranh, thực phẩm của họ, tất cả mọi thứ. Trên đầu họ đội những chiếc mũ rom, và trong bàn tay phải, phía trên đầu họ mang những chiếc ô làm bằng

tre và giấy đã được sơn dầu màu vàng. Lúc này, điều đó có vẻ thú vị. Nhưng sau đó, điều tuyệt vời là nhìn thấy năm hay sáu trăm người lính điều hành xuống một con đường dưới năm hay sáu trăm chiếc ô. Chúng tôi, cũng vậy, sử dụng ô để đi ra máy bay của mình.

Chúng tôi ngạc nhiên nhìn chằm chằm khi tới bên máy bay. Có một toán người đã ở đó, và họ đang căng một tán dù bằng vải bạt trên đầu họ để che mưa cho vị Tướng. Ông ta vẫy tay ra hiệu với chúng tôi rất hống hách và nói, “Ai trong các anh có kinh nghiệm bay nhiều hơn?” Po Ku thở dài một môt, “Tôi, thưa Tướng quân,” anh nói. “Tôi đã bay mười năm, nhưng người đồng chí của tôi là phi công giỏi hơn và có kinh nghiệm nhiều hơn.” “Tôi mới là người xét đoán ai là người giỏi nhất,” viên Tướng nói. “Anh sẽ bay, và anh ta sẽ quan sát để giữ an toàn cho chúng ta.” Vì vậy Po Ku đi đến khoang của phi công. Tôi đi đến đuôi máy bay.

Chúng tôi khởi động các động cơ. Tôi có thể nhìn qua ô cửa sổ nhỏ, và thấy vị Tướng với những người trợ lý của mình lên khoang máy bay. Rồi sự chia tay rời rít ở cửa, nhiều nghi lễ, những cái vẫy tay, những cái cúi chào và sau đó là mệnh lệnh đóng cửa máy bay và hai người kéo sang bên những vật chèn tại các bánh xe. Một cái vẫy tay cho Po Ku, và các động cơ rồ ga. Anh ra hiệu cho tôi bằng sợi dây và chúng tôi di chuyển ra ngoài.

Tôi cảm thấy không hài lòng về chuyến bay này. Chúng tôi sẽ bay qua chiến tuyến của quân Nhật, và chúng rất cảnh giác với những ai bay qua vị trí đóng quân của chúng. Tệ hơn nữa, chúng tôi có ba máy bay chiến đấu, chỉ có ba, mà chúng được yêu cầu để bảo vệ chúng tôi. Chúng tôi biết rằng điều này sẽ thu hút sự chú ý của quân Nhật, bởi vì máy bay chiến đấu của Nhật sẽ cất cánh để xem có chuyện gì, tại sao một chiếc máy bay ba động cơ cũ kỹ như vậy lại có máy bay chiến đấu bảo vệ? Tuy nhiên, vì viên Tướng đã tuyên bố không thể có nhầm lẫn, ông ta là sĩ quan cao cấp, và ông ta là người có quyền ra lệnh, và vì vậy mà chúng tôi tiếp tục hứng chịu.

Chúng tôi ì ạch đi xuống cuối cánh đồng. Trong đám bụi xoáy, và tiếng loảng xoảng của càng má, chiếc máy bay xoay tròn, cả ba động cơ cùng rồ ga đến mức tối đa và chúng tôi lao xuống cánh đồng. Với tiếng kêu loảng xoảng và tiếng gầm, chiếc máy bay già nua lao lên không trung. Chúng tôi

bay vòng tròn trong một lúc để đạt được độ cao. Đó không phải theo ý của chúng tôi, mà là bắt buộc trong tình huống này.

Cuối cùng chúng tôi lên đến độ cao một nghìn năm trăm mét, rồi ba nghìn mét. Ba nghìn mét là mức tối đa của chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục bay vòng tròn cho tới khi ba chiếc máy bay chiến đấu cất cánh, và hình thành đội hình phía trên và phía sau chúng tôi. Tôi cảm thấy trợ trụ hoàn toàn, mắc kẹt trên không với ba chiếc máy bay chiến đấu đang lảng vảng quanh. Lúc này, một lần nữa tôi thấy mọi thứ trượt vào tầm nhìn từ ô cửa sổ của tôi, và sau đó dần dần tụt ra khỏi phạm vi quan sát của tôi. Nó tạo cho tôi cảm giác không an toàn khi nhìn thấy ba chiếc máy bay chiến đấu ở đó. Ngược lại, tôi lo sợ từng giây từng phút sẽ nhìn thấy những chiếc máy bay của quân Nhật.

Chúng tôi vẫn tiếp tục ngồi không. Điều đó dường như kéo dài vô tận. Dường như chúng tôi bị treo lơ lửng giữa thiên đường và trái đất, có những viên đá gậy ra những va chạm nhẹ, chiếc máy bay lắc lư một chút, và tâm trí tôi lang thang vì sự đơn điệu của nó. Tôi nghĩ về cuộc chiến đang diễn ra bên dưới chúng tôi, trên mặt đất dưới kia. Tôi nghĩ về những hành động tàn bạo, về những điều khủng khiếp, biết bao điều trong số đó tôi đã tận mắt chứng kiến. Tôi nghĩ về Tây Tạng thân yêu của tôi, vui thích biết bao nếu như tôi có thể mang theo Abie về đó, và bay thử, rồi hạ cánh ở chân điện Potala ở Lhasa. Đột nhiên có những tiếng nổ lớn, bầu trời dường như bị lấp đầy bởi những chiếc máy bay đang lao nhanh, những chiếc máy bay với những “điểm giết chóc” đáng ghét trên đôi cánh của chúng.

Tôi có thể nhìn thấy chúng khi bay vào tầm nhìn, rồi lại lao ra như tên bắn. Tôi cũng có thể nhìn thấy những vệt đạn và khói đen của lửa pháo. Chẳng ích gì trong việc gửi tín hiệu của tôi tới Po Ku. Hiển nhiên là chúng tôi đang bị bắn dữ dội. Abie Già trông tránh và lao xuống, rồi lại ngóc lên. Mũi của cô đi lên, và chúng tôi dường như vút lên trời cao. Po Ku đang đưa chúng tôi vào trận chiến khốc liệt. Tôi suy nghĩ, và thấy việc của mình là cần phải vút bỏ vị trí ở đuôi máy bay. Đột nhiên, viên đạn bay vèo xuyên qua lớp vải bạt ngay phía trước tôi. Bạt vào sợi dây ở ngay bên cạnh tôi, sợi dây bị đứt, một đầu của nó văng vào mặt tôi suýt chút nữa đập vào mắt trái. Tôi thu nhỏ mình lại hết sức có thể và cố gắng ép mình trở lại đuôi máy bay. Một trận chiến dữ dội đang diễn ra, trận chiến mà giờ đây có thể trông thấy rõ

ràng, bởi vì viên đạn đã xé rách một đường trên vải bạt, ô cửa sổ biến mất, và nhiều chỗ vải khác cũng bị xé rách. Tôi dường như đang ngồi trên những đám mây trong một cái khung được làm bằng gỗ.

Trận chiến lúc trùng xuống lúc quyết liệt, sau đó có một tiếng “CRUMP” khủng khiếp. Toàn bộ máy bay rung chuyển và mũi chúc xuống. Tôi nhìn ra ngoài phát điên lên. Máy bay Nhật dường như phủ kín bầu trời. Khi đó, tôi thấy một máy bay Nhật và một máy bay Trung Quốc va vào nhau. Chỉ một tiếng “BÙM” và một cục lửa màu đỏ và đỏ cam bùng lên và tiếp sau đó là khói đen, và hai chiếc máy bay xoay tít lao xuống dính liền vào nhau một cách chết chóc. Các phi công văng ra, và rơi quay cuồng, tay và chân dang rộng, lộn nhào giống như những cái bánh xe. Nó nhắc tôi về những ngày lần đầu bay trên điều của tôi ở Tây Tạng, khi vị lạt ma rơi khỏi chiếc điều và lao xuống xoay tít cũng giống như vậy, đồ ầm xuống tảng đá ở bên dưới hàng trăm mét.

Một lần nữa, toàn thân máy bay chấn động dữ dội, cánh chao đảo, giống như một chiếc lá rụng. Tôi nghĩ thế là hết. Mũi chúc xuống, đuôi chổng lên đột ngột làm tôi trượt xuống thân máy bay vào trong khoang lái, và trượt vào trong một khung cảnh khủng khiếp tột độ. Viên Tướng nằm đó đã chết; rải rác xung quanh khoang lái là những bộ phận của cơ thể của những người tùy tùng. Đạn pháo đã xé toạc xuyên qua họ và thổi bay họ thành từng mảnh. Tất cả đoàn tùy tùng cũng như các trợ lý đều đã chết hoặc đang hấp hối.

Khoang lái trong tình trạng hỗn độn. Tôi giật mở cửa khoang lái rồi lùi lại, cảm thấy sắp nôn. Bên trong là cơ thể không đầu của Po Ku, gập người trên bảng điều khiển. Đầu của anh, hoặc cái gì đó còn lại của nó, bắn tóe trên bảng đồng hồ chỉ dẫn. Kính chắn hỗn độn đầy máu, máu và não. Nó bị che khuất đến nỗi tôi không thể nhìn ra ngoài được. Rất nhanh, tôi chộp lấy vai Po Ku, và đẩy anh ra khỏi chỗ ngồi, sang một bên. Hết sức vội vàng, tôi ngồi xuống, và vò lấy cần điều khiển, chúng quấy mạnh, nhảy dữ dội, nhay nhựa máu, và cực kỳ khó nắm giữ chúng. Tôi kéo cần điều khiển ngược trở lại và cố gắng cho máy bay ngóc đầu lên. Nhưng tôi không thể nhìn thấy được.

Tôi vắt chân qua cần điều khiển và rùng mình khi sử dụng đôi tay mình để cạo lớp nã và máu ra khỏi kính chắn gió, để cố gắng làm sạch một mảng sao cho tôi có thể nhìn thấy bên ngoài. Mặt đất đã ngay trước mặt. Tôi nhìn thấy nó qua lớp mây màu đỏ máu của Po Ku. Mọi vật đang lớn dần lên. Chiếc máy bay đang run lên, các động cơ rít chói tai. Van tiết lưu không còn hoạt động. Động cơ cánh trái đã văng ra ngoài. Sau đó động cơ cánh phải nổ tung. Với trọng lượng hai bên cánh giảm đi, mũi máy bay hơi ngóc lên. Tôi kéo cần điều khiển ngày càng khó hơn. Mũi máy bay ngóc nhẹ lên nhưng cũng đã muộn, đã quá muộn. Chiếc máy bay đã bị bắn phá quá nhiều để có thể đáp ứng điều khiển. Tôi cố gắng làm chậm nó lại một chút, nhưng không đủ để hạ cánh như mong muốn. Mặt đất cứ như nâng cao lên; các bánh xe chạm vào mũi thậm chí còn bị dốc xuống nhiều hơn nữa. Tiếng kêu rãng rắc kinh khủng, và tiếng đò gỗ bị xé nát. Tôi cảm thấy dường như thế giới đang tan ra quanh tôi, cùng với chiếc ghế của phi công, tôi bắn ngay ra ngoài qua bụng của máy bay vào một đồng bốt mùi khó chịu. Chân tôi đau đớn không thể chịu đựng nổi, và trong một lúc tôi không còn biết gì nữa.

Không lâu sau, tôi tỉnh lại bởi vì tôi tiếng súng máy và tôi nhìn lên. Máy bay Nhật đang bay xuống; nhấp nháy ánh sáng đỏ từ họng súng. Chúng đang bắn vào đồng đờ nát của Abie Già, bắn để chắc chắn không còn ai sống sót trong đó. Lấp lóe ánh lửa nhỏ khởi đầu ở động cơ, động cơ duy nhất bên trái, chỗ mũi máy bay, rồi nó chạy xung quanh về phía khoang lái, nơi vải bạt đã bị thấm dẫm xăng. Bùng lên đột ngột ngọn lửa trắng kèm theo khói đen. Xăng đang chảy tràn ra mặt đất, và trông như thể ngọn lửa đang trút xuống theo vết xăng chảy. Sau đó, ngọn lửa nổ bùng lên, mảnh vỡ rơi xuống như mưa, và Abie đã không còn nữa. Cuối cùng, những chiếc máy bay Nhật hài lòng bay đi.

Lúc này tôi đã có thời gian để nhìn lại mình, và để xem tôi đang ở đâu. Tôi kinh dị thấy mình đang ở trong một con mương thoát nước sâu, của hệ thống thoát nước. Ở Trung Quốc rất nhiều các hệ thống cống rãnh mở không có nắp, và tôi đang ở trong một trong số đó. Mùi hôi thối đơn giản là kinh khủng, tôi tự an ủi với ý nghĩ là ít nhất thì ở chỗ này mình được cứu thoát khỏi đạn, cũng như lửa, của quân Nhật. Rất nhanh, tôi thoát ra khỏi chỗ ngồi rách nát của phi công. Tôi nhận thấy mình bị gãy cả hai mắt cá chân, nhưng với nỗ lực đáng kể tôi cố gắng bò trên tay và đầu gối, cào bới

đến vụn nát cả đất để lên đến bờ nương, và thoát ra khỏi mớ hỗn độn dính dáp của nước thải.

Trên bờ nương, ngay khi qua khỏi chỗ ngọn lửa vẫn đang chập chờn trên mặt đất còn dính xăng, tôi lại ngất một lần nữa vì đau đớn và kiệt sức, nhưng những cú đá mạnh vào hai bên sườn đã thức tỉnh tôi nhanh chóng. Những người lính Nhật đã bị những đốm lửa gây chú ý, và chúng đã tìm thấy tôi. “Ở đây có một người còn sống sót,” một giọng nói vang lên. Tôi mở mắt, và có một tên lính Nhật cầm một khẩu súng trường có lưỡi lê gắn trên đầu súng. Lưỡi lê đã được rút ra, sẵn sàng đâm vào tim tôi. “Tôi cần phải làm cho hấn tỉnh lại, để hấn biết hấn đang bị giết chết,” hấn nói với một tên lính khác, rồi hấn đâm vào tôi. Ngay lúc đó tên viên sĩ quan vội vã chạy tới. “Dừng lại”, hấn hét lên. “Hãy đưa hấn về trại. Chúng ta sẽ bắt hấn nói cho chúng ta người sử dụng chiếc máy bay này là ai, và tại sao chúng lại được bảo vệ như vậy. Hãy đưa hấn về trại. Chúng ta sẽ tra hỏi hấn.”

Vì vậy, tên lính đeo khẩu súng lên vai, và nắm lấy cổ áo tôi, kéo tôi đi theo. “Nặng thế, này. Hãy giúp tôi một tay,” hấn nói. Một trong những tên lính đến và đưa một tay tóm lấy tôi. Chúng cùng nhau kéo tôi theo, da chân tôi bị cào rách khi tôi bị kéo theo trên nền đất đá. Cuối cùng, tên sĩ quan, dường như đang đi kiểm tra theo thông lệ, quay trở lại. Gầm lên giận dữ, hấn quát, “Vác hấn ta lên.” Hấn nhìn lên cơ thể bê bết máu của tôi, và nhìn vết máu chảy dọc đường tôi vừa bị kéo qua, rồi hấn tát vào mặt hai tên lính gác. “Nếu hấn ta bị mất máu nữa sẽ không còn người để thẩm vấn, và tao sẽ cho hai đứa chúng mày phải chịu trách nhiệm,” hấn nói. Vì vậy, tôi được phép nằm nghỉ ngơi trên mặt đất một lúc, trong khi một trong số những tên lính đi tìm phương tiện vận chuyển, vì tôi là một người to lớn, khá cồng kềnh, và những tên lính Nhật lại rất bé nhỏ và không đáng kể.

Cuối cùng thì tôi cũng bị ném như một bao rác lên một chiếc xe cút kít một bánh, và đưa tới tòa nhà mà người Nhật sử dụng như một nhà tù. Ở đây tôi bị đổ khỏi xe, và một lần nữa tôi lại bị tóm cổ áo, kéo lê đến một căn phòng và vứt ở đó. Cánh cửa bị đóng sầm vào và khóa lại, những tên lính đứng gác bên ngoài. Sau một lúc, tôi ổn định lại mắt cá chân và đặt nẹp lên. Nẹp là những mẫu gỗ có trong phòng giam, thường được dùng trong nhà kho. Để buộc những miếng nẹp, tôi phải xé quần áo của mình.

Trong những ngày tôi nằm trong nhà tù, trong phòng giam đơn độc, chỉ có chuột và nhện làm bạn. Mỗi ngày uống hơn một lít nước và ăn những mẩu thức ăn thừa của lính gác vớt lại, những mẩu thừa mà có lẽ chúng đã cắn, và thấy không hài lòng, rồi nhổ ra. Nhưng nó là thực phẩm duy nhất mà tôi có. Tôi đã bị giam giữ ở đó khoảng hơn một tuần, vì những chỗ xương bị gãy của tôi đang lành dần. Sau đó, vào nửa đêm, cánh cửa phòng giam bật mở một cách thô bạo, và những tên lính Nhật bước vào âm ỉ. Tôi bị kéo đứng lên. Chúng phải đỡ tôi vì mắt cá chân tôi chưa đủ khỏe để đỡ trọng lượng cơ thể của tôi. Một tên sĩ quan đến và tát vào mặt tôi. “Tên của mày?” hắn nói. “Tôi là một nhân viên của quân đội Trung Quốc, và tôi là tù binh chiến tranh. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói,” tôi đáp lại. “NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG không được cho phép mình là tù nhân. Tù nhân chỉ là cặn bã mà không có quyền. Mày sẽ trả lời tao,” tên sĩ quan nói.

Nhưng tôi không trả lời. Vì thế chúng đánh tôi vào đầu bằng những thanh kiếm của chúng, chúng đâm tôi, đá tôi, và nhổ nước bọt vào tôi. Vì tôi vẫn nhất quyết không trả lời, chúng đốt tôi vào mặt và cơ thể bằng những đầu thuốc lá đang cháy, và đốt diêm giữa những ngón tay tôi. Việc đào tạo của tôi đã không vô ích. Tôi không nói gì, chúng không thể bắt tôi nói. Tôi chỉ giữ im lặng và đặt tâm trí của mình vào những suy nghĩ khác, biết rằng đó là cách tốt nhất để làm điều này. Cuối cùng một tên lính gác lấy báng súng trường thúc mạnh xuống lưng tôi, đánh gục tôi, và làm tôi choáng váng bằng một cú đánh tàn bạo. Tên sĩ quan bước ngang qua tôi, nhổ nước bọt vào mặt tôi, đá cho tôi một cú thật mạnh và nói, “Chúng tao sẽ quay lại, rồi mày sẽ phải nói.” Tôi đổ gục trên sàn nhà, vì vậy tôi cứ ở đó, cũng chẳng có chỗ nào khác để nghỉ ngơi.

Tôi cố gắng hồi phục sức khỏe của tôi một chút. Đêm đó không có sự quấy rầy nào nữa, tôi cũng không nhìn thấy ai ngày hôm sau, cũng không vào ngày hôm sau đó và hôm sau nữa. Trong ba ngày và bốn đêm tôi bị giam giữ không có thức ăn, không có nước uống và cũng không nhìn thấy bất cứ ai cả. Luôn trong tình trạng hồi hộp tự hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Vào ngày thứ tư, một tên sĩ quan lại đến, một tên khác và nói rằng chúng sẽ chăm sóc tôi, rằng chúng sẽ đối xử tốt với tôi, nhưng tôi, ngược lại, phải nói cho chúng về tất cả những gì tôi biết về Trung Quốc, về quân đội Trung Quốc và Tưởng Giới Thạch. Chúng nói rằng chúng đã biết được tôi là ai,

rằng tôi thuộc về giới quý tộc cao cấp đến từ Tây Tạng, và chúng muốn Tây Tạng thân thiện với chúng. Tôi tự nhủ thầm “Phải, chắc chắn chúng đang biểu lộ một hình thức đặc biệt của tình hữu nghị,” Tên sĩ quan cúi chào, quay đi và rời khỏi đó.

Trong một tuần, tôi được đối xử khá tốt, được cho ăn hai bữa mỗi ngày, và được cho nước uống, và đó là tất cả. Cho dù không đủ nước uống, cũng không đủ thức ăn, nhưng ít nhất chúng để cho tôi yên. Nhưng sau đó, ba tên trong số người của chúng cùng nhau đến, và nói rằng chúng sẽ đặt câu hỏi cho tôi, và tôi sẽ trả lời chúng. Chúng đưa một bác sĩ người Nhật đến cùng để khám cho tôi, và nói rằng tôi đang ở trong tình trạng rất xấu, nhưng tôi vẫn đủ khỏe để có thể thẩm vấn được. Anh ta nhìn mắt cá chân của tôi và nói rằng nếu sau này tôi vẫn có thể đi được thì thật là điều kỳ diệu. Sau đó chúng kiêu cách cúi chào tôi và cúi chào lẫn nhau, rồi lữ lượt đi ra giống như một nhóm nam sinh. Một lần nữa cửa phòng giam kêu ầm ĩ phía sau chúng, và tôi biết rằng chỉ lát nữa, trong ngày hôm đó, tôi sẽ phải đối mặt với cuộc thẩm vấn lần nữa. Tôi trấn tĩnh tâm trí mình, và xác định rằng cho dù chúng có làm bất cứ điều gì, tôi cũng sẽ không phản bội đất nước Trung Quốc.

CHƯƠNG VIII: KHI THẾ GIỚI CÒN NON TRẺ

Đầu buổi sáng hôm sau, rất lâu trước khi những tia sáng đầu tiên của ánh bình minh xuất hiện trên bầu trời, cánh cửa phòng giam bật mở một cách thô bạo, bị giật đập vào tường đá kêu ầm ĩ. Những tên lính gác xông vào, tôi bị kéo đứng lên, và ba hay bốn tên lính gác xô lắc dữ tợn. Sau đó, chúng còng tay tôi lại, và tôi bị lôi ra khỏi phòng giam, dường như đó là con đường dài, rất dài. Những tên lính gác không ngừng thúc tôi đi bằng báng súng, cũng không nhẹ nhàng chút nào. Mỗi lần làm như vậy, mà điều đó quá thường xuyên, chúng hét lên, “Hãy trả lời ngay, mày là kẻ thù của hòa bình. Chúng tao sẽ moi được sự thật từ mày.”

Cuối cùng, chúng tôi đã đến Phòng Thăm vấn. Ở đây có một nhóm các sĩ quan đang ngồi thành hình bán nguyệt, trông dữ tợn, hoặc cố gắng để trông có vẻ dữ tợn. Trên thực tế, đối với tôi, chúng cứ như là một băng đảng của các nam sinh cư xử tàn bạo. Chúng cúi chào kiểu cách khi tôi bị đưa vào phòng.

Sau đó, một sĩ quan cao cấp, một đại tá, thúc tôi nói sự thật. Hắn ta bảo đảm với tôi rằng người dân Nhật Bản rất thân thiện, và yêu chuộng hòa bình. Nhưng tôi, hắn nói, là một kẻ thù của người dân Nhật Bản bởi vì tôi đang cố gắng chống lại quá trình đưa hòa bình đến với Trung Quốc. Trung Quốc, hắn nói với tôi, cần phải là thuộc địa của Nhật Bản, bởi vì đất nước Trung Quốc không văn minh! Hắn tiếp tục, “Nhật bản chúng tôi là những người bạn thực sự của hòa bình. Anh cần phải nói cho chúng tôi mọi điều. Hãy nói cho chúng tôi biết về những sự di chuyển của Trung quốc, và về sức mạnh của họ, và các cuộc trao đổi của anh với Tưởng Giới Thạch, để chúng tôi có thể đề bẹp sự nổi loạn của Trung Quốc mà không mất đi những người lính của chúng tôi.” Tôi nói, “Tôi là một tù binh chiến tranh, và yêu cầu được đối xử như vậy. Tôi không có gì để nói hơn nữa.” Hắn nói, “Chúng tôi phải nhìn thấy mọi người được sống trong hòa bình dưới sự che chở của Thiên Hoàng. Chúng tôi sẽ có một đế chế Nhật Bản mở rộng. Anh sẽ nói sự thật.” Chúng không nhẹ nhàng chút nào cả trong phương pháp thăm vấn. Chúng

cần thông tin, và chúng không quan tâm những gì chúng làm để có được thông tin đó.

Tôi từ chối nói bất cứ điều gì, vì vậy chúng đánh tôi, đập xuống thật mạnh bằng báng súng trường một cách tàn bạo lên ngực, lưng hoặc đầu gối tôi. Sau đó, tôi bị lính kéo chân ra để chúng tiếp tục đánh xuống. Sau nhiều, rất nhiều giờ, trong thời gian đó tôi bị đốt cháy bằng đầu thuốc lá, chúng quyết định sử dụng các biện pháp mạnh hơn nữa. Tôi bị trói tay và chân, rồi kéo lê trở về phòng giam. Ở đây, tôi tiếp tục bị trói tay chân trong vài ngày. Phương pháp của bọn Nhật là hành hạ tù nhân thật đau đớn. Cổ tay tôi bị buộc lại với nhau ở sau gáy. Sau đó cổ chân tôi bị buộc với cổ tay, và chân bị gập lại ở đầu gối, để lòng bàn chân cũng úp vào gáy. Sau đó, một sợi dây thừng đi qua từ cổ chân và cổ tay trái vòng quanh cổ tôi, và đi xuống buộc vào cổ chân và cổ tay phải, để nếu như tôi cố gắng nói lòng tự ái của mình thì tôi cũng đồng thời chẹn vào cổ mình. Đó thực sự là một quá trình đau đớn, không ngừng như một cánh cung căng thật mạnh. Thường xuyên có một tên lính gác đi vào và đá tôi chỉ để xem có gì xảy ra không.

Trong vài ngày tôi bị giữ như vậy, không cởi trói dù chỉ nửa giờ một ngày; trong vài ngày chúng giữ tôi như vậy, và chúng không ngừng đến và hỏi thông tin. Tôi không kêu một tiếng và trả lời không gì khác hơn, “Tôi là một nhân viên quân đội Trung Quốc, không phải là sĩ quan chiến đấu. Tôi là một bác sĩ và là một tù nhân chiến tranh. Tôi không có gì để nói hơn nữa.”

Cuối cùng, chúng phát mệt vì tra hỏi tôi, vì thế chúng mang tới trong một cái ống, và đổ thật mạnh nước cay vào lỗ mũi tôi. Tôi cảm thấy như thể toàn bộ óc tôi bốc lửa. Cứ như là những con quỷ đang tiếp thêm những ngọn lửa bên trong tôi. Nhưng tôi không nói, và chúng không ngừng gia tăng các biện pháp mạnh dùng trái ớt và nước, và thêm cả mù tạt. Cái đau thật không thể tưởng tượng được. Cuối cùng, máu tươi ộc ra từ miệng tôi. Ớt đốt sạch niêm mạc mũi tôi. Tôi đã cố gắng sống sót trong mười ngày, và tôi nghĩ rằng chúng nhận thấy phương pháp đó sẽ làm tôi không nói được, vì thế, khi nhìn thấy máu tươi, chúng bỏ đi.

Hai hoặc ba ngày sau đó, chúng tôi lại đến chỗ tôi, và mang tôi đến phòng thẩm vấn. Tôi bị khênh đi, bởi vì tôi không thể bước đi được cho dù tôi đã

cố gắng, cho dù bị đánh đập bằng báng súng và thúc bằng lưỡi lê. Tay và chân tôi bị trói quá lâu nên không thể cử động được. Bên trong phòng thẩm vấn, tôi vừa bị ném vào, và những tên lính gác, bốn tên trong số chúng, giữ tôi đứng trước những tên sĩ quan đang ngồi thành một vòng tròn bán nguyệt. Lúc này, chúng có trước mặt nhiều dụng cụ lạ mà tôi, từ những nghiên cứu của mình, biết đó là những dụng cụ để tra tấn “Mày sẽ nói cho chúng tao sự thật ngay bây giờ, và đừng có làm lãng phí thời gian của chúng tao,” tên đại tá nói. “Tôi đã nói tôi là một nhân viên của quân đội Trung Quốc.” Đó là tất cả những gì tôi đáp lại.

Những tên người Nhật đỏ mặt lên vì giận dữ, và theo mệnh lệnh, tôi bị trói chặt vào một cái bảng với hai cánh tay dang rộng như thể tôi đang trên thập tự giá. Một mảnh tre dài bị cắm vào dưới những móng tay tôi, sâu đến tận khớp ngón út, sau đó chúng quay những mảnh tre. Thực sự đau đớn, nhưng điều đó cũng vẫn không mang lại cho chúng câu trả lời. Vì thế lũ lính gác nhanh chóng rút các mảnh tre ra, và sau đó một cách từ từ, từng móng tay của tôi lần lượt bị tách ngược ra sau.

Nỗi đau thực sự tồi tệ. Còn tệ hơn nữa khi lính Nhật nhỏ nước muối vào những đầu ngón tay đang chảy máu. Tôi biết rằng tôi không được nói và không được phản bội những người bạn của mình, và vì thế tôi gọi bằng tư tưởng xin lời khuyên của Thầy tôi, Đại Đức Lạt Ma Mingyar. “Đừng tập trung vào chỗ đau, Lobsang, vì nếu con làm thế tức là con tập trung tất cả năng lượng của con vào chỗ đó, và khi đó sẽ đau không thể chịu được. Thay vào đó hãy nghĩ đến những điều gì đó khác. Hãy kiểm soát tâm trí của con, và hãy nghĩ về những điều khác, bởi vì nếu con làm như vậy con cũng vẫn sẽ có những cơn đau và có những hậu quả của cơn đau, nhưng con sẽ có thể chịu đựng được. Dường như chỉ là điều gì đó âm thầm.” Vì vậy, để giữ cho mình sáng suốt, và tránh đưa ra những cái tên và thông tin tôi đặt tâm trí mình vào những điều khác. Tôi nghĩ về quá khứ, về nhà tôi ở Tây Tạng, và về Thầy của tôi. Tôi nghĩ về sự khởi đầu của những điều tôi đã biết khi còn ở Tây Tạng.

Bên dưới cung điện Potala là những đường hầm bí ẩn bị che giấu, những đường hầm có thể nắm giữ chìa khóa về lịch sử của thế giới. Những điều này làm tôi quan tâm, chúng hấp dẫn tôi, và nó có thể là mối quan tâm để

gợi nhớ lại một lần nữa những gì tôi đã nhìn thấy và đã học ở đó, vì đó là kiến thức mà người phương Tây rõ ràng là không thể chiếm giữ.

Tôi nhớ lúc đó tôi còn là một tu sĩ rất trẻ đang được đào tạo. Đấng Thái Tuế, Đức Đạt Lai Lạt Ma, đã sử dụng sự giúp ích bằng khả năng thấu thị của tôi ở cung điện Potala, Ngài rất hài lòng về tôi và đã ban thưởng cho tôi được phép đi thăm quan cung điện. Một hôm, Thầy của tôi, Lạt Ma Mingyar Đại Đức, cho gọi tôi, “Lobsang, ta đã suy nghĩ nhiều về quá trình phát triển của con, và đi đến kết luận rằng con đang ở độ tuổi và đã đạt được một trạng thái phát triển mà con có thể học với ta các tác phẩm trong các hang động bí ẩn. Đi nào!”

Người đứng dậy, và cùng với tôi ở bên Người, chúng tôi cùng đi ra khỏi phòng, xuống hành lang, xuống rất nhiều bậc, đi qua các nhóm các nhà sư đang làm công việc hàng ngày của họ, đang giải quyết các công việc trông nom chăm sóc bên trong cung điện Potala. Cuối cùng, sâu xuống trong bóng tối của núi, chúng tôi đến một căn phòng nhỏ tách ra phía bên phải của hành lang. Ít ánh sáng chiếu qua cửa sổ ở đây. Bên ngoài những lá cờ nghi lễ cầu nguyện bay phấp phật trong gió. “Chúng ta sẽ vào đây, Lobsang, để chúng ta có thể khám phá những khu vực mà chỉ có vài vị Lạt Ma có quyền vào.”

Trong căn phòng nhỏ, chúng tôi cầm những chiếc đèn từ trên các kệ, và đổ đầy bơ. Sau đó, mỗi người chúng tôi cầm theo một chiếc để dự phòng. Những chiếc đèn chính đã được thắp sáng, và chúng tôi bước ra ngoài, đi xuống hành lang, Thầy tôi đi trước dẫn đường. Chúng tôi tiếp tục đi xuống, xuống hành lang, cứ đi xuống mãi. Ở cuối quãng đường dài, chúng tôi đến một căn phòng. Đối với tôi, nơi đây dường như kết thúc hành trình. Nơi đó là một kho chứa. Những hình dáng kỳ lạ, những hình ảnh, những đồ vật linh thiêng, và các vị thần ngoại quốc, những quà tặng từ khắp nơi trên thế giới. Đây là nơi mà Đức Đạt Lai Lạt Ma cất những quà tặng mà Ngài chưa sử dụng ngay.

Tôi nhìn quanh một cách tò mò mãnh liệt. Tôi không nhìn thấy điều gì có ý nghĩa ở đây. Tôi nghĩ chúng tôi sẽ khám phá, và nơi đây chỉ là phòng chứa đồ. “Thưa Thầy,” tôi nói, “chắc là chúng ta đã nhầm đường khi đến đây chẳng?” Thầy nhìn tôi và mỉm cười nhân từ. “Lobsang, Lobsang, con nghĩ

ta nhầm đường thật sao?" Thầy mỉm cười khi quay đi, và bước đến bức tường phía xa.

Trong một lát, Thầy nhìn quanh và sau đó làm một cái gì đó.

Tôi đứng đủ xa để có thể thấy Thầy đang phí thời gian với cái hình mẫu nào đó trên tường, một vài chỗ lồi lên bằng thạch cao như được tạo ra bởi bàn tay thiếu sinh khí lay lắt nào đó. Cuối cùng, một tiếng động âm âm như thể đá đang rơi xuống và tôi quay tròn trong hoảng hốt, nghĩ rằng có lẽ trần nhà đang sập xuống hoặc sàn nhà đang sụp đổ. Thầy tôi bật cười. "Ồ, không, Lobsang, chúng ta rất an toàn, hoàn toàn an toàn. Đây là nơi chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình của mình. Đây là nơi chúng ta bước vào một thế giới khác. Một thế giới mà ít người đã thấy. Hãy đi theo Thầy."

Tôi nhìn kinh ngạc. Một phần của bức tường trượt sang một bên để lộ ra một cái hố tối om. Tôi có thể thấy một con đường bụi bặm đi từ căn phòng vào đó, rồi biến mất trong tối tăm u ám. Cảnh tượng làm cho tôi chôn chân tại chỗ trong kinh ngạc, "Nhưng thưa Thầy!" Tôi kêu lên, "không có một dấu hiệu nào của cái cửa ở đó cả. Nó đã xảy ra như thế nào?" Thầy bật cười và nói, "Đây là một lối vào đã được làm từ nhiều thế kỷ trước. Bí mật của nó đã được giữ gìn cẩn mật. Trừ những người được biết, người ta không thể mở cánh cửa này, và dù tìm kiếm như thế nào đi chăng nữa, cũng không có dấu hiệu của khớp nối hoặc vết nứt nào cả. Nhưng nào, Lobsang, chúng ta sẽ không thảo luận về cách thức xây dựng. Chúng ta đang lãng phí thời gian. Con sẽ còn thấy nơi này thường xuyên." Cùng lúc đó, Người quay đi và dẫn đường đi vào cái hố đó, đi vào con đường hầm bí ẩn ở xa phía trước. Tôi đi theo sau lo lắng.

Thầy để cho tôi đi qua, sau đó Người quay lại và thao tác cái gì đó. Một lần nữa vang lên tiếng âm âm, và tiếng rít kèn kẹt đáng lo ngại, toàn bộ bức tường bằng đá trượt trước mắt tôi và che kín cái hố. Bây giờ chúng tôi ở trong bóng tối, chỉ còn được chiếu sáng bằng những tia sáng nhấp nháy ánh lửa màu vàng của ngọn đèn chúng tôi mang theo. Thầy vượt qua tôi, và đi tiếp. Những bước chân của Người, mặc dù đã được làm cho bớt tiếng kêu, vẫn vang vọng lạ kỳ từ các vách đá, tiếp tục vang mãi. Người tiếp tục đi mà không nói gì. Có lẽ chúng tôi đã đi hơn một dặm¹⁹, sau đó đột nhiên mà không báo trước, đột ngột đến nỗi tôi va vào Thầy với tiếng kêu kinh ngạc,

vị lạt ma phía trước tôi dừng lại. “Ở đây chúng ta cần đổ thêm bơ vào đèn, Lobsang, và cho vào những cái bắc to hơn. Chúng ta cần ánh sáng bây giờ. Hãy làm như Thầy, và sau đó chúng ta sẽ tiếp tục hành trình.”

Lúc này chúng tôi đã có ngọn lửa sáng hơn để chiếu sáng đường đi, và chúng tôi tiếp tục chặng đường rất dài, dài đến nỗi tôi cảm thấy mệt và sốt ruột. Sau đó tôi để ý và nhận thấy rằng lối đi trở nên rộng hơn và cao hơn. Như thể chúng tôi đang đi dọc theo đoạn cuối hẹp của một cái phễu, đến gần cuối rộng hơn. Chúng tôi đi quanh một cái hành lang và tôi kêu lên kinh ngạc. Tôi thấy trước mắt mình một cái hang động rộng lớn. Từ mái và vách hang có vô số điểm sáng vàng, ánh sáng phản chiếu từ những ngọn đèn bơ của chúng tôi. Hang động xuất hiện mênh mông. Ánh sáng yếu ớt của chúng tôi chỉ càng làm nổi bật vẻ rộng lớn bao la và bóng tối của nó.

Thầy đi đến bên một khe hở ở bên trái lối đi, và với một tiếng rít chói tai, Người kéo ra một vật gì đó ống hình trụ lớn bằng kim loại. Nó có lẽ cao bằng nửa chiều cao một người đàn ông, và rộng bằng chỗ lớn nhất của một người. Nó tròn, và có một thiết bị ở trên đỉnh mà tôi không hiểu, có lẽ là một cái lưới trắng, nhỏ. Lạt ma Mingyar Đại Đức làm cái gì đó với vật này, sau đó chạm cây đèn bơ của Người vào đỉnh của nó. Ngay lúc đó, một ngọn lửa trắng vàng sáng bừng lên giúp tôi có thể nhìn thấy được rõ ràng. Có một tiếng xì khe khẽ từ ánh sáng, như là nó đang được thoát ra khỏi sức ép. Thầy tôi tắt những ngọn đèn bơ nhỏ của chúng tôi sau đó. “Chúng ta sẽ có đủ ánh sáng nhờ cái này, Lobsang, chúng ta sẽ mang nó theo cùng. Thầy muốn con được học một vài điều lịch sử từ những thời đại xa xưa.”

Tôi đi về phía trước kéo theo chiếc đèn sáng rực rỡ tuyệt vời này, cái hộp lửa này, trên một vật giống như cái búa nhỏ. Nó di chuyển một cách dễ dàng. Chúng tôi tiếp tục đi xuống con đường một lần nữa, ngày càng đi xuống, cho tới khi tôi nghĩ rằng chắc chúng tôi phải xuống đến lòng trái đất rồi. Cuối cùng thì Thầy cũng dừng bước. Phía trước tôi là bức tường màu đen, lốm đốm những mảng vàng lớn trên đó, và trên vàng là những bức chạm khắc, hàng trăm, hàng nghìn bức. Tôi ngắm nhìn chúng, sau đó tôi nhìn sang phía bên kia. Tôi có thể nhìn thấy ánh sáng lung linh màu đen của nước, như thể trước mắt tôi là một cái hồ nước lớn.

“Lobsang, hãy tập trung vào đây. Con sẽ biết về điều đó sau này. Thầy muốn nói với con một chút về nguồn gốc của Tây Tạng, nguồn gốc của những điều mà trong những năm sau này, con có thể tự mình kiểm tra khi con tham gia một chuyến thám hiểm mà hiện nay ta đang lên kế hoạch.”
Thầy nói, “Khi con đi xa xứ sở của chúng ta, con sẽ thấy những người không biết gì về chúng ta nói rằng người Tây Tạng hoang dã dốt nát, những kẻ tôn thờ quỷ dữ và ham mê những nghi lễ không thể tưởng tượng nổi. Nhưng Lobsang, chúng ta có nền văn hóa lâu đời hơn bất cứ dân tộc nào ở phương Tây, chúng ta có hồ sơ được cất giấu cẩn thận và bảo quản từ trước qua nhiều niên đại.”

Thầy đi ngang qua tới bên những chữ khắc và chỉ ra những hình vẽ khác nhau, những biểu tượng khác nhau. Tôi nhìn thấy những bản vẽ của con người, của động vật – những loài động vật không phải như chúng ta biết ngày nay – và sau đó Người chỉ ra bản đồ của bầu trời, nhưng bản đồ mà tôi thậm chí cũng biết không phải của thời đại ngày nay, bởi vì các vì sao được biểu thị khác và ở các vị trí sai. Vị lạt ma dừng lại, và quay sang tôi, “Thầy hiểu điều này, Lobsang, Thầy đã được dạy ngôn ngữ này. Bây giờ Thầy sẽ đọc cho con, đọc cho con câu chuyện lâu đời này, và sau đó, trong những ngày tới đây, Thầy và các vị lạt ma khác sẽ dạy cho con ngôn ngữ bí truyền này để con có thể tới đây và tự ghi chép, hãy giữ những tài liệu nghiên cứu của con, và tự rút ra kết luận cho riêng mình. Nó có nghĩa là học, học và học. Con sẽ phải đến và khám phá những hang động này vì còn có nhiều hang động nữa và chúng còn mở rộng hàng dặm bên dưới chúng ta.”

Trong một lúc, Người đứng nhìn vào những chữ khắc. Sau đó, Người đọc cho tôi nghe một phần của quá khứ. Phần lớn những gì Người nói sau đó, và rất nhiều hơn nữa những gì mà tôi đã nghiên cứu về sau, chỉ đơn giản là không thể đưa ra trong một cuốn sách như thế này. Người đọc thông thường sẽ không tin, và nếu anh ta có tin và anh biết một vài điều bí mật, sau đó anh ta có thể làm như những người khác đã làm trong quá khứ; sử dụng các thiết bị mà tôi đã nhìn thấy vì lợi ích của riêng mình, để giành lấy quyền làm chủ đối với những người khác, và để tiêu diệt những người khác như những quốc gia hiện này đang đe dọa tiêu diệt lẫn nhau bằng bom nguyên tử. Bom nguyên tử không phải là một khám phá mới. Nó đã được phát hiện ra từ hàng ngàn năm trước, và nó đã mang lại thảm họa cho trái đất sau đó,

cũng như nó sẽ làm bây giờ nếu con người không chấm dứt sự điên rồ của mình.

Trong từng tôn giáo trên thế giới, trong từng giai đoạn lịch sử của mỗi bộ tộc và quốc gia, đều có câu chuyện về Nạn Hồng Thủy, về thảm họa mà trong đó các dân tộc đã bị chìm ngập, thảm họa mà trong đó những xứ sở bị chìm và những vùng đất dâng lên, và trái đất ở trong tình trạng hỗn loạn. Điều đó có trong lịch sử của người dân Incas, người Ai Cập, các tín đồ Kito giáo, tất cả mọi người. Điều đó, như chúng ta biết, bị gây ra bởi bom; nhưng hãy để tôi nói với các bạn nó đã xảy ra như thế nào, theo những chữ khắc đã kể lại.

Thầy tôi an tọa trong tư thế hoa sen, đối diện với những dòng chữ khắc trên đá, với ánh sáng rực rỡ ở phía sau Người tỏa ánh sáng vàng chói ngời trên những bản khắc lâu đời. Người ra hiệu cho tôi cùng ngồi. Tôi ngồi bên cạnh Người, để tôi có thể nhìn thấy các nét đặc biệt mà Người chỉ. Khi tôi đã an tọa, Người bắt đầu nói, và đây là những gì Người đã nói với tôi.

“Trong những ngày rất, rất xa xưa, trái đất ở một vị trí rất khác. Nó quay tròn rất gần mặt trời, và theo hướng ngược lại, và có một hành tinh khác gần đó, một cặp sinh đôi của trái đất. Ngày ngắn hơn, và do vậy loài người dường như sống lâu hơn, đến hàng trăm năm. Khí hậu nóng hơn, và hệ thực vật nhiệt đới và phong phú. Quần thể động vật có kích thước rất lớn và đa dạng. Lực hấp dẫn yếu hơn nhiều so với ngày nay do tỷ lệ vòng quay của Trái đất khác nhau, và loài người có lẽ to gấp đôi loài người ngày nay, mà thậm chí loài người ngày nay là người lùn khi so sánh với chủng tộc tương tự sống cùng thời. Trên trái đất còn có những chủng tộc khác siêu việt hơn. Họ giám sát trái đất và dạy bảo cho loài người nhiều điều. Loài người mà sau đó giống như một bầy người, một lớp học được một giáo viên tốt bụng dạy dỗ. Những người khổng lồ này đã dạy dỗ loài người rất nhiều. Họ thường nhận được nghề mới về kim loại sáng bóng và có thể di chuyển nhanh chóng trên bầu trời. Loài người, loài người dốt nát đáng thương, vẫn còn trên ngưỡng cửa buổi đầu bình minh, không thể hiểu được gì cả, vì khả năng hiểu biết của loài người không nhiều hơn so với loài khi.

“Trong nhiều vô kể niên đại, sự sống trên trái đất diễn biến bình yên. Muôn loài sống trong hòa bình và hòa hợp. Loài người có thể trò chuyện bằng

thần giao cách cảm mà không cần lời nói. Họ chỉ sử dụng lời nói trong các cuộc chuyện trò của các cư dân trong vùng. Sau đó những người siêu việt, mà họ đông hơn loài người rất nhiều, mâu thuẫn. Lực lượng chống đối tăng lên trong nội bộ của họ. Họ có thể không nhất trí về một vài quan điểm giống như các chủng tộc ngày nay có thể bất đồng ý kiến.

“Một nhóm đã bỏ đi đến một nơi khác của thế giới, và cố gắng để cai trị. Xung đột xảy ra. Một số siêu nhân giết nhau, và họ tiến hành những cuộc chiến khốc liệt, và cố gắng hủy diệt lẫn nhau. Loài người, mong muốn học hỏi, học được cả nghệ thuật chiến tranh; học giết chóc. Vì thế mà trái đất trước đây là một nơi yên bình, trở thành một nơi rối loạn. Trong một thời gian, trong một vài năm, các siêu nhân làm việc trong bí mật, một nửa trong số họ chống lại một nửa kia. Một ngày nọ, có một vụ nổ rất lớn, toàn bộ trái đất rung chuyển và thay đổi hướng đi của mình. Những ngọn lửa khủng khiếp bắn lên bầu trời, và trái đất bị bao bọc trong khói mịt mù.

“Cuối cùng sự náo loạn cũng lắng xuống, nhưng sau nhiều tháng, những dấu hiệu lạ xuất hiện trên bầu trời, những dấu hiệu làm cho loài người của trái đất kinh hoàng. Một hành tinh đang đến gần, và ngày càng to lên rất nhanh. Rõ ràng là nó sẽ đâm vào trái đất. Xuất hiện thủy triều lớn, và gió đến cùng với nó, rồi ngày và đêm luôn lấp đầy những trận bão tố gào thét đầy giận dữ. Hành tinh xuất hiện bao trùm toàn bộ bầu trời, cho đến khi, cuối cùng, nó dường như sắp sụp đổ thẳng vào trái đất. Khi hành tinh ngày càng gần hơn nữa, sóng thần xuất hiện và chìm toàn bộ những vùng đất rộng. Động đất rung chuyển toàn bộ bề mặt của địa cầu, các châu lục bị nuốt gọn trong nháy mắt.

“Các chủng tộc siêu nhân quên cả cãi vã, họ vội vã đến các máy sáng loáng của họ. và bay lên bầu trời, tăng tốc rời khỏi tình trạng rắc rối đang xảy ra trên trái đất. Nhưng trên trái đất, những trận động đất vẫn cứ tiếp diễn; những ngọn núi dâng cao lên, đáy biển cũng nổi lên cùng với chúng; các vùng đất lún xuống và chìm ngập trong nước; loài người lúc đó chạy trốn trong sợ hãi, điên cuồng với nỗi sợ những điều mà họ nghĩ là tận thế, và gió không ngừng mạnh lên khủng khiếp, sự náo động và tiếng la hét khó mà chịu đựng được, tiếng ồn ào và tiếng la hét dường như làm vỡ các dây thần kinh và khiến cho con người phát điên cuồng.

“Hành tinh đang đến ngày càng gần hơn và lớn hơn, cho đến khi, cuối cùng, nó đến trong một khoảng cách nào đó và có một vụ va chạm khủng khiếp, và một tia lửa điện sống động mạnh mẽ bắn ra từ đó. Bầu trời bốc cháy với những tia lửa bắn ra liên tục, và những đám mây bụi than đen hình thành và biến ngày thành đêm liên tục đáng sợ kinh khủng. Dường như mặt trời tự nó đứng yên vì sự kinh hoàng với tai ương, theo các hồ sơ, trong rất, rất nhiều ngày, quả bóng mặt trời màu đỏ vẫn đứng đó, màu đỏ máu với những lưỡi lửa lớn đang bắn ra từ nó. Sau đó, cuối cùng, những đám mây đen dày đặc và tất cả đều là đêm tối. Những cơn gió trở nên lạnh buốt, sau đó thì nóng; hàng nghìn người chết vì sự thay đổi nhiệt độ và lại thay đổi lần nữa. Thực phẩm của các vị Thần, mà một số người gọi là lương thực trời cho, đã giảm. Không có nó, con người của trái đất, và cả các loài động vật trên thế giới, sẽ bị bỏ đói thông qua sự hủy diệt các loại cây trồng, thông qua việc tước đoạt tất cả các loại thực phẩm khác.

“Những người đàn ông và phụ nữ lang thang đi từ nơi này đến nơi khác tìm kiếm nơi trú ẩn, tìm kiếm bất cứ nơi nào mà cái cơ thể mệt mỏi vì bão tố, vì bị tra tấn bởi tình trạng hỗn loạn của họ có thể nghỉ ngơi; cầu nguyện cho sự thanh bình, hy vọng sẽ được cứu vớt. Nhưng mặt đất rung chuyển và vỡ vụn, những cơn mưa đổ xông, và từ vũ trụ luôn đổ đến những tiếng nước chảy và những tia lửa điện. Thời gian trôi qua, khi những đám mây đen nặng nề trôi đi, mặt trời hiện ra trở nên nhỏ hơn. Nó dường như lùi xa dần, và loài người trên thế giới kêu khóc vì sợ. Họ nghĩ Thần Mặt Trời, Đấng ban cho Sự Sống, đang rời bỏ họ. Nhưng điều lạ là mặt trời vẫn còn đó bây giờ di chuyển trên bầu trời từ đông sang tây, thay vì từ tây sang đông như trước đây.

“Con người mất dấu vết của thời gian. Với sự che khuất mặt trời, không có phương pháp cho phép họ có thể xác định được thời gian đã qua; ngay cả những người khôn ngoan cũng không biết những sự kiện này đã xảy ra bao lâu rồi. Một điều lạ khác nữa trên bầu trời; xuất hiện một thế giới, một thế giới khá lớn, màu vàng, lồi lõm mà nó dường như sắp sửa rơi xuống trái đất. Hành tinh này chúng ta bây giờ đã biết, vì mặt trăng xuất hiện vào thời gian đó, như dấu tích từ vụ va chạm của hai hành tinh. Những giống dân sau này đã tìm thấy chỗ sụp xuống trên mặt đất, ở Siberia, nơi có lẽ bề mặt

trái đất bị hư hại bởi sự cọ sát vào nhau của một thế giới khác, hoặc thậm chí là một vị trí mà từ đó mặt trăng bị bật ra.

“Trước khi va chạm, có những thành phố và các tòa nhà cao ốc thể hiện nhiều kiến thức của Giống dân Vĩ đại hơn. Chúng đã bị sụp đổ trong cuộc khủng hoảng, và chỉ còn là đồng đống nát, che đậy tất cả những tri thức bị giấu kín đó. Những người khôn ngoan của các bộ tộc biết rằng trong những đồng đống nát đó là những chiếc hộp chứa các mẫu vật và sách về chạm khắc kim loại. Họ biết rằng tất cả những kiến thức trên thế giới nằm bên trong những đồng rác đó, và vì thế họ quyết tâm đào, và khai thác, để xem những gì có thể được lưu lại trong hồ sơ, để họ có thể tăng thêm sức mạnh của riêng họ bằng cách sử dụng những kiến thức của các Chủng tộc Vĩ đại.

“Trong suốt những năm sau đó, ngày càng trở nên dài hơn, cho đến khi ngày dài gần như gấp đôi so với trước khi thiên tai xảy ra, và sau đó trái đất ổn định trong quỹ đạo mới của nó, kèm theo đó là mặt trăng của nó, mặt trăng, một sản phẩm của vụ va chạm. Nhưng trái đất vẫn còn rung chuyển và tiếng âm ầm, núi tiếp tục dâng cao và phun ra lửa và đá, và cả sự tàn phá.

“Những dòng sông nham thạch lớn xuất hiện đột ngột đổ xuống sườn những ngọn núi mà không có bất cứ dấu hiệu cảnh báo nào, phá hủy toàn bộ những gì nằm trên đường chúng đi qua, thường cuốn theo các chứng tích và các nguồn kiến thức, đối với kim loại cứng mà trên đó nhiều tài liệu đã được viết không bị tan chảy vì nham thạch, mà còn được nó bảo vệ, được bảo quản trong một vỏ bọc bằng đá xốp, theo dòng thời gian, bị xói mòn dần, do vậy những tài liệu chứa bên trong chúng sẽ bị tiết lộ và rơi vào tay những người mà họ sẽ sử dụng chúng. Nhưng cũng phải thời gian rất lâu sau đó. Dần dần, khi trái đất trở nên ổn định hơn trong quỹ đạo mới của nó, cái lạnh len lỏi khắp nơi trên thế giới, và động vật chết hoặc di chuyển đến những khu vực ấm áp hơn. Voi ma mút và khủng long chết vì chúng không thể thích nghi được với những cách thức mới của sự sống. Băng giá rơi từ trên trời xuống, và gió trở nên rét buốt. Lúc này có nhiều mây, trong khi trước đó gần như không có. Thế giới là một nơi rất khác; biển có sóng; trước đó chúng là những hồ nước yên ả, không gợn sóng ngoại trừ khi có làn gió nhẹ ngang qua.

“Bây giờ, những con sóng lớn quất lên trời, trong nhiều năm thủy triều mênh mông và đe dọa nhấn chìm đất đai và con người. Bầu trời nhìn cũng khác. Vào ban đêm, những ngôi sao lạ xuất hiện tại vị trí của những ngôi sao quen thuộc và mặt trăng rất gần. Các tôn giáo mới phát triển vì các tu sĩ lúc đó cố gắng duy trì quyền lực và lợi ích của họ đối với những gì đang xảy ra. Họ quên nhiều về các giống dân vĩ đại, họ chỉ nghĩ đến quyền lực của họ, đến những điều quan trọng của riêng họ. Nhưng họ không thể nói điều này xuất hiện như thế nào, hay điều khác đã xảy ra ra sao. Họ đổ vấy nó cho con thịnh nộ của Chúa Trời, và dạy rằng con người được sinh ra trong tội lỗi.

“Thời gian trôi qua, trái đất ổn định trong quỹ đạo mới của nó, và thời tiết trở nên yên ả hơn, con người nhỏ hơn và ngắn hơn. Nhiều thế kỷ trôi qua, và các vùng đất trở nên ổn định hơn. Nhiều chủng tộc mới xuất hiện như thể qua kính nghiệm, đấu tranh, thất bại và mất mát, được thay thế bằng những con người khác. Cuối cùng một loài người mạnh mẽ hơn phát triển, và một nền văn minh bắt đầu lại, nền văn minh mà nó mang theo từ những ngày đầu non trẻ của mình ký ức chủng tộc về thiên tai thảm khốc nào đó, và một vài trí tuệ mạnh mẽ hơn đã thực hiện việc nghiên cứu để tìm hiểu về điều gì đã thực sự xảy ra.

“Cho tới lúc này, gió và mưa đã có tác động, các hồ sơ cổ bắt đầu lộ ra từ đá nham thạch đổ nát, và trí tuệ của con người trên trái đất phát triển hơn, bây giờ đã có thể thu thập những hồ sơ này và đặt chúng trước những nhà thông thái của họ, những người sau thời gian rất dài, với vô vàn những nỗ lực lớn lao, đã có thể giải mã một vài tác phẩm. Một số ít trong các hồ sơ đã trở nên rõ ràng, và các nhà khoa học hiện thời đã bắt đầu hiểu được chúng, họ bắt đầu điên cuồng tìm kiếm những hồ sơ khác mà cùng với nó mới có được sự hướng dẫn đầy đủ, và lấp được những khoảng trống. Các cuộc khai thác lớn đã được tiến hành, và nhiều tri thức đã được làm sáng tỏ. Sau đó nền văn minh mới đã thực sự xuất hiện. Các đô thị, thành phố đã được xây dựng, nền khoa học bắt đầu gấp rút đi đến hủy diệt. Luôn nhấn mạnh vào sự hủy diệt, sau khi những nhóm nhỏ đạt được quyền lực. Nhìn thấy hoàn toàn rõ ràng rằng loài người có thể sống trong hòa bình, và rằng trước đây, vì không có hòa bình nên đã gây ra thảm họa.

“Trong nhiều thế kỷ, khoa học đã thống trị. Các tu sĩ cho mình là những nhà khoa học, và họ cấm tất cả các nhà khoa học nào không phải là tu sĩ. Họ gia tăng quyền lực của họ; họ tôn thờ khoa học, họ đã làm tất cả những gì có thể để duy trì quyền lực trong tay mình, và để đè bẹp những người dân bình thường và ngăn chặn họ suy nghĩ. Họ tự xem mình là Chúa tể; không việc gì có thể thực hiện được nếu không được sự cho phép của các tu sĩ. Các tu sĩ chiếm đoạt những gì họ muốn: không có cản trở cũng không có sự chống đối, và họ luôn gia tăng quyền lực của họ cho đến khi họ toàn quyền tuyệt đối trên trái đất, khi quên mất rằng đối với con người quyền lực tuyệt đối sẽ mục nát.

“Những chiếc máy bay lớn lao đi trong không khí mà không có cánh, không có âm thanh, lướt đi trên không trung, hoặc lơ lửng không chuyển động mà ngay cả con chim cũng không thể ở trạng thái lơ lửng. Các nhà khoa học đã phát hiện ra bí mật của việc làm chủ được lực hút của trái đất và khả năng chống trọng lực, và khai thác nó cho quyền năng của họ. Những khối đá khổng lồ được đưa vào vị trí mà người ta muốn và một thiết bị rất nhỏ có thể đặt trong lòng bàn tay.

“Không có việc gì là quá khó khăn, bởi vì con người chỉ đơn thuần thao tác cỗ máy của anh ta mà không cần phải cố gắng. Những động cơ đồ sộ làm huyền não khắp mặt đất, nhưng không có gì di chuyển trên mặt biển ngoại trừ để vui vẻ vì đi lại trên mặt biển quá chậm trừ khi người ta muốn thưởng thức kết hợp cả gió và sóng. Tất cả mọi vật đều đi lại bằng đường hàng không, hoặc xuyên qua trái đất để hành trình ngắn hơn. Người ta di chuyển ra ngoài tới những vùng đất khác, và dựng lên các thuộc địa. Nhưng lúc này người ta đã mất đi quyền năng về thần giao cách cảm thông qua thăm họa của vụn va chạm. Bây giờ họ không còn nói chung một ngôn ngữ nữa; hình thái ngôn ngữ ngày càng trở nên sắc bén, cho đến khi cuối cùng, chúng là những ngôn ngữ hoàn toàn khác biệt, và không thể hiểu được nhau,

“Thiếu sự trao đổi thông tin, không hiểu biết lẫn nhau và quan điểm của nhau, các chủng tộc tranh cãi, và bắt đầu chiến tranh. Nhiều loại vũ khí đáng sợ được phát minh. Các trận chiến nổ ra ở khắp mọi nơi. Những người đàn ông và phụ nữ trở thành người tàn phế, và các loại tia khủng khiếp được sản xuất và đã gây ra nhiều đột biến trong loài người. Nhiều năm trôi qua, và cuộc chiến tranh trở nên khốc liệt hơn, các cuộc tàn sát khủng khiếp

hơn. Các nhà sáng chế ở khắp mọi nơi, được những kẻ cai trị khuyến khích, phấn đấu để sản xuất ra những loại vũ khí nguy hiểm hơn.

“Các nhà khoa học làm việc để đưa ra thiết bị, thậm chí đưa ra nhiều hơn những thiết bị phạm tội khủng khiếp. Những mầm bệnh được tạo ra, và thả xuống đối phương từ máy bay tầm cao. Những trái bom đổ xuống nước thải và bệnh dịch hoành hành khắp trái đất làm tàn lụi con người, động vật và cây cối. Trái đất lại đứng trước sự hủy diệt.

“Ở một vùng xa xôi, xa tất cả những xung đột, một nhóm các tu sĩ nhìn xa trông rộng không bị việc tìm kiếm quyền lực làm cho suy đồi, đã lấy những tấm vàng mỏng, và khắc lên đó lịch sử của thời đại họ, khắc lên đó bản đồ bầu trời và vùng đất. Trên đó, họ cũng tiết lộ bí mật sâu thẳm nhất của nền khoa học của họ, và đưa ra cảnh báo nghiêm khắc về những nguy hiểm mà nó sẽ xảy đến với những người lạm dụng kiến thức này. Nhiều năm trôi qua, trong thời gian đó những tấm khắc này được chuẩn bị, và sau đó, cùng với những mẫu vật của vũ khí thực tế, các công cụ, sách, và tất cả những gì hữu ích, họ đều giấu trong đá và cát giấu ở nhiều chỗ khác nhau để những thế hệ sau này có thể biết được về quá khứ, và có thể tận dụng được nó, người ta hy vọng vậy. Đối với những tu sĩ đã biết về bài học của nhân loại; họ biết điều gì đã xảy ra, và như đã dự đoán, điều tất yếu đã xảy ra.

“Một loại vũ khí mới đã được sản xuất và thử nghiệm. Một đám mây tuyết vờ xoáy lên trên vào tầng bình lưu, và mặt đất rung chuyển, rồi lại quay cuồng, và dường như đu đưa trên trục của nó. Những bức tường nước khổng lồ trào lên mặt đất, và cuốn trôi nhiều chủng tộc của loài người. Lại một lần nữa những ngọn núi chìm sâu xuống đáy biển, và những ngọn núi khác lại dâng cao tới vị trí mới của mình. Một số những người đàn ông, phụ nữ, và động vật đã được cảnh báo từ các tu sĩ đã được cứu bằng những con thuyền nổi trên nước và chống lại được các loại khí độc hại và vi trùng đã tàn phá trái đất. Những người đàn ông và phụ nữ khác được đưa lên cao trên không trung khi vùng đất mà họ cư ngụ trên đó dâng cao lên; Những người khác, không may mắn như vậy, đã bị đưa xuống dưới, có lẽ là sâu dưới nước, hoặc cũng có thể là bên dưới những ngọn núi bị đóng chặt phía trên đầu họ.

“Lũ lụt và lửa cháy và những loại tia giết người đã giết chết hàng triệu người, và chỉ còn rất ít người sống sót trên trái đất lúc này bị cô lập với nhau vì những thay đổi bất thường của thảm họa. Gần như phát điên vì thảm họa, tiếng ồn khủng khiếp và chấn động đã làm mất đi cảm giác của họ, trong nhiều năm họ trốn trong những hang động và rừng rậm. Họ quên đi tất cả nền văn hóa, và họ trở lại giai đoạn hoang dã, trong những ngày sơ khai của nhân loại, khi phủ lên mình da và nước trái cây, và hình thành những bộ lạc rải rác dùng đá lửa.

“Cuối cùng, các bộ lạc mới hình thành, và họ đi lang thang khắp nơi trên gương mặt mới của thế giới. Một số định cư tại Ai Cập ngày nay, số khác ở Trung Quốc, nhưng những người vốn ưa thích vùng đất thấp ven biển, nơi được nhiều chủng tộc cấp cao ưa chuộng, đột nhiên thấy mình ở trên cao hàng nghìn feet²⁰ so với mặt nước biển, bao quanh là những dãy núi triền miên, và với mặt đất trở lạnh rất nhanh.

“Hàng nghìn người chết trong không khí loãng rét buốt. Những người khác sống sót trở thành tổ tiên của người Tây Tạng mạnh mẽ, hiện đại của vùng đất mà ngày nay là đất nước Tây Tạng. Đó là nơi mà nhóm các tu sĩ nhìn xa trông rộng đã lấy những tấm vàng mỏng, và khắc lên đó tất cả những bí mật của họ. Những tấm khắc mỏng này, và tất cả những mẫu vật của nền thủ công mỹ nghệ của họ, được cất giấu trong hang động của một ngọn núi để các tu sĩ thế hệ sau này có thể đến được. Những tấm khắc và mẫu vật khác được cất giấu trong thành phố đầy ấn tượng trên cao nguyên Chang Tang ngày nay của Tây Tạng.

“Tất cả các nền văn hóa không hoàn toàn tuyệt chủng, tuy nhiên, mặc dù nhân loại đã trở lại trạng thái hoang dã, trong Thời đại Tối tăm. Nhưng có những điểm biệt lập ở khắp nơi trên mặt đất nơi mà các nhóm nhỏ những người đàn ông và phụ nữ còn sống đang nỗ lực không ngừng để gìn giữ tri thức, để bảo toàn ngọn lửa lung linh rạng ngời của tri thức nhân loại, một nhóm nhỏ những người đang nỗ lực không ngừng trong cảnh tối tăm ảm đạm của sự hoang dại. Trong suốt nhiều thế kỷ mà theo đó có nhiều hình thái tôn giáo, nhiều nỗ lực để tìm ra sự thật về những gì đã xảy ra, và trong suốt thời gian đó luôn luôn ẩn giấu trong đất nước Tây Tạng, trong các hang động sâu thẳm, là những kiến thức, được khắc trên những tấm kim

loại vàng bất diệt, vĩnh viễn, không thể hư hoại, đang chờ những người có thể tìm thấy chúng, và giải mã chúng.

“Dần dần loài người lại phát triển một lần nữa. Bóng tối của vô minh bắt đầu tiêu tan. Thời kỳ dã man đã quay sang nền bán văn minh. Thực tế có sự tiến bộ giả hiệu. Các thành phố lại được xây dựng, và máy móc bay trên bầu trời. Một lần nữa những ngọn núi không còn là sự cản trở, con người đi lại khắp thế giới, vượt qua biển, đi tới khắp các vùng đất. Cũng như trước đây, với sự gia tăng kiến thức và quyền năng, họ trở nên ngạo mạn, và áp bức những người dân tộc yếu hơn. Lại có tình trạng bất ổn, hận thù, đàn áp, và nghiên cứu bí mật. Những kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu. Những dân tộc yếu hơn phát triển máy móc, và xảy ra chiến tranh, chiến tranh lại kéo dài nhiều năm. Lại có những loại vũ khí mới và kinh khủng hơn nữa được sản xuất. Mỗi bên đều cố gắng tìm ra những loại vũ khí khủng khiếp nhất, và trong lúc đó, ở Tây Tạng, các kiến thức đang nằm im lìm. Đồng thời, trên cao nguyên Chang Tang, một thành phố kỳ diệu nằm đơn độc, không được bảo vệ, đang chứa đựng kiến thức quý giá nhất trên thế giới, đang đợi chờ những người có thể đến, và nhìn thấy, đang nằm đó, chỉ đợi chờ ...

Đang nằm. Tôi đang nằm ngửa trên sàn phòng giam trong nhà tù, nhìn lên qua một đám mây đỏ. Máu đang tuôn trào từ mũi tôi, từ miệng tôi, từ các đầu ngón tay và ngón chân tôi. Tôi đau đớn toàn thân. Tôi cảm thấy như tôi đang bị ngâm mình tắm trong lửa. Lờ mờ, tôi nghe một giọng người Nhật nói, “Các anh đã quá tay rồi. Hắn ta không thể sống. Hắn không thể sống được.” Nhưng tôi đã sống. Tôi nhất định rằng tôi sẽ tiếp tục sống, và chỉ cho người Nhật thấy một người Tây Tạng tự kiểm soát mình ra sao. Tôi sẽ chỉ cho chúng thấy không đòn tra tấn độc ác nào có thể bắt một người Tây Tạng khai báo.

Mũi của tôi đã bị vỡ, bị nghiền nát phẳng lên mặt tôi bằng một cú đánh giận dữ bằng báng súng trường. Miệng của tôi bị rách một vết cắt dài và sâu, xương hàm tôi bị đập vỡ, răng tôi bị đánh văng ra ngoài. Nhưng tất cả những đòn tra tấn của người Nhật không làm tôi khai báo một lời. Sau một thời gian, bọn chúng từ bỏ nỗ lực, thậm chí người Nhật có thể nhận ra sự vô ích của việc cố gắng ép một người đàn ông nói khi người đó nhất định không nói. Sau nhiều tuần, tôi phải bắt đầu làm công việc xử lý những cơ thể của những người không còn sống. Người Nhật nghĩ rằng bằng cách bắt

tôi làm công việc đó, cuối cùng, chúng có thể phá vỡ dây thần kinh của tôi, và có lẽ sau đó tôi sẽ nói.

Chồng chất các tử thi trong cái nóng gắt của mặt trời, những xác chết hôi thối công kênh, và bị đổi màu, không dễ chịu chút nào. Các xác chết trương lên và nứt ra như bong bóng bị đâm. Một hôm tôi nhìn thấy một người đàn ông bị ngã chết. Tôi biết anh ta đã chết vì tôi đã tự mình khám cho anh ta, nhưng những tên lính gác không chú ý; hẳn ta chỉ chọn ra hai người đàn ông, họ cùng đu đưa và quăng vào đồng xác chết, rồi bỏ đi, để cái nóng mặt trời và những con chuột có thể làm công việc dọn rác. Nhưng không quan trọng việc một người đàn ông chết hay không, bởi vì nếu người đàn ông quá ốm yếu không thể làm việc được, anh ta sẽ bị lưỡi lê đâm ngay tại chỗ và ném vào đồng xác chết, hoặc anh ta sẽ bị ném vào đó trong khi vẫn còn sống.

Tôi quyết định rằng tôi cũng sẽ “chết”, và sẽ được ném vào cùng với các xác chết khác, đến đêm, nhờ bóng tối tôi sẽ trốn thoát. Vì vậy, tôi sắp đặt kế hoạch của mình, và trong ba hay bốn ngày, tôi theo dõi cẩn thận lính Nhật và các hoạt động của chúng, và quyết định tôi sẽ hành động như thế nào. Trong hơn một ngày tôi loạng choạng, và hành động cứ như là tôi yếu hơn so với thực tế. Vào ngày mà tôi dự định sẽ “chết”, tôi loạng choạng khi đi lại, loạng choạng ngay từ khi điềm danh vào lúc bình minh. Suốt buổi sáng, tôi thể hiện các dấu hiệu hoàn toàn mệt mỏi, và sau đó, ngay sau buổi trưa, tôi để mình sụp xuống. Điều đó không khó khăn gì, thực sự không phải giả vờ, tôi có thể sụp đổ vì suy yếu bất cứ lúc nào. Những đòn tra tấn mà tôi đã phải chịu đựng đã làm tôi suy yếu nhiều. Thực phẩm thì tôi tệ, càng làm tôi suy yếu nhiều hơn nữa, và tôi thực sự chết vì kiệt sức.

Lúc này tôi đã sụp xuống, và thực sự thiếp đi vì quá mệt nhọc. Tôi cảm thấy cơ thể tôi đang được nâng lên và đu đưa qua lại một cách thô bạo, rồi tôi bị quăng lên. Tác động khi tôi rơi xuống đồng xác chết lổm ngổm đã đánh thức tôi dậy. Tôi cảm thấy đồng xác bị rung một chút rồi ổn định. Cú sóc khi rơi xuống làm tôi mở mắt; một lính gác đang lơ đãng nhìn về phía tôi, vì thế tôi mở to mắt còn hơn cả mắt của người đã chết thật, hẳn ta nhìn đi chỗ khác, hẳn đã quá quen với việc nhìn thấy xác chết, và thêm một xác chết nữa cũng chẳng làm hẳn bận tâm. Tôi giữ nguyên tư thế, giữ thật yên, khi nghĩ về những việc đã qua và lên kế hoạch tiếp theo. Tôi tiếp tục giữ

nguyên tư thế, cho dù các xác chết khác vẫn đang được ném lên xung quanh tôi, lên phía trên đầu tôi.

Một ngày mà dường như đã hàng năm trôi qua. Tôi nghĩ ánh sáng sẽ không bao giờ nhạt phai. Nhưng lâu mãi rồi cũng phải đến lúc những dấu hiệu đầu tiên của đêm đã tới, quanh tôi mùi hôi thối của những xác chết lâu ngày không chịu nổi. Bên dưới tôi, có thể nghe thấy tiếng sột soạt và tiếng rít của những con chuột đang làm cái công việc khủng khiếp của chúng là ăn xác chết. Lúc này và sau đó đồng các xác chết sẽ dần dần sụt xuống dưới sức nặng của những thi thể bên trên. Đồng xác chết sẽ sụt xuống, và tôi hy vọng nó sẽ không đến nỗi bị đổ lật nhào, như vẫn thường xảy ra, sau đó các xác chết sẽ bị chất đồng lên lần nữa, và ai mà biết được, liệu lúc đó tôi có thể còn sống không, hoặc thậm chí còn tệ hơn nữa, thấy mình ở dưới cùng của đồng xác chết, khi đó hoàn cảnh của tôi sẽ là vô vọng.

Cuối cùng, những người tù làm việc xung quanh đã đi vào những túp lều của họ. Lính gác tuần tra bên bờ tường, và không khí lạnh của buổi đêm trùm xuống. Mọi cách chậm rãi, ôi, chậm chạp làm sao, ánh sáng bắt đầu mờ nhạt dần. Từng tia sáng vàng xuất hiện trong các khuôn cửa sổ, trong phòng lính gác. Chậm chạp đến mức hầu như không thể nhận thấy được, màn đêm dần buông xuống.

Trong một thời gian dài, rất dài tôi vẫn nằm yên trong đồng xác chết. Nằm im xem xét khi nào tốt nhất để tôi có thể hành động. Sau đó, khi các lính gác ở xa, tôi rón rén đẩy sang một bên xác chết ở phía trên tôi, và đẩy đi một cái ở bên cạnh. Nó đổ nhào, và lăn qua một bên đồng xác, và rơi xuống nền đất, kêu lạo xạo. Tôi nín thở hoảng hốt; tôi nghĩ rằng chắc chắn bây giờ lũ lính gác sẽ chạy đến, và tôi sẽ bị tìm thấy. Chắc chắn sẽ bị chết khi đi ra ngoài trong đêm tối, vì đèn pha sẽ rọi đến, và bất cứ ai không may bị lính Nhật tìm thấy sẽ bị lưỡi lê đâm đến chết, hoặc có lẽ bị mổ bụng, hoặc treo lên trên một ngọn lửa thiêu chậm rãi, hoặc bất kỳ kiểu chết độc ác nào mà lính Nhật có thể sáng tạo ra, và tất cả điều này sẽ ở trước một nhóm các tù nhân ốm yếu, để dạy cho họ rằng đó không phải là cách khôn ngoan khi cố gắng tìm cách thoát khỏi các Con trai của Thiên hoàng.

Không có gì xảy ra cả. Rõ ràng là lính Nhật đã quá quen với những tiếng sột soạt và tiếng rơi từ đồng xác chết. Tôi vừa di chuyển vừa thăm dò. Toàn

bộ đồng xác chết kêu cọt kẹt và rung lắc. Mỗi lần tôi di chuyển chỉ một chân, và cuối cùng len lỏi tới rìa của đồng xác, và tự để mình tuột xuống, túm lấy các xác chết để tôi có thể trèo xuống mười hay mười hai cái chân, bởi vì tôi quá yếu để nhảy và có nguy cơ bị bong gân hoặc gãy xương.

Những tiếng động nhỏ tôi gây ra không thu hút sự chú ý. Lính Nhật không có khái niệm chút nào về việc có ai đó sẽ ẩn trốn ở nơi khủng khiếp như vậy. Trên mặt đất, tôi di chuyển len lút và từ từ vào trong bóng tối của những cây ở gần bức tường của trại giam. Tôi chờ đợi trong một lúc. Phía trên đầu tôi, các lính gác đang đến cùng với nhau. Có tiếng chúng nói chuyện thì thầm, và tiếng bật diêm đốt thuốc lá. Sau đó, các lính gác tách ra, một tên đi khỏi chỗ đó, còn tên khác đi xuống, mỗi tên cầm điều thuốc giấu trong lòng bàn tay khum lại, và bọn chúng ít nhiều đều bị lóa mắt vì ngọn lửa que diêm trong đêm tối. Tôi đã tận dụng điều đó. Lặng lẽ và từ từ, tôi cố gắng trèo qua tường. Đây là một trại lính được dựng lên tạm thời, và lính Nhật không làm hàng rào điện vây quanh. Tôi trèo qua, và lặng lẽ thoát ra trong đêm tối. Cả đêm đó tôi nằm dọc theo cành của một cái cây, gần như nằm trong tầm nhìn của trại lính. Tôi suy luận rằng nếu tôi bị chạm, nếu tôi bị nhìn thấy, lính Nhật sẽ ập đến ngay, chúng sẽ không nghĩ là tù nhân sẽ ở ngay bên cạnh chúng.

Cả ngày hôm sau tôi ở lại chỗ đó, tôi đã quá yếu, và bị bệnh nên không thể di chuyển. Sau đó, vào cuối ngày, khi bóng đêm lại trùm xuống, tôi trườn xuống thân cây, và lặn vào trong vùng lãnh thổ mà tôi đã biết rõ.

Tôi biết một người Trung Quốc già sống gần đó, tôi đã giúp nhiều cho bà vợ ông trước khi bà qua đời, và tôi lần đến nhà ông trong bóng đêm. Tôi gõ cửa nhẹ nhàng. Không khí căng thẳng, một không khí sợ hãi. Cuối cùng tôi thì thầm nói tôi là ai. Bên trong có tiếng di chuyển khe khẽ, và sau đó nhẹ nhàng và lặng lẽ, cánh cửa được mở ra vài phân, và khuôn mặt già nua nhìn ra. “À,” ông nói, “vào nhanh lên”. Ông mở cửa rộng hơn, và tôi trườn vào bên dưới cánh tay đang dang ra của ông. Ông đóng cửa, và há miệng ra kinh hoàng khi ông nhìn thấy tôi. Mắt trái của tôi đã bị hỏng nặng. Mũi tôi bị dập phẳng trên khuôn mặt tôi. Miệng của tôi bị cắt và xẻ vết cắt dài và sâu. Ông đun nước nóng, và rửa các vết thương cho tôi, rồi cho tôi ăn. Đêm đó và ngày hôm sau tôi nghỉ tại túp lều của ông. Ông đi ra ngoài, và thu xếp để chở tôi đến phòng tuyến của Trung Quốc. Tôi phải ở lại trong túp lều đó

vài ngày, trong vùng quân Nhật tạm chiếm, trong vài ngày khi tôi bị sốt và đã suýt chết ở đó.

Có lẽ sau khoảng mười ngày, tôi đã hồi phục đủ để có thể đứng dậy và đi ra ngoài, và đi dọc theo con đường đã trù tính, tới trụ sở của Trung Quốc gần Thượng Hải. Họ nhìn tôi trong kinh hoàng khi tôi đi vào với khuôn mặt bị đánh đập và vỡ nát, và trong hơn một tháng, tôi phải ở bệnh viện trong khi họ lấy xương từ chân để dựng lại cái mũi của tôi. Sau đó tôi lại được gửi về Trùng Khánh để bình phục trước khi trở lại như một nhân viên y tế hoạt động cho lực lượng y tế của Trung Quốc. Trùng Khánh! Tôi nghĩ tôi sẽ rất vui mừng khi nhìn thấy nó sau tất cả những chuyến phiêu lưu của mình, sau tất cả những gì tôi đã trải qua. Trùng Khánh! Và cũng là nơi tôi đã bắt đầu cùng với một người bạn mà anh ấy cũng đang ở đó để hồi phục những vết thương do chiến tranh gây ra.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI TÙ BINH CỦA QUÂN NHẬT

Chúng tôi ngạc nhiên trước sự thay đổi của Trùng Khánh. Đây không còn là Trùng Khánh mà chúng tôi biết. Những tòa nhà mới, mặt tiền mới của những tòa nhà cũ, những cửa hàng bán mọi thứ mọc lên ở khắp mọi nơi. Trùng Khánh! Nơi vô cùng đông đúc! Người ta đổ về từ Thượng Hải, từ các thị trấn ven biển. Những thương gia, cùng với kế sinh nhai của họ trên biển, hay từ những vùng đất sâu trong nội địa xa xôi đến Trùng Khánh, để bắt đầu lại tất cả, có lẽ với một vài tài sản nhỏ mọn còn lại không đáng kể được cứu khỏi sự chiếm đoạt của người Nhật. Nhưng đa phần phải bắt đầu lại từ con số không.

Các trường đại học tìm được những tòa nhà ở Trùng Khánh, hoặc xây dựng những tòa nhà tạm thời của riêng mình, hầu hết là những nhà kho xiêu vẹo. Nhưng nơi đây là chỗ của nền văn hóa của Trung Quốc. Các tòa nhà như thế nào cũng không có vấn đề gì, những bộ não ở đó, một số bộ não tốt nhất trên toàn thế giới.

Chúng tôi đi tới ngôi chùa mà chúng tôi đã ở trước đây; giống như trở về nhà. Nơi đây, trong cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa, khói hương trầm gọn sóng những đám mây phía trên đầu, chúng tôi cảm thấy như mình đang đến với hòa bình, cảm thấy như những hình ảnh các vị Thần đang nhân từ nhìn chúng tôi thấu hiểu những nỗ lực của chúng tôi, và có lẽ, thậm chí cả sự cảm thông với những thử thách khắc nghiệt mà chúng tôi đã trải qua. Vâng, chúng tôi đã về nhà trong bình yên, phục hồi những vết thương của mình, trước khi lại ra đi, lao vào trận chiến khốc liệt để rồi lại chịu đựng những đau khổ mới và tồi tệ hơn. Chuông chùa ngân nga, báo hiệu đã lại đến giờ của những buổi lễ cầu nguyện thân thương và quen thuộc. Chúng tôi đã trở về nơi của mình với trái tim tràn đầy niềm vui được trở về nhà.

Đêm đó chúng tôi đi ngủ muộn vì có quá nhiều chuyện để nói, cũng như có quá nhiều chuyện muốn nghe, bởi vì Trùng Khánh đang trong thời kỳ khó khăn, những trận bom dội xuống liên miên. Nhưng chúng tôi vừa trở về từ “thế giới bên ngoài rộng lớn”, như cách chúng tôi ở trong ngôi chùa gọi nó, chỗ hòng chúng tôi đã khô trước khi được phép cuộn tròn trong chăn ở chỗ

ngủ trên nền đất quen thuộc xưa kia ngay gần thánh đường. Cuối cùng thì giấc ngủ cũng đến được với chúng tôi.

Vào buổi sáng, tôi phải đến bệnh viện mà trước đây tôi đã từng là sinh viên, nhà phẫu thuật, và sau đó là nhân viên y tế. Lần này tôi sẽ là một bệnh nhân. Đây là một trải nghiệm mới khi thực sự là một bệnh nhân ở bệnh viện này. Mũi của tôi, tuy vậy, đang có rắc rối vì bị nhiễm trùng, và vì thế không có cách nào khác mà phải mổ nó ra và cao. Đây là một quá trình rất đau đớn. Chúng tôi không có thuốc gây tê, con đường Burman Road²¹ đã bị đóng cửa, toàn bộ nguồn cung cấp của chúng tôi đã bị ngừng lại, không có gì khác ngoài việc cố gắng chịu đựng vui vẻ nhất có thể, điều không thể tránh được. Nhưng ngay sau khi mổ, tôi trở về ngôi chùa ngay, bởi vì giường cho bệnh nhân trong bệnh viện Trùng Khánh rất khan hiếm. Người bị thương đang đổ về, và chỉ những trường hợp cấp cứu, chỉ những ai không thể đi lại mới được phép lưu lại trong viện.

Ngày qua ngày, tôi đi xuống con đường mòn, đi dọc theo con đường lớn tới Trùng Khánh. Cuối cùng, sau hai hay ba tuần, trưởng khoa phẫu thuật gọi tôi đến văn phòng của ông, và nói, “Thế đây, Lobsang, bạn của tôi, chúng tôi không nên yêu cầu bạn tham gia vào ba mươi hai người bê quan tài sau tất cả những điều đã xảy ra với bạn. Chúng tôi biết chúng ta cần phải làm, bạn biết đấy, điều đó đã được báo và diễn ra!”

Đám tang ở Trung Quốc được thực hiện thực sự rất, rất nghiêm túc.

Điều được coi là quan trọng nhất là phải có con số chính xác của những người hộ tống tương ứng với địa vị xã hội của họ. Đối với tôi, tất cả điều đó thật ngớ ngẩn; vì tôi biết rõ khi linh hồn rời khỏi cơ thể, không quan trọng chút nào điều xảy ra với thể xác. Người Tây Tạng chúng tôi không thể hiện thái quá tâm trạng vui, buồn về việc loại bỏ thể xác của mình; Các tử thi được các Âm Công thu thập, rồi được chặt nhỏ ra cho chim ăn. Ở Trung Quốc không phải như vậy. Ở đây điều đó hầu như bị họ hàng lên án đến day dứt cả đời. Ở đây người ta phải có quan tài được ba mươi hai người khiêng, nếu đó là lễ tang hạng nhất. Lễ tang hạng hai, mặc dù chỉ có một nửa số người khiêng quan tài, tức là mười sáu người, như thế là mười sáu người đàn ông khiêng một cái quan tài! Lễ tang hạng ba – đây là hạng trung bình – có tám người khiêng quan tài bằng gỗ sơn mài. Còn lễ tang hạng bốn, chỉ là

tầng lớp lao động bình thường, có bốn người khiêng. Tất nhiên quan tài sẽ nhẹ, khá rẻ. Thấp hơn lễ tang hạng bốn sẽ không có người khiêng. Quan tài chỉ được đẩy trên loại xe cút kít. Và dĩ nhiên, không chỉ có số người khiêng quan tài được xem xét đến; còn có những người khóc thuê, đó là những người khóc lóc và than vãn, và làm những công việc để phục vụ sự ra đi của người chết để kiếm sống.

Đám tang ư? Cái chết ư? Thật lạ là làm thế nào mà sự kiện kỳ quặc lại ở trong tâm trí người ta! Đặc biệt có một đám tang đã in đậm trong tâm trí tôi suốt từ đó. Câu chuyện xảy ra gần Trùng Khánh. Điều đáng quan tâm có liên quan với nó ở đây là để đưa ra một hình ảnh nhỏ về chiến tranh—và cái chết.

Đó là một ngày của lễ hội trung thu “Ngày rằm tháng Tám” khi mặt trăng mùa thu tròn vành vạnh. Ở Trung Quốc, đây là một dịp tốt lành. Đó là thời gian mà các gia đình cố gắng hết sức để quây quần cùng về với nhau trong một bữa tiệc lúc cuối ngày. “Bánh Trung thu” sẽ được bày ra ăn để chào mừng mùa trăng bội thu; những chiếc bánh được ăn như lễ vật để bày tỏ niềm hy vọng năm tới sẽ là một năm hạnh phúc hơn.

Huang bạn của tôi, một nhà sư Trung Quốc, cũng đang ở trong chùa. Anh cũng đã bị thương, và trong cái ngày đặc biệt này, chúng tôi đang đi bộ từ làng Chiaoting đến Trùng Khánh. Khu làng nằm trên bờ dốc cao của sông Dương Tử, ở đây có những người giàu có sinh sống, những người có đủ điều kiện để có cuộc sống tốt nhất. Bên dưới chúng tôi, xuyên qua khe giữa các lùm cây, chúng tôi vừa đi vừa có thể nhìn thấy dòng sông và những con thuyền trên đó. Gần hơn, trên những mảnh vườn bậc thang những người đàn ông và phụ nữ mặc quần áo màu xanh đang làm việc, còng lưng xuống trong công việc làm cỏ và xới đất muôn đời của họ.

Buổi sáng trời đẹp, nắng ấm, tất cả mọi thứ đều có vẻ tươi sáng và vui vẻ. Những suy nghĩ về chiến tranh đã xa khỏi tâm trí của chúng tôi khi chúng tôi tản bộ, thỉnh thoảng dừng lại ngắm nhìn qua khe những lùm cây và chiêm ngưỡng cảnh đẹp. Gần chỗ chúng tôi, trong một bụi cây ngay đó, một con chim đang hót, chào đón một ngày mới. Chúng tôi đi bộ trên sườn đồi. “Dừng lại một chút, Lobsang, mình mệt,” Huang nói. Vì thế chúng tôi ngồi trên một tảng đá dưới bóng cây. Thật dễ chịu ngồi đó ngắm nhìn cảnh

đẹp trên mặt nước, với rêu phong bao phủ con đường mòn bao quanh xuôi xuống sườn đồi, những bông hoa mùa thu bé nhỏ đang lấp ló trên mặt đất những đốm rực rỡ đầy màu sắc. Cây cối cũng bắt đầu ngả màu. Phía trên chúng tôi, những đám mây nhỏ trôi dạt vờn vờn trên bầu trời.

Từ đằng xa đang lại gần, chúng tôi nhìn thấy một đám đông những người dân. Những đoạn âm thanh vẳng đến theo làn gió nhẹ. “Chúng ta trốn thôi, Lobsang. Đó là đám tang ông Shang, một người buôn vải. Một đám tang hạng nhất. Lẽ ra mình phải tham gia, nhưng mình nói đang bị ốm quá, và mình sẽ mất mặt nếu họ nhìn thấy bây giờ.” Huang đứng lên, và tôi cũng vậy. Chúng tôi cùng nhau rút ra xa một đoạn nhỏ vào chỗ những gốc cây, nơi chúng tôi có thể nhìn được, nhưng sẽ không ai nhìn thấy chúng tôi. Có một mỏm đá, và chúng tôi nằm xuống phía sau nó, Huang nằm phía sau tôi một chút để nếu như tôi có bị nhìn thấy thì anh ấy vẫn không bị ai nhìn thấy. Chúng tôi nằm thoải mái, sắp xếp áo choàng xung quanh mình, những chiếc áo choàng có màu dễ lẫn với màu nâu đỏ của mùa thu.

Đám tang đang chậm chạp tiến đến gần, các nhà sư Trung Quốc mặc áo choàng bằng lụa màu vàng, với khăn choàng màu đỏ nâu nhạt khoác quanh vai. Mặt trời mùa thu nhẹ nhàng chiếu sáng trên đầu mới cạo của họ, hiện ra cả những vết sẹo của lễ điểm đạo; mặt trời lấp lánh trên những chiếc chuông bạc mà họ đang cầm trong tay, lấp lóe phản chiếu ánh sáng khi chúng đung đưa. Các nhà sư đang hát bài thánh ca nhỏ dành cho lễ tang khi họ bước phía trước một chiếc quan tài lớn bóng nhoáng của người Trung Quốc đang được ba mươi hai người khênh. Người đánh cồng chiêng, và đốt pháo để xua đuổi bất cứ loại ma quỷ nào đang rình rập, bởi vì, theo đức tin của người Trung Quốc, các loài ma quỷ sẵn sàng bắt linh hồn của người quá cố, và phải làm cho chúng sợ bằng pháo và tiếng ồn.

Những người khóc thuê, với tấm vải trắng quấn quanh đầu, đi phía sau. Một người phụ nữ, đang có thai, rõ ràng là có mối quan hệ họ hàng gần gũi, đang khóc thảm thiết như là cô ấy đang khóc theo những người khác. Những người khóc chuyên nghiệp kêu khóc rất to khi họ kể về những ưu điểm của người đã khuất để cho tất cả những người khác nghe thấy. Tiếp đến những người phục vụ mang tiền giấy, và các mô hình bằng giấy những đồ vật mà người quá cố có trong cuộc sống này, và sẽ cần đến sau này. Từ nơi chúng tôi đang quan sát, được che khuất bởi mỏm đá, và những bụi cây

đang mọc, chúng tôi có thể ngửi thấy mùi hương trầm và mùi thơm của những bông hoa tươi bị giẫm nát dưới chân của những người trong đoàn tang lễ. Đó thực sự là một đám tang rất lớn. Shang, nhà buôn vải, phải là một trong những công dân hàng đầu, vì sự giàu sang ở đây thật khó tưởng tượng.

Đám đông từ từ đi qua chúng tôi với tiếng than khóc âm ỉ, và tiếng loảng xoảng của chũm chọe, tiếng kèn và tiếng chuông rung. Đột nhiên có những cái bóng ngang qua mặt trời, và trên cả tiếng ồn ào của đám tang, chúng tôi nghe thấy kêu của động cơ máy bay công suất cao, tiếng kêu ngày càng lớn hơn và đáng ngại hơn. Ba chiếc máy bay Nhật trông hung hãn bay vào tầm nhìn phía trên những lùm cây, giữa chúng tôi và mặt trời. Chúng lượn vòng tròn. Một chiếc tách ra, và bay xuống thấp hơn, và lướt ngay bên trên đám tang. Chúng tôi không lo lắng. Chúng tôi nghĩ rằng ngay cả người Nhật cũng sẽ tôn trọng sự thiêng liêng của cái chết. Nhịp đập tim chúng tôi tăng lên khi chiếc máy bay lao nhanh trở lại cùng với hai chiếc máy bay kia, và chúng cùng nhau bay đi. Tuy nhiên, niềm vui của chúng tôi chỉ được chốc lát; những chiếc máy bay bay vòng quanh, và lại bay đến chỗ chúng tôi lần nữa; những đốm nhỏ màu đen rơi xuống từ bên dưới cánh của chúng, ngày càng lớn dần, những trái bom rít lên khi rơi xuống đất, rơi thẳng vào đám tang.

Phía trước chúng tôi, cây cối vĩa vữa rung chuyển, toàn bộ mặt đất trong tình trạng hỗn loạn, tiếng rít của kim loại xé nát. Gần đến nỗi chúng tôi không nghe thấy tiếng nổ. Khói và bụi, và gỗ cây cối vụn nát văng trong không trung. Những mảng màu đỏ đi loạt xoạt bên cạnh, mảnh đất thật kinh tởm. Trong một lúc, tất cả được che khuất bằng một màn khói màu vàng và đen. Sau đó, gió cuốn đi và để lại chúng tôi phải đối mặt với cuộc tàn sát khủng khiếp.

Trên mặt đất, chiếc quan tài mở toang hoác, và trống rỗng. Những cơ thể đã chết khốn khổ bị ném ngổn ngang, giống như con búp bê bị hỏng, cất nhỏ, nhếch nhác, đã bị loại bỏ. Chúng tôi nhấc mình khỏi chỗ nằm, bàng hoàng và choáng váng trước sự tàn phá, vì sự ác liệt của vụ nổ, và cũng vì sự thoát chết trong tác gang của chúng tôi. Tôi đứng lên và nhặt từ thân cây phía sau một mảnh kim loại dài sượt ngay gần đầu tôi. Đầu mảnh kim loại sắc và

đang nhỏ máu, và nó rất nóng, nóng đến nỗi tôi buông tay thả nó xuống và kêu lên vì đau khi tôi rầu rĩ nhìn đầu ngón tay cháy xém của mình.

Trên những cành cây bị xé nát là những mảnh vải lay động trong gió nhẹ, dính đầy những máu thịt. Một cánh tay, còn dính với một bên vai, đu đưa trên một cành cây cách tôi khoảng mười lăm mét. Nó bập bênh, trượt xuống và lại vướng vào cành cây dưới thấp hơn, và sau đó rơi xuống đất. Từ nơi nào đó, một cái đầu méo mó đầy máu, nhe răng vẻ sợ hãi và kinh ngạc, rơi qua những cành cây, lăn về phía tôi, để cuối cùng dừng lại ngay bên chân tôi như thể nó đang nhìn tôi trong sự kinh ngạc về nhân tính của kẻ xâm lược người Nhật Bản.

Đây dường như là một thời khắc mà ngay cả thời gian cũng chết đứng lại trong nỗi kinh hoàng. Không khí nồng nặc mùi thuốc nổ, cùng mùi máu, và ruột bị xé nát. Chỉ có âm thanh loạt xoạt và tiếng rơi tòm xuống, cứ như những vật không thể tưởng tượng nổi rơi từ trên trời cao hoặc từ trên cây cối. Chúng tôi vội vã đến bên đồng đồ nát khi hy vọng có thể giúp đỡ được ai đó, chắc chắn phải còn ai đó sống sót sau thảm kịch. Đây là một cơ thể, đã bị cắt thành nhiều mảnh và văng đi hết ruột, vì bị cắt nát, và cháy xém đến mức không thể biết đó là một người đàn ông hay phụ nữ; bị cắt nát đến mức chúng tôi thậm chí khó có thể nói rằng đó là một con người. Cạnh đó, ngang qua bên kia, là một cậu bé, chân cậu đã bị thổi bay đến tận đùi. Cậu vừa rên rĩ vừa khóc thút thít vì sợ hãi. Khi tôi quỳ xuống bên cạnh, cậu bé nôn ra một bùm máu tươi, rồi ho và tắt thở. Buồn bã, chúng tôi nhìn quanh, mở rộng phạm vi tìm kiếm. Bên dưới một cái cây bị đổ, chúng tôi tìm thấy người phụ nữ mang thai. Cái cây bị thổi ngang qua người cô. Nó đã làm rách tung bụng cô. Từ tử cung, thai nhi nhô ra ngoài, và đã chết. Xa hơn là một bàn tay mà nó vẫn còn đang nắm chặt chiếc chuông bạc. Chúng tôi tìm tiếm mãi, và không thấy ai còn sống sót.

Từ trên trời vang đến tiếng động cơ máy bay. Những kẻ tấn công đã trở lại để xem công việc khủng khiếp của chúng. Chúng tôi nằm lại trên mặt đất dính đầy máu khi chiếc máy bay Nhật bay vòng ngày càng thấp hơn, để kiểm tra những thiệt hại mà nó đã gây ra, để chắc chắn rằng không ai còn sống sót để có thể kể lại câu chuyện này. Nó bay vòng uể oải, nghiêng cánh giống như con chim ung đang sà xuống để giết mồi, sau đó nó bay vòng trở lại, bay thẳng xuống ngày càng thấp hơn. Tiếng nổ lốp bốp khắc nghiệt của

súng máy và quất đạn dọc theo rặng cây. Một cái gì đó kéo mạnh vạt áo choàng của tôi và tôi nghe một tiếng kêu thét. Tôi cảm thấy như thể chân tôi bị cháy xém. “Tội nghiệp Huang,” tôi nghĩ, “cậu ấy bị trúng đạn và đang cần mình.” Phía trên chúng tôi, những chiếc máy bay đang lượn vòng tròn vu vơ như thể tên phi công bay nghiêng cho đến lúc có thể nhìn được mặt đất bên dưới.

Hắn chúc mũi máy bay xuống và lại bắn lung tung, rồi bay vòng tròn lần nữa. Rõ ràng là hắn hài lòng vì hắn lắc lư đôi cánh và bay đi. Sau một lúc tôi đứng lên để giúp Huang, nhưng anh đã ở cách tôi một đoạn xa, thực sự an toàn, vẫn còn ẩn nửa người dưới đất. Tôi kéo áo choàng của mình và thấy chân trái tôi có một vết cháy do viên đạn cày dọc một đoạn. Cách tôi vài phân, cái hộp sọ đang cười giờ đã có thêm một lỗ đạn mới xuyên qua, thẳng qua thái dương bên này, và đi ra thái dương bên kia; làm thành một lỗ lớn và thối nẫu ra ngoài qua đó.

Một lần nữa chúng tôi tìm kiếm trong các bụi cây và giữa những cái cây, nhưng không có dấu hiệu của sự sống. Năm mươi đến một trăm người, có lẽ còn hơn thế nữa, đã ở nơi đây mới chỉ vài phút trước để tỏ lòng tôn kính đối với người chết. Lúc này họ cũng đã chết. Lúc này họ chỉ đơn thuần là những tàn tích màu đỏ và những đồng không hình thù. Chúng tôi hoàn toàn bất lực. Không còn gì cho chúng tôi làm, không còn gì để cứu. Chỉ thời gian mới có thể làm lành những vết thương này.

Đây là “Ngày Rằm Trung thu” khi mà các gia đình đến bên nhau vào cuối ngày, khi họ đến cùng nhau với trái tim đầm ấm vui vẻ của cuộc hội ngộ. Ít nhất ở đây, vì hành động của quân Nhật, các gia đình “đến cùng nhau” vào lúc kết thúc ngày của họ. Chúng tôi quay lại đi tiếp, khi chúng tôi rời khỏi nơi xảy ra thảm họa, một con chim hót lên khúc nhạc bị gián đoạn của mình như thể không có điều gì xảy ra.

Cuộc sống ở Trùng Khánh lúc đó thực sự khó khăn. Nhiều kẻ hám tiền đồ về đây, những kẻ đang cố gắng khai thác nỗi đau khổ của người nghèo, những kẻ đã cố gắng lợi dụng chiến tranh. Giá cả tăng vọt, điều kiện sống gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi thực sự vui mừng khi lệnh gửi đến để chúng tôi tiếp tục nhiệm vụ của mình. Thương vong gần miền duyên hải thực sự nhiều. Nhân viên y tế là vô cùng cần thiết. Vì vậy, một lần nữa, chúng tôi

rời Trùng Khánh, đi xuống miền duyên hải nơi viên Tướng Yo đang đợi để đưa lệnh điều động cho chúng tôi. Những ngày sau đó, tôi được phân bổ làm nhân viên y tế phụ trách bệnh viện, một thuật ngữ thật nực cười. Bệnh viện là ruộng lúa trên đó những bệnh nhân không may mắn nằm trên mặt đất úng nước, vì không có nơi nào khác để nằm, không có giường, không có gì hết. Thiết bị của chúng tôi ư? Bãng bằng giấy. Những dụng cụ phẫu thuật lỗi thời, và bất cứ vật gì khác chúng tôi có thể tạo ra, nhưng ít nhất thì chúng tôi cũng có kiến thức và ý chí để mang sự giúp đỡ đến cho những người bị thương nặng, và những người đó thì chúng tôi có thừa. Quân Nhật đang giành chiến thắng ở khắp mọi nơi. Thương vong vô cùng khủng khiếp.

Một hôm, không khí tấn công dường như trở nên mãnh liệt hơn bình thường. Bom dội khắp mọi nơi. Toàn bộ cánh đồng bao quanh đầy những hố bom. Quân đội đang rút lui. Sau đó, vào buổi tối ngày hôm đó, lực lượng quân Nhật đổ đến chỗ chúng tôi, đe dọa chúng tôi bằng lưỡi lê, khi đâm người đầu tiên, sau đó là một người khác, chỉ để thể hiện rằng chúng là những người chủ. Chúng tôi không chống cự, chúng tôi không có vũ khí, không có gì để tự vệ. Quân Nhật tra hỏi tôi thô lỗ vì tôi là người phụ trách ở đây, rồi sau đó chúng đi ra trên cánh đồng để kiểm tra các bệnh nhân. Tất cả các bệnh nhân được lệnh phải đứng lên. Những người quá yếu để có thể đi lại bị chúng dùng lưỡi lê đâm chết. Những người còn lại bị lừa đi, ngay cả chúng tôi cũng vậy, đến một trại tù vào sâu hơn trong lãnh thổ. Chúng tôi đi hàng dặm²² mỗi ngày. Bệnh nhân chết bị thả bên đường, và khi họ ngã xuống, lính gác Nhật đổ xô đến kiểm tra họ tìm những vật có giá trị. Hàm răng nghiền chặt khi chết bị cậy mở ra bằng lưỡi lê, và một chút vàng được dùng để hàn răng cũng sẽ bị cậy ra một cách thô bạo.

Một hôm khi chúng tôi đang đi trên đường, tôi nhìn thấy những tên lính gác ở phía trước có vật gì đó kỳ lạ ở đầu lưỡi lê, mà bọn chúng đang vẫy nghịch tôi nghĩ đó là một kiểu chào mừng nào đó. Nó trông như thể họ có những quả bóng ở đầu súng trường. Sau đó, vừa cười vừa la hét, bọn lính gác xông đến xô những người tù xuống đường, và chúng tôi nhìn mà nôn nao trong dạ dày, khi thấy chúng cắm đầu lưỡi lê vào đầu các tù nhân. Những cái đầu với mắt mở to, mồm há ra, cắm sệ xuống. Quân Nhật đang tóm lấy những người tù, chặt đầu họ và đâm vào cổ như một dấu hiệu – lại một lần nữa—rằng chúng là những ông chủ.

Trong bệnh viện của chúng tôi, chúng tôi chữa bệnh cho các bệnh nhân của tất cả các quốc gia. Bây giờ, khi chúng tôi lê bước dọc theo con đường, xác chết của người từ tất cả các quốc gia nằm bên vệ đường. Lúc này, họ đã thuộc về cùng một quốc gia, quốc gia của người chết. Lính Nhật lấy tất cả mọi thứ của họ.

Trong nhiều ngày, chúng tôi đi liên tục, nhận được ngày càng ít dần, ngày càng trở nên mệt mỏi hơn, cho tới khi chỉ còn vài người trong chúng tôi đến được trại giam mới, loạng choạng đi vào mắt mờ màu đỏ vì đau đớn và kiệt sức, với máu rỉ qua giẻ bọc chân, và để lại vệt dài màu đỏ trên đường phía sau chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi cũng đến được trại, cũng là một trại giam hết sức thô thiển. Ở đây cuộc thẩm vấn lại được bắt đầu. Tôi là ai? Tôi là gì? Tại sao tôi là một lạt ma của Tây Tạng lại chiến đấu vì đất nước Trung Quốc? Câu trả lời của tôi là tôi không chiến đấu, mà chỉ cứu chữa những cơ thể bị thương, và giúp đỡ những người bị bệnh, bị ngược đãi và bị đánh đập. “Phải,” chúng nói, “phải, chữa những cơ thể để chúng có thể chiến đấu chống lại chúng tao.”

Cuối cùng, tôi được đưa vào làm công việc chăm sóc cho những người mà phải cố gắng được cứu chữa để làm nô lệ lao động của quân Nhật. Khoảng bốn tháng sau khi chúng tôi tới trại giam đó, có một cuộc thanh tra lớn. Một vài sĩ quan cao cấp sẽ đến để xem các tù nhân được đối xử như thế nào, và liệu có ai có thể lưu ý để sử dụng cho quân Nhật. Tất cả chúng tôi đứng xếp hàng ngay từ đầu bình minh, và bị để đứng đó hàng giờ, và nhiều giờ cho đến cuối buổi chiều, và sau đó trông chúng tôi đúng là một đám đông thiêu nã. Những người bị ngã vì quá mệt sẽ bị đâm bằng lưỡi lê và kéo đi quăng vào đồng xác chết.

Chúng tôi đứng thẳng hàng phần nào khi chiếc xe ô tô công suất cao lái đến với một tiếng gầm, và những người đàn ông đeo mũ chạy nhảy ra. Tên thiếu tá Nhật đến thăm tình cờ đi xuống dọc theo hàng tù nhân, nhìn lên khắp các tù nhân. Hắn liếc nhìn tôi, sau đó lại nhìn tôi một cách cẩn thận. Hắn nhìn tôi chằm chằm, và nói điều gì đó với tôi mà tôi không hiểu. Sau đó, khi tôi không trả lời, hắn đánh vào mặt tôi bằng bao kiếm của chính thanh kiếm của hắn, viên thiếu tá nói điều gì đó với hắn. Tên lính trực chạy đến văn phòng lưu giữ hồ sơ, và sau một thời gian rất ngắn, hắn trở lại với hồ sơ của

tôi. Tên thiếu tá giật lấy nó từ tay hắn, và đọc ngấu nghiến. Sau đó, hắn chửi rửa tôi, và ra lệnh cho những tên lính gác.

Một lần nữa tôi bị chúng dùng báng súng trường đánh gục. Lại một lần nữa mũi của tôi –vừa mới được sửa chữa và làm lại – bị đập vỡ và tôi lại bị lôi đến phòng của lính gác. Ở đây, hai bàn tay và chân tôi bị trói quặt ra sau lưng, kéo lên trên và buộc ở gáy, để mỗi lần tôi cố gắng nới tay ra thì lại tự chẹt lấy cổ mình. Trong một thời gian dài, tôi bị đá và bị đánh liên hồi, và bị đốt bằng đầu thuốc lá trong khi các câu hỏi tới tấp đưa ra. Sau đó, tôi bị chúng ấn xuống bắt quỳ, và lính gác nhảy lên gót chân tôi với hy vọng rằng vì đau mà tôi sẽ buộc phải trả lời. Bị giẫm mạnh quá nên xương vòm bàn chân tôi bị gãy.

Những câu chúng tra hỏi tôi! Làm thế nào mà tôi đã trốn thoát được? Tôi đã nói chuyện với những ai trong khi tôi trốn đi? Tôi có biết rằng việc trốn chạy là một sự xúc phạm đến Thiên Hoàng của họ hay không? Họ cũng hỏi chi tiết việc chuyển quân, bởi vì họ nghĩ rằng tôi là một lạt ma của Tây Tạng, sẽ phải biết nhiều về cách sắp đặt quân của Trung Quốc. Tất nhiên tôi không trả lời, và chúng tiếp tục đốt tôi bằng thuốc lá đang cháy, và sử dụng tất cả các ngón đòn tra tấn thông thường. Cuối cùng, chúng ấn tôi vào một loại giá thô bạo, và kéo cái ống hình trụ thật chặt để tôi cảm thấy như thể tay và chân tôi đang bị kéo ra khỏi khớp nối.

Tôi ngất đi và mỗi lần như vậy, chúng dội một xô nước lạnh vào tôi, hoặc dùng đầu lưỡi lê chọc vào người để tôi tỉnh lại. Cuối cùng, nhân viên phụ trách y tế của trại can thiệp. Hắn nói rằng nếu tiếp tục tra tấn tôi thêm dù chỉ một trận đòn nữa, chắc chắn tôi sẽ chết, và chúng không thể có được câu trả lời nào cho các câu hỏi của bọn chúng. Chúng không muốn giết tôi, bởi vì giết tôi sẽ cho phép tôi thoát khỏi sự thẩm vấn của chúng. Tôi lại bị tóm cổ lôi đi, và ném vào xà lim sâu dưới lòng đất có hình dạng như một cái chai, được xây bằng xi măng. Tôi bị giam giữ ở đây trong nhiều ngày, cũng có thể là nhiều tuần.

Tôi mất tất cả ý niệm về thời gian, không còn cảm giác về thời gian. Xà lim đen màu hắc ín. Thức ăn được ném vào hai ngày một lần, và nước được đưa xuống trong một cái hộp. Thường thì nó đã bị đổ, và tôi phải bò trong bóng tối, và quờ quạng bàn tay để cố gắng tìm nó, hoặc cố gắng tìm bất cứ chỗ

ẩm ướt nào có trên sàn. Tâm trí tôi bị vỡ vụn dưới sức ép căng thẳng, dưới bóng tối đậm đặc như vậy, nhưng sự đào tạo đã cứu tôi. Tôi lại nghĩ về quá khứ.

Bóng tối ư? Tôi nghĩ đến những ẩn sĩ ở Tây Tạng, trong am thất đóng chặt của họ được xây dựng trên những đỉnh núi cao ngất, ở những nơi không thể xâm nhập được giữa những đám mây. Những ẩn sĩ sống đơn độc trong am thất của họ, và ở lại đó trong nhiều năm, giải phóng tâm trí khỏi cơ thể, giải phóng linh hồn khỏi tâm trí, để họ có thể nhận thức được sự tự do tinh thần cao quý hơn. Tôi không nghĩ về hiện tại, mà nghĩ về quá khứ, và trong cơn mơ màng, chắc hẳn tôi đã trở lại với trải nghiệm tuyệt vời nhất, chuyến thăm của tôi đến Cao nguyên Chang Tang.

Chúng tôi, gồm có Thầy của tôi, Đại Đức Mingyar, và một vài bạn đồng môn và tôi, bắt đầu lên đường từ dưới mái vàng Cung điện Potala ở Lhasa để tìm kiếm các loại thảo dược quý hiếm. Trong nhiều tuần, chúng tôi đi lên, đến vùng băng giá phía Bắc tới Cao nguyên Chang Tang, hay, như một số người còn gọi nó là Shamballah. Ngày hôm đó, chúng tôi đang tới gần mục tiêu của mình. Đó là một ngày rét buốt, rét buốt nhất trong nhiều ngày băng giá. Băng giá thổi vào chúng tôi cơn gió mạnh đang rít lên không ngừng. Các viên đá đập vào áo choàng của chúng tôi, và làm đông lại lớp da từ bất cứ bề mặt nào bị hở ra. Ở đây, gần hai mươi lăm ngàn feet²³ trên mực nước biển, bầu trời màu tím sồng động, một vài đám mây bay ngang qua đang trở thành màu trắng. Trông như những con ngựa trắng của các vị Thần, đang được các Ngài cưỡi trên khắp Tây Tạng.

Chúng tôi tiếp tục trèo, lên cao mãi không ngừng trên địa hình hiểm trở ngày càng trở nên khó khăn hơn sau mỗi bước đi. Những lá phổi rít lên xào xạc trong cổ họng của chúng tôi. Chúng tôi móc chân tạm thời vào đất cứng, cố hết sức giữ chặt những ngón tay vào các vết nứt nhỏ trong đá lạnh cứng. Cuối cùng, chúng tôi lại đến được vành đai sương mù bí ẩn (xem quyển Con Mắt Thứ Ba) và đi xuyên qua nó vào vùng đất đang trở nên ngày càng ẩm áp hơn dưới chân chúng tôi, và không khí xung quanh cũng trở nên dịu mát hơn và dễ chịu hơn. Dần dần chúng tôi hiện rõ dần lên từ màn sương mù, tiến vào thiên đường tươi tốt của nơi ẩn dấu thú vị đó. Phía trước chúng tôi lại là vùng đất của một thời đại đã qua.

Đêm đó chúng tôi nghỉ ngơi trong sự ấm áp và dễ chịu của vùng đất ẩn kín đó. Thật tuyệt vời được ngủ trên chiếc giường mềm mại bằng rêu, và hít thở hương thơm ngọt ngào của những bông hoa. Nơi đây, trên mảnh đất này, có những trái cây mà chúng tôi chưa bao giờ được nếm thử trước đó, những trái cây mà chúng tôi đã lấy mẫu và cố gắng lấy lại lần nữa. Cũng rất thú vị khi có thể tắm trong nước ấm, và thở thoải mái trên bờ bằng vàng.

Ngày hôm sau chúng tôi sẽ đi tiếp về phía trước, đi lên cao hơn nữa, nhưng lúc này chúng tôi không gặp khó khăn gì cả. Chúng tôi đi bộ xuyên qua những bụi cây đỗ quyên, đi ngang qua những cây óc chó, và cả những cây khác mà chúng tôi không biết tên của chúng. Chúng tôi không gây áp lực cho mình quá mức ngày hôm đó. Đêm lại trùm xuống chúng tôi lần nữa, nhưng lúc này chúng tôi không lạnh. Chúng tôi đang thư giãn, thoải mái. Nhanh chóng, chúng tôi ngồi xuống bên dưới những tán cây, rồi đốt lửa, và chuẩn bị bữa ăn tối của mình. Khi đã xong, chúng tôi quấn áo choàng quanh mình, và nằm xuống tiếp tục nói chuyện. Rồi từng người một, chúng tôi chìm vào giấc ngủ.

Vào ngày hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục hành trình của mình, nhưng chúng tôi chỉ đi được hai hoặc ba dặm thì bất ngờ, ngoài dự kiến, chúng tôi đến một nơi không gian mở ra thoáng đãng, nơi đó không còn cây nữa, và phía trước chúng tôi – khi đó chúng tôi đã dừng lại gần như bị tê liệt vì kinh ngạc, run lên khi hiểu rằng chúng tôi đang đến với điều gì đó hoàn toàn vượt quá hiểu biết của chúng tôi. Chúng tôi chăm chú ngắm nhìn, rõ ràng phía trước chúng tôi là điều gì đó vô cùng rộng lớn.

Có một vùng đất bằng phẳng trước mặt chúng tôi, trải dài hơn năm dặm²⁴.

Về phía xa bên cạnh, có một dải băng rộng lớn mở rộng về phía trước, giống như một tấm kính vươn về phía thiên đường, như thể thực sự nó là một cửa sổ dẫn vào thiên đường, một cửa sổ dẫn về quá khứ. Phía bên kia của dải băng đó chúng tôi có thể nhìn thấy, như thể xuyên qua làn nước tinh khiết nhất, một thành phố, còn nguyên vẹn, một thành phố lạ, mà chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy, thậm chí cả trong những quyển sách có những bức ảnh mà chúng tôi đã có ở Potala.

Nhô ra khỏi dòng sông băng là các tòa nhà. Hầu hết đều ở trong trạng thái bảo quản tốt, bởi vì lớp băng đã tan ra nhẹ nhàng trong không khí ấm áp

của thung lũng ẩn kín, tan ra nhẹ nhàng, chậm dần đến mức không một hòn đá hay một phần nào cấu trúc bị hư hại. Một số tòa nhà trong số đó, thực sự khá nguyên vẹn, được bảo quản trong suốt nhiều thế kỷ trong không khí khô tinh khiết tuyệt vời của Tây Tạng. Một vài trong số những tòa nhà trên thực tế, có thể được xây dựng có lẽ chỉ một tuần trước đó, chúng trông rất mới.

Thầy của tôi, Đại Đức Mingyar, phá vỡ sự im lặng kinh ngạc của chúng tôi, khi nói, “Những người anh em của tôi, nửa triệu năm về trước, đây là nhà của các vị Thần. Nửa triệu năm về trước, đây là một khu nghỉ mát bên bờ biển thú vị mà các nhà khoa học của những giống dân và chủng tộc khác đã sống ở đây. Họ cùng nhau đến từ một nơi khác, và tôi sẽ nói cho các bạn về lịch sử của họ trong một ngày nào đó; nhưng thông qua những thử nghiệm của họ, họ đã mang tai họa đến khắp trái đất, và họ đã bỏ trốn khỏi nơi xảy ra thảm họa bỏ rơi những người dân thường của trái đất ở phía sau. Họ đã gây ra tai họa, bằng những thử nghiệm của họ, biển đã dâng lên và đóng băng, và nơi đây phía trước chúng ta, chúng ta nhìn thấy một thành phố được bảo quản trong lớp băng vĩnh cửu từ thời kỳ đó, một thành phố đã bị ngập khi mặt đất bị nâng cao lên và nước cũng dâng lên cùng với nó, bị ngập nước và đóng băng.”

Chúng tôi im lặng lắng nghe đầy hứng thú khi Thầy tôi tiếp tục câu chuyện, khi Người nói cho chúng tôi nghe về quá khứ, về những hồ sơ cổ đại ở sâu bên dưới cung điện Potala, những hồ sơ được khắc trên những miếng vàng, cũng giống như bây giờ trong thế giới phương Tây, các hồ sơ được bảo tồn cho hậu thế trong những cái mà họ gọi là “màng bọc thời gian”.

Cùng bị thôi thúc, chúng tôi đứng lên, và sau đó đi khám phá những tòa nhà trong phạm vi xem xét của chúng tôi. Chúng tôi vào những tòa nhà gần hơn, chúng tôi càng trở nên sững sờ ngẩn ngơ hơn nữa. Nó thật lạ lùng biết bao. Trong một lúc chúng tôi không thể hiểu cảm xúc của chính mình. Chúng ta hình dung rằng chúng tôi bỗng nhiên trở thành những chú lùn. Sau đó, lời giải mới ập đến với chúng tôi. Các tòa nhà rất rộng lớn, như thể chúng được xây dựng cho một giống dân cao gấp đôi chúng ta. Vâng, đúng là như vậy. Những con người đó, những siêu nhân đó, cao gấp hai lần người bình thường trên trái đất. Chúng tôi đi vào một vài tòa nhà, và nhìn quanh.

Đặc biệt có một nơi dường như là một phòng thí nghiệm loại nào đó, và có nhiều thiết bị kỳ lạ, và nhiều chiếc trong số đó vẫn còn làm việc được.

Một dòng nước lạnh như đá kéo giật tôi trở về thực tại một cách đột ngột chói sáng, kéo giật tôi trở về với sự khốn khổ và đau đớn của thực tại bên trong nhà tù đá. Bọn Nhật đã quyết định rằng tôi đã ở trong đó đủ lâu, và tôi đã không trở nên đủ “mềm hơn”. Cách dễ nhất để đưa tôi ra ngoài, chúng nghĩ, là đổ đầy nước vào xà lim, để tôi có thể nổi lên mặt nước như một cái nút chai nổi lên bề mặt của một cái bình đầy nước. Khi tôi nổi lên đến đỉnh, tới cổ hẹp của xà lim, một bàn tay thô bạo túm lấy và lôi tôi ra ngoài. Tôi bị lôi ra để đến một xà lim khác, lần này đến một phòng giam trên mặt đất, và bị ném vào.

Ngày hôm sau tôi bị đưa ra làm việc, để chữa trị cho các bệnh nhân lần nữa. Cuối tuần đó, có một cuộc thanh tra khác của các sĩ quan cao cấp Nhật Bản. Có nhiều việc gấp gáp hơn. Việc thanh tra được thực hiện mà không có bất cứ sự cảnh báo trước nào, và bọn lính gác rất hoảng loạn. Tôi nhận thấy mình lúc đó đang ở gần với cổng chính của nhà tù. Không ai chú ý tới tôi, vì vậy tôi nắm lấy cơ hội, tiếp tục đi, không quá nhanh, vì tôi không muốn thu hút sự chú ý nhưng cũng không quá chậm, chần chừ ở đó là không có lợi! Tôi tiếp tục bước đi, như thể tôi hoàn toàn có quyền để ra ngoài. Một tên lính gác gọi tôi, và tôi quay lại phía hắn và vẫy tay, như lời chào. Vì lý do nào đó, hắn cũng vẫy tay với tôi, và quay trở lại với công việc đang làm của hắn.

Tôi tiếp tục đi. Khi tôi đã ra ngoài tầm nhìn của nhà tù, khuất sau những bụi cây, tôi chạy nhanh hết sức mà cơ thể yếu ớt của mình cho phép.

Một vài dặm nữa, tôi nhớ đến ngôi nhà thuộc sở hữu của một người phương Tây mà tôi biết. Thực tế, tôi có thể đã giúp đỡ họ gì đó trước đây. Vì thế, một cách thận trọng, tôi tới nhà họ. Họ đưa tôi vào nhà, thốt lên tiếng kêu ấm áp của sự cảm thông. Họ băng bó những vết thương của tôi, và cho tôi ăn, rồi đặt tôi vào giường, khi hứa rằng họ sẽ làm mọi điều có thể để đưa tôi qua phòng tuyến quân Nhật. Tôi rơi vào giấc ngủ, xoa dịu bằng ý nghĩ rằng một lần nữa, tôi lại được ở trong tay bạn bè.

Tiếng la hét và những cú đánh thô bạo sớm đưa tôi trở lại với thực tế, nhanh chóng kéo giật tôi ra khỏi giấc ngủ. Lính Nhật đang đứng phía trên tôi, kéo

tôi ra khỏi giường, thúc giục tôi lần nữa bằng lưỡi lê của chúng. Chủ nhà của tôi, sau tất cả những lời cam đoan đầy sự cảm thông, đã chờ đợi cho đến khi tôi ngủ say, và sau đó đã thông báo cho lính gác Nhật rằng họ có một người tù trốn trại. Lính gác Nhật đã không tốn nhiều thời gian để đến bắt tôi. Trước khi bị đưa đi, tôi đã cố gắng hỏi người phương Tây tại sao họ lại phản bội tôi như vậy. Câu trả lời rõ ràng của họ là, “Anh không phải là người của chúng tôi. Chúng tôi phải chăm sóc những người của mình. Nếu chúng tôi giữ anh, chúng tôi sẽ gây mối thù địch với người Nhật, và gây nguy hiểm cho công việc của chúng tôi.”

Trở lại trại tù, tôi bị đối xử thực sự rất tệ. Trong nhiều giờ, tôi bị treo bằng dây lên những cành cây, treo bằng cách buộc hai ngón tay cái với nhau. Sau đó, có một loại phiên tòa giả hiệu ở phía trước sĩ quan chỉ huy trại. Hẳn được cho biết, “Người đàn ông này là một kẻ trốn tù liên tục. Hẳn đang gây ra cho chúng ta quá nhiều việc.” Vì vậy hẳn đã tuyên án tôi. Tôi bị tháo xuống, và đặt trên mặt đất. Sau đó chúng kê bên dưới chân tôi để chân tôi được đỡ khỏi mặt đất. Mỗi tên lính gác Nhật đứng lên một chân tôi, và nhảy bật lên, để xương bị gãy. Tôi ngất đi vì đau đớn cực độ. Khi tôi phục hồi được ý thức thì thấy mình đã trở lại xà lim ẩm ướt và lạnh, với những con chuột nhưng nhúc xung quanh tôi.

Sẽ chết nếu không tham gia điếm danh vào thời gian trước bình minh, và tôi biết điều đó. Một bạn tù mang đến cho tôi một số nẹp tre, và buộc thanh nẹp vào từng chiếc chân để đỡ những cái xương bị gãy. Tôi sử dụng hai thanh tre khác làm nạng, và thanh thứ ba tôi dùng làm một loại giá ba chân để giữ thẳng bằng. Bằng cách đó, tôi đã cố gắng để tham gia điếm danh, và vì vậy đã tự cứu mình khỏi cái chết vì bị treo cổ, hoặc lưỡi lê đâm, hoặc bị mổ bụng, hoặc bằng bất cứ cách nào khác trong các hình thức thông thường mà lính Nhật rất quen thuộc.

Ngay khi chân tôi được điều trị và xương đã liền – mặc dù không tốt lắm, vì tôi phải tự mình đặt lại chúng – tên sĩ quan chỉ huy trại đã cho gọi tôi, và nói với tôi rằng tôi sẽ được chuyển đến một trại khác sâu trong lãnh thổ, ở đó tôi sẽ là một nhân viên y tế của trại giam này của tù nhân nữ. Vì vậy, một lần nữa, tôi tiếp tục chuyển đi. Lần này, có một đoàn hộ tống bằng các xe tải sẽ đi tới trại giam, và tôi là tù nhân duy nhất được chuyển đến đó. Vì thế tôi bị bắt lên xe và bị xích lại như một con chó gần cửa phía sau của một

xe tải. Cuối cùng, vài ngày sau đó, chúng tôi đến trại giam nơi tôi bị đưa ra và dẫn đến chỗ viên sĩ quan chỉ huy.

Ở đây chúng tôi không có bất cứ loại thiết bị y tế nào, và cũng không có thuốc. Chúng tôi chế tạo ra những thứ mà chúng tôi có thể làm từ những vỏ hộp cũ bằng cách mài trên những hòn đá, làm từ tre đã được tôi cứng qua lửa, và từ những sợi chỉ được tháo ra từ quần áo đã rách nát. Một số phụ nữ không có cái quần áo nào cả, hoặc rất nát. Các ca phẫu thuật được thực hiện khi các bệnh nhân còn tỉnh táo, và các bộ phận cơ thể bị rách được khâu bằng bông luộc. Thường vào ban đêm, lính Nhật sẽ đến và ra lệnh đưa tất cả những người phụ nữ ra để kiểm tra. Bất kỳ người phụ nữ nào mà chúng thấy thích, chúng sẽ đưa đến khu vực đóng quân để cho các sĩ quan hoặc khách của chúng giải trí. Buổi sáng, những người phụ nữ bị trả lại, họ trông vẻ rất hồ thẹn, và ốm yếu, và tôi là tù nhân làm bác sĩ sẽ phải cố gắng vá víu những cơ thể bị đối xử tàn tệ của họ.

CHƯƠNG X: PHÉP THỜ

Các lính gác Nhật lại có tâm trạng xấu. Các sĩ quan và binh lính sai bước đi lại về cau có, sẵn sàng đánh đập bất cứ người nào không may bắt gặp ánh mắt của chúng. Chúng tôi cũng thực sự rầu rĩ khi tiên đoán sẽ có một ngày kinh hoàng, một ngày thiếu thốn lương thực, và những công việc vô ích. Nhiều giờ trôi qua trước khi có một đám bụi cuốn lên mù mịt vì một chiếc xe ô tô lớn chiếm được của Mỹ dừng lại với một cú giạt có thể làm những người đã chế tạo ra nó xót xa. Những tiếng quát tháo và chửi mắng, và những người tên lính vừa chạy vừa cài những nút áo đồng phục tồi tàn của mình. Những tên lính gác hồi hả vồ lấy bất cứ dụng cụ lắt nhắt linh tinh nào trong tầm tay để chỉ ra rằng chúng đang cần mẫn làm công việc của mình.

Đó là một chuyến thăm bất ngờ của một trong các viên tướng chỉ huy của vùng. Chắc chắn chuyến thăm bất ngờ. Không một ai tính tới khả năng là có một cuộc thanh tra khác, bởi vì vừa mới có cuộc kiểm tra hai ngày trước. Có vẻ như đôi khi trong doanh trại lính Nhật sẽ có yêu cầu thanh tra chỉ để xem xét những người phụ nữ và mở tiệc. Chúng sẽ cho những người phụ nữ xếp hàng và kiểm tra họ, và chọn ra những người mà chúng muốn, và những người này sẽ bị dẫn đi dưới sự áp tải của lính gác, và chỉ một lát sau, chúng tôi có thể nghe thấy những tiếng thét thống khổ và những tiếng kêu rên siết vì đau đớn. Lần này, tuy vậy, nó thực sự là một cuộc thanh tra, một cuộc thanh tra của tướng cấp cao đến thẳng từ Nhật Bản, đến để xem điều gì đang thực sự xảy ra trong trại. Sau đó, chúng tôi phát hiện ra rằng người Nhật đang gặp một số thất bại, và người ta chợt nảy ra ý nghĩ là phải chăng có quá nhiều hành động hung ác mà sau đó có thể là sự trừng phạt đối với một vài sĩ quan.

Cuối cùng, hầu như toàn bộ lính gác đã đứng vào một hàng sẵn sàng để kiểm tra. Sau một hồi thay đổi, sắp xếp lại và bụi mù đang dấy lên từ chân những người lính đang sợ hãi. Chúng tôi theo dõi từ phía sau sợi dây ngăn, và cùng quan tâm đến cuộc kiểm tra, bởi vì lần này lính gác bị kiểm tra chứ không phải tù nhân. Trong một lúc lâu, những tên lính loay hoay xếp hàng, và có cảm giác căng thẳng, cảm giác rằng điều gì đó sắp xảy ra. Khi quan

sát, chúng tôi thấy có sự di chuyển tại Trạm Gác, những tên lính đang bùng súng chào. Sau đó, viên tướng xuất hiện, vênh vác và khệnh khạng đi dọc hàng lính với thanh kiếm samurai dài kéo lê đằng sau hắn. Khuôn mặt hắn méo mó vì cơn thịnh nộ đang bị kìm nén, và các trợ lý của hắn nhìn vẻ lo sợ và không thoải mái. Chậm rãi hắn đi dọc theo hàng lính, chỉ ra người một vài người lính nào đó có sai sót. Dường như không có gì sáng sủa ngày hôm đó. Mọi vật nhìn đều tối hơn.

“Những con trai của Thiên Hoàng” bé nhỏ là một lũ trông thực sự rất thiếu nã. Trong lúc vội vàng, chúng nhặt bất kỳ dụng cụ có sẵn nào, bất kể có phù hợp hay không. Chúng hoàn toàn mất bình tĩnh. Chúng chỉ cố thể hiện rằng chúng đang làm gì đó thay vì ngồi ưỡn oải, lãng phí thời gian. Viên tướng tiếp tục đi đi lại lại, và sau đó sau đó ngừng lại, đột ngột rít lên giận dữ. Một tên lính cầm một cái sào dùng để làm vệ sinh rãnh nước của tù nhân, có cầm một cái vỏ lon ở đầu thay vì cầm súng trường của hắn. Lúc trước một tù nhân đã sử dụng cái sào và vỏ lon đó để làm sạch rãnh nước của trại.

Viên tướng nhìn tên lính và cái sào, rồi ngẩng đầu cao hơn để nhìn cái vỏ lon ở đầu cái sào. Hắn càng trở nên giận dữ hơn, không thể nói nên lời vì cơn thịnh nộ. Hắn giơ tay lên tát thật mạnh vào mặt những tên lính vì tức giận. Lúc này, cái sào chỉ là nguyên do cuối cùng làm cho hắn không còn kiềm chế được nữa. Cuối cùng, hắn lấy lại được sức để tiếp tục đi đi lại lại, hắn nhảy lên giận dữ sau đó nhìn quanh tìm cái gì đó có thể dùng để đánh tên lính.

Hắn chợt nghĩ ra và nhìn xuống, tháo móc thanh kiếm cùng với bao đựng, và cầm cái vũ khí làm trang sức đó đập xuống đầu tên lính gác bất hạnh với một sức mạnh đáng ngạc nhiên. Tên lính bất hạnh khốn khổ oằn người khụy đầu gối, và ngay sau đó đổ sụp xuống đất. Máu túa ra từ lỗ mũi và tai anh ta. Viên tướng khinh khỉnh đá anh ta và ra hiệu cho các tên lính gác. Người lính bất hạnh bị cầm chân và kéo lê người trên mặt đất, đầu hắn nảy lên nảy xuống. Cuối cùng người lính biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi, và không bao giờ còn nhìn thấy hắn ta trong trại nữa.

Dường như không có việc gì tiến triển đúng trong cuộc kiểm tra đó. Viên tướng và các sĩ quan tùy tùng của hắn tìm thấy sai sót ở khắp mọi nơi.

Chúng có một màu tím khác thường của cơn thịnh nộ. Chúng kiểm tra một việc, rồi sau đó lại kiểm tra một vấn đề khác. Chúng tôi chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ điều gì giống như vậy. Nhưng có một điểm sáng theo quan điểm của chúng tôi, viên tướng rất giận dữ với bọn lính gác, vì thế mà hẳn ta đã quên kiểm tra các tù nhân. Cuối cùng, các sĩ quan cao cấp lại biến mất vào Trạm Gác từ đó văng ra tiếng gào thét giận dữ. Sau đó, chúng lại trở ra, trèo vào chiếc xe ô tô của chúng, và biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi. Các lính gác được lệnh giải tán khỏi hàng, vẫn còn run rẩy vì sợ hãi.

Vì thế mà lính gác Nhật đang ở trong tâm trạng rất xấu. Chúng vừa đánh đập một người phụ nữ Hà Lan chỉ vì cô ấy to lớn, và cao vượt lên hơn hẳn chúng, do đó làm cho chúng cảm thấy thấp kém hơn. Như chúng nói, cô ấy cao lớn hơn chúng, và đó là một sự xúc phạm tới Hoàng Đế của chúng! Cô bị đánh gục xuống vì báng súng, vì bị đá và bị đâm, vì thế mà cô bị thương ở bên trong và chảy máu. Trong vòng một hay hai giờ, cho đến khi mặt trời lặn, cô sẽ còn phải quỳ trên mặt đất, ở lối vào chính bên ngoài Trạm Gác. Cô vẫn sẽ phải quỳ trên mặt đất trong khi máu vẫn đang tuôn chảy. Không một ai, cho dù yếu đến đâu chẳng nữa, cũng không được di chuyển trước khi lính gác cho phép. Nếu một tù nhân chết, được thôi, đỡ phải nuôi một người. Chắc chắn bọn lính gác hoàn toàn không quan tâm, và cô đã chết. Ngay trước khi mặt trời lặn cô đã sụp ngã xuống. Không ai có thể tới giúp cô. Cuối cùng, một tên lính gác ra hiệu cho hai người tù đến và kéo cái xác đi. Họ đưa cô đến chỗ tôi, nhưng cũng vô ích. Cô đã chết. Cô đã chết vì mất máu.

Thật sự rất khó điều trị cho bệnh nhân trong điều kiện của trại giam. Chúng tôi thiếu mọi vật dụng, bây giờ băng cũng đã hết. Chúng được giặt đi giặt lại, và được sử dụng cho đến khi chúng hoàn toàn mục nát. Chúng tôi không thể làm thêm băng từ quần áo, bởi vì không ai có quần áo để thay. Một số tù nhân, thực sự không có cái quần áo nào. Vấn đề đang trở nên cấp thiết, có rất nhiều vết loét, rất nhiều vết thương mà không có biện pháp chữa trị nào cả.

Ở Tây Tạng tôi đã nghiên cứu về chúng, và trong một lần làm việc bên ngoài trại giam, tôi đã tìm thấy một loại cây của địa phương quen thuộc với tôi. Những cái lá của chúng rộng và dày, và nó có tác dụng làm se vết thương rất hữu ích mà chúng tôi đang rất cần. Vấn đề khó khăn là làm sao

có những lá dó trong trại. Nhóm chúng tôi đã trao đổi về việc đó suốt đêm. Cuối cùng đã quyết định là các nhóm ra làm việc bên ngoài, bằng cách nào đó, phải hái bằng được những chiếc lá và giấu chúng khi họ trở về trại. Chúng tôi thảo luận làm cách nào để giấu những chiếc lá. Cuối cùng, một vài người khôn ngoan cho rằng khi có một nhóm làm công việc lấy những cây tre lớn thì họ sẽ giấu lá trong đồng cây.

Những người phụ nữ, hay “những cô gái” như cách họ tự xưng bất chấp tuổi tác, thu lượm một số lượng lớn các lá cây tươi. Tôi rất vui mừng khi nhìn thấy chúng, giống như chào mừng những người bạn cũ. Chúng tôi trải tất cả những cái lá trên mặt đất phía sau những túp lều. Lính gác Nhật đứng nhìn không chút bận tâm đến những việc chúng tôi đang làm. Chúng nghĩ là chúng tôi tâm thần, hay đại loại vậy, còn chúng tôi phải trải những cái lá ra để chúng có thể được chọn lựa cẩn thận, bởi vì những người phụ nữ đã mang chúng về trại không phải là những người quen với loại cây đặc biệt này, nên có nhiều loại lá khác trong số lá đã mang về, và chỉ có một số trong đó có thể sử dụng được.

Chúng tôi chọn ra những chiếc lá, và phân ra thành những loại mà chúng tôi cần. Phần còn lại, tốt thôi, chúng tôi tổng khứ hết, và trải chúng lên đồng xác chết bên cạnh khu vực của chúng tôi.

Những chiếc lá được phân loại to và nhỏ, và được làm sạch cẩn thận. Chúng tôi không có nước để rửa chúng, bởi vì nước rất khan hiếm. Bây giờ chúng tôi phải tìm ra cái để có thể ngâm lá vào trong đó. Cái chậu đựng gạo của trại là vật lớn nhất có thể dùng cho việc này, vì thế chúng tôi cẩn thận đặt những chiếc lá vào trong đó. Điều lo lắng tiếp theo là tìm được một hòn đá phù hợp, hòn đá với một đỉnh nhọn trên đó để những chiếc lá có thể bị thấm ướt, và làm thành một thứ bột tốt. Cuối cùng, chúng tôi cũng có thể tìm thấy được hòn đá như yêu cầu. Đó là một hòn đá cần phải bê bằng hai tay. Những người phụ nữ đã giúp tôi bê nó trong lúc cần khuấy trộn và nghiền những chiếc lá cho đến khi chúng trở thành một loại bột dinh dưỡng màu xanh lá cây.

Khó khăn tiếp theo của chúng tôi là tìm ra cái gì đó để hút máu và mủ trong khi chất làm se phát huy tác dụng, và cái gì đó để giữ chúng trên vết thương. Tre là loại cây có nhiều công dụng; chúng tôi quyết định lại sử

dụng nó cho một việc khác. Từ những cây trúc già và vật liệu gỗ đã thái, chúng tôi đập vụn phần lõi xốp bên trong, và sấy khô trên lửa được đốt trong những cái lon. Khi đã khá khô, nó trở nên mịn như bột mì, và hấp thụ tốt hơn cả bông gòn. Một nửa là lõi tre cùng với một nửa là lá tre nghiền làm thành một hỗn hợp đạt yêu cầu cao. Tiếc là nó dễ vỡ và rơi ra từng mảnh khi chạm vào.

Việc tạo ra một cái nền để đặt hợp chất trên đó không hề dễ dàng. Chúng tôi phải xé vụn những thớ bên ngoài của những cây măng tre xanh non, và gỡ chúng tách ra cẩn thận để có được những sợi dài nhất có thể. Chúng tôi đặt những sợi dây này lên một tấm kim loại đã được lau chùi kỹ lưỡng, mà nó thường được dùng để bảo vệ sàn nhà khỏi bị cháy. Chúng tôi đặt các sợi theo chiều dọc và chéo, như thể chúng tôi đang dệt, như thể chúng tôi đang làm một tấm thảm dài và hẹp. Cuối cùng, sau rất nhiều vất vả, chúng tôi có một cái lưới xộc xệch dài khoảng tám feet, và rộng hai feet²⁵.

Với một cái trục để cán bột được làm từ thân cây tre có đường kính lớn, chúng tôi ép hỗn hợp lá cây và lõi xốp vào trong cái lưới, đẩy nó vào để tất cả các sợi tre được phủ kín, cho đến khi chúng tôi phủ khá đầy hỗn hợp nghiền của chúng tôi. Sau đó chúng tôi lật ngược và làm như vậy với mặt bên kia. Khi hoàn thành, chúng tôi có đồ băng bó màu xanh nhạt mà nó sẽ giúp cầm máu và đẩy mạnh việc điều trị. Nó là cái gì đó giống như làm giấy, và kết quả hoàn thành tương tự như một tấm giấy bồi màu xanh, dày, mềm dẻo, không dễ uốn cong, thực sự không dễ cắt với cách làm thô thiển mà chúng tôi đã áp dụng. Nhưng cuối cùng, chúng tôi đã xử lý để cắt thành những miếng rộng khoảng bốn inch²⁶, và sau đó chúng tôi lột chúng ra khỏi tấm kim loại mà chúng đang dính chặt vào. Trong trạng thái hiện tại, chúng sẽ còn kết dính và mềm mại trong nhiều tuần. Chúng tôi thực sự đã tìm thấy ân lành từ chúng.

Một hôm, có một người phụ nữ làm việc ở căng tin của quân Nhật giả vờ là bị ốm. Cô đến gặp tôi với vẻ khá hồi hộp. Cô đang dọn dẹp nhà kho chứa nhiều thiết bị thu được của người Mỹ. Vô tình, cô đã làm đổ một cái hộp không còn nhãn mác, và một số tinh thể màu nâu đỏ bị đổ ra. Cô tò mò chọc ngón tay vào và đảo lên, tự hỏi chúng là gì. Sau đó, khi rửa tay trong nước, cô thấy màu nâu vẫn còn trên tay cô. Cô có bị nhiễm độc không? Đó

có phải là một cái bẫy của quân Nhật không? Cô đã quyết định tốt hơn cả là tới gặp tôi thật nhanh?

Tôi nhìn bàn tay cô, ngửi chúng, và sau đó có lẽ tôi đã quá xúc động mà nhảy lên vì vui mừng. Tôi nhận ra rất rõ ràng về cái chất gây ra những vết bần. Hợp chất Permanganate²⁷, chính là thứ mà chúng tôi cần để điều trị cho các trường hợp bị vết loét nhiệt đới. Tôi nói, “Nina, chị hãy tìm cách lấy ra cái lon này. Hãy đập nắp lon lại, và đặt nó vào trong một cái xô, mang nó đến đây, và giữ cho nó khô.” Cô quay trở lại căng tin hơn hờ vui mừng vì nghĩ rằng cô đã phát hiện ra cái mà nhờ nó có thể góp phần làm giảm một chút sự khổ đau. Sau đó, trong cùng ngày, cô trở lại và mang theo cái lon đựng các tinh thể, và một vài ngày sau đó, cô lại lấy một cái lon khác. Chúng tôi cầu chúc ân lành cho người Mỹ ngày hôm đó. Thậm chí chúng tôi cũng cầu chúc cho người Nhật vì đã bắt giữ được đồ tiếp tế của người Mỹ!

Loét nhiệt đới là căn bệnh khủng khiếp. Thiếu thức ăn và bị bỏ bê là nguyên nhân chính. Có thể là không có điều kiện để tắm rửa sạch sẽ cũng góp phần thúc đẩy căn bệnh này. Đầu tiên chỉ là một nốt ngứa nhẹ, và nạn nhân vô tình làm xước thêm. Sau đó, một mụn nhỏ giống như đầu đinh màu đỏ xuất hiện, nó bị làm xước hoặc bị gãi sâu thêm vì khó chịu. Rồi bị nhiễm trùng qua chỗ trầy da do móng tay khi gãi. Dần dần, toàn bộ vết ngứa trở nên đỏ mọng. Nốt màu vàng nhỏ hình thành bên dưới da và gây ra tấy đỏ hơn nữa, gãi mạnh hơn. Vết loét sẽ lớn lên và mở rộng không ngừng. Mủ, thứ mùi khó chịu, xuất hiện. Qua thời gian, sức lực cơ thể sẽ cạn kiệt dần, và sức khỏe sẽ xấu đi. Vết loét sẽ lớn dần, ăn xuyên qua thịt, xuyên qua sụn, và cuối cùng ăn qua xương, giết chết tủy và các mô. Nếu không xử lý, bệnh nhân cuối cùng sẽ chết.

Cần phải làm gì đó. Vết loét, nguồn gốc của nhiễm trùng, phải được loại bỏ bằng cách nào đó, càng nhanh càng tốt. Thiếu tất cả các loại thiết bị y tế, chúng tôi phải nhờ đến các biện pháp thực sự tuyệt vọng. Vết loét cần phải được loại bỏ để cứu lấy cuộc sống cho bệnh nhân, toàn bộ điều đó đã bị chối bỏ. Vì vậy, chỉ có một cách duy nhất đối với nó. Chúng tôi làm một cái nạo từ một cái lon, và mài cẩn thận các cạnh. Sau đó, tiệt trùng nó theo cách tốt nhất mà chúng tôi có thể làm là đốt trên ngọn lửa. Những người bạn tù giữ chân tay của người bệnh, với cái nạo thật sắc được làm từ cái lon, tôi sẽ

nạo hết những phần thịt đã bị thối rữa và mủ, cho đến khi chỉ còn lại các mô khỏe mạnh, sạch sẽ. Chúng tôi phải hoàn toàn chắc chắn rằng không chỗ nào bị nhiễm trùng còn sót lại, hoặc đảm bảo vết loét sẽ không phát triển trở lại giống như cỏ dại. Với những mô đã được làm sạch từ sự tàn phá của vết loét, hốc rỗng được lấp đầy cao làm từ thảo dược, và cùng với sự chăm sóc tận tâm, các bệnh nhân sẽ phục hồi sức khỏe trở lại, khỏe xác định theo tiêu chuẩn trong trại giam của chúng tôi! Và tiêu chuẩn đó gần như là chết ở chỗ khác. Permanganate của hợp chất giúp cho quá trình điều trị bằng cách hỗ trợ trong việc giảm mủ và giảm thiểu khả năng nhiễm trùng. Chúng tôi coi nó như bụi vàng.

Như thế, cách điều trị của chúng tôi nghe có vẻ tàn bạo chẳng? Đúng vậy! Nhưng phương pháp “tàn bạo” của chúng tôi đã cứu được nhiều mạng sống, và cũng cứu được nhiều chân tay nữa. Không có phương pháp chữa trị như thế, bệnh loét sẽ phát triển không ngừng, làm nhiễm độc cơ thể, vì vậy mà cuối cùng tay hoặc chân sẽ phải cắt bỏ (mà không có thuốc gây tê) để cứu lấy mạng sống cho người bệnh. Sức khỏe thực sự là một vấn đề trầm trọng trong trại của chúng tôi. Người Nhật không có bất cứ sự trợ giúp nào, vì vậy cuối cùng tôi đã dựa trên sự hiểu biết của mình về phép thở, và dạy cho rất nhiều người trong trại cách thở đặc biệt cho từng mục đích bởi vì bằng cách thở đúng, thở với nhịp điệu nhất định, người ta có thể cải thiện đáng kể sức khỏe cả về tinh thần và vật chất.

Thầy của tôi, Đại Đức Mingyar, đã dạy tôi khoa học về phép thở sau khi, một ngày nọ, Người bắt gặp tôi đang thở hổn hển leo lên một ngọn đồi, tôi gần như sụp xuống vì kiệt sức. “Lobsang, Lobsang,” Người nói, “Con đang làm gì mà lại ở vào tình trạng kinh khủng như thế này?” “Thưa Thầy” tôi hổn hển đáp lời, “Con đang cố gắng leo lên đồi bằng cà kheo.” Người nhìn tôi buồn rầu, và lắc đầu với vẻ cam chịu. Người thở dài và ra hiệu cho tôi ngồi xuống. Trong một lúc chúng tôi cùng im lặng, chỉ có tiếng thở phì phò của tôi khi tôi cố gắng trở lại bình thường.

Tôi đi xuống gần con đường Linghor trên cà kheo, đang gây ấn với những người hành hương, đang khoe khoang rằng các nhà sư của Chakpori có thể đi giỏi, đi xa, và đi nhanh trên cà kheo hơn bất cứ ai khác ở Lhasa như thế nào. Để chứng minh điều đó một cách thuyết phục, tôi quay lại và chạy lên trên đồi trên cà kheo. Ngay khi tôi đến được chỗ rẽ khúc quanh đầu tiên và

khuất khỏi tầm nhìn của những người hành hương, tôi liền ngã xuống vì kiệt sức, và ngay sau đó Thầy tôi đi qua và nhìn thấy tôi trong tình trạng đáng buồn đó.

“Lobsang, đó thực sự là thời gian mà con đã học được nhiều hơn. Chơi đã đủ, thể thao cũng đã đủ. Bây giờ, con đã thể hiện rất rõ ràng, con cần được hướng dẫn về khoa học của phép thờ đúng đắn. Hãy đi với Thầy. Chúng ta sẽ thấy chúng ta có thể làm gì để khắc phục tình trạng này.” Người đứng lên, và dẫn đường đi lên đồi. Tôi miễn cưỡng đứng lên, nhặt những cây cà kheo, rồi đi theo Thầy. Người sỏi bước nhẹ nhàng, như lướt đi. Không có bất cứ sự cố gắng nào trong bước đi của Người, và tôi, trẻ hơn Người rất nhiều tuổi, đang gắng sức theo sau Người, thở hổn hển giống như một con chó trong ngày hè nóng bức.

Đến đỉnh đồi, chúng tôi rẽ vào bên trong tường bao lạt ma viện của chúng tôi, và tôi đi theo Thầy đến phòng của Người. Trong phòng, chúng tôi ngồi trên sàn theo cách thông thường, vị lạt ma rung chuông gọi mang trà, loại thức uống không thể thiếu trong những buổi nói chuyện nghiêm túc! Chúng tôi giữ im lặng trong khi những vị sư phục vụ mang đến trà và tsampa, và sau khi họ đã đi khỏi, vị lạt ma rót trà, và nói với tôi những chỉ dẫn đầu tiên về nghệ thuật của phép thờ, những chỉ dẫn hết sức có giá trị với tôi trong trại giam này.

“Con đang thở hổn hển giống như một ông già vậy, Lobsang,” Người nói, “thầy sẽ dạy cho con để con vượt qua được điều đó, bởi vì không ai lại đi vất vả như vậy với một điều bình thường, tự nhiên, xảy ra hàng ngày. Quá nhiều người sao lãng cách thờ. Họ nghĩ họ chỉ lấy không khí vào, và thải không khí ra, và lấy vào nữa.” “Nhưng thưa Thầy,” tôi trả lời, “Con có thể thờ rất tốt trong chín năm hoặc hơn nữa. Làm sao mà con có thể thờ theo cách mà con luôn phải điều khiển?” “Lobsang, con phải nhớ rằng hơi thở là nguồn gốc của sự sống. Con có thể đi bộ, và con có thể chạy, nhưng không có hơi thở con không thể làm được những điều đó. Con cần phải học một hệ thống mới, và trước hết con phải theo một chuẩn thời gian để thờ, bởi vì cho đến khi con biết chuẩn thời gian này, không có cách nào mà theo đó con có thể cân đối các tỷ lệ thời gian khác nhau cho nhịp thờ của con, và chúng ta thờ theo tỷ lệ khác nhau cho những mục đích khác nhau.”

Người cầm lấy cổ tay trái của tôi và chỉ ra một điểm khi nói “Hãy bắt nhịp tim, mạch của con. Mạch của con đang đập theo nhịp điệu một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Hãy tự đặt ngón tay của con lên mạch, và cảm nhận, và sau đó con sẽ hiểu Thầy đang nói về điều gì.” Tôi làm theo hướng dẫn; Tôi đặt ngón tay lên cổ tay trái của mình và cảm thấy nhịp đập giống như Người nói, một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Tôi nhìn Thầy khi Người tiếp tục nói, “Nếu con suy nghĩ về điều đó, con sẽ thấy rằng con thở vào không khí dài bằng thời gian trái tim con cần đập sáu lần. Nhưng điều đó chưa đủ tốt. Con sẽ cần phải có khả năng thay đổi nhịp thở khá nhiều, và chúng ta sẽ xử lý điều đó một lát nữa.” Người dừng lại và nhìn tôi, rồi nói, “Con có biết không, Lobsang, con trai, ta đang quan sát con thở, con thực sự đang tự làm mình kiệt sức bởi vì con không biết điều trước tiên về hô hấp. Con nghĩ rằng miễn là con hít không khí vào và đẩy không khí ra, đó chính là vấn đề. Không có gì sai hơn thế nữa.

Có bốn phương pháp thở chính, vì vậy chúng ta hãy xem xét chúng và sẽ thấy được chúng mang điều gì đến cho ta, sẽ thấy được các phương pháp này là gì. Phương pháp đầu tiên hết sức nghèo nàn. Nó được biết như phép thở phần trên, bởi vì theo phương pháp này, chỉ có phần trên của ngực và phổi được sử dụng, và như con biết, đó là phần nhỏ nhất của bộ phận hô hấp, vì vậy khi con thực hiện phép thở phần trên này, con lấy được rất ít không khí vào trong phổi, nhưng con lại có nhiều không khí lưu cữu trong các hốc sâu nhất. Con thấy con chỉ làm phần trên của ngực con chuyển động. Phần dưới cùng của ngực và bụng hoàn toàn bất động, và đó là điều rất tệ. Hãy quên đi phép thở phần trên, Lobsang, bởi vì nó hoàn toàn vô ích. Nó là cách tệ nhất trong các phép thở mà người ta có thể làm, và chúng ta chuyển sang các phương pháp khác.”

Người dừng lại, quay sang tôi, và nói, “Hãy nhìn xem, đây là hơi thở phần trên. Nhìn vào tư thế không thoải mái giống như thầy đang ngồi ví dụ thế này. Nhưng cách đó, như con sẽ thấy sau này, là cách thở mà đa phần người phương Tây, cũng như đa phần những người bên ngoài Tây Tạng và Ấn Độ làm theo. Nó làm cho họ suy nghĩ theo cách không minh bạch, và có tinh thần mê muội.” Tôi nhìn Thầy há mồm ra ngạc nhiên. Chắc chắn tôi đã không thể tưởng tượng rằng thở lại là một việc khó như vậy. Tôi nghĩ rằng

tôi đã luôn thực hiện rất hợp lý, và bây giờ tôi đang học được rằng tôi đã sai.

“Lobsang, con đang không chú ý đến Thầy. Bây giờ chúng ta hãy xử lý tiếp cách thở thứ hai. Phương pháp này được biết như phép thở phần giữa. Nó cũng không phải là một phương pháp tốt. Sẽ không đi sâu vào phương pháp này bởi vì thầy không muốn con sử dụng nó, nhưng khi con đi đến phương Tây, con sẽ nghe thấy người ta gọi nó là phương pháp thở ngang sườn, hoặc thở khi giữ cơ hoành cố định. Cách thở thứ ba là phép thở phần dưới, và có thể nó là phương pháp tốt hơn một chút hai phương pháp thở đã nêu trên, nhưng nó vẫn là cách thở không đúng. Một số người gọi phép thở phần dưới này là thở bụng. Theo cách này, phổi sẽ không được lấy đầy không khí. Không khí trong phổi không được thay thế hoàn toàn, và vì vậy có không khí lưu cữu, hơi thở hôi, và ốm yếu. như vậy không có gì với các phép thở này cả, mà hãy thở như thầy, như các vị Lạt ma khác ở đây thờ, phép Thở Toàn diện, và đây là cách mà con nên làm.”

“À!” tôi nghĩ, “bây giờ chúng tôi mới đang đưa nó xuống, bây giờ tôi sẽ học điều gì đó, vậy tại sao Thầy lại nói với tôi về tất cả những thứ khác, và sau đó nói tôi không được làm điều đó?” “Bởi vì, Lobsang,” Thầy tôi nói, rõ ràng là Thầy đọc được những suy nghĩ của tôi, “bởi vì con nên biết thiếu sót cũng như ưu điểm. Kể từ khi con ở đây, Lạt ma viện Chakpori này,” Đại Đức Mingyar, Thầy tôi nói, “con chắc chắn nhận thấy rằng chúng ta nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại tầm quan trọng của việc ngậm miệng. Điều đó không chỉ để chúng ta có thể không phát ngôn sai, mà còn vì người ta chỉ có thể thở qua mũi. Nếu con thở qua mồm, con sẽ làm mất đi lợi thế của những bộ phận lọc không khí trong lỗ mũi, và cơ chế kiểm soát nhiệt độ của cơ thể con người. Và một lần nữa, nếu con duy trì thở qua miệng, rốt cuộc là lỗ mũi sẽ ngừng hoạt động, và vì thế người ta sẽ bị chảy nước mũi và bị ngột ngạt, và một loạt các triệu chứng khác.”

Tôi có vẻ có lỗi khi nhận ra rằng mình đang há hốc mồm ngạc nhiên nhìn Thầy, nghe vậy liền hăm hờ ngậm miệng lại, một ánh lấp lánh vui trên khóe mắt Thầy, nhưng Người không nói gì về điều đó; Thầy tiếp tục, “Lỗ mũi rất quan trọng, và chúng phải luôn luôn sạch sẽ. Nếu có lúc nào đó lỗ mũi con không sạch, hãy hít một ít nước vào và để chúng chảy xuống miệng, sau đó con có thể nhổ ra qua miệng. Nhưng cho dù con làm bất cứ điều gì,

cũng không được thở qua miệng, mà chỉ thở qua mũi mà thôi. Nhân đây, khi rửa mũi như thế, con nên sử dụng nước ấm, nước lạnh có thể làm con hắt hơi.” Người quay lại, và rung chiếc chuông bên cạnh. Một nhà sư phục vụ bước vào, đổ thêm nước vào bình trà và mang thêm tsampa. Anh ta cúi chào rồi đi ra.

Sau một vài phút, Đại Đức Mingyar tiếp tục bài giảng của mình dành cho tôi. “Bây giờ, Lobsang, chúng ta sẽ bàn về phương pháp đúng đắn của phép thở, phương pháp mà nó giúp cho các vị Lạt ma Tây Tạng kéo dài tuổi thọ của họ một khoảng thời gian đáng kể. Chúng ta sẽ tìm hiểu Phương pháp Thở Toàn diện. Như cái tên tự nó đã ngầm ý bao gồm ba hệ thống khác nhau, phép thở phần dưới, phép thở phần giữa và phép thở phần trên. Như thế các lá phổi được tràn đầy không khí, và do đó máu được lọc sạch và đầy sức sống. Đây là một hệ thống rất dễ thở. Con cần phải ngồi hoặc đứng trong một tư thế thoải mái và thở qua lỗ mũi. Thầy đã nhìn thấy con lúc một lúc trước đây, Lobsang, còng lưng, người hoàn toàn thông xuống, và con không thể thở đúng cách khi mà con rũ người xuống. Con cần phải giữ cho cột sống của con thẳng đứng. Đó là toàn bộ bí mật của phép thở đúng đắn.” Người nhìn tôi, và thở dài, nhưng tia sáng lấp lánh trong khóe mắt Người trái ngược hẳn với tiếng thở dài!

Sau đó, Người đứng dậy, và đi qua chỗ tôi, đặt tay người bên dưới khuỷu tay tôi và nâng tôi lên để tôi ngồi thẳng lưng. “Bây giờ, Lobsang, đó là cách con phải ngồi, giống như thế này, với cột sống của con thẳng đứng, với bụng của con được kiểm soát, với hai cánh tay ở hai bên mình. Bây giờ hãy ngồi như vậy. Hãy mở rộng lồng ngực của con, đẩy sườn của con ra phía trước, và sau đó đẩy cơ hoành xuống để vùng bụng dưới cũng nhô ra. Bằng cách đó, con sẽ có một hơi thở toàn diện. Không có phép thần thông nào cả, con biết đấy, Lobsang. Nó chỉ là một cách thở hợp lý thông thường mà thôi. Con cần phải lấy được nhiều không khí vào tới đa có thể, và sau đó con lại cần phải đẩy tất cả chúng ra ngoài, rồi lại hít không khí vào thay thế. Nhất thời, con có thể cảm thấy rằng nó rắc rối hay phức tạp, con có thể cảm thấy rằng nó quá khó khăn, chẳng có giá trị gì để mà phải nỗ lực, nhưng nó đáng giá để nỗ lực. Con cảm thấy rằng nó không đáng giá bởi vì con đang thờ ơ, bởi vì con thích cách câu thả nào đó hơn là phương pháp thở sau này, và con cần phải có kỷ luật khi thở.” Tôi thở như được chỉ dẫn, và tôi vô cùng

ngạc nhiên nhận thấy rằng nó cũng khá dễ dàng. Tôi thấy rằng đầu tôi choáng váng một chút trong vài giây đầu tiên, và sau đó nó vẫn trở nên dễ dàng hơn. Tôi có thể nhìn thấy màu sắc rõ ràng hơn, và thậm chí trong một vài phút tôi cảm thấy tốt hơn.

“Thầy sẽ giao cho con một số bài tập thở hàng ngày, Lobsang, và thầy sẽ yêu cầu con duy trì luyện tập. Nó rất quan trọng. Con sẽ thoát ra khỏi những rắc rối về vấn đề thở. Chuyển đi chơi một lát lên đồi lúc này đã làm kiệt sức con, nhưng thầy hơn tuổi con nhiều lần mà có thể lên đó không có gì khó khăn.” Người trở về chỗ ngồi, và nhìn tôi trong khi tôi thở theo phương pháp Thầy đã chỉ dẫn. Chắc chắn tôi có thể đánh giá cao sự thông thái của những điều Người đang dạy, thậm chí ngay ở giai đoạn tôi còn non nớt này.

Người ngồi lại chỗ của mình và tiếp tục: “Mục đích duy nhất của phép thở, bất kể người ta chấp nhận phương pháp nào, là lấy được không khí nhiều nhất có thể, và phân bố nó trên khắp cơ thể dưới một dạng khác, mà người ta gọi là prana. Chính bản thân nó là sức sống. Prana là sức mạnh mà nó thúc đẩy con người, mọi thứ sống, các loài thảo mộc, các loài động vật, con người, thậm chí cả những loài cá hấp thụ ô xy trong nước và chuyển nó thành prana. Tuy nhiên, chúng ta đang đề cập đến hơi thở của con, Lobsang. Hít vào từ từ. Giữ hơi thở đó trong một vài giây. Sau đó thở ra cũng từ từ. Con sẽ thấy rằng có tỉ lệ khác nhau giữa hít vào, nín thở, thở ra, mà nó đạt được những hiệu quả khác nhau như thanh lọc, truyền sức sống, v.v... Có lẽ hình thức phổ biến quan trọng nhất của phép thở là cái mà chúng ta gọi là hơi thở thanh lọc. Chúng ta sẽ đi tiếp vấn đề này ngay bây giờ, bởi vì từ bây giờ trở đi thầy muốn con thực hiện nó vào lúc bắt đầu và cuối mỗi ngày, và khi bắt đầu và kết thúc mỗi buổi con tự luyện tập.”

Tôi theo dõi rất cẩn thận. Tôi biết rõ sức mạnh của các lạt ma cao cấp, biết họ có thể lướt trên mặt đất nhanh hơn một người có thể phi nước đại trên lưng ngựa như thế nào, và họ có thể đến đích của mình thanh thản, yên tĩnh, tự chủ như thế nào và tôi xác định rằng rất lâu trước khi tôi cũng là một lạt ma – vào giai đoạn này, tôi vẫn còn là một chú tiểu sơ cơ – tôi cần phải làm chủ được khoa học về phép thở.

Thầy của tôi, Đại Đức Lạt Ma Mingyar tiếp tục, “Bây giờ, Lobsang, đối với phép thở thanh lọc này. Hãy hít vào một cách trọn vẹn, ba hơi trọn vẹn.

Không, không phải những hơi thở nhỏ hời hợt như vậy. Phải là hơi thở sâu, hơi thở sâu thật sự, sâu nhất mà con có thể làm được, hãy làm phồng căng những lá phổi của con, hãy kéo chính con lên và làm cho con tràn đầy không khí. Đúng rồi,” Người nói.

“Bây giờ, với hơi thở thứ ba giữ lại không khí đó trong khoảng bốn giây, mím môi lại như thể con sắp sửa huýt sáo, nhưng không phồng má ra. Hãy thổi một ít không khí qua đôi môi hé mở của con với tất cả sức mạnh mà con có thể. Hãy thổi nó ra một cách mãnh liệt, hãy để cho nó đi tự do. Sau đó dừng lại trong một giây, trong khi vẫn giữ chỗ không khí còn lại. Hãy thổi nó ra một ít nữa, vẫn với tất cả sức mạnh mà con có thể dồn lại được. Dừng lại một giây nữa, và sau đó thổi ra chỗ không khí còn lại sao cho không còn một chút không khí nào ở bên trong những lá phổi của con. Hãy thổi ra mãnh liệt nhất mà con có thể. Hãy nhớ rằng con PHẢI thổi ra, trong trường hợp này, một cách mạnh mẽ nhất qua đôi môi hé mở của con. Bây giờ, con không nhận thấy rằng điều này làm cho khỏe khoản đáng kể hay sao?”

Trước sự ngạc nhiên của chính mình, tôi phải đồng ý với Thầy. Với tôi, nó có vẻ hơi ngu ngốc một chút khi chỉ uốn người lên và thổi ra, nhưng bây giờ khi tôi cố gắng làm điều đó một vài lần, tôi thực sự thấy rằng tôi đang rộn lên với năng lượng cảm giác có lẽ tốt hơn tôi đã từng cảm thấy trước đây. Vì thế, tôi lại uốn người lên, và căng mình ra, và tôi thổi má tôi ra. Sau đó đột nhiên tôi cảm thấy đầu tôi choáng váng. Dường như tôi đang trở nên nhẹ hơn, và nhẹ hơn nữa.

Qua đám mây mờ, tôi nghe tiếng Thầy của tôi, “Lobsang, Lobsang, dừng lại! Con không được thở như thế. Hãy thở như thầy đã nói với con. Đừng thử nghiệm, vì làm như vậy là nguy hiểm. Bây giờ con tự làm cho mình say vì thở không đúng, vì thở quá nhanh. Hãy chỉ luyện tập như thầy đang bảo con thực hiện, vì thầy có kinh nghiệm. Sau này con có thể tiếp tục tự luyện tập. Nhưng mà, Lobsang, hãy luôn cảnh báo những người mà con dạy phải cẩn thận khi thực hiện theo các bài tập và không được thử nghiệm. Hãy nói với họ không bao giờ được tự thử nghiệm với tỉ lệ thở khác trừ khi họ có một người thầy có khả năng, vì thử nghiệm phép thở là thực sự nguy hiểm. Thực hiện bài tập đã được thiết lập sẵn là an toàn, lành mạnh, và không nguy hại chút nào cho những người thở theo đúng chỉ dẫn.”

Vị Lạt ma đứng dậy, và nói, “Bây giờ, Lobsang, sẽ là một ý tưởng tốt nếu chúng ta tăng cường sức mạnh thần kinh của con. Đứng thẳng như thầy đang đứng đây. Hít vào càng nhiều càng tốt, sau đó khi con nghĩ rằng các lá phổi của con tràn đầy sức mạnh không thể hơn được nữa. Hãy thở ra từ từ. Chậm chậm. Lại làm đầy trọn vẹn những lá phổi của con, và giữ hơi thở đó. Hãy mở rộng hai cánh tay con thẳng ra phía trước mặt, không cần nỗ lực nào cả, con biết đấy, chỉ giữ hai cánh tay con ở phía trước mặt với sức mạnh vừa đủ để giữ chúng nằm ngang, nhưng chỉ sử dụng nỗ lực ít nhất mà con có thể.

Bây giờ, hãy nhìn, hãy quan sát thầy. Hãy đưa hai bàn tay con ngược trở về phía vai, dần dần co các cơ lại và làm cho chúng kéo căng để đến lúc hai bàn tay của con có thể chạm vào vai, các cơ bắp sẽ khá căng, và nắm chặt bàn tay lại. Hãy quan sát thầy, hãy nhìn xem thầy đang nắm chặt tay mình. Siết tay con chặt đến nỗi chúng rung lên vì nỗ lực. Vẫn giữ các cơ bắp căng, đẩy nắm đấm ra từ từ, sau đó kéo chúng trở lại thật nhanh vài lần, có lẽ khoảng sáu lần. Thở ra một cách mạnh mẽ, thực sự mãnh liệt như thầy đã bảo con lúc trước, với miệng, với đôi môi mím lại, và chỉ có một lỗ mà qua đó con thổi hơi thở mạnh hết mức con có thể làm được. Sau khi con làm như thế một vài lần, kết thúc bằng cách thực hành bài thở thanh lọc một lần nữa.

Tôi thử tập, và thấy nó vô cùng có ích cho tôi cũng như lúc trước. Ngoài ra, còn được vui vẻ, và tôi luôn sẵn sàng để vui chơi! Thầy phá vỡ ý nghĩ của tôi. “Lobsang, thầy muốn nhấn mạnh, và nhấn mạnh lại lần nữa, rằng tốc độ kéo ngược nắm đấm và sau đó căng các cơ bắp sẽ quyết định lợi ích con nhận được nhiều đến đâu. Tất nhiên, con sẽ phải hoàn toàn chắc chắn rằng phổi của con tràn đầy không khí trước khi thực hiện bài tập này. Tuy nhiên, đây là bài tập thực sự quý giá, và sẽ giúp ích cho con vô cùng trong những năm sau này.”

Thầy ngồi xuống và quan sát tôi luyện tập phương pháp đó, nhẹ nhàng sửa lỗi cho tôi, khen ngợi mỗi khi tôi làm tốt, và khi Người đã hoàn toàn hài lòng, Người cho tôi tập lại một lượt toàn bộ các bài tập một lần nữa để chắc chắn rằng tôi có thể thực hiện nó mà không cần sự hướng dẫn hơn nữa. Cuối cùng, Thầy ra hiệu cho tôi tới ngồi bên mình, trong khi Thầy kể cho tôi nghe phương pháp thở của Tây Tạng được hình thành sau khi giải mã

các tài liệu cổ xưa ở trong những hang động sâu thẳm bên dưới cung điện Potala.

Sau này, trong quá trình học tập, tôi còn được dạy nhiều điều khác về phép thở, đối với người Tây Tạng chúng tôi, không chỉ chữa bệnh bằng thảo dược, mà chúng tôi còn chữa bệnh thông qua cách thở của bệnh nhân. Hơi thở thực sự là nguồn gốc của sự sống, và có thể cũng cần quan tâm để đưa ra một vài lưu ý ở đây mà nó có thể cho phép những người bị mắc một số bệnh, có lẽ đã lâu năm, để loại bỏ hoặc giảm bớt đau khổ cho họ. Nó có thể được thực hiện thông qua cách thở đúng đắn mà bạn đã biết, nhưng hãy nhớ —phép thở trong những trang này chỉ như lời tư vấn, để thử nghiệm là nguy hiểm trừ khi có một giáo viên có đủ khả năng hướng dẫn. Thử nghiệm một cách mù quáng là thực sự điên rồ.

Những rối loạn trong dạ dày, gan, và máu, có thể được khắc phục bằng những điều mà chúng ta sử dụng thuật ngữ “nín thở.” Không có gì thần thông ở đây cả, hãy nhớ kỹ, ngoại trừ trong kết quả, một kết quả có thể xuất hiện hoàn toàn kỳ diệu, không thể so sánh được. Nhưng – trước tiên bạn cần phải đứng thẳng, hoặc nếu bạn đang trên giường, hãy nằm thẳng. Mặc dù, chúng ta giả định rằng bạn ra khỏi giường và có thể đứng thẳng. Hãy đứng với gót chân của bạn sát bên nhau, với vai ưỡn ra sau và ngực đưa ra phía trước. Bụng dưới của bạn được kiểm soát chặt chẽ. Hãy hít vào trọn vẹn, lấy vào được nhiều không khí nhất có thể, và giữ nó ở trong cho đến khi bạn cảm thấy nhoi nhói nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng trên thái dương của bạn, ở bên trái và bên phải. Ngay khi đó bạn thở ra thật mạnh qua miệng, **THẬT MẠNH MẼ**, bạn biết đấy, không chỉ để nó trôi ra, mà thổi nó ra qua miệng với tất cả sức lực mà bạn có thể dồn vào. Sau đó bạn cần phải thực hiện phép thở thanh lọc. Sẽ không nói lại phép thở này một lần nữa, bởi vì tôi đã nói với các bạn về điều đó như Thầy tôi, Đại Đức Mingyar, đã nói với tôi. Tôi sẽ chỉ nhắc lại rằng phép thở thanh lọc là hoàn toàn vô giá để bạn có thể cải thiện sức khỏe của mình.

Trước khi chúng ta có thể làm bất cứ điều gì về hơi thở, chúng ta phải có một nhịp điệu, một đơn vị thời gian đại diện cho một hơi thở hít vào thông thường. Tôi đề cập đến vấn đề này như đã được dạy, nhưng có lẽ sự lặp lại trong trường hợp này là một điều hữu ích vì nó sẽ giúp để ấn định nó mãi mãi trong tâm trí người ta. Nhịp tim đập của một người là tiêu chuẩn giai

điều thích hợp cho hơi thở của cá nhân con người đó. Tất nhiên hầu như chẳng ai có cùng một tiêu chuẩn, nhưng điều đó không quan trọng.

Bạn có thể tìm thấy nhịp điệu hơi thở bình thường của mình bằng cách đặt ngón tay lên mạch của mình và đếm. Đặt những ngón của bàn tay phải lên cổ tay trái của bạn và cảm nhận về nhịp đập. Chúng ta hãy giả định rằng trung bình nó là một, hai, ba, bốn, năm, sáu. Hãy nhận cái nhịp điệu được ấn định một cách chắc chắn trong tiềm thức để bạn biết nó một cách vô thức, một cách tiềm thức, để bạn không cần phải nghĩ về nó. Không quan trọng việc lặp lại nhịp điệu của bạn là gì miễn là bạn biết nó, miễn là tiềm thức của bạn biết nó, nhưng chúng ta đang hình dung là nhịp điệu của bạn là mức trung bình mà trong khoảng thời gian đó không khí được lấy vào kéo dài trong sáu nhịp tim bạn đập.

Đây chỉ là công việc thường làm hàng ngày. Chúng ta sẽ thay đổi tỉ lệ thở đó khá nhiều đối với những mục đích khác nhau. Không có gì khó khăn trong việc này cả. Đó là một việc thực sự rất dễ dàng mà nó có thể dẫn tới những kết quả ngoạn mục để cải thiện sức khỏe. Tất cả những chú tiểu sơ cơ trình độ cao hơn ở Tây Tạng đều được dạy phép thở. Chúng tôi có một số bài luyện tập phải thực hiện trước khi học bất cứ điều gì khác, và đây là thủ tục mở đầu của tất cả các trường hợp. BẠN có muốn thử nó không? Vậy thì, trước hết bạn phải ngồi thẳng lưng, bạn có thể đứng nếu bạn thích, nhưng không ích gì phải đứng nếu như bạn có thể ngồi.

Hãy hít vào từ từ từ hơi thở trọn vẹn, ngực và bụng, trong khi đếm sáu nhịp. Bạn sẽ thấy là khá dễ dàng. Bạn chỉ cần giữ ngón tay trên mạch ở cổ tay trái của mình, và hãy để trái tim bạn bơm ra một, hai, ba, bốn, năm, sáu lần. Khi bạn đã có hơi thở sau sáu nhịp đập, hãy giữ nó trong khi tim bạn đập ba lần. Sau đó thở ra bằng lỗ mũi trong sáu nhịp đập của tim, trong cùng một khoảng thời gian như khi bạn hít vào. Bây giờ bạn đã thở ra, giữ cho phổi trống rỗng trong ba nhịp đập, và sau đó bắt đầu lại.

Hãy lặp lại, bao nhiêu lần tùy ý bạn, nhưng không làm cho bạn bị mệt. Ngay khi bạn cảm thấy mệt, hãy dừng lại. Bạn không bao giờ được để mình bị mệt mỏi vì những bài luyện tập bởi vì nếu bị mệt bạn sẽ làm hỏng toàn bộ những gì bạn đã tập. Chúng là để làm cho người ta khỏe ra và làm cho

người ta cảm thấy sung sức, chứ không phải làm cho người ta kiệt sức hay mệt mỏi.

Chúng tôi luôn luôn bắt đầu với bài tập thở thanh lọc và bài tập đó có thể được thực hiện thường xuyên. Nó hoàn toàn vô hại, và có lợi nhất. Nó giữ sạch các không khí cũ ra khỏi phổi, giữ sạch những tạp chất, và ở Tây Tạng không có bệnh T.B!²⁸ Vì vậy bạn có thể thực hiện bài luyện tập hơi thở thanh lọc bất cứ khi nào bạn muốn, và bạn sẽ có được lợi ích lớn nhất từ nó.

Một phương pháp cực kỳ tốt để đạt được việc kiểm soát tinh thần là bằng cách ngồi thẳng lưng, và hít vào một hơi thở trọn vẹn. Rồi hít một hơi thở thanh lọc. Sau đó hít vào một hơi theo tỉ lệ một, bốn, hai. Đó là (chúng ta hãy sử dụng giây đồng hồ cho một sự thay đổi!) hít vào trong năm giây, sau đó nín thở trong bốn lần năm giây, tức là hai mươi giây. Sau khi nín thở xong, bạn hãy thở ra trong mười giây.

Bạn có thể tự chữa bệnh cho mình, thoát khỏi rất nhiều đau đớn bằng cách thở đúng, và đây là một phương pháp rất tốt; nếu như bạn có một vài chỗ đau đớn, hãy nằm xuống, hay ngồi thẳng lưng, nằm hay ngồi không quan trọng. Sau đó thở nhịp nhàng, duy trì ý nghĩ rằng với mỗi hơi thở, cơn đau sẽ biến mất với mỗi lần thở ra, cơn đau đang được đẩy ra ngoài. Hãy hình dung rằng mỗi khi bạn hít vào là bạn đang hít vào sức sống để thay thế cho cơn đau, hãy hình dung rằng mỗi lần bạn thở ra là bạn đang đẩy cơn đau ra ngoài. Hãy đặt tay bạn lên phần cơ thể đang bị ảnh hưởng của cơn đau, và hình dung rằng với bàn tay của mình, với mỗi hơi thở, bạn đang tẩy sạch nguyên nhân của cơn đau. Hãy làm điều này trong bảy lần thở trọn vẹn. Sau đó cố gắng thở thanh lọc, rồi nghỉ trong một vài giây, thở từ từ và bình thường trở lại.

Có thể bạn sẽ thấy rằng sự đau đớn đã hoàn toàn biến mất, hoặc đã giảm đi rất nhiều, nó không còn làm phiền bạn nữa. Nhưng nếu vì bất cứ lý do nào, bạn vẫn còn bị đau, hãy lặp lại điều tương tự, thực hiện một lần, hay hai lần nữa cho đến khi cuối cùng cơn đau giảm xuống. Tất nhiên, bạn hoàn toàn hiểu rằng nếu cơn đau bất ngờ và nếu nó tái phát, bạn sẽ phải tham vấn bác sĩ của bạn về nó, bởi vì cơn đau là sự cảnh báo của tự nhiên rằng có cái gì đó không ổn, và trong khi sử dụng hơi thở là hoàn toàn đúng và dùng được để làm giảm cơn đau khi người ta nhận biết về nó, vẫn cần thiết phải làm gì

đó để tìm ra nguyên nhân của cơn đau, và chữa trị các nguyên nhân đó. Con đau không bao giờ được bỏ mặc mà không được chăm sóc đến.

Nếu như bạn cảm thấy mệt mỏi, hoặc nếu có một nhu cầu bất ngờ về năng lượng của mình, đây là cách nhanh nhất để phục hồi. Một lần nữa, không quan trọng là bạn đứng hay ngồi, mà hãy giữ chân bạn sát với nhau, ngón chân và gót chân chạm vào nhau. Sau đó, đan các ngón tay của hai bàn tay vào với nhau, và để tay và chân tạo thành vòng tròn khép kín. Thở nhịp nhàng vài lần, những hơi thở sâu hơn, và thở ra từ từ. Sau đó tạm dừng trong ba nhịp đập, và tiếp theo thực hiện phép thở thanh lọc. Bạn sẽ thấy sự mệt mỏi biến mất.

Nhiều người vô cùng căng thẳng khi đi phỏng vấn. Lòng bàn tay họ bị lạnh và ẩm ướt và có lẽ đầu gối bị run. Những ai không muốn bị như thế, rất dễ dàng vượt qua, và đây là phương pháp thực hiện nó, trong khi bạn đang trong phòng chờ, có thể là ở phòng khám của nha sĩ! Hãy hít vào thật sâu, tất nhiên là thở bằng lỗ mũi, và nín thở trong mười giây. Sau đó thở ra từ từ với hơi thở luôn được kiểm soát hoàn toàn. Tự cho phép mình thở bình thường hai hay ba lần, và sau đó lại hít vào thật sâu trong mười giây để không khí ngập tràn phổi của bạn. Nín thở lần nữa, và thở ra từ từ, lại trong mười giây.

Làm như thế ba lần, mà không bị ai để ý, và bạn sẽ thấy rằng bạn đang hoàn toàn yên tâm. Tiếng đập thình thịch của trái tim bạn sẽ dừng lại và bạn sẽ cảm thấy tự tin hẳn lên. Khi bạn rời phòng đợi và đi vào chỗ phỏng vấn bạn sẽ thấy rằng bạn hoàn toàn tự kiểm soát được. Nếu bạn cảm thấy run rẩy hoặc căng thẳng, vậy thì hãy hít một hơi thật sâu và giữ nó trong một giây hoặc lâu hơn, vì bạn có thể dễ dàng làm điều đó trong khi người kia vẫn đang nói. Điều này sẽ khôi phục niềm tin đang bị suy giảm của bạn. Tất cả những người Tây Tạng đều sử dụng những phương pháp như thế này.

Chúng tôi cũng sử dụng cách kiểm soát hơi thở khi nâng vật nặng, bởi vì cách dễ nhất để nâng lên một vật gì đó, nó có thể là yên ngựa, hay nâng một bọc nặng, cách dễ nhất là hít vào một hơi thật sâu và nín thở trong khi nâng. Khi việc nâng vật đó kết thúc, bạn có thể để hơi thở ra từ từ và tiếp tục thở bình thường. Nâng lên trong khi bạn giữ một hơi thở sâu là dễ dàng. Nó

đáng để bạn tự mình thử. Nó đáng để thử nâng lên một vật gì đó khá nặng khi phổi bạn tràn đầy không khí và sẽ nhìn thấy sự khác biệt.

Giận dữ cũng vậy, được kiểm soát bằng hơi thở thật sâu đó, bằng cách nín thở và thở ra từ từ. Nếu vì một lý do nào đó mà bạn cảm thấy thực sự tức giận – dù chính đáng hay không!- hãy hít một hơi thật sâu. Nín thở trong vài giây, và sau đó thở ra thật chậm. Bạn sẽ thấy rằng cảm xúc của bạn được đặt dưới sự kiểm soát, và bạn sẽ làm ông chủ (hoặc bà chủ) của tình huống. Rất nguy hại khi nhượng bộ cho sự tức giận và cáu kỉnh, bởi vì điều đó có thể dẫn đến loét dạ dày. Vì vậy, hãy nhớ bài luyện tập thở này, hít một hơi thật sâu, giữ nó, và sau đó đẩy ra từ từ.

Bạn có thể thực hiện tất cả các bài tập này với sự tự tin tuyệt đối, biết rằng dù thế nào chúng cũng không thể làm hại bạn, nhưng – một lời cảnh báo – hãy duy trì đúng các bài tập này, và không cố gắng làm gì khác hơn nữa, ngoại trừ dưới sự hướng dẫn của một giáo viên có đủ khả năng, bởi vì những lời khuyên bảo các bài luyện tập thở sai có thể gây ra nhiều nguy hại. Trong trại tù của chúng tôi, chúng tôi có những người tù thở giống như thế này. Chúng tôi cũng đi xa hơn, sâu vào vấn đề này, và dạy họ thở để họ có thể cảm thấy bớt đau, và cùng với phép thôi miên, cho phép chúng tôi thực hiện những ca phẫu thuật ổ bụng và cắt bỏ những cánh tay và chân. Chúng tôi không có thuốc tê, và vì thế chúng tôi phải nhờ đến phương pháp này, thôi miên và kiểm soát hơi thở, để cắt cơn đau. Đó là phương pháp tự nhiên, cách làm tự nhiên.

CHƯƠNG XI: BOM

Những ngày trôi qua lê thê với linh hồn héo úa buồn tẻ, kéo dài hàng tuần, rồi trải dài hàng tháng, hàng năm. Ít nhất thì cũng xao lãng được cảnh sống đơn điệu hàng ngày bằng việc điều trị cho những người bị đau đớn. Một hôm, lính gác hồi hả đến với những bó giấy trong tay, vẫy tay gọi một tù nhân chỗ này, một tù nhân chỗ kia. Tôi ở trong danh sách đó. Chúng tôi tập hợp trên một bãi đất đối diện với những túp lều của chúng tôi. Chúng tôi bị giữ trong nhiều giờ chỉ để đứng yên, và sau đó, khi đã sắp hết ngày, tên chỉ huy đến phía trước chúng tôi và nói, “Những kẻ gây rối chúng mày, những kẻ đã xúc phạm Hoàng Đế của chúng tao, chúng mày sẽ đi đến nơi khác để xử lý thêm. Chúng mày sẽ rời khỏi đây trong mười phút nữa.” Hẳn quay ngoắt người và đi khỏi. Chúng tôi đứng đó hoàn toàn choáng váng. Sẵn sàng trong mười phút ư? Phải, ít nhất thì chúng tôi cũng không có tài sản gì. Tất cả những gì chúng tôi cần phải làm là nói lời chào tạm biệt và sau đó quay trở lại chỗ tập trung.

Chúng tôi sẽ bị đưa đến một trại giam khác ư? Chúng tôi suy đoán về các loại trại, nơi có thể sẽ bị đưa đến. Nhưng, cũng như mọi tình huống không thể tránh khỏi này, không ai chắc chắn được cả. Cuối cùng, sau mười phút, tiếng còi lại vang lên, những tên lính gác lại vội vã đến vây xung quanh, và khoảng ba trăm người chúng tôi bị lừa đi. Đi qua cổng ra bên ngoài; chúng tôi luẩn quẩn với những suy đoán và ngạc nhiên, trại giam tới là đâu? Chúng tôi bị xem là những kẻ phá rối. Chúng tôi không bao giờ tin vào những lời dối trá của người Nhật. Chúng tôi biết chúng là những kẻ như thế nào. Mặc dù chúng tôi biết rằng bất cứ nơi chúng tôi sẽ đến là ở đâu thì cũng là trại giam chả dễ chịu chút nào.

Chúng tôi bước đi vượt qua những người lính đang đi đường khác. Họ xuất hiện trong tình trạng rất nực cười. Không thắc mắc, chúng tôi nghĩ, bởi vì theo những tin tức đến được với chúng tôi thì quân Nhật đang giành được chiến thắng khắp mọi nơi. Vừa mới đây, chúng tôi nghe nói rằng họ sẽ kiểm soát toàn bộ thế giới. Thật sai lầm! Lúc đó, mặc dù chúng tôi chỉ có thể tin vào những gì người Nhật nói với chúng tôi, chúng tôi không có nguồn tin

tức nào khác. Những tên lính hung hăng nhất khi đi ngang qua, chúng không bỏ lỡ cơ hội đánh chúng tôi, đánh đập một cách dữ dội, vô lý, hoàn toàn chỉ để vui khi nghe tiếng súng nện thành thịch vào cơ thể đang co quắp. Chúng tôi tiếp tục đi, bị thúc đẩy bởi những lời chửi bới của những tên lính gác. Chúng thoải mái sử dụng súng. Thường xuyên có những người ốm bị ngã xuống bên vệ đường nơi họ bị lính gác đánh như tử. Nếu họ không thể đứng lên và loạng choạng, có thể được những bạn tù khác dìu, khi đó những tên lính gác liền bước đến và một nhát lưỡi lê đâm sẽ kết thúc sự nỗ lực đó.

Đôi khi lính gác chặt đầu nạn nhân và cắm cái đầu đó vào đầu lưỡi lê của mình.

Sau đó, hắn sẽ chạy lên chạy xuống dọc theo hàng tù nhân khốn khổ, cười nhạo trước cái nhìn kinh hoàng của chúng tôi.

Cuối cùng, sau nhiều ngày lê bước mệt mỏi, kiệt sức, với khẩu phần thực phẩm quá ít ỏi, chúng tôi đến một bến cảng nhỏ và bị lừa vào trại giam thô sơ được dựng lên cạnh bến cảng. Ở đây đã có nhiều người đến từ nhiều quốc gia, những người gầy rộc giống như chúng tôi. Họ thờ ơ vì bị kiệt sức và hành hạ đến mức hầu như không nhìn lên khi chúng tôi bị lừa vào. Số lượng người chúng tôi lúc này đã bị giảm đi đáng buồn. Trong số hơn ba trăm người khi bắt đầu đi, giờ chỉ còn lại có bảy mươi lăm người. Đêm đó, chúng tôi nằm dài trên mặt đất trong trại giam, phía sau hàng rào dây thép gai.

Không có mái che, không có sự tách biệt, nhưng chúng tôi đã quen với điều đó rồi. Đàn ông và phụ nữ nằm trên mặt đất, hoặc làm những gì mà họ phải làm dưới cái nhìn của lính gác Nhật suốt đêm dài đó.

Vào buổi sáng, sau khi điểm danh, chúng tôi phải đứng thành một hàng người toi tả trong hai hoặc ba giờ. Cuối cùng, lính gác đã hạ cố đến và đưa chúng tôi đi ra, áp giải chúng tôi đi xuống bến cảng, tới một cầu cảng nơi có một con tàu nặng nề cũ kỹ, han gỉ vô chủ neo đậu. Tôi không phải là chuyên gia về tàu thuyền. Trong thực tế, hầu hết mọi người trong đám tù nhân đều biết các vấn đề về biển nhiều hơn tôi, nhưng thậm chí ngay cả tôi cũng thấy con tàu này sẽ chìm ngay tại phao neo của nó bất kỳ lúc nào. Chúng tôi đi lên tàu dọc theo những tấm ván ọp ẹp, mục nát bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng

đổ sụp xuống và ném chúng tôi xuống biển ngàu bọt, lênh bênh những mảnh vụn, vỏ hộp, chai lọ và xác chết.

Khi lên tàu, chúng tôi bị đẩy xuống giam cầm ở phần phía trước con tàu. Đám người còn lại trong số ba trăm tù nhân chúng tôi bị giam giữ tại đây. Không đủ chỗ cho chúng tôi ngồi, chắc chắn không đủ chỗ để di chuyển xung quanh. Những tù nhân cuối cùng của nhóm bị đẩy xuống bằng báng súng, và những lời nguyện rửa của đám lính Nhật. Sau đó một tiếng kêu vang rền như thể cánh cửa ngày tận thế đang đóng lại phía trên chúng tôi. Các cửa của khoang hàng cũng được đóng sầm xuống, lùa cả những đám bụi hôi thối lên chúng tôi. Chúng tôi nghe thấy âm thanh của những tiếng búa đóng cái nêm gỗ, và hoàn toàn không có ánh sáng. Sau tất cả những điều đó là một thời gian dài khủng khiếp, con tàu bắt đầu rung lên.

Những tiếng ùng ục kéo kẹt của động cơ cũ đã bị vứt xó từ lâu. Thực sự cảm thấy như thể toàn bộ khung tàu sẽ rung lắc ra thành từng mảnh và thả chúng tôi ra qua đáy của con tàu.

Từ boong tàu, chúng tôi có thể nghe vẳng đến những tiếng la hét và những mệnh lệnh inh ỏi bằng tiếng Nhật. Con tàu vẫn tiếp tục di chuyển chậm chạp. Ngay khi đó có một đợt sóng trời và trông tránh dữ dội báo hiệu rằng chúng tôi đã vượt ra khỏi bến tàu và ra đến biển. Chuyến đi thực sự nhọc nhằn. Biển cả thật dữ dội. Chúng tôi liên tục bị ném vào nhau, ngã lộn và đập lên nhau. Chúng tôi bị giam chặt trong khoang vốn được dùng để chất hàng hóa và chỉ được phép lên boong một lần duy nhất, trong đêm tối. Trong hai ngày đầu tiên chúng tôi hoàn toàn không được ăn. Chúng tôi biết lý do tại sao. Điều đó để đảm bảo rằng tinh thần của chúng tôi sẽ gục đổ. Nhưng nó ít có ảnh hưởng đến chúng tôi. Sau hai ngày, mỗi người chúng tôi có khoảng một tách gạo đầy hàng ngày.

Nhiều người trong số các tù nhân yếu hơn, chẳng được bao lâu, đã chết trong mùi hôi thối ngọt ngào, cửa đóng chặt đã giữ mùi thối trong đó. Không có đủ khí ô xy để giữ cho chúng tôi sống sót. Nhiều người đã chết, và đổ sụp giống như những con búp bê bị vứt bỏ gãy nát trên sàn thép bên dưới chúng tôi. Chúng tôi, những người sống sót cũng chẳng may mắn gì hơn, không có lựa chọn mà phải đứng trên những xác chết và đang phân hủy. Bọn lính gác không cho phép chúng tôi đưa các xác chết ra ngoài. Tất

cả chúng tôi đều là tù nhân, và chúng tôi sống hay chết không quan trọng với chúng, chúng tôi phải đúng số lượng như trên giấy tờ của chúng. Vì vậy, những tử thi thối rữa được giữ lại trong nơi giam cầm với những người sống khốn khổ cho đến khi chúng tôi đến được bến cảng, ở đó những tử thi và những người sống sót sẽ được đếm.

Chúng tôi cũng mất cả dấu vết về ngày, nhưng cuối cùng sau một thời gian không thể xác định được đã có sự thay đổi về dấu hiệu của động cơ. Những rung lắc và sóng trời đã giảm đi. Nhịp rung đã thay đổi và chúng tôi phỏng đoán một cách chính xác rằng chúng tôi đang đến gần một bến cảng. Sau rất nhiều tiếng ồn ào, om sòm là tiếng kêu vang của xích sắt, và neo tàu đã được thả xuống. Sau một khoảng thời gian dường như dài vô tận, cửa khoang chứa hàng được ném ra và bọn lính gác bắt đầu trèo xuống cùng với nhân viên y tế Nhật Bản. Xuống được nửa đường chúng dừng lại với vẻ ghê tởm. Nhân viên y tế Nhật nôn vì hôi thối, nôn cả vào chúng tôi ở bên dưới. Sau đó để mùi hôi thối thoát ra theo gió, bọn họ vội vã trở lên boong tàu.

Vật tiếp theo là những ống dẫn nước được đưa vào và dòng nước tuôn xối xả xuống chúng tôi. Chúng tôi gần như sắp chết đuối. Nước dâng lên đến thắt lưng chúng tôi, rồi đến ngang ngực, cảm, những mẫu xác chết mục nát trôi nổi quanh miệng chúng tôi. Sau đó là những tiếng la hét và kêu la bằng tiếng Nhật và dòng nước ngưng lại. Một viên sĩ quan trên boong tàu đến và nhìn chăm chú xuống chúng tôi, bọn họ thảo luận với nhau. Ông ta nói rằng tàu sẽ chìm nếu tiếp tục bơm nước vào. Vì vậy, một ống nước lớn được đưa vào và toàn bộ nước trong hầm tàu được bơm ra.

Cả ngày và đêm hôm đó, chúng tôi tiếp tục bị giam giữ dưới hầm tàu, run rẩy trong những mảnh giẻ ướt mềm, kiệt sức vì mùi hôi thối của những xác chết đang phân hủy. Ngày tiếp theo, chúng tôi được phép lên boong tàu, hai hay ba người một lúc. Cuối cùng đến lượt tôi, và tôi đi lên trên boong tàu. Chúng cộc cần hỏi tôi, phù hiệu cá nhân của tôi ở đâu? Tên của tôi đã được kiểm tra lại trên danh sách và tôi bị xô đẩy một cách thô lỗ sang một bên, vào một chiếc sà lan đã đầy áp người, và vẫn tiếp tục bổ sung thêm nữa, với một đám thu gom run rẩy mang hình hài của con người, những bù nhìn sống được che phủ dưới những vết tích còn sót lại của quần áo. Một số người hoàn toàn không được che đậy chút nào cả. Cuối cùng, nước đã mấp mé bên mép và sà lan có nguy cơ chìm nếu thêm người nữa, lính gác quyết

định không đưa thêm tù nhân lên nữa. Một chiếc xuồng máy di chuyển chậm chạp theo tiếng bình bình của động cơ tiến đến và một sợi dây thừng được móc vào đầu sà lan. Chiếc xuồng bắt đầu đi vào bờ kéo theo chiếc sà lan cũ nát chở chúng tôi phía sau.

Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy đất nước Nhật Bản. Chúng tôi cạp bờ và ngay khi bước chân lên đất liền, chúng tôi bị đẩy ngay vào một trại tập trung không mái che, chất đầy rác thải và dây thép gai bao quanh. Chúng tôi bị giam giữ ở đó trong vài ngày, trong thời gian đó lính gác thẩm vấn từng người một, cả đàn ông và phụ nữ, rồi sau đó, cuối cùng một số người trong chúng tôi bị cách ly và phải đi vài dặm nữa sâu vào đất liền nơi có một nhà tù vẫn còn chỗ trống chờ chúng tôi đến.

Một người trong số tù nhân, một người đàn ông da trắng, đã tố giác để thoát đòn tra tấn và nói rằng tôi đã giúp đỡ các tù nhân trốn trại, rằng tôi có thông tin quân sự mà những người tù nhân đã chết tiết lộ với tôi.

Vì vậy, một lần nữa, tôi bị gọi đến để thẩm vấn. Người Nhật Bản là những người hăng hái nhất trong việc cố gắng bắt tôi phải khai báo. Bọn chúng đã thấy trong hồ sơ của tôi là tất cả những nỗ lực trước đó đều đã bị thất bại, vì thế lần này chúng muốn thực sự trội hơn hẳn. Móng tay của tôi, đã mọc lại, bị tách ngược ra và sát muối vào. Vì điều đó vẫn không làm cho tôi nói, nên tôi bị buộc hai ngón cái rồi treo lên xà nhà trong suốt cả ngày. Cách tra tấn này đã làm tôi thực sự đau đớn, nhưng bọn lính Nhật vẫn không hài lòng.

Sợi dây thừng treo tôi buộc lỏng lẻo và tôi rơi xuống nền nhà cứng khiến một cái xương bị gãy, kèm theo đó là một nhát động báng súng vào ngực tôi. Tên lính gác tì đầu gối lên bụng, chỗ dạ dày của tôi, hai cánh tay tôi bị kéo ra và ghì chặt vào chốt vòng tròn – dường như chúng rất chuyên nghiệp trong phương pháp tra tấn này trước đây! Một ống được ép xuống cổ họng tôi và mở nước. Tôi cảm thấy rằng tôi hoặc sẽ chết ngạt do thiếu không khí, hoặc sẽ chết đuối vì quá nhiều nước, nếu không cũng vỡ tung vì áp lực. Dường như mọi lỗ chân lông trên cơ thể tôi đều đang chảy nước; tôi như bị thổi phồng lên giống như một quả bóng. Đau đớn dữ dội. Tôi nhìn thấy ánh sáng rực rỡ. Dường như có một sức ép khủng khiếp lên bộ não tôi, và cuối cùng thì tôi ngất đi.

Tôi đã được làm cho tỉnh lại và nhận thức về xung quanh tôi một lần nữa. Lúc này tôi đã quá yếu và ốm đến không thể tự đứng được, vì thế ba tên lính gác Nhật đã đỡ tôi lên – tôi khá là cồng kềnh – và lại kéo lê tôi đến chỗ cái xà mà lúc trước tôi đã bị treo lên ở đó. Một tên sĩ quan Nhật đến và nói, “Mày trông ướt át quá đấy. Tao nghĩ giờ là lúc mày phải khô ráo. Điều đó có thể giúp mày nói được. Kéo nó lên.” Hai tên lính gác Nhật cúi xuống và kéo giật hai cổ chân tôi lên khỏi sàn nhà một cách đột ngột, bị giật lên quá đột ngột, tôi ngã giập xuống và đập đầu xuống sàn bê tông. Một sợi dây thừng buộc quanh cổ chân tôi ném qua xà ngang một lần nữa, và trong khi chúng căng người như đang làm một công việc nặng nhọc, tôi bị nhấc bổng lên, treo chân ở trên cao, đầu lộn ngược xuống, cách sàn nhà hơn một yard²⁹.

Sau đó, một cách từ từ, như thể chúng đang thưởng thức từng giây phút của sự việc, những tên lính Nhật trải giấy và một vài thanh gỗ xuống sàn nhà bên dưới tôi. Cười nham hiểm, một tên châm lửa đốt giấy. Dần dần hơi nóng bốc lên tôi. Những thanh gỗ bắt lửa, và tôi cảm thấy da đầu tôi cháy quăn lại, nhăn nheo, trong hơi nóng. Tôi nghe một giọng nói, “Hắn ta đang hấp hối. Đừng có để hắn chết nếu không tôi sẽ bắt anh phải chịu trách nhiệm. Phải làm cho hắn nói.” Sau đó, sợi dây thừng được tháo ra, và tôi rơi đầu xuống than đang cháy hồng. Một lần nữa, tôi lại ngất đi.

Khi tỉnh lại, tôi nhận thấy mình đang ở trong một xà lim nửa chìm dưới mặt đất, nằm ngửa trong nước ngập sàn nhà. Chuột chạy nhón nháo xung quanh, khi tôi vừa cựa mình, chúng nhảy ngay ra khỏi người tôi, rít lên âm ỉ. Nhiều giờ sau đó, lính gác đến và treo tôi lên để đứng trên chân, vì tôi vẫn không thể tự đứng được. Chúng vừa thúc và chửi rủa, vừa lôi tôi đến bên cửa sổ có song sắt cao vừa tầm mặt đất bên ngoài. Ở đây, cổ tay tôi bị còng vào song sắt để mặt tôi bị ép vào những thanh sắt đó. Một tên sĩ quan đá tôi và nói, “Mày sẽ phải xem tất cả những gì xảy ra lúc này. Nếu mày quay đi hoặc nhắm mắt lại, mày sẽ nhận một nhát lưỡi lê xuyên vào người.” Tôi quan sát, nhưng không có gì để nhìn, ngoài mặt đất vừa tầm mũi tôi.

Chẳng bao lâu có tiếng náo động ở phía xa và một số tù nhân xuất hiện trong tầm nhìn của tôi, đang bị bọn lính gác đẩy đi một cách tàn bạo quá mức. Nhóm người đến ngày càng gần hơn, sau đó những người tù bị buộc phải quỳ xuống ngay phía trước cửa sổ của tôi. Những cánh tay họ bị trói

quặt sau lưng. Lúc này, họ bị uốn cong lưng ra sau, trông như một cánh cung, và sau đó cổ tay họ bị trói cùng với cổ chân. Vô tình tôi nhắm mắt lại, nhưng ngay lập tức tôi buộc phải mở mắt ra vì một cơn đau cực kỳ nóng xuyên qua người tôi. Một tên lính Nhật đã sọc lưỡi lê và tôi có thể cảm thấy máu nhỏ giọt xuống chân tôi.

Tôi nhìn ra ngoài. Đó là một vụ hành hình hàng loạt. Một số người tù bị đâm bằng lưỡi lê, những người khác bị chặt đầu. Một kẻ bất hạnh khốn khổ hình như đã làm một điều khủng khiếp gì đó theo chuẩn mực của lính gác Nhật vì anh ta bị mổ bụng và để máu chảy đến chết. Việc này diễn ra trong nhiều ngày.

Những người tù được đưa đến trước mặt tôi và hành hình bằng cách bắn, đâm lưỡi lê, hoặc chặt đầu. Máu liên tục chảy vào trong xà lim nơi tôi đang bị giam giữ, và những con chuột khổng lồ không ngừng bu vào theo dòng máu.

Từ đêm này sang đêm khác, tôi bị người Nhật thẩm vấn về các thông tin mà chúng hy vọng tôi sẽ khai ra. Nhưng lúc này, tôi đang chìm trong một đám sương mù màu đỏ đầy đau đớn, cả ngày lẫn đêm, và tôi hy vọng rằng chúng sẽ hành hình tôi và lấy đi nỗi đau đớn đó. Sau đó mười ngày, mà tưởng như như cả trăm ngày vậy, tôi được báo rằng tôi sẽ bị bắn nếu không khai ra những thông tin mà quân Nhật muốn biết. Các sĩ quan đã nói với tôi rằng, chúng phát ốm vì tôi, rằng thái độ của tôi xúc phạm tới Hoàng đế. Tôi vẫn từ chối nói bất cứ điều gì.

Vì vậy tôi bị đưa trở về xà lim, và bị ném vào đó, tôi đổ sụp xuống, va vào sàn bê tông, choáng váng. Tên lính gác quay ra cửa và nói, “Không có thức ăn cho mày nữa. Mày không cần bất cứ thứ gì sau ngày mai.”

Khi tia sáng đầu tiên le lói xuất hiện vào sáng ngày hôm sau, cửa xà lim bật mở dữ dội, và một tên sĩ quan Nhật cùng một đội lính mang súng trường bước vào. Tôi bị lôi ra đến nơi hành hình mà tôi đã nhìn thấy rất nhiều tù nhân bị giết. Tên sĩ quan chỉ vào mặt đất sũng máu và nói, “Chỗ của mày cũng sẽ ở đây, sẽ sớm thôi. Nhưng mày sẽ có một ngôi mộ riêng, mày sẽ phải tự đào nó.” Chúng mang đến một cái xẻng, và tôi, liên tục bị lưỡi lê thúc vào người, phải đào một cái mộ nông cho riêng mình. Sau đó, tôi bị trói vào một cái cột để khi bị bắn, chỉ cần cắt sợi dây là tôi sẽ rơi lộn vào

trong ngôi mộ mà tôi đã tự đào. Tên sĩ quan làm điệu bộ rất kịch, khi hắn đọc một câu nói rằng tôi bị bắn vì bất hợp tác với những người con của Thiên Hoàng. Hắn nói, “Đây là cơ hội cuối cùng của mày. Hãy khai ra thông tin mà chúng tao muốn nếu không mày sẽ bị gửi tới gặp ông bà tổ tiên bị làm ô danh của mày.”

Tôi không trả lời, dường như không có điều gì phù hợp để nói, nên hắn lặp đi lặp lại lời tuyên bố của mình. Tôi vẫn giữ im lặng. Theo lệnh của hắn, đội lính nâng súng lên. Tên sĩ quan lại đến bên tôi một lần nữa, và nói rằng đây thực sự là cơ hội cuối cùng của tôi, hắn nhấn mạnh bằng cách tát vào bên phải, rồi bên trái mặt tôi sau mỗi lời nói. Tôi vẫn không đáp lời, nên hánh đánh dấu vị trí tim của tôi cho những tên lính cầm súng trường, và sau đó hắn cầm thanh kiếm đập vào mặt tôi, rồi nhổ vào tôi trước khi quay đi ghê tởm, và trở lại với những tên lính của hắn.

Đứng giữa khoảng cách tôi và bọn lính, nhưng rất cẩn thận để không đứng trên đường đi của đạn, hắn nhìn về phía bọn lính, và hạ lệnh ngắm vào đích. Những tên lính nâng súng trường của chúng lên, nòng súng hướng về tôi. Đôi với tôi, dường như thế giới đầy những lỗ đen khổng lồ; những lỗ đen của mũi khẩu súng trường. Chúng dường như lớn dần, lớn dần, đáng ngại, và tôi biết rằng vào bất cứ lúc nào, chúng cũng có thể phun ra cái chết. Chậm rãi, tên chỉ huy nâng thanh kiếm lên và chém xuống dữ dội kèm theo mệnh lệnh “BẮN!”

Thế giới dường như hòa tan trong lửa và đau đớn, và những đám mây khói nghẹt thở. Tôi cảm thấy như thể mình bị những con ngựa khổng lồ có móng guốc nóng đỏ đuổi theo. Tất cả mọi thứ quay cuồng xung quanh. Thế giới dường như đang điên dại. Điều cuối cùng tôi nhìn thấy là một đám mây đỏ, máu đang đổ xuống, sau đó là đen tối, bóng tối đang gặm lên. Bảy giờ tôi rũ xuống không còn gì trối buộc.

Sau đó, tôi phục hồi ý thức với sự ngạc nhiên rằng Thiên Đường hay Nơi khác có vẻ rất quen thuộc. Nhưng rồi mọi thứ sụp đổ, tôi vẫn đang úp mặt xuống ngôi mộ. Đột ngột, tôi bị xiên một lưỡi lê. Qua khước mắt, tôi nhìn thấy tên sĩ quan Nhật. Hắn đang nói rằng những viên đạn của đội lính đã được chuẩn bị một cách đặc biệt. “Chúng tao đã thử nghiệm trên hơn hai trăm tù nhân,” hắn nói. Chúng đã rút ra một số thuốc nạt, và cũng loại bỏ

cả đầu chì và thay thế nó bằng cái gì đó khác, vì vậy tôi chỉ bị thương nhưng không chết, chúng vẫn muốn có thông tin. “Và chúng tao sẽ có nó,” tên sĩ quan nói, “chúng tao sẽ phải dùng những phương pháp khác. Cuối cùng rồi chúng tao cũng sẽ lấy được, và còn giữ nó chừng nào, mày sẽ còn phải chịu nhiều đau đớn.”

Cuộc đời tôi thực sự rất khó khăn, những năm tháng đào tạo nghiêm ngặt, đầy những kỷ luật tự giác khắc khe, và sự đào tạo đặc biệt mà tôi đã trải qua ở Lạt ma viện là điều duy nhất cho phép tôi tiếp tục tiến bước, tiếp tục trong sáng lành mạnh. Không chắc rằng trong những khó khăn cùng cực, liệu ai đó không có được sự đào tạo như thế có thể tồn tại được.

Những vết thương nặng mà tôi nhận được từ cuộc “hành hình” gây ra bệnh viêm phổi kép. Trong thời gian này, tôi bị bệnh đến mức tuyệt vọng, lơ lửng trên bờ vực của cái chết, bị cấm mọi sự chăm sóc y tế, bị cấm bất cứ tiện nghi nào. Tôi nằm trong xà lim, trên sàn bê tông không một mảnh chăn, không có bất cứ thứ gì, run rẩy và chòng chành, và hy vọng được chết.

Từ từ, tôi hồi phục phần nào, và trong một thời gian tôi đã ý thức được về tiếng kêu đều đều của động cơ máy bay, cũng xuất hiện những tiếng động cơ không quen thuộc. Không một người Nhật Bản nào mà tôi gặp biết rõ, và tôi tự hỏi thực sự điều gì đang xảy ra. Nhà tù ở trong một ngôi làng gần Hiroshima, và tôi hình dung là chiến thắng của người Nhật – người Nhật chiến thắng ở khắp mọi nơi – đang bay trở lại trên chiếc máy bay bị bắt.

Một hôm, khi tôi vẫn thực sự còn rất yếu, lại có âm thanh của động cơ máy bay. Đột nhiên, mặt đất rung chuyển và có một tiếng ạch, tiếng gầm rung lên. Những đám mây bụi tung lên trên bầu trời, và có mùi cũ, mốc.

Không khí có vẻ căng thẳng. Trong khoảnh khắc, dường như tất cả hoàn toàn bất động. Sau đó lính gác chạy trong sự kinh hoàng, la hét khiếp sợ, cầu xin Hoàng Đế bảo vệ họ khỏi cái mà họ không biết là gì. Đó là vụ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima ngày 6 tháng 8 năm 1945. Trong một lúc, tôi nằm tự hỏi phải làm gì lúc này. Sau đó dường như rõ ràng là người Nhật quá bận rộn để nghĩ đến tôi, vì thế tôi run rẩy đứng lên và cố gắng lê ra đến cửa, nó đã được mở khóa. Tôi ốm rất nặng đến nỗi không cần phải lo tôi trốn thoát. Bên cạnh đó, thường có những tên lính gác xung quanh, nhưng lúc này, những tên lính gác đó đã biến đâu mất. Khắp nơi hoảng loạn, người

Nhật nghĩ rằng Thiên Hoàng của họ đã bỏ mặc họ, và họ đang cuống cuống chạy quanh giồng như bầy kiến rối loạn, chạy loạn quanh quẩn trong tình trạng quần bách kinh hoàng. Súng trường đã bị vứt bỏ, quân phục quăng khắp nơi, thực phẩm, ... tất cả mọi thứ. Theo hướng từ nơi trú ẩn cuộc không kích của họ có những tiếng la hét bối rối, tiếng la hét đồng thời của rất nhiều người.

Tôi rất yếu, yếu đến mức gần như không thể đứng được. Tôi cúi xuống nhặt lên một cái áo và một cái mũ của người Nhật, và suýt nữa ngã bổ nhào vì con chóng mặt. Tôi quỳ xuống trên tay và đầu gối, cố gắng mặc áo và đội mũ vào. Ngay gần đó có một đôi dép rất nặng. Tôi cũng đi đôi dép vào, bởi vì tôi đang đi chân đất. Sau đó, từ từ, tôi bò vào bụi cây và tiếp tục bò đi trong đau đớn. Có rất nhiều tiếng rơi uỳnh uỵch và những tiếng đập, tất cả các loại súng bắn máy bay đều đang bắn liên hồi. Bầu trời đỏ rực các mảng khói đen và vàng. Dường như cả thế giới đang vỡ tung và lúc đó tôi tự hỏi tại sao tôi lại nỗ lực để thoát ra như vậy khi mà rõ ràng đây là lúc kết thúc tất cả mọi thứ.

Suốt đêm tôi chậm chạp, đau đớn tiến trên con đường để đến bên bờ biển, nơi tôi biết rõ, cách xa nhà tù vài dặm³⁰. Tôi đang ốm rất nặng, hơi thở khò khò trong họng tôi, và toàn thân run rẩy. Tôi tự kiểm soát từng chút một có thể để cố gắng đi tiếp, cuối cùng, trong ánh sáng bình minh, tôi đến được bờ biển, đến tận mép nước. Thận trọng, dờ sống dờ chết vì mệt mỏi và đau ốm, từ trong bụi rậm, tôi sẫm soi nhìn ra và thấy trước mặt tôi là một chiếc thuyền đánh cá nhỏ đang dập dềnh tại chỗ phao neo. Nó bị bỏ hoang, rõ ràng là chủ nhân đã hoảng sợ và vội vã rời khỏi bờ biển.

Rón rén, tôi đi đến chiếc thuyền và cố gắng trườn qua mép thuyền trong đau đớn. Chiếc thuyền trông trơn, tôi cố gắng đặt một chân lên dây neo thuyền, và với nỗ lực to lớn, tôi nâng mình lên.

Sau đó, dồn hết sức, tôi lật người rơi vào đáy thuyền, vào trong lớp nước bắn động ở đáy thuyền, có vài mẩu cá cũ chắc được dùng để làm mồi. Tôi mất một thời gian dài, dồn sức để cắt dây neo thuyền bằng một con dao tôi đã tìm được. Sau đó, tôi lại đổ sụp xuống đáy thuyền khi nó rời khỏi bờ, trôi dạt ra khỏi lạch lúc thủy triều đang xuống. Tôi lết về đuôi tàu và nép mình ở đó, hoàn toàn kiệt sức. Nhiều giờ sau đó, tôi cố gắng treo những cánh buồm

rách nát khi có gió thuận chiều. Sự nỗ lực đã vượt quá sức chịu đựng, và tôi lại chìm trở lại vào đáy thuyền, ngất đi.

Phía sau tôi, trên đất liền Nhật Bản, bước quyết định đã được thực hiện. Quả bom nguyên tử đã ném xuống và loại bỏ nước Nhật ra khỏi cuộc chiến. Chiến tranh đã chấm dứt, và tôi không biết điều đó. Chiến tranh cũng đã kết thúc đối với tôi, hoặc tôi nghĩ vậy, vì ở đây tôi bị trôi dạt trên vùng biển Nhật Bản, không có thức ăn trừ mấy mẩu cá thối dưới đáy thuyền, và cũng không có nước uống. Tôi đứng lên và bám chặt vào cột buồm, quàng tay ôm lấy nó, tì cằm tôi lên nó, tự giữ mình vững nhất có thể. Khi quay đầu về phía đuôi tàu, tôi có thể nhìn thấy bờ biển nước Nhật đang lùi xa dần. Một đám mây mờ bao phủ nó. Tôi quay về phía mũi thuyền, không có gì ở phía trước cả.

Tôi nghĩ về tất cả những gì đã trải qua. Tôi nghĩ về những lời tiên tri. Như thể từ rất xa, tôi dường như nghe thấy tiếng nói của Thầy tôi, Lạt ma Mingyar Đại Đức, “Con đã làm rất tốt, Lobsang của ta. Con đã làm rất tốt. Đừng buồn, vì đây không phải là kết thúc.”

Phía trên mũi thuyền, tia nắng mặt trời của buổi ban mai sáng lên trong một lúc, và làn gió tươi mát, cùng tiếng róc rách thì thầm của sóng ở mũi thuyền đang rẽ nước tạo ra tiếng xào xạc dễ chịu. Còn tôi? Tôi vẫn đang tiến bước – về đâu? Tất cả những gì tôi biết vào lúc đó là tôi đã tự do, tự do thoát khỏi đòn tra tấn, tự do thoát khỏi ngục tù, tự do thoát khỏi địa ngục trần gian của cuộc sống trong trại tù. Có vẻ như thậm chí tôi được tự do để chết.

Nhưng không, mặc dù tôi ước mong được chết bình an, để tin rằng sẽ được giải thoát khỏi đau khổ, tôi vẫn biết rằng tôi không thể chết, vì Định mệnh của tôi nói rằng tôi sẽ chết ở vùng đất của người da đỏ, nước Mỹ. Và ở đây, tôi đang trôi nổi, một mình, chết đói, trong một chiếc thuyền không mui trên biển Nhật Bản. Những cơn đau đã nhấn chìm tôi. Tôi cảm thấy một lần nữa tôi đang bị tra tấn. Hơi thở xào xạc trong cuống họng, và mắt tôi bị mờ đi. Tôi nghĩ rằng có thể lúc đó người Nhật đã phát hiện ra sự đào thoát của tôi và đang cho tàu đuổi theo. Suy nghĩ là quá nhiều với tôi. Vòng tay ôm cột buồm của tôi tuột ra. Tôi rũ xuống, chìm ngấm, và ngã xuống, và tôi lại một lần nữa, chìm vào bóng tối, bóng tối của lãng quên. Chiếc thuyền tiếp tục trôi về nơi xa lạ.

Notes

[←1]

Nguyên tác The Third Eye, đã được dịch giả Nguyễn Hữu Kiệt dịch sang tiếng Việt với tên là Tây Tạng Huyền Bí. EmilGroup đã dịch bổ sung và biên tập lại với tên Con Mắt Thứ Ba.

[←2]

Unknown Flying Objects—UFO

[←3]

Cao nguyên Khương Đường

[←4]

Một feet tương đương với hơn 3 mét.

[←5]

1,000 dặm tương đương với 1,609 km.

[←6]

Tỉnh Tây Khang là một tỉnh bao gồm hầu hết khu vực Kham của Tây Tạng theo cách hiểu truyền thống, nơi Khampas, một phần người Tây Tạng sinh sống. Về sau bị Trung hoa, sau đó là Trung Quốc chiếm đóng. Từ năm 1950 bị phân chia ra thành từng phần sát nhập vào các vùng đất khác, và Tây Khang không còn tồn tại.

[←7]

Tương đương với khoảng 300 mét.

[←8]

Thiền Tông (Zen Buddhism)

[←9]

Sông Gia Lãng đổ vào sông Trường Giang (hay còn có tên là sông Dương Tử) tại Trùng Khánh.

[←10]

1 inch tương đương với 2,54cm.

[←11]

1 pound tương đương với 0,37 kg.

[←12]

1 foot tương đương 0,3 mét.

[←13]

1 yard tương đương với 0,91 mét.

[←14]

1 dặm (mile) tương đương với 1,61 km.

[←15]

4 inch = 10.16cm

[←16]

Vị trí của con mắt thứ ba [Dịch giả]

[←17]

Marco Polo Bridge: Cầu Lư Câu, nơi đây xảy ra sự kiện Lư Câu Kiều, theo cách gọi của Nhật Bản, ngày 7 tháng 7 năm 1937, được xem là sự kiện mở đầu chiến tranh Trung – Nhật. (Theo wikipedia)

[←18]

Tương đương với 116,13 cm²

[←19]

1 dặm tương đương 1,61 km

[←20]

1 foot tương đương với 0,3m

[←21]

Miến Điện Road (Con đường Miến Điện) là một con đường nối liền Miến Điện (còn gọi là Myanmar) với phía tây nam của Trung Quốc . con đường nối liền Côn Minh (thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) và Lashio (thuộc Miến Điện). Khi nó được xây dựng, Miến Điện là một thuộc địa của Anh, bị Nhật Bản chiếm đóng.

Con đường dài 1.154 km và chạy xuyên qua vùng núi lởm chởm. Các đoạn từ Côn Minh đến biên giới Miến Điện được xây dựng bởi 200.000 người lao động Miến Điện và Trung Quốc, trong cuộc chiến tranh Trung—Nhật lần thứ hai (chiến tranh Trung – Nhật lần thứ nhất, 1894 – 1895), từ năm 1937 và hoàn thành vào năm 1938. Nó có một vai trò quan trọng trong chiến tranh thế giới II, khi người Anh sử dụng đường Miến Điện để vận chuyển trang thiết bị đến Trung Quốc, trước khi Nhật Bản và Anh nổ ra chiến tranh. Nguồn tiếp tế được chở bằng đường hàng không tới Rangoon (nay là Yangon) và, sau đó được chuyển bằng đường sắt đến Lashio, nơi con đường bắt đầu ở Miến Điện. Năm 1940 chính phủ Anh đã nhượng bộ do áp lực ngoại giao của Nhật Bản, phải đóng cửa Con đường Miến Điện ngừng cung cấp cho Trung Quốc trong thời gian ba tháng. Sau khi Nhật Bản chiếm đóng Miến Điện vào năm 1942, quân Đồng minh buộc phải viện trợ cho Tưởng Giới Thạch và Trung Hoa Dân quốc bằng đường hàng không . Họ đã chở hàng hóa nguồn cung cấp từ sân bay ở Assam, Ấn Độ, vượt qua "cái bươu", vùng cực đông cao ngất của dãy Himalaya. (Theo nguồn Wikipedia – *Emil Group*)

[←22]

1 mile (dặm) tương đương 1,61km

[←23]

Tương đương với 7620m

[←24]

5 Mile (dặm) tương đương với 8,05km

[←25]

Tương đương với chiều dài 2,44m và chiều rộng 0,61m

[←26]

Tương đương 10,16cm

[←27]

Thuốc tím

[←28]

Bệnh lao

[←29]

Một yard tương đương với 0,91 mét.

[←30]

Một dặm (mile) tương đương 1,61 km.